NĂM THỨ MƯỜI CHÍN • # 222 • OCTOBER 2007

THẾ KỶ 21

14771 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: tapchitheky21@yahoo.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 139
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Tình Ngoài **HỒ ĐÌNH NGHIÊM**

Chuyện Dài
Dân Oan **NGUYỄN MINH CẦN**

Trần Văn Ân:
Một Cuộc Đời, Một Thế Kỷ
NGUYỄN VĂN TRẦN

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

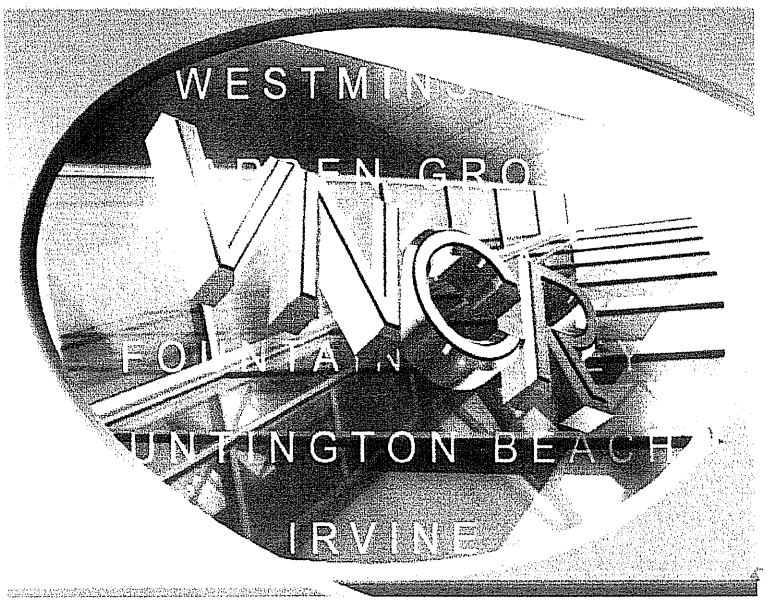

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

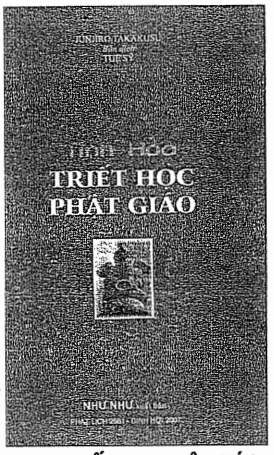

TINH HOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO
JUNJIRO TAKAKUSU,
bản dịch của **TUỆ SĨ**
Sách trình bày triết học Phật giáo theo xu hướng hệ thống: mỗi tông phái đại diện cho một xu hướng đặc sắc của Phật học Trung Hoa và Nhật Bản. Theo tác giả, đây chính là đỉnh cao tổng hợp các xu hướng Phật giáo từ trước đã xuất hiện tại Ấn Độ. Tác phẩm này được xem là công trình tập hợp suốt cả cuộc đời nghiên cứu Phật học của tác giả. Giá 15 Mỹ kim.

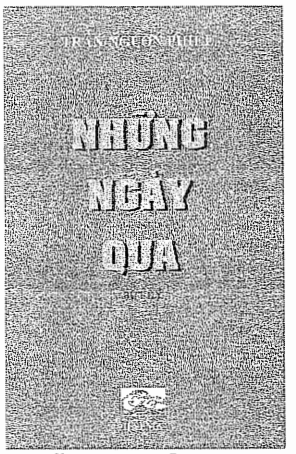

NHỮNG NGÀY QUA
Bút ký của **BS TRẦN NGƯƠN PHIÊU**
Đây dĩ nhiên là cuốn sách viết về những chuyện của quá khứ. Tác giả người Nam, vừa chớm đến tuổi thanh niên vào năm 1945, nên ký ức được trình bày trong sách phần nhiều bắt đầu từ các biến cố lịch sử giữa thập niên 1940. Đáng lưu ý nhất là các chương viết về tình hình và các nhân vật chính trị tại Sài Gòn và miền Nam trong quãng thời gian này. Giá 15 Mỹ kim.

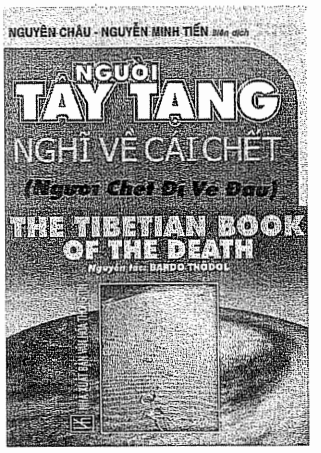

NGƯỜI TÂY TẠNG NGHĨ VỀ CÁI CHẾT
(Bardo Thodol)
NGUYÊN CHÂU, NGUYỄN MINH TIẾN
biên dịch
Sách này mô tả rõ ràng cảnh tượng mà tâm thức sẽ thấy sau khi chết, những giai đoạn từ ngày này qua ngày khác, từ tuần này qua tuần khác, và tác động của nghiệp lực trên con đường dẫn đến tái sinh. Nội dung sách thể hiện một tấm lòng từ bi, thương xót vô hạn chúng sinh còn trầm luân trong cõi luân hồi. Giá 9 Mỹ kim.

HÔN NHÂN VÀ HẠNH PHÚC
suy luận theo năm tháng ngày giờ sinh
ĐÔNG A SÁNG
Theo lý thuyết của sách này thì năm, tháng, ngày, giờ sinh của mỗi người đã hàm chứa nhiều thông tin của bản thân, về hoàn cảnh sống, về những thăng trầm cuộc đời người ấy. Đặc biệt các yếu tố ấy cung cấp những dữ kiện, từ đó có thể suy luận và tìm ra những nguyên tắc xây dựng hạnh phúc trong tình yêu và hôn nhân. Giá 10 Mỹ kim.

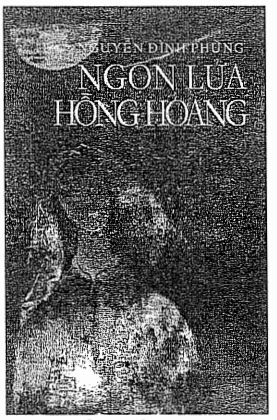

NGỌN LỬA HỒNG HOANG
NGUYỄN ĐÌNH PHÙNG
Đây là một cuốn tiểu thuyết xã hội. Câu chuyện tác giả xây dựng liên quan đến những người Mỹ gốc Việt giàu có, về sự làm ăn, về cách ăn chơi của họ, và đặc biệt về tâm lý hưởng thụ của những phụ nữ thành công... Và với một hiểu biết khá sâu sắc, có cả sự liên hệ của các tư bản đỏ trong nước, khi đám này tuôn tiền để cất giữ hoặc đầu tư ở nước ngoài. Giá 15 Mỹ kim.

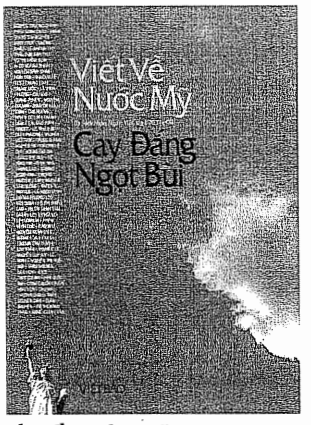

VIẾT VỀ NƯỚC MỸ Cay Đắng Ngọt Bùi
70 tác giả
Sách tuyển chọn những bài trong các cuộc thi "Viết về nước Mỹ" do nhật báo Việt Báo tổ chức từ tám năm qua. Mỗi năm Giải Thưởng Việt Báo đều có xuất bản một tuyển tập bìa mỏng, nhưng đây là lần đầu tiên tuyển tập được lựa chọn kỹ lưỡng, in ấn công phu, bìa dày, có vỏ bọc thật sang trọng và mỹ thuật. Giá 25 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

Tìm đọc **Biển Lụa**

Truyện dài của HOÀNG THỊ BÍCH TI

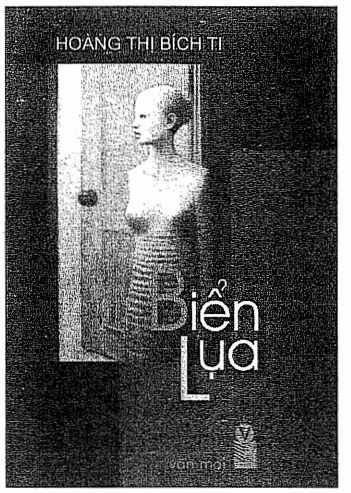

Là trăn trở của một người đàn bà về chuyện của những người đàn bà và những đứa bé gái Việt Nam đang sống trong cửa địa ngục trần gian ở Thái Lan, Cam Bốt, Macau và biết bao ngõ ngách trong bóng tối...

Liên lạc: **Nhà xuất bản Văn Mới**
P.O, Box 287 - Gardena CA 90248 - USA
Tel: (310) 366-6867.
E-mail: kimanquan@yahoo.com

Hoàng Thị Bích Ti
P.O. Box 2008 - Falls Church, Va 22042 – USA
Tel: (703) 629-6676.
E-mail: bichti@hotmail.com

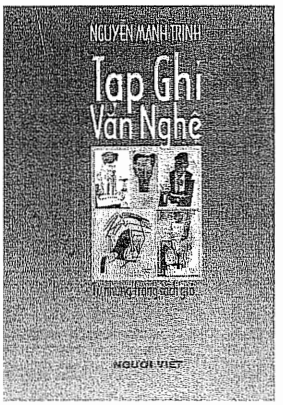

Đọc TẠP GHI VĂN NGHỆ

của NGUYỄN MẠNH TRINH

Viết để cảm xúc, cảm xúc để viết, những bài Tạp Ghi Văn Nghệ phác họa chân dung Tác Giả từ Tác Phẩm và từ Tác Phẩm tìm kiếm được vóc dáng Tác Giả đích thực.

Người Việt xuất bản. Liên lạc:
9191 Bolsa Ave. # 237 Westminster CA 92683 USA
Tel: (714) 362-4141.
E-mail: Tracyminh2003@yahoo.com

Đã xuất bản: VỀ NƠI MÙ SƯƠNG

Tập truyện của TRẦN QUANG THIỆU

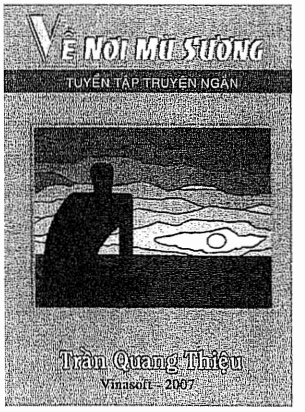

Bằng một bút pháp tươi tắn, tác giả Trần Quang Thiệu đã vẽ ra những cuộc tình trong khung cảnh Việt Nam cũng như Hoa Kỳ, với hình ảnh những người trẻ rất đáng trân quý... (Nhà văn Phan Lạc Tiếp).

Vinasoft xuất bản. Liên lạc:
693 Ann Place, Milpitas, CA 95035-3444
E-mail: thieut@vinasoft.com

Đã đọc các truyện ngắn độc đáo Sphinx, Ngày Về của tác giả Minh Thùy trên Thế Kỷ 21, mời các bạn đón đọc tập truyện

SPHINX của MINH THÙY

Sách gồm 10 truyện, đã xuất hiện như *Green Card-Thẻ Xanh, Chat Room, Sphinx, Một Chút Tình Yêu Một Chút Yên Bình, Người Đàn Bà Bên Bông Hồng Xanh... và một số truyện khác chưa đăng báo: Chuông Gọi Hồn, Blue Velvet...*

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Con, Em và Chị của chúng tôi là

NGUYỄN THỊ KIM-LOAN
Pháp danh NHUẬN HƯƠNG

Sinh ngày 8 tháng 07 năm 1989 tại Houston, Texas, đã mệnh chung vào sáng Thứ Năm, ngày 6 tháng 9 năm 2007, nhằm ngày 25 tháng 7 âm lịch năm Đinh Hợi, tại bệnh viện Texas Children's Hospital sau gần 3 tháng chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo ung thư máu, hưởng dương 19 tuổi.

Các nghi thức tẩm liệm, cầu siêu, cúng linh và hoả thiêu đã được quý thầy trụ trì và tăng ni cùng ban hộ niệm chùa Tịnh Luật, cùng chư tôn đức chùa Đại Giác, chùa Bửu Môn tại Texas, các chùa ở Michigan và Việt Nam, hoàn thành viên mãn trong các ngày từ 8 đến 10 tháng 9 năm 2007 tại Nhà Quàn Vĩnh Phước, Houston, TX.

Trong lúc tang gia gặp nhiều bối rối, không thể nào tránh khỏi những điều sơ sót, kính mong toàn thể quý vị rộng lòng bỏ qua.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm tạ sự giúp đỡ quý báu của mọi người trong suốt nhiều tháng qua dưới nhiều hình thức đến từ nhiều nơi khác nhau như cầu nguyện, tình nguyện hiến máu, thăm viếng nuôi bệnh, an ủi, hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất, đọc kinh cầu siêu, điện thoại và email chia buồn, gửi hoa phúng điếu và giúp đỡ cho tang gia trong cơn hoạn nạn khó khăn và đau buồn này.

Xin chân thành đội ơn quý chư tôn đức đã ban phát duyên lành cho cháu Kim-Loan, và đặc biệt quý thầy chùa Tịnh Luật tiếp dẫn hương linh Phật tử Nhuận Hương. Xin cảm tạ sự giúp đỡ của bà Kiêng và nhà quàn Vĩnh Phước. Xin tạc dạ ghi nhớ chân tình của các bạn học đồng môn Taberd74, các bạn đồng môn Lycée de Vientiane, các anh chị em của Trúc Lâm Tụ Nghĩa, Hội Phụ Nữ Houston, Đoàn Văn Nghệ Lạc Việt, Hội Thể Thao Lửa Việt, Ban Hợp Ca Đàn Chim Việt, Nhóm Hiệp Lực, Nhóm Tương Thân Tương Ái, Hội Hán Việt, Nhóm Từ Bi Phụng Sự, Tịnh Tông Học Hội Houston, Nhóm Phật Tử Đạo Tâm, các bạn đồng nghiệp tại Travelers Insurance, các thân hữu quần vợt sân Alief, các vị chủ bút các cơ quan truyền thông như báo Tự Do, báo Việt Nam Mới, báo Sàigòn Nhỏ, báo Đẹp, báo Thế Kỷ 21, báo Thời Luận, báo Phụ Nữ Diễn Đàn, báo Sóng Thần, Đài Tiếng Nước Tôi, các báo điện tử VietNamReview.com, VNN-News.com, CánhÉn Online, các em học sinh bạn học tại hai trường Lamar và Sharpstown, các ân nhân ẩn danh tại Chùa Việt Nam, cùng thân bằng quyến thuộc và nhiều quý vị thân hữu không thể liệt kê hết, cũng như chưa được biết mặt, đã hết lòng giúp đỡ và chia sẻ nỗi mất mát và đau buồn của gia đình chúng tôi.

Tang gia đồng kính báo và bái tạ:
Bố: Nguyễn Anh Tuấn
Mẹ: Nguyễn Thị Thu
Anh: Nguyễn Tuấn Minh
Em: Nguyễn Thị Thu Mai

Nous sommes très touchés des nombreuses marques de sympathie, d'amitié et de soutien témoignées lors du décès de notre fille, Nguyễn Thị Kim-Loan, à l'âge de 18 ans, après son traitement de leucémie à l'hôpital Texas Children à Houston, Texas.

Les obsèques et cérémonie religieuse ont été célebrés à Houston du vendredi 07 jusqu'au lundi 10 septembre, 2007.

Dans l'impossibilité de répondre individuellement à vous tous, Thu et moi, ainsi que nos enfants Tuấn-Minh et Thu-Mai, remercient sincèrement tous nos amis qui, par leurs pensées, visites, offrandes de prière, envois de cartes et de fleurs, mots de récomfort et de sympathie, se sont associés à notre peine et les assurent de notre profonde reconnaissance.

CHIA BUỒN

Được tin buồn ái nữ của
văn hữu Nguyễn Anh Tuấn
bút danh Mai Loan

Cô NGUYỄN THỊ KIM LOAN

Pháp danh NHUẬN HƯƠNG

Vì bạo bệnh đã mệnh chung
vào ngày 6 tháng 9 năm 2007,
nhằm ngày âm lịch 25 tháng Bảy năm Đinh Hợi
tại Houston, Texas

Hưởng dương 19 tuổi.

Xin chân thành chia buồn cùng
Ông Bà Nguyễn Anh Tuấn và tang quyến.
Cầu chúc Hương linh Cô Kim Loan
được sớm thong dong về Cõi Phật.

Toàn thể Tòa Soạn và Ban Trị Sự
Tạp chí THẾ KỶ 21

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Họa sĩ THÁI TUẤN

đã qua đời vào ngày 26 tháng 9 năm 2007
tại tư gia ở Sài Gòn.

Hưởng thọ 90 tuổi.

Trước mất mát lớn lao này của nền hội họa Việt Nam
và của gia đình, chúng tôi xin chân thành chia buồn
cùng tang quyến và cầu nguyện Hương linh
của **họa sĩ Thái Tuấn** được yên nghỉ nơi Cõi Vĩnh Hằng.

Võ Phiến	Dương Tường	Song Thao
Trần Thanh Hiệp	Nguyễn Trung	Hồ Đình Nghiêm
Doãn Quốc Sỹ	Nguyễn Quỳnh	Lưu Nguyễn
Nguyễn Tấn Hồng	Nguyễn Tuấn Khanh	Trịnh Đình Hỷ
Gia đình Vũ Khắc Khoan	Hoàng Ngọc Biên	Võ Văn Thận
Gia đình Lê Đình Điểu	Nguyễn Đồng – Nguyễn Thị Hợp	Kiệt Tấn
Bà Đỗ Ngọc Yến	Hồ Thành Đức – Bé Ký	Phan Thị Trọng Tuyến
Tú Duyên	Nguyên Khai	Nguyễn Mai Ninh
Nguyễn Mạnh Đan	Cù Nguyễn	Phạm Quốc Bảo
Đỗ Quý Toàn	Hoàng Ý Nhi	Đinh Sinh Long
Đặng Tiến	Nguyễn Quốc Thái	Khế Yêm
Duy Thanh	Bửu Ý	Đỗ Khiêm
Phạm Duy	Nguyễn Đức Quang	Nguyễn Hồi Thủ
Thụy Khuê	Nguyễn Xuân Hoàng	Trần Thị Diệu Tâm
Nguyễn Trọng Khôi	Lê Thiệp	Nguyễn Thị Ngọc Nhung
Lê Tài Điển	Trần Mộng Tú	Đinh Thọ Nhã
Đinh Cường	Nguyễn Đình Toàn	Nguyễn Cầm
Đỗ Việt Anh	Đỗ Đình Tuân	Thân Trọng Minh
Phạm Phú Minh	Đỗ Đình Trinh	Nguyễn Phước
Huỳnh Hữu Ủy	Hoàng Chiều Nhân	Nguyễn Lâm
Trịnh Cung	Trang Châu	Ann Phong
Lương Văn Tỷ	Luân Hoán	Suzie Vương

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **tapchitheky21@yahoo.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Liên lạc với Ban Trị Sự
(714) 892-9414 Ext. 141
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Trung Thu* của **Thành Nguyễn**, giải nhất (lứa tuổi 14 – 16) trong cuộc Thi vẽ Thiếu nhi do VAALA tổ chức dịp Tết Trung Thu 2007.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Võ Đình**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Bạch Yến**, **Đinh Xuân Quân**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 222 – Tháng Mười 2007

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
10. Huyền thoại Duy Ma Cật của Tuệ Sỹ – **Chân Văn** (ĐQT)
15. Chuyện dài dân oan – **Nguyễn Minh Cần**
23. Siêu tư bản và thể chế dân chủ – **Nguyễn Quốc Khải**
28. Tình hình chính trị Miến Điện tháng 9.2007 – **Trương Nhân Tuấn**
32. Chiến tranh và phát triển tại Iraq – **Đinh Xuân Quân**
36. Ảnh hưởng "lốp-bi" Do Thái ở Hoa Kỳ – **Cổ Lũy**
46. Phế thải y tế ở Việt Nam – **Mai Thanh Truyết**

NHÂN VẬT – VĂN HÓA
62. Vĩnh biệt họa sĩ, nhà phê bình mỹ thuật Thái Tuấn – **Trịnh Cung**
64. Ôn lại cuộc đời cụ Trần Văn Ân – **Nguyễn Hoài Vân**
72. Trần Văn Ân: một cuộc đời, một thế kỷ – **Nguyễn Văn Trần**
85. Trung thu, Nhi đồng và Ca dao – **Trần Thị Lai Hồng**
113. Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh – **Trần Đông Phong**

VĂN
81. Tình người – **Hồ Đình Nghiêm**
91. Hoa bèo – **Cao Thanh Phương Nghi**
94. Một trăm ngọn nến – **Nguyễn Tường Thiết**
103. Ngày về – **Minh Thùy**

THƠ
93. Biển và em – **Nguyệt Thư**. 93. Chiều – **Lê Thị Kim**. 97. Mộng mị – **Hồng Khắc Kim Mai**. 102. Những khía cạnh cuộc đời – **Chukythu**. 106. Duyên hoa – **Hoàng Huy Khánh**

MỤC THƯỜNG LỆ
8. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị sự
49. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
55. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Danh sắc

Tôi có nhận được e-mail xin lỗi của Tòa soạn vì tên tôi bị in sai ở bìa Thế Kỷ 21 số 221, tháng Chín 2007 vừa rồi, Vân thành Văn.

Xin quý anh đừng bận tâm chuyện đánh máy sai tên tôi. Trong Thập Nhị Nhân Duyên, "Danh Sắc" (nama rupa), ở đây là "danh" (nama = name!), chính là một trong những nguồn gốc của đau khổ đó mà!

Nguyễn Hoài Vân
(Vitré, France)

Vẫn phải đạt và vượt chỉ tiêu

Vụ sập cầu Cần Thơ đang xây vừa xảy ra tháng qua là một dịp để *test* thái độ của nhà cầm quyền Việt Nam trước những tai họa của đất nước. Rõ ràng là có văn minh hơn so với vụ nổ lò nguyên tử Chernobyl ở Nga cách đây 20 năm, vụ nổ nhà máy hóa chất Petro China của Trung Quốc trên sông Tùng Hoa năm 2005, hoặc vụ tai nạn xe lửa Dầu Dây làm chết mấy trăm người khoảng đầu thập niên 1980. Nhà cầm quyền cộng sản hồi nào đến giờ theo một định luật cố định là luôn luôn nói tốt cho chế độ của họ, triệt để giấu giếm che đậy những khuyết điểm của mình, vì họ muốn trước mắt thế giới chế độ đó không bao giờ có điều xấu, không bao giờ xảy ra thảm cảnh, tất cả cái xấu đều nằm bên kia ranh giới, nghĩa là bên phía tụi tư bản. Sự dối trá ấy đã trở thành bản tính của họ, bây giờ muốn họ trở thành con người bình thường như chúng ta ngó vậy nhưng không phải là dễ đâu.

Giai đoạn này, ê-kíp lãnh đạo Hà Nội bắt đầu thực tập sự lương thiện, ít ra là bề ngoài. Sau tai nạn cầu Cần Thơ, báo chí trong nước được đưa tin rộng rãi, các giới chức cao cấp đua nhau đến thăm hiện trường, ra lệnh chăm lo cho nạn nhân, và người ta nghe đâu đó có tiếng "từ chức" dù chỉ nói đến một cách khe khẽ, dè dặt. Nói chung, người ta đối xử với một tai nạn thảm khốc có tính người hơn. Trừ một câu nói. Câu bất hủ của ông Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết: "Cầu Cần Thơ phải được thông xe vào cuối năm 2008! Nếu để trễ một ngày là có tội với những người đã mất!"

Bạn thấy gì qua câu nói này?

Theo tôi câu nói này là một vang âm của thời chiến tranh, với những quy luật nghiệt ngã của chiến cuộc và của tâm lý người đang đánh nhau: phải "biến đau thương thành hành động" để tiến tới, để thắng trận. Nhưng đem tâm lý chiến tranh để điều hành cuộc đời bình thường là sai. Cây cầu lớn trên Hậu Giang là một công trình quan trọng của quốc gia, xây cây cầu ấy là đang xây dựng đất nước với tất cả sự cẩn trọng và trách nhiệm. Đây là một cuộc "đấu tranh" chứ hoàn toàn không phải là chiến tranh. Đấu tranh ở đây là dùng trí tuệ, khoa học, kỹ thuật, sức người, sức máy... để tạo nên một phương tiện giao thông thuận lợi vững chắc lâu dài cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Câu nói đó cũng là âm vang của một thời tuyên truyền thô thiển. "Đảng ta" đang thực hiện một cây cầu vĩ đại! Chuyện ấy quá xưa rồi. Và ấu trĩ nữa. Giờ đây nên nhìn việc xây dựng đất nước với con mắt của một người trưởng thành. Việc gì phải đặt ra cho cây cầu một "chỉ tiêu" là phải thông xe vào cuối năm 2008? Trước một tai họa như thế mà vẫn nêu ra cái chỉ tiêu đầy duy ý chí như vậy để làm gì? Đây là lúc đội ngũ khoa học kỹ thuật phải làm việc, phải tìm hiểu tới nơi tới chốn nguyên do tai nạn, rồi lập kế hoạch để tiến hành trở lại một cách an toàn chắc chắn, sao ông Chủ tịch nước lại đến hô một câu khẩu hiệu cũ rích và vô duyên như vậy? "Có tội với người đã mất"!! Tại sao? Tội vạ gì ở đây? Ông Chủ tịch đang chơi trò tình cảm và chữ nghĩa chăng? Người chết vì một khuyết điểm kỹ thuật, chắc chắn là như vậy rồi. Công việc bây giờ là khắc phục các khuyết điểm ấy, tốn bao nhiêu thời gian cũng phải làm cho tới nơi tới chốn, chứ sao chỉ đưa ra một cái mốc thời gian trước mắt, rồi ghép người chết vào như một cái nợ phải trả? Nếu có nợ thì đó chính là cái nợ phải tạo an toàn tối đa cho những người tiếp tục xây cầu, chứ không phải là "đạt và vượt chỉ tiêu trước thời hạn" đầy dối trá của một thời kỳ đen tối.

Thanh Nguyen *(Internet)*

Mù

Trình độ hiểu biết về văn hóa của xứ sở nơi người Việt Nam hiện nay thật đáng lo ngại! Qua bài viết "Về thị trấn văn chương" và bài phỏng vấn ông Nguyễn Tường Thiết trong số báo vừa rồi (số 221, tháng 9, 2007) người ta thấy được một khoảng trống rất to trong đầu óc đa số dân trong nước bây giờ. Khoảng trống ấy có một cách rõ ràng ngay nơi người có học chứ không phải người dân lam lũ ít được học hành. Một người dạy Đại học, một người viết báo chuyên nghiệp thì phải coi, nếu không nói là ưu tú, thì cũng là dân có học vấn của đất nước rồi, thế mà hầu như chẳng biết gì về một giai đoạn văn học với một văn đoàn trứ danh hồi thập niên 1930. Tại sao?

Tất cả là do chương trình giáo dục. Một người lớn lên và được học hành ở miền nam Việt Nam trước 1975 sẽ không bao giờ bị

rơi vào thảm cảnh "mù" về văn hóa nước nhà đến nỗi đó. Đảng cộng sản đã tạo ra một chương trình giáo dục như thế nào mà con dân trong nước không biết gì về đất nước mình như thế? Thật quá khủng khiếp!

Trần Uyên *(Chicago)*

Miến Điện

Các nhà thơ thì chỉ giỏi mơ tưởng. Đọc bức thư của ông Phan Bá Văn trong số báo tháng Chín ca tụng cái tư tưởng Xuyên Á của bài thơ "Ngược dòng vạn dặm trường giang" thì tôi thấy đây đúng thuần túy là một sự mơ mộng. Liên Bang Đông Nam Á Châu! Một loại mơ mộng không bao giờ thành hiện thực. Giấc mơ ấy càng đẹp bao nhiêu thì nhìn vào thực tế của "sườn Tây vững chắc" là nước Miến Điện bây giờ, càng ngao ngán bấy nhiêu.

Các nước Đông Nam Á chưa kịp ngồi lại với nhau để nhận cho rõ mặt kẻ thù Trung Quốc thì kẻ thù ấy đã trong bao nhiêu năm yểm trợ, đạo diễn cho thứ chế độ gớm ghiếc là chế độ quân phiệt tại Miến Điện. Nó đã ra tay trước rồi! Nó dùng bàn tay của bọn tay sai ngu xuẩn gọi là quân nhân ấy để bắn giết đồng bào của chúng, để chặn đứng nỗi khát khao chính đáng của dân Miến Điện là được sống tự do dân chủ. Ôi cái "sườn Tây vững chắc" đó bao giờ mới được thoát nạn để đứng vào Liên Bang Đông Nam Á đây, hỡi những kẻ mơ mộng trên đời này?!

Viễn Liên *(Washington DC)*

Xin đừng thay đổi

Tôi xin góp ý với thư của độc giả Lan Nguyen Ha trên Thế Kỷ 21 số 220 tháng Tám 2007. Độc giả Lan Nguyen Ha đề nghị báo Thế Kỷ 21 nên bớt phần chính trị và những bài thuộc loại khô khan, tăng cường phần văn nghệ để tờ báo được tươi mát hơn. Đối với một tờ báo thuộc loại bách khoa, nghĩa là dọn nhiều món, thì đề nghị đó cũng có lý, bớt phần này thêm phần khác để đọc thích thú hơn, tự nhiên thôi.

Nhưng theo tôi thì Thế Kỷ 21 nên giữ bài vở như hiện tại. Có mặt gần hai mươi năm trên trường ngôn luận ở nước ngoài, chính cái thực đơn bách khoa đó đã làm nên căn cước (identity) của tờ báo. Chúng ta đã có những tạp chí chuyên về văn học có giá trị, muốn tươi mát thì cứ đọc các tờ đó, từ đầu đến cuối biết bao nhiêu là truyện! Nhưng chúng ta phải có một diễn đàn chính trị đứng đắn, một diễn đàn văn hóa cho các biên khảo đi vào chiều sâu, và được xuất bản đều đặn. Tờ báo nào ở hải ngoại giờ đây đóng vai trò đó?

Trần Văn Hoàng *(Germany)*

Thưa quý bạn đọc và văn hữu,

Còn hơn bốn tháng nữa là đến Tết Nguyên Đán, nhưng thời gian làm báo Xuân thì ngắn hơn, chỉ còn ba tháng nữa là báo phải ra rồi. Chúng ta còn trước mắt hai số tháng Mười Một và tháng Mười Hai nữa là đến số Xuân sẽ ra vào tháng Giêng năm 2008. Chúng tôi xin trình bày cùng quý bạn "kế hoạch ngắn hạn" của ba tháng cuối năm (ta):

- Số Thế Kỷ 21 tháng Mười Một 2007 sẽ có chủ đề về hàng hóa Trung Quốc. Chủ đề này là do bạn đọc Phan Kỳ Hiền ở Dallas gợi ýtrong số báo tháng Chín, Tòa soạn thấy đây là một đề tài cần khai triển, giữa lúc cả thế giới gần như hốt hoảng về những tác hại của sản phẩm Trung Quốc, và một phần nhỏ hơn, của Việt Nam. Chúng tôi được Tiến sĩ Mai Thanh Truyết đồng ý giúp thu thập tài liệu, bài vở về vấn đề này, nhất là trên khía cạnh khoa học, để đem đến bạn đọc một cái nhìn rõ hơn về một tình trạng thiết thân đến sự an nguy trong đời sống của mỗi chúng ta. Chúng tôi cũng rất mong được sự tiếp tay của quý văn hữu và bạn đọc, vì hàng hóa Trung Quốc ngày nay vốn rất phong phú và đa dạng, len lỏi vào nhiều ngóc ngách đời sống, mỗi người có thể đóng góp một số hiểu biết và kinh nghiệm riêng của mình.

- Thế Kỷ 21 tháng Mười Hai 2007 sẽ là một số đặc biệt về nhà văn Nguyễn Văn Xuân, vừa qua đời tháng trước tại Việt Nam.

- Số Xuân sẽ ra vào tháng Giêng 2008, giữa những bài vở đa dạng về văn hóa Việt Nam vào dịp Tết, sẽ có một chủ đề nghệ thuật: về họa sĩ Thái Tuấn. Họa sĩ Thái Tuấn, một họa sĩ lớn của Việt Nam, vừa qua đời trong tháng Chín vừa qua tại Sài Gòn. Riêng đối với Thế Kỷ 21 ông có một mối thiện cảm và giao tình đặc biệt, trong suốt hơn một thập niên qua thường gửi bài vở, tranh và ý kiến xây dựng cho tờ báo.

Chúng tôi rất mong quý bạn đóng góp bài vở, tài liệu cho ba số báo đặc biệt sắp tới.

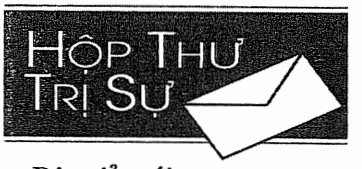

Độc giả mới

Nguyen Ky Phong – VA.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyen Thi Le Xuan – Germany; Nguyen Si Thi – GA; Nguyen Phi Phung – France; Linh Do – TX; Nguyen Minh Thong – Germany; Pham Trong Le – VA; Nguyen Thanh Hung – TX; Nguyễn Văn Hai – PA; Nguyễn Đức Liêm – VA; Van Thi Ngoc – Norway; Nguyen Tuong Thach – TX; Pham Mong Van – CA; Truong Van Tan – Germany; Lưu Cẩm Ngân Hà – DE.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Do Van Nhan – WA; Vo Doan Nhan – CA; Vu Phan Cuong - MD.

CHUYỆN DÀI DÂN OAN

NGUYỄN MINH CẦN

Thảm kịch dân oan đang là vấn đề nhức nhối của dân tộc. Chính vì thế, những người dân chủ nên để tâm suy nghĩ về vấn đề này để xác định cho mình một cách hành xử đúng đắn.

Trước hết, cần thấy rõ: dân oan là một "sản phẩm" không tránh khỏi của chế độ độc tài toàn trị của Đảng Cộng Sản. Chế độ đó dựa trên khủng bố và lừa bịp, dựa trên chuyên chính vô sản, nên nỗi oan khiên của dân chúng chồng chất như núi. Như vậy, có thể khẳng định: còn chế độ độc tài toàn trị thì còn dân oan. Hai hiện tượng này gắn với nhau như hình với bóng.

Các loại dân oan ở nước ta

Số dân oan rất đông trong xã hội Việt Nam ngày nay. Con số đó lên đến nhiều triệu, thực tế là không thể kể hết được. Xin tạm chia ra ba loại:

1 - Dân oan vì ĐCS đàn áp chính trị, tôn giáo và văn hoá.

Ngay sau ngày cướp được chính quyền, những người cộng sản (lấy tên là Việt Minh) đã lao vào cuộc săn lùng, bắn giết những người thuộc các đảng phái không cộng sản. Chính quyền của những người cộng sản lúc đầu còn yếu, nên những cuộc đàn áp chính trị thường được tiến hành dưới dạng khủng bố bởi các "ban ám sát," "ban trừ gian." Những vụ hành quyết được tiến hành rất kín đáo, chỉ trừ một vụ mãi về sau mới công bố chính thức là vụ hành quyết hai ông Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi. Còn biết bao người lãnh đạo cũng như đảng viên các đảng phái khác đã bị Việt Minh thủ tiêu bí mật. Cái danh sách loại dân oan này cùng thân nhân của họ rất dài, ở đây, chỉ tạm ghi một số người có danh tiếng trong toàn quốc. Đó là những Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Hồ Văn Ngà, Bùi Quang Chiêu, Huỳnh Văn Phương, Hồ Vĩnh Ký, Phan Văn Chánh, Lý Đông A, Trương Tử Anh, Trần Khánh Giư (Khái Hưng), Huỳnh Phú Sổ, v.v...

Cũng sau ngày ĐCS nắm chính quyền, những vụ tàn sát tín đồ các tôn giáo, như Cao Đài, Hoà Hảo, Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo đã diễn ra, làm hàng chục ngàn người bị thiệt mạng. Đó là dân oan vì đàn áp tôn giáo.

Trong số dân oan vì đàn áp chính trị, phải kể đến những nạn nhân trong vụ án "Xét lại-Chống Đảng." Hàng chục cán bộ, đảng viên có công với cách mạng, thường là cán bộ cao cấp, trung cấp, vì bất đồng chính kiến với ban lãnh đạo ĐCS mà bị tù đày hoặc bị giam giữ trong nhiều năm. Nhiều người đã chết oan ức trong cảnh giam cầm. Vợ con của họ bị phân biệt đối xử tàn tệ. Chỉ xin nêu một số tên tuổi, như Bùi Công Trừng, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Lê Liêm, Phạm Kỳ Vân, Phạm Viết, Trần Minh Việt, Trần Thư, Nguyễn Kiến Giang, Đỗ Đức Kiên, Lê Trọng Nghĩa, Lê Minh Nghĩa và nhiều người khác.

Vào loại dân oan vì đàn áp chính trị thì phải kể đến ít nhất là 300 ngàn người (1) thuộc chế độ cũ bị lùa vào các trại tù, mệnh danh là "trại cải tạo" để bị đày đoạ trong nhiều năm trời. Họ là những sĩ quan, viên chức, giáo viên, trí thức, văn nghệ sĩ dưới chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Hàng chục ngàn người đã bỏ xác trong các trại tù (2). Gia đình của họ bị kỳ thị khắc nghiệt, bị bắt đi "vùng kinh tế mới," nhà cửa bị chiếm đoạt, họ phải sống trong cảnh bần cùng trong nhiều năm.

Đó là chưa nói đến dân oan cả ở hai miền vì cuộc chiến tranh Bắc — Nam do ĐCS phát động từ nửa cuối thập niên 50 cho đến năm 1975. Số dân oan này đông không thể tính hết. Chỉ xin nhắc đến một vụ, là vụ thảm sát hàng ngàn thường dân trong trận tấn công của bộ đội miền

Bắc vào thành phố Huế dịp Tết Mậu Thân (1968).

Còn dân oan vì đàn áp văn hoá thì nổi bật nhất là vụ án "Nhân Văn-Giai Phẩm." Sau ngày ĐCS tiếp thu miền Bắc Việt Nam, một số trí thức, văn nghệ sĩ, giáo sư... đề đạt nguyện vọng muốn ĐCS mở rộng tự do dân chủ, thì ban lãnh đạo ĐCS đã ra tay trấn áp họ. Hàng chục trí thức, văn nghệ sĩ bị vu khống, lăng mạ, đoạ đày, như Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung, Phùng Quán, Thuỵ An, Lê Đạt, Trần Dần, Trần Duy, Trần Đức Thảo, Đặng Đình Hưng, Hữu Loan, Tử Phác, v.v... Có người bị tù 12, 15 năm, như Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang, Thuỵ An, Trần Thiếu Bảo (Minh Đức). Nói chung, nhiều người và gia đình họ bị khốn đốn về vật chất cũng như tinh thần trên ba chục năm trời. Đó là chưa kể hàng trăm người bị ghép tội "Nhân Văn" chỉ vì đọc và chuyền tay tờ báo này. Có nhiều người không dính vào vụ án trên, nhưng đã làm thơ, viết văn tỏ ý bất bình với chế độ cũng bị tù nhiều năm, như nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã ngồi tù 27 năm ròng.

2 - Dân oan vì ĐCS thi hành những chính sách phi nhân hoặc trái với quy luật tiến hoá của xã hội.

Trước hết, phải nói đến cuộc cải cách ruộng đất (CCRĐ) mà ĐCS đã tiến hành trên miền Bắc Việt Nam từ năm 1953 đến năm 1956. CCRĐ đã diễn ra trên một diện rộng đến 3.563 xã với 10 triệu dân số, số địa chủ bắt buộc phải "quy" lên đến nửa triệu người (theo tỷ lệ 5% dân số). Họ đều bị tước đoạt ruộng đất, tài sản, bị đánh đập, giết chóc... Có đến 172 008 người bị coi là "nạn nhân," tức là bị giết. Trong số 172 008 "nạn nhân" này thì có đến 123 266 người về sau chính thức coi là "oan", chiếm đến 71,6% số "nạn nhân" (3). Như chúng tôi đã nhiều lần khẳng định, cuộc CCRĐ thực sự là một tội ác chống nhân loại. Dân oan trong CCRĐ và gia đình họ là cả một lớp người vô cùng đau khổ bị đày đoạ, bị phân biệt đối xử cực kỳ khắc nghiệt trong gần nửa thế kỷ!

Còn khi ĐCS thực hành đường lối "tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội" thì biết bao chính sách đi ngược với quy luật tiến hoá, như hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, đánh tư sản mại bản, v.v... làm cho nông dân bị mất quyền tư hữu ruộng đất, làm cho các chủ sở hữu các doanh nghiệp bị tước đoạt tài sản, nhiều người bị tù đày, và nói chung cả gia đình loại dân oan này bị coi là những phần tử bóc lột và bị kỳ thị trong hàng chục năm bởi cái gọi là "chủ nghĩa thành phần" rất nghiêm ngặt.

Khi ĐCS thực hiện chính sách trưng thu lương thực trong thời chiến thì biết bao thảm cảnh của nông dân đã diễn ra. Xin xem, chẳng hạn, "Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì" của Phùng Gia Lộc thì đủ rõ.

Do chuyên chính vô sản của ĐCS cực kỳ hung bạo, nên dân oan loại 1 và 2 này trên bốn-năm thập niên đã không hề dám biểu lộ công khai sự bất bình mà phần đông phải cúi đầu khuất phục số mệnh. Hầu như không có một phản ứng mạnh mẽ nào của dân oan các loại này, trừ vụ nổi dậy của nông dân ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) sau CCRĐ hồi năm 1956. Nhưng, có thể tin rằng đến một tình huống nào đó của lịch sử, dân oan các loại này cũng sẽ cất cao tiếng nói của họ để đòi lại công lý.

3 - Dân oan từ sau ngày "đổi mới" — dân oan vì nạn tham nhũng.

Thực ra, sau ngày "đổi mới," dân oan loại 1 và 2 vẫn tiếp tục xuất hiện nhiều như trước. Đó là những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, Đỗ Đình Mạnh, Nguyễn Ngọc Lan, Hà Sỹ Phu, Bùi Minh Quốc, Dương Thu Hương, Tiêu Dao Bảo Cự, các Hoà thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng toạ Thích Tuệ Sỹ, Thích Thiện Minh, Thích Không Tánh, các Linh mục Chân Tín, Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi, mục sư Nguyễn Hồng Quang, Lê Quang Liêm, v.v... và v.v... Nhưng, dân oan vì nạn tham nhũng là một loại mới - loại 3 - đòi hỏi phải có một sự nghiên cứu riêng.

Dân oan thời "đổi mới"

Từ ngày "đổi mới" với chủ trương "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa," thì đồng tiền đã lên ngôi, nó "... là cái đà danh vọng, là cái lọng che thân, là cán cân công lý..." (4) mà cán bộ đảng viên lại là những người nắm "lưỡi gươm chuyên chính" trong tay, nên họ tha hồ lộng hành và tham nhũng để kiếm được nhiều tiền. Quyền lực đẻ ra tiền, đất đai, nhà cửa và đủ loại doanh nghiệp! Có thể khẳng định rằng chính chế độ độc tài toàn trị đã tạo ra mọi điều kiện thuận lợi nhất cho kẻ cầm quyền tham nhũng, đồng thời cũng tạo ra mọi

cản trở lớn nhất cho việc đấu tranh chống tham nhũng. Vì quan tham thì không bao giờ muốn chống lại quan tham cả. Trái lại, chúng chỉ "bảo kê," dung túng cho nhau mà thôi. Nếu cùng lắm ĐCS có "chống" chăng nữa thì cũng chỉ khui ra vài vụ đã quá lộ liễu để trấn an dư luận, nhưng chỉ khui phần nào thôi, chứ không bao giờ moi đến tận cấp cao của đảng vì còn phải... bảo tồn "đỏ" ở nông thôn thoát thai từ những cán bộ lãnh đạo của ĐCS. Bọn này cướp đoạt đất đai của dân chúng, rồi phát canh, thu tô, đồng thời cho vay nặng lãi để bóc lột thậm tệ nông dân-dân oan (5). Tầng lớp nông dân này bị chế độ của ĐCS — oái ăm thay, cái chế độ tự xưng là của công nông lao động — biến thành bần cố nông, vô sản! Điều đau đớn nhất, là chính những

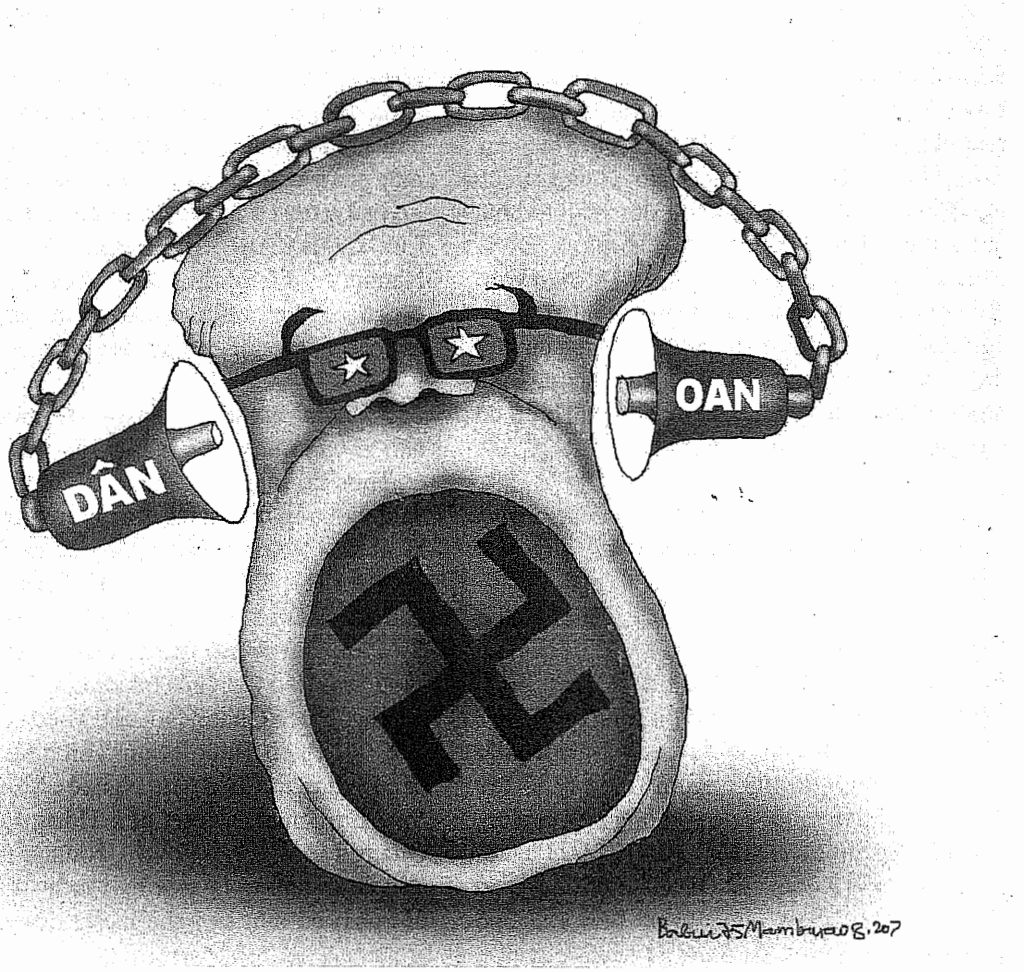

sự lãnh đạo độc tôn của ĐCS! Còn đối với cán bộ đảng viên "ăn vụng mà không biết chùi mép," ĐCS thường "chống" tham nhũng theo kiểu "giơ cao đánh khẽ," thậm chí chỉ "xử lý nội bộ." Vả lại, một khi ĐCS đã tước quyền tự do ngôn luận của dân chúng và không cho báo tư nhân được xuất bản thì ai có thể tố cáo mạnh mẽ được bọn quan tham? Mà không có áp lực của dư luận quần chúng thì việc chống tham nhũng chỉ là khẩu hiệu suông!

Chính vì nạn tham nhũng tràn lan mà ngày nay đã hình thành một lớp địa chủ, cường hào dân oan ngày nay lại là những người trước đây đã đóng góp nhiều nhất, cả tài sản, xương máu cho những người cộng sản lên nắm chính quyền, rồi trở thành kẻ thống trị, quay lại tước đoạt đất đai, nhà cửa của họ, bóc lột và đàn áp họ! Chúng ta thấy trong đám người đi khiếu kiện nhiều "bà mẹ anh hùng," nhiều cựu chiến binh, thương binh, thân nhân liệt sĩ. Có người đeo đầy huân chương đủ loại trên ngực khi ngồi khiếu kiện trước dinh thự các quan lớn cộng sản!

Đất đai là vấn đề sinh tử của người dân. Dân

oan loại 3 này bị đẩy vào đường cùng nên phải mạnh dạn tranh đấu, không đấu tranh thì không thể sống nổi. Họ chỉ còn có cách lợi dụng khẩu hiệu suông "chống quốc nạn tham nhũng" của kẻ cầm quyền để đi "khiếu kiện" từ năm này qua năm khác. Hàng chục năm trời không được giải quyết, nhưng họ vẫn tranh đấu đến cùng để tìm công lý.

Cuộc tranh đấu bằng hình thức khiếu kiện đã diễn ra khắp cả nước ba chục năm nay rồi, ngay từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước. Người dân oan nhẫn nhục viết hết đơn khiếu nại này đến đơn khiếu nại khác, đi từ cấp chính quyền này đến cấp chính quyền khác, nhưng khắp mọi nơi không ai giải quyết cho họ. Các cấp chính quyền chỉ có "chuyền bóng" từ cấp này đến cấp khác cốt làm cho dân oan mệt mỏi nản lòng thối chí. Nhưng vì đây là cuộc vật lộn cho quyền sống của họ cho nên họ không thể "bỏ cuộc." Trái lại, có khi đã bùng lên thành những cuộc đấu tranh quyết liệt, như vụ nông dân đồng bằng sông Cửu Long nổi giận kéo lên Sài Gòn hồi năm 1988; dân chúng vùng Thanh Nghệ Tĩnh liên tục đấu tranh sôi nổi trong những năm 90; nhân dân vùng Xuân Lộc (Đồng Nai) đứng lên hồi năm 1997; nông dân Thọ Đà (Hà Tây), Kim Nổ (Đông Anh, ngoại thành Hà Nội) đánh nhau với công an để bảo vệ ruộng đất hồi năm 1996 và 1998; 250 nông dân ở nhiều tỉnh đã biểu tình lặng lẽ trước Quốc hội đang họp ở Hà Nội (20.05.1999) để tố cáo nạn tham nhũng và cường hào ác bá hoành hành ở các địa phương; trên 30 người phụ nữ tỉnh Đồng Tháp ra thủ đô biểu tình trước trụ sở ĐCS căng biểu ngữ với hàng chữ: "Nhân dân thành phố Sa Đéc quá thất vọng. Không có dân chủ" (14.04.2000); 74 gia đình, gồm người già và phụ nữ ở khu Chùa Vẽ thành phố Hải Phòng lên Hà Nội phản đối các quan chức của đảng cướp đất của dân, v.v...

Nổi bật nhất là những cuộc biểu tình của nông dân Thái Bình đã diễn ra hồi cuối năm 1996, rồi biến thành những cuộc nổi dậy từ tháng 05 đến tháng 06.1997, thu hút hàng ngàn nông dân ở xã An Ninh huyện Quỳnh Phụ (đêm 26 rạng 27.06.1997), sau đó toả ra toàn huyện Quỳnh Phụ, lan đến gần như toàn tỉnh (6). Xin nói rõ, toàn tỉnh Thái Bình có bảy huyện thì có đến năm huyện — là Quỳnh Phụ, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Thái Thuỵ — đã bùng lên những cuộc đấu tranh của nông dân. Tổng bí thư Đỗ Mười, chủ tịch Trần Đức Lương và uỷ viên Bộ chính trị Phạm Thế Duyệt đã về tận nơi để chỉ đạo việc đối phó với cuộc nổi dậy của nông dân ở tỉnh vốn là "cái nôi" của ĐCS. Từ tháng 05 cho đến tháng 11.1997, công an đã vây chặt khu vực có biến động. Mọi thông tin về vụ biến động đều bị bịt kín. Sau khi các "quan lớn" phủ dụ dân chúng, thi hành kỷ luật một số cán bộ đảng viên để lấy lòng dân chúng, thì họ đã cho công an bí mật bắt bỏ tù mà không xét xử những người tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh — phần đông là cựu chiến binh của "quân đội nhân dân," cán bộ cũ đã về hưu của ĐCS. Trong tù những người này bị nhốt chung với thường phạm và công an theo lệnh "trên" đã khuyến khích thường phạm giết hại họ cực kỳ man rợ.

Tiếp sau cuộc vùng dậy của nông dân-dân oan Thái Bình là cuộc nổi dậy của người Thượng vùng Tây Nguyên hồi tháng 02.2001. Sau đó, đến ngày 10.04.2004, hàng vạn dân Thượng lại nổi dậy, lần này có quy mô và tổ chức hơn lần trước. Nguyên nhân các cuộc nổi dậy là do chính sách của ĐCS di dân người miền đồng bằng lên Tây Nguyên, rồi cán bộ, đảng viên người Kinh cùng bà con của họ đã lấn chiếm, tước đoạt nương rẫy của người Thượng, mặt khác cũng do chính quyền ngăn cấm tự do tín ngưỡng của người Thượng. Một lần nữa ĐCS lại tung quân đàn áp dã man cuộc nổi dậy này làm hàng chục (có tin hàng trăm) người chết. Trong hai lần nổi dậy, vì bị đàn áp nên đã có hàng ngàn người Thượng chạy sang Cam Bốt, và từ đó chính phủ Việt Nam bị thế giới chỉ trích là "đàn áp các dân tộc."

Từ sau những cuộc nổi dậy của dân oan ở Thái Bình và Tây Nguyên, dường như mọi người đã rút kinh nghiệm, không dùng hình thức mạnh bạo mà chỉ khiếu kiện và biểu tình một cách hoà bình. Để có được tiếng vang lớn, dân oan thường tập trung đông hơn, dài ngày hơn ở các đô thị lớn, nhất là thủ đô. Vườn hoa Mai Xuân Thưởng, Trụ sở tiếp dân ở số 110 Cầu Giấy ở Hà Nội cũng như Trụ sở tiếp dân ở đường Võ Thị Sáu, Văn phòng 2 Quốc hội ở Sài Gòn thường là những nơi tụ tập của dân oan đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Đặc biệt đáng nêu lên là những cuộc biểu tình khiếu kiện gần đây (kể từ ngày 22.06 đến đêm 18 rạng 19.07) của dân oan, chủ yếu là nông dân ở 19 tỉnh thành Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang, Bình Dương, Bình Phước, Mỹ Tho, Bến Tre, Long An, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bà

Rịa, Vũng Tàu, Bình Định, Bình Thuận, v. v... và chín quận huyện ở Sài Gòn — một cuộc biểu tình sáu-bảy trăm người, có khi lên đến 1000 người và kéo dài 27 ngày. Đây là một cuộc biểu tình hoà bình đông đảo và dài ngày chưa từng thấy dưới chế độ toàn trị của ĐCS. Ngoài những khẩu hiệu có tính chất chung chung, như "Đả đảo tham nhũng!", "Dân oan đòi công lý!", "Tham nhũng đất đai là tham nhũng xương máu của nhân dân"... có thể đọc thấy nhiều khẩu hiệu tố cáo đích danh bọn quan chức cộng sản cướp đất, bóc lột và lừa dối dân oan, như "Chính quyền Tiền Giang dối đảng lừa dân," "Đả đảo Nguyễn Kim Châu, thanh tra chính phủ báo cáo không trung thực với Thủ tướng," "Đả đảo bà Nhàn, thanh tra Tiền Giang áp dụng luật rừng với bà con. Đề nghị cách chức," "Mười hộ dân Đồng Tháp tố cáo chủ tịch tỉnh Trương Ngọc Hân và chủ tịch huyện Lai Vung Tạ Văn Hội cướp đất cướp nhà, gây bức xúc lòng dân, làm dân chết một người," "Đả đảo chánh án tòa án tỉnh Tiền Giang lợi dụng chức vụ chỉ đạo thẩm phán xử oan, trục lợi cá nhân," "Tập thể bà con nông trường Sông Hậu tố cáo UBND thành phố Cần Thơ bao che nông trường Sông Hậu. Giám đốc Trần Ngọc Sương lừa đảo chiếm đoạt đất đai của dân và thu không có quyết định của Nhà nước," "Công ty cổ phần Bạc Liêu cấu kết với chính quyền cướp đất giữa ban ngày," "Tố Cáo Huỳnh Tấn Thành, Chủ Tịch UBND tỉnh Bình Thuận tham nhũng," v.v... Những khẩu hiệu này cho thấy trình độ nhận thức của người nông dân bình thường đã được nâng lên một bậc về mặt chính trị: họ đã thấy rõ cội nguồn và tác nhân những đau khổ của họ. Và thực ra, khi cả một khối người đông đảo biểu tình công khai gần một tháng trời, chịu đựng biết bao thiếu thốn, cơ cực của cảnh màn trời chiếu đất, dầm mưa dãi nắng, hơn nữa họ còn bị công an bao vây, đe doạ, cấm cản đủ điều, thế mà họ vẫn kiên trì đấu tranh cho đến ngày bị đàn áp thô bạo và giải tán bằng vũ lực — thì cũng đủ thấy rằng những người dân oan cơ cực này đã đẩy cuộc đấu tranh vì dân sinh lên thành cuộc biểu dương về mặt chính trị, và đó là một thách đố nghiêm trọng đối với chế độ độc tài toàn trị.

Sau trận đàn áp man rợ bằng dùi cui, vòi rồng xịt nước, đèn cao áp, bình chữa lửa, roi điện, lựu đạn cay... ban lãnh đạo ĐCS đã chỉ đạo cho chính quyền trung ương về các địa phương diễn trò "giải quyết tại chỗ" những oan khuất của dân chúng, bồi thường phần nào cho những hộ bị mất đất hòng xoa dịu lòng căm phẫn của dân oan. Nhưng, nhiều nông dân không hài lòng, họ vẫn thấy thiệt thòi và lại muốn khiếu kiện tiếp.

Và cuộc biểu tình khiếu kiện lại tiếp diễn trong tháng 08.2007, cả ở Hà Nội lẫn Sài Gòn. Dân oan các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang và nhiều nơi khác, kể cả một số người từ miền Nam mang theo con cái ra Hà Nội đứng biểu tình trước cửa Trụ sở tiếp dân ở số 110 Cầu Giấy. Còn ở trong Nam, ngày 25.08, hàng trăm bà con dân oan các tỉnh Nam Bộ, như Bình Thuận, Bến Tre, An Giang, Lâm Đồng, Rạch Giá, Tiền Giang, Sóc Trăng... lại kéo về Sài Gòn tụ tập trước cổng Trụ sở tiếp dân ở đường Võ Thị Sáu để khiếu kiện, đòi đất đai, ruộng vườn, tài sản bị chính quyền cướp đoạt. Sáng ngày 29 và 30.08, công an lại dùng vũ lực vây bắt và đưa dân oan về các địa phương.

Thấy gì qua những cuộc đấu tranh của dân oan vừa qua?

1. Dân oan trong cả nước đã biểu lộ tinh thần bền bỉ, can đảm và ý chí kiên cường khi biểu tình khiếu kiện trước dinh thự các cơ quan nhà nước. Ngay cả khi bị đàn áp ở Sài Gòn trong đêm 18.07, dù cán bộ cộng sản kêu gọi họ đi về, nhưng 600 con người mệt mỏi ê chề vẫn quyết bám trụ đến cùng, điều đó nói lên tinh thần đấu tranh rất cao của họ.

Nhưng, nhược điểm lớn nhất của dân oan là họ không có một tổ chức của họ để phối hợp và hỗ trợ nhau trong đấu tranh. Hồi tháng 12.2006, nhà văn Trần Khải Thanh Thuỷ đã lập "Hội Dân Oan," nhưng ít lâu sau bà bị bắt nên hội không hoạt động được. Việc giúp dân oan có một tổ chức đã trở thành cấp thiết. Làm như thế nào, đó là việc cần để tâm suy nghĩ.

Đáng tiếc là có tác giả khi nhận xét về người dân oan chỉ nhấn mạnh cái tâm lý của họ là "chỉ biết cầu cứu, van xin và trông đợi ân huệ từ người cầm quyền" mà không thấy cái tinh thần bền bỉ, can đảm và ý chí kiên cường của họ. Thậm chí còn cho rằng "họ (tức là dân oan — NMC) rủ nhau về Sài Gòn và Hà Nội khiếu kiện nhưng không thể nói là họ biểu tình" (7). "Không thể nói là họ biểu tình"! Vậy, thử hỏi biểu tình là gì? Biểu tình là cuộc tập hợp đông người để bày tỏ nguyện vọng và ý chí. Thế thì những cuộc tập hợp hàng trăm dân oan, thậm chí có khi lên đến 1000 người, trong nhiều ngày

với nhiều biểu ngữ vạch trần lũ quan tham, từ chủ tịch tỉnh, huyện, thanh tra chính phủ, thanh tra địa phương, chánh án toà án tỉnh... đồng thời họ phải vật lộn với lũ "công an-đầu gấu" để quyết bám trụ đến cùng trong đêm 18.07 mà lại không coi là biểu tình được ư? Cái nhận định này cũng như luận điệu của một số người trong bộ máy cầm quyền và lũ tay sai của họ tung ra trong thời gian qua là "người dân đi khiếu kiện không hề muốn thay đổi chế độ" đáng để cho bà con dân oan suy ngẫm và nhận xét. Xin cứ hỏi các dân oan, như quý chị Lê Thị Kim Thu, Vũ Thanh Phương, Lư Thị Thu Duyên, Lư Thị Thu Trang... thì sẽ biết rõ ý kiến của họ về những điều trên.

2. Cuộc đấu tranh của dân oan vừa qua cho thấy cái tinh thần hèn kém, bạc nhược của dân ta, nhất là của giới trí thức, lẽ ra phải là những người nhạy cảm nhất trước nỗi đau của đồng loại. Đâu rồi tấm lòng bác ái, từ thiện của dân ta? Đâu rồi tinh thần hào hiệp của tuổi trẻ, của sinh viên, học sinh trước cảnh bất công?

Ngoại trừ một số thành viên ít ỏi còn lại của Khối 8406 và chiến sĩ nhân quyền ngày đêm lăn lộn với dân oan khiếu kiện để ủi an, hỗ trợ họ; ngoại trừ các vị lãnh đạo tinh thần thuộc những giáo hội và tôn giáo đang bị đàn áp, đã đem lòng từ bi bác ái mà lên tiếng bênh vực và giúp đỡ dân oan, còn thì đám đông đã tỏ ra thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.

Thế mà khi ĐCS mở "chiến dịch báo chí" lăng mạ thô bỉ những người có lòng từ bi cứu trợ dân oan, như Hoà thượng Thích Quảng Độ, Thượng toạ Thích Không Tánh, Ni cô Thích Đàm Bình, ông Nguyễn Khắc Toàn, thì những trí thức-bồi bút đã hùa nhau tham gia "chiến dịch". Tác giả Như Hà, một người trong nước, đã phẫn nộ gọi họ là "bọn bồi bút bán rẻ lương tâm... đã a dua tuân theo chỉ thị của bọn chóp bu đầu sỏ" (8).

Theo lời tường thuật của chị Vũ Thanh Phương, một người dân oan ở Đồng Nai, thì "trong suốt thời gian người dân chúng tôi tham gia biểu tình chỉ có Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), nhà thờ Thiên Chúa Giáo nơi Linh mục Phan Văn Lợi và nhà thờ Tin Lành của Linh mục Chân Tín đã giúp cho dân oan biểu tình đòi công lý nhận được những hộp cơm từ thiện, những bình nước tinh khiết, những ổ bánh mì, những thùng mì gói và những viên thuốc Tây để chia sẻ nỗi khổ đau, oan khuất mà chúng tôi đang phải gánh chịu." Còn các vị tu hành khác — nhất là các vị thuộc các giáo hội "quốc doanh" — thì "bình chân như vại," họ không hề biểu hiện chút đồng cảm trước nỗi khổ đau của đồng loại, đồng bào, đồng đạo. Trong tình hình đó, nổi bật lên cuộc viếng thăm dân oan vào ngày 17.07 của Hoà thượng Quảng Độ cùng các vị tăng sĩ của GHPGVNTN. Hoà thượng đã nói chuyện và ủng hộ tiền cho bà con. Những lời nói nồng nhiệt của Hoà thượng soi sáng con đường đấu tranh của dân oan, làm bà con rất xúc động.

3. Thảm kịch dân oan cho thấy rằng ở nước ta chưa có xã hội công dân (cũng gọi là xã hội dân sự). Xã hội công dân là một xã hội có đầy đủ quyền tự do dân chủ mà trong đó các tổ chức của công dân độc lập với nhà nước, nên người công dân phát huy mạnh vai trò và trách nhiệm của họ đối với xã hội. Khi thấy cảnh dân oan biểu tình khiếu kiện trong những điều kiện vô cùng bi đát, nhiều người đã thốt lên: giá như ở một nước dân chủ nào đấy, mà người dân thấy tình cảnh như vậy của dân oan thì chắc chắn báo chí sẽ làm ầm lên, nhiều cuộc biểu tình sẽ nổ ra lôi cuốn hàng chục vạn người phản đối chính quyền, ủng hộ dân oan, và hàng trăm tổ chức thiện nguyện của thanh niên, phụ nữ, các tổ chức tôn giáo... sẽ hết lòng giúp đỡ, cứu trợ dân oan. Và rất có thể phong trào phản đối chính quyền mạnh đến mức làm chính phủ đương quyền phải đổ.

Còn dưới chế độ "xã hội chủ nghĩa" của "đảng ta," "dân chủ một ngàn lần hơn chế độ thối nát của tư bản," nơi dân oan nước ta có đến nhiều triệu con người và chịu khổ nạn hàng mấy chục năm ròng, mà cả xã hội đều im lìm, ngay cả những người trí thức tiến bộ cũng chỉ đóng vai người quan sát! Khi chưa có xã hội công dân mà mong có một "Uỷ Ban Quốc Gia Đấu Tranh Đòi Công Lý Nhà Đất" (dù là cứ tạm gọi như thế) hoạt động công khai thì chỉ là huyễn tưởng!

4. Khi xem xét vấn đề dân oan cần lưu ý một hiện tượng xã hội lớn khác "song hành" với hiện tượng dân oan. Đó là cao trào công nhân biểu tình, đình công rầm rộ ở các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài hồi đầu năm 2006, rồi lai rai mãi đến tận ngày nay. Tuy nó biệt lập và khác với hiện tượng dân oan, nhưng nó cũng là kết quả của việc nhà cầm quyền cố tình chèn ép người lao động, hạn chế tiền lương của công nhân nhằm thu hút đầu tư của các nhà tư bản nước ngoài, và cũng để đám quan

hay nữ luật sư Bùi Kim Thành gần đây đã giúp đỡ, hướng dẫn cho dân oan về mặt đơn từ, tư vấn về pháp luật mà bị giam vào bệnh viện tâm thần, bị chích thuốc độc hại, thì ông Toàn và bà Thành có "chính trị hoá sự đấu tranh của dân oan" không? Hay vừa qua, Hoà thượng Thích Quảng Độ và các tăng sĩ GHPGVNTN đến tận nơi tụ tập dân oan để uỷ lạo, giúp đỡ tiền, đồng thời kêu gọi chính phủ phải giải quyết thoả đáng cho đồng bào, thì Hoà thượng Quảng Độ và các tăng sĩ có "chính trị hoá sự đấu tranh của dân oan" không? Hay một số dân oan tìm gặp ông Hoàng Minh Chính và vài nhà dân chủ ở Hà Nội, hoặc đã ký tên dưới Tuyên Ngôn 2006, hoặc đã tự nguyện gia nhập Khối 8406 thì họ có "chính trị hoá sự đấu tranh của dân oan" không? Hay Cộng đồng người Việt hải ngoại xót xa trước thảm cảnh của đồng bào bị oan ức trong nước, đã biểu hiện tấm lòng "lá lành đùm lá rách," hăng hái quyên góp, đưa tiền về giúp dân oan thì họ có "chính trị hoá sự đấu tranh của dân oan" không? Còn nói "lúc đầu không nên chính trị hoá..." thì không biết "lúc đầu" là thời điểm nào, vì cuộc đấu tranh của dân oan loại 3 này đã diễn ra ba thập niên rồi? Và có đúng là "Nếu chỉ là đấu tranh vì dân sinh, thì các vị chính quyền không thể đàn áp được" không? Thế thì những cuộc biểu tình khiếu kiện vừa qua đã có cái gì là chính trị rõ rệt đâu mà kẻ cầm quyền đã đàn áp dã man?

Suy cho cùng, hiện tượng dân oan xuất phát từ nguồn gốc chính trị, từ chế độ chính trị độc tài toàn trị của ĐCS, nó sinh ra đã là do "chính trị" rồi, chẳng đợi ai "chính trị hoá" nó cả. Vả lại, kẻ cầm quyền từ lâu cũng đã "chính trị hoá" thêm vấn đề dân oan, khi họ kéo dài hàng mấy chục năm trời không chịu giải quyết những yêu sách chính đáng của dân oan, khi họ buộc "tội chính trị" cho những người giúp đỡ dân oan là "gián điệp," "kích động, xúi giục đồng bào, tiếp tay cho bọn chống đảng, chống nhà nước," buộc "tội chính trị" cho Cộng đồng người Việt hải ngoại giúp đỡ dân oan là "phản động lưu vong," là "bàn tay ngầm bên ngoài gián tiếp cổ vũ, hậu thuẫn, kích động các đối tượng đội lốt tôn giáo và phần tử cơ hội chính trị trong nước" (10).

Và cũng chẳng đợi ai "chính trị hoá sự đấu tranh của dân oan," chính bản thân cuộc đấu tranh của dân oan trong nhiều ngày, trên quy mô lớn gồm nhiều tỉnh thành trong cả nước, với những khẩu hiệu vạch mặt đích danh kẻ cầm quyền
màu sắc ch

Vừa qua
trong Khối
ít tự do, nê
chức việc
trăm bề. C
ngoài để k
nước và hả
tin yêu, mà
hoá sự đấu
thấy tự hào
bi đát của d
công dân đ

Trên đâ
trao đổi với
thấn để cù
và tìm ra lờ
đề dân oan

Ghi chú:

*1. Đây là con
điển về Chiến
War) thì sau
người bị bỏ
được thả ra s
đến 4 năm, 2
đến năm 198
người còn bị g
lời Thanh Thả*

*2. Đây cũng l
Hoa Kỳ và ch
trong các "trạ*

*3. Đây là số
Việt Nam 194*

*4. Toàn văn c
bật con người
Là cái đà da
công lý/Đồng*

*5. Xem các bà
Ấy Bây Giờ" c
Dân Cầm Cố
Thông, v.v...*

*6. Xem bài "
Nam" của Ng
nhất cuộc nổ*

*7. Xem bài "
của Nguyễn*

8. Xem bài "

*9. Những bài
chú.*

*10. Xem bài "
Nhân Dân.*

tham nhũng, thì tự nó cũng đã mang
ính trị rồi.
ı, một số người dân chủ bình thường
8406 lại là dân oan, họ còn có chút
:n đã sát cánh cùng với dân oan, tổ
giúp đỡ nhau trong cảnh khốn khổ
ũng có người còn dám truyền tin ra
êu gọi sự hỗ trợ của đồng bào trong
ıi ngoại. Họ được dân oan hết lòng
ı chẳng hề sợ bị chụp mũ "chính trị
ı tranh của dân oan," trái lại, cảm
đã không thờ ơ đứng nhìn thảm cảnh
lồng bào và đã làm tròn trách nhiệm
:ối với đồng loại khổ đau.
y là những ý kiến người viết muốn
các bạn dân chủ trên tinh thần thẳng
ng nhau xác định một thái độ đúng
ối thoát cho một vấn đề lớn — vấn
ı.

Moskva 09.09.2007

*số phỏng đoán. Còn theo bộ "Bách khoa Từ
tranh Việt Nam" (Encyclopedia of the Vietnam
biến cố năm 1975, có đến trên một triệu
tù, trong số này khoảng 500 ngàn người
:au ba tháng, 200 ngàn người bị giam từ 2
250 ngàn người bị giam ít nhất 5 năm, và
3 (nghĩa là sau 8 năm) còn khoảng 60 ngàn
giam giữ. (Nguồn: sử gia Trần Gia Phụng trả
ìo).*

*à phỏng đoán. Theo tài liệu nghiên cứu của
âu Âu, có khoảng 165 ngàn tù nhân bị chết
ıi cải tạo".*

*liệu chính thức ghi trong "Lịch Sử Kinh Tế
15-2000" gồm 3 tập, xuất bản ở Hà Nội.*

*:âu về hiện đại: "Tiền là Tiên là Phật/Là sức
i/Là nụ cười tuổi trẻ/Là sức khoẻ người già/
nh vọng/Là cái lọng che thân/Là cán cân
tiền là... hết ý!"*

*ài "Nông Dân Và Đất", "Đời Cố Nông", "Nơi
:ủa Võ Đắc Danh, "Chuyện Về Những Nông
Đất Ở Đồng Bằng Sông Cửu Long" của Đỗ*

*Nghịch Lý" Thái Bình — "Nghịch Lý" Việt
uyễn Minh Cần viết nhân kỷ niệm lần thứ
i dậy của nông dân Thái Bình.*

*Thông Điệp Nào Của Thảm Kịch Dân Oan"
Gia Kiểng.*

Oan Khiên Đã Chất Ngất" của Chu Hà.

vu khống này quá bỉ ổi, không đáng ghi

Họ Đang Mưu Toan Điều Gì", báo Quân Đội

Huyền Thoại Duy Ma Cật của Tuệ Sỹ

CHÂN VĂN (Đ.Q.T.) đọc

Tuệ Sỹ là một bông lan quý trong khu rừng Phật giáo Việt Nam. Cuốn Huyền Thoại Duy Ma Cật mới được xuất bản ở hải ngoại cho thấy, một lần nữa, đóng góp của Tuệ Sỹ như một thiền sư, một nhà nghiên cứu Phật học, một nhà văn, nhà thơ; mỗi thế kỷ một đất nước mới thấy xuất hiện một vài người như vậy.

Kinh Duy Ma Cật (tên phiên âm từ chữ Phạn Vimalakirti, cũng được dịch là Vô Cấu Xưng hoặc Tịnh Danh) đã được nhiều cao tăng ở Trung Quốc dịch. Bản dịch của La Thập (Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh) đưa tới tác phẩm còn để lại của hơn 60 người chú giải, trong đó có 10 quyển Chú Duy Ma Cật Kinh của Tăng Triệu đời Hậu Tần được coi là tiêu chuẩn. Bản dịch của Huyền Trang (Phật Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh) khuyến khích thêm những bản chú giải khác, trong đó Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh Sớ do Khuy Cơ đời Đường soạn, được Tuệ Sỹ tham chiếu rất nhiều trong các cuốn Huyền Thoại.

Đã có nhiều bản dịch kinh Duy Ma Cật sang tiếng Việt. Trong mạng lưới Hoa Sen (LotusMedia) có tàng trữ những bản dịch của các thầy Thích Huệ Hưng (1951, in năm 1970, Sài Gòn), Thích Duy Lực (Từ Ân Thiền Đường xuất bản tại Mỹ, 1991) và Minh Tâm (Thanh Văn xuất bản, tại Mỹ, 1991). Ở trong nước, cuốn Lược Giải Kinh Duy Ma của Hòa thượng Thích Trí Quảng soạn năm 1991 và in năm 1999, không dịch sát kinh bản mà chỉ tóm tắt để chú giải. Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ đã cho ấn hành một bản dịch mới, năm 2003; đến năm 2006 thêm cuốn Huyền Thoại Duy Ma Cật để dẫn đường cho những người học Phật vào sâu hơn trên con đường tu tập. Sách Huyền Thoại Duy Ma Cật đã được Nhóm Thân Hữu Già Lam ở nước ngoài ấn hành trong tủ sách của Ban Tu Thư Phật Học Hải Đức Nha Trang in lần đầu ở Mỹ vào đầu năm 2007 với lời giới thiệu của Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu.

Thời đại của những câu hỏi

Huyền Thoại Duy Ma Cật của Tuệ Sỹ ra đời trong lúc này có thể đáp ứng niềm khao khát tìm học và nhu cầu tâm linh của thời đại chúng ta.

Kinh Duy Ma Cật cũng như nhiều kinh điển Đại Thừa khác xuất hiện khoảng 100 năm trước Công nguyên, vào lúc xã hội Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều cách xa mấy thế kỷ kể từ khi đức Phật tịch diệt. Sự thay đổi trong đời sống kinh tế, xã hội đưa tới những thay đổi trong nhận thức và suy tư, thể hiện ngay bằng những bất đồng ý kiến trong tăng đoàn những người cùng học Phật. Các khuynh hướng khác biệt đã có dịp đối đáp và so sánh với nhau, mài rũa lẫn nhau, thể hiện trong các khuynh hướng riêng biệt. Tư tưởng Đại thừa xuất hiện và phát triển trong khung cảnh đó. Thời đại chúng ta đang sống cũng diễn ra những thay đổi tương tự. Không những các tôn giáo đã bắt buộc phải thay đổi mà các học thuyết, các trào lưu triết lý, các nhận thức khoa học cũng đang trải qua các cơn xáo động lớn lao. Thế kỷ trước, cuộc chiến tranh lạnh là hậu quả của cuộc tranh chấp giữa hai hệ thống kinh tế, nhưng nền tảng của cuộc tranh chấp đó là những hệ thống suy tư đối lập. Nhiều triết thuyết xuất hiện trong vòng hai trăm năm là những cố gắng của loài người đi tìm con đường giải thoát chung. Nước Việt Nam chúng ta đã là nơi diễn ra cuộc "chiến tranh nóng" giữa hai hệ thống kinh tế và hệ thống tư duy của thế giới. Cuộc tranh chấp quốc tế đó vừa chấm dứt thì những mối xung đột mới lại bắt đầu, có lúc cũng khoác mầu áo tôn giáo, cũng kích thích cho khát vọng đi tìm nền móng tâm linh và tư duy trong nhân loại.

Nhớ lại mấy trăm năm sau khi Phật Thích

Ca tịch diệt, thành Tỳ Da Li (Vaisàlya), nơi giòng họ Ly Xa (Licchavi) chiếm vai vế quan trọng, là nơi thể hiện những thay đổi trong đời sống kinh tế, xã hội. Duy Ma Cật được giới thiệu là một nhà hào phú từ giòng họ đó sinh ra. Ngày nay nhiều người đã dựa trên Đại Đường Tây Vực Ký của Huyền Trang để truy tìm thấy nơi mà người ta tin là dấu tích của thành Tỳ Da Li. Có người còn cho là đã đánh dấu được nơi nền nhà cũ của Duy Ma Cật và của Bảo Tích (Ratnàkara), nhân vật xuất hiện trong phẩm đầu tiên Kinh Duy Ma Cật. Dù tin ở những phát hiện đó hay không, một điều chúng ta biết là thành Tỳ Da Ly tiêu biểu cho một xã hội đang thay đổi.

Thương mại đã phát triển trong nền kinh tế hàng hóa và việc sử dụng tiền tệ thịnh hành. Tăng đoàn ở thành Tỳ Da Li đã dần dần thay đổi quy củ cho phù hợp với điều kiện của nếp sống mới. Chúng ta biết rằng từ thời còn Đức Thích Ca, tăng đoàn những người tu học đã tự nguyện đặt ra những quy tắc sống hòa hợp và thích hợp với việc tu tập. Nhiều quy tắc có thể coi là mở đầu cho nền nếp sống tập thể dân chủ tự do và trọng pháp bây giờ. Phải có những phiên họp Bố Tát định kỳ, một tháng hai lần (Trụ Xứ tịnh). Các quyết định phải theo ý của tập thể và thông báo cho những người vắng mặt (Tùy Ý tịnh). Noi theo các quyết định cũ do những người đi trước đã bàn và chọn, như ngày nay giải thích luật bằng sự tôn trọng án lệ (Cửu trụ tịnh). Nhưng cũng có những điều quy định cuộc sống hàng ngày, từ khuôn khổ bồ đoàn cho tới giờ giấc ăn uống, cách uống sữa đúng phép, vân vân. Các vị trưởng lão quan sát cách sống của tăng đoàn ở thành Tỳ Da Li đã chỉ trích "giới trẻ" ở đây vi phạm quá nhiều những hành vi được quy định từ thời đức Phật còn tại thế. Thí như không được giữ tiền mà sao họ vẫn nhận cho thí chủ cúng dường bằng tiền (kim tiền tịnh), không được uống rượu (nhiều thứ thuốc phải pha trong rượu, họ pha vào nước để uống cho bớt mùi rượu, Thủy tịnh) hoặc không được giữ thức ăn qua đêm (Diêm tịnh. ướp muối để dành), vân vân.

Chúng ta thấy rõ có hai khuynh hướng, một bên là bảo vệ các truyền thống đa số do các vị trưởng lão ngồi hàng cao chủ trương, một bên là những người thấy cần thay đổi các quy tắc cho phù hợp với đời sống kinh tế xã hội đã thay đổi.

Những bất đồng ý kiến đó nằm trong các quan niệm học hỏi và tu tập khác nhau, nổi bật lên trong cách nhận thức khác nhau về con đường đức Phật đã dạy. Duy Ma Cật được giới thiệu là một cư sĩ, một người có địa vị kinh tế và xã hội cao trong thành Tỳ Da Li, cái nôi của những biến động kinh tế, xã hội và tư duy. Có thể coi ông là tiêu biểu cho một khuynh hướng nhận thức, con đường mà chúng ta thường gọi là Cỗ Xe Lớn (Đại Thừa). Kinh Duy Ma Cật gồm rất nhiều cuộc tranh luận, biện bác, (Tuệ Sỹ nhận thấy đó là những màn kịch), giống như những cuộc hội thảo về các vấn đề cơ bản tìm con đường giải thoát, trong mấy thế kỷ trước công nguyên. Ngày nay trong thế giới chúng ta đang sống, mỗi tôn giáo, mỗi phong trào tư tưởng cũng có những cuộc tranh luận tương tự. Có người chủ trương phải kiên định, phục cổ, về nguồn, bảo vệ nền tảng; có người bị chỉ trích là "theo chủ nghĩa xét lại," "chệch hướng," vân vân. Thời đại tin học khiến cho các cuộc tranh luận đó được tất cả mọi người chia sẻ. Cả loài người đang thao thức tìm kiếm Đường Đi.

Trong cuộc tranh luận trường kỳ của cả nhân loại đang diễn ra, người Việt Nam cũng đang thao thức, nhất là khi một chủ nghĩa được coi là quốc giáo đang dần dần bị suy hoại và đào thải. Những thanh niên cầu học ở nước ta có thể bước vào một cửa ngõ của Phật giáo qua các luận giải của Tuệ Sỹ trong Huyền Thoại Duy Ma Cật. Nhưng dù trước đó họ không biết đến đạo Phật thì cuốn sách của Tuệ Sỹ cũng có thể cống hiến cho họ những hiểu biết cơ bản về con đường mà những người Phật tử đã tìm ra và đi theo từ hơn hai ngàn năm nay.

Kinh Duy Ma Cật có một vai trò trọng yếu trong Phật giáo Bắc tông vì được coi là mở đường cho nhiều tông phái. Nếu những nỗ lực dịch thuật và giảng nghĩa kinh này trong thời đại chúng ta thì sẽ có nhiều con đường tu tập mới thành tựu. Cho nên cuốn sách Huyền Thoại Duy Ma Cật của Tuệ Sỹ đã đáp ứng cho nhu cầu của thời đại.

Công trình khảo sát thâm sâu

Tại sao gọi là Huyền Thoại? Sau khi kể chuyện những huyền thoại trong lịch sử nhân loại, từ Tây sang Đông, trong bài Tựa Tuệ Sỹ đã giải thích, chữ huyền thoại dùng ở đây không phải là chuyện của các vị thần, "... đó là ngôn ngữ ẩn dụ để nói những điều không thể nói" (trang 15). "Kinh ... cũng có tên là Bất Tư Nghị Giải Thoát, vì ngôn ngữ và hành vi của Duy

Ma Cật được ghi chép trong đó là những điều không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ luận lý, cũng không thể tư duy, nhận thức bằng tập quán tư duy của người thường" (trang 18). Nhưng, Bồ Tát Duy Ma Cật cũng được giới thiệu là một người "lăn lóc trong trường đời" cho nên "Huyền Thoại Duy Ma Cật là chuyện thường ngày của mọi sinh linh, tự biết đang đổi thay trong từng khoảnh khắc, nhìn rõ vô biên trong hạt cát" (trang 21).

Những người đọc của Tuệ Sỹ nên có bên cạnh bản dịch kinh này, tốt nhất là bản dịch của cùng tác giả. Vì trong cuốn Huyền Thoại tác giả đã đi xa hơn những lời chú thích rất uyên bác trong bản Việt dịch của ông, ông dẫn chúng ta vào áo nghĩa của kinh, dùng tài năng thiên phú của một nhà văn và một học giả.

Huyền Thoại Duy Ma Cật trước hết là một áng văn rất đẹp, của một nhà nghệ sĩ của ngôn ngữ và thông thạo nhiều tiếng nói. Tác giả đã tự do buông trí tưởng để nối kết các diễn giải của mình với thơ văn của bao nhiêu tác giả khác để người đọc cũng có dịp bay bổng trong nhiều bầu trời trí tuệ. Với con mắt của một nhà nghệ sĩ, tác giả đã nhìn thấy tính chất "kịch" trong các phẩm kinh Duy Ma Cật, mỗi phẩm là một màn kịch. Cảnh các thiên nữ tán hoa được tác giả giới thiệu như trên một sân khấu xuất hiện giữa các đối kháng đầy kịch tính. Những câu đối thoại giữa Xá Lợi Phất và các thiên nữ đưa người đọc tới những lý giải sâu xa, tư tưởng Phật giáo đã hiện lên dưới hình thức văn chương. Đọc Huyền Thoại Duy Ma Cật chúng ta thấy như người viết đang sống trong các màn kịch đó và kể lại cho chúng ta nghe. Tuy nhiên, người nghệ sĩ Tuệ Sỹ cũng là một nhà nghiên cứu Phật học, cho nên chúng ta còn được thấy nhiều hơn nữa.

Cống hiến của Tuệ Sỹ cho những người nghiên cứu hoặc tu tập kinh Duy Ma là công trình khảo sát rộng rãi và thâm sâu của một học giả với kiến văn quảng bác trong nhiều lãnh vực và thông thạo nhiều ngôn ngữ.

Thí dụ như một chữ "loại" trong câu "Chúng sinh chi loại thị bồ tát đạo" được Tuệ Sỹ tham khảo ý kiến của các ngài Trạm Nhiên, Huyền Trang và Khuy Cơ. Một câu đối thoại trong phẩm Bồ tát, Khi Duy Ma Cật trả lời Quang Nghiêm Đồng Tử (Hỏi: Ông từ đâu tới), Trả lời: Từ đạo tràng về), hai chữ "đạo tràng" đã được Tuệ Sỹ giải thích cặn kẽ. Xin đọc lời tác giả:

"Đạo tràng, tức Kim cang tòa, nơi chư Phật ngồi và thành tựu đại giác. Huyền Trang không dịch là 'Đạo tràng' hay 'Bồ đề tràng' mà dịch là 'diệu Bồ đề'. Đây là nghĩa thứ hai của từ Phạn (chú thích bodhimanda, ghi chú thêm chữ dịch tiếng Tây Tạng, và giải nghĩa) ... Huyền Trang nhấn mạnh ý nghĩa thứ hai, nhưng danh từ đảo vị, thay vì 'Bồ đề diệu' nói là 'diệu Bồ đề' nên các chú giải tập trung vào ý nghĩa Bồ đề thay vì 'dieu' tức tinh hoa, hay thượng vị."

"La Thập dịch là 'đạo tràng' nên các chú giải theo đó tập trung trên ý nghĩa thành Phật thay vì nêu rõ khởi điểm của Bồ tát đạo. Trong kinh văn, câu trả lời của Duy Ma Cật về ý nghĩa 'Bồ đề thượng vị' đã khá rõ: trực tâm, phát hành, thâm tâm và Bồ đề tâm là Bồ đề thượng vị ... Điều mà La Thập dịch là trực tâm, Huyền Trang gọi là thuần trực ý lạc, trong nguyên văn tiếng Phạn nên hiểu là ý chí hướng thượng ... Nguyên Phạn văn nói, 'Thượng vị của ý chí hướng thượng là thượng vị của Bồ đề. Ý nghĩa như vậy cũng khá rõ ..." (trang 134).

Qua đoạn văn trên, tác giả cho người đọc một dịp đi qua những bản dịch khác nhau. Một đặc điểm khác thấy trong tác phẩm là công phu tham khảo các bản chữ Phạn, chữ Tây Tạng và chữ Hán còn truyền lại, nhờ thế Tuệ Sỹ đã bổ túc được nhiều thiếu sót trong các bản dịch cũ bằng Hán văn. Những tìm kiếm, phân tích và biện giải của Tuệ Sỹ sẽ giúp những người muốn tu tập theo Kinh Duy Ma được dịp hiểu đầy đủ và sâu hơn.

Thí dụ trong phẩm Bất Động Như Lai, Tuệ Sỹ cho biết bản dịch của La Thập không có đoạn Xá Lợi Phất đặt câu hỏi với Đức Phật về tiền kiếp của Duy Ma Cật, rồi được Phật khuyên hãy hỏi thẳng Duy Ma Cật, "ông diệt nơi đâu mà thọ sanh nơi đây?" Trong bản La Thập, Xá Lợi Phất trực tiếp hỏi ngay Duy Ma Cật. Vì thiếu mấy câu trước đó cho nên, Tuệ Sỹ viết: "các bản chú giải Trung Hoa dựa trên bản dịch này không biết đến ý nghĩa trực tiếp và gián tiếp trong câu vấn đáp này." Tuệ Sỹ còn nhận thấy, "Các bản Hán dịch có hơi khác với bản Phạn ..." Sau đó, tác giả ghi chú và giải thích thêm câu chữ Phạn còn thiếu giúp độc giả nhìn thấy (trang 303).

Chúng ta thường tiếp nhận kinh Phật qua mấy tầng dịch, từ bản Phạn hoặc Tạng văn sang Hán văn, rồi từ Hán văn sang tiếng Việt. Nhiều dịch giả chỉ theo một bản dịch của Chi Khiêm, La Thập hoặc Huyền Trang, và hiểu các từ được

các ngài sử dụng khi phiên dịch, hiểu theo nghĩa thông thường, có khi bỏ sót hoặc có thể hiểu lầm. Có dịp đọc nhiều văn bản trong nhiều ngôn ngữ, Tuệ Sỹ giúp chúng ta cởi bỏ được nhiều lầm lẫn, tìm đến gần gũi với cư sĩ Duy Ma hơn.

Một nhà Phật học uyên áo như Tuệ Sỹ dẫn chúng ta đi xa, vào sâu và thấy rộng hơn là nếu chỉ tiếp cận với các bản dịch được chú thích sơ sài. Vì tác giả không chỉ làm công việc chú giải mà còn tham khảo nhiều kinh văn để thấy những điều bổ túc lẫn nhau. Trong phẩm Đệ Tử (Huyền Trang dịch tên phẩm là Thanh Văn) chúng ta được gặp các vị la hán đại đệ tử của Đức Phật. Mỗi vị, khi được Phật yêu cầu đến thăm cư sĩ Duy Ma Cật nằm bệnh đều thoái thác và nêu lý do. Muốn hiểu rõ các lời biện bạch đó, người ta cần biết hành trạng của mỗi vị la hán, như đã được giới thiệu trong các kinh điển khác. Đối với mỗi vị đại đệ tử của Phật, Tuệ Sỹ đã tham khảo và dẫn chứng nhiều dữ liệu về từng vị, lấy trong rừng kinh điển, mỗi lời dẫn đều được chú thích đầy đủ cho các học giả sau này tham cứu. Không những tác giả giải thích thêm về các nhân vật đó, ông còn nhân mỗi nhân vật mà giải thích ý nghĩa các lời phát biểu của Duy Ma Cật, so sánh với các câu trong các kinh bản khác, thuộc truyền thống Nam tông cũng như Bắc tông. Có thể chỉ đọc một cuốn sách Huyền Thoại Duy Ma Cật mà người đọc đã được người viết dẫn đi qua nhiều khu rừng Phật học bao la.

Tuệ Sỹ viết: "Có lẽ Duy Ma Cật là kinh Đại thừa đầu tiên nêu rõ con số tròn trịa mười Đại đệ tử; các kinh khác về sau y theo đó... Cát Tạng (ghi chú, trong Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ ...) phân mười vị thành ba nhóm. ... Trạm Nhiên (ghi chú, theo Duy Ma Kinh Lược Sớ) lại có cách giải thích khá lạ lùng về mười đại đệ tử ... đặt mỗi vị biểu tượng cho một tâm sở. ... Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh thật sự là một vở kịch trong đó mỗi nhân vật tượng trưng cho một giá trị nào đó ngoài đời. ..."

Trong những chú thích khi viết Huyền Thoại Duy Ma Cật, Tuệ Sỹ cũng có lúc góp ý kiến chỉnh đốn các bản Hán dịch của những kinh điển Phật giáo khác. Dù chỉ là những chú thích bên lề câu chuyện chính, nhưng các ý kiến chỉnh đốn này, mà tác giả đã thu thập được trên đường tìm học hoặc đã tự tìm ra, giúp cho các nhà Phật học biết rõ được nhiều điều hơn. Như tại trang 300, có trích dẫn một câu của Long Thọ Bồ tát, "Chúng nhân duyên sinh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệc vi thị giả danh, diệc thị trung đạo." Tuệ Sỹ nhận xét "Cách dịch (trong Hán bản này) khiếncác nhà giải thích phổ thông hiểu rằng: pháp sinh bởi nhân duyên, pháp ấy là không, là giả danh, là trung đạo."

Tuệ Sỹ đã dẫn ra bản Phạn văn gốc để so sánh, và ông thấy, "Nhưng trong Phạn bản, không phải (nói) pháp duyên khởi là giả danh và trung đạo; mà tính Không là giả danh và trung đạo." Ông giải thích theo văn phạm, ngữ pháp, "Đại từ 'sa' trong nửa tụng dưới là một từ thuộc 'giống cái,' không thể thay thế cho từ ... 'duyên khởi' vốn là giống đực. Tất nhiên nó thay thế từ ... 'tính Không' vì từ này là giống cái. Xem chú giải của Candrakirti..." (Chúng tôi lược bỏ các chữ Phạn trong nguyên văn).

Giải những mâu thuẫn đối kháng

Khi dịch và giải nghĩa Kinh Duy Ma Cật, nhiều người thường chú ý đến sự đối kháng về tư tưởng giữa một bên là các vị la hán, một bên là cư sĩ Duy Ma Cật. Phải nói là những người biên soạn kinh này cố ý làm nổi bật tính đối kháng đó. Cảnh các vị la hán đại đệ tử của đức Phật vừa lên tiếng là bị Duy Ma Cật bác bỏ, những cảnh Duy Ma Cật làm phép thần thông trước mắt các vị la hán, khiến cho nhiều người chỉ chú ý đến khía cạnh đối kháng mà thôi. Nhân đó, có người còn tiện dịp đề cao giáo lý đại thừa, nêu lên những ưu việt so với con đường tu tập bị coi là tiểu thừa, giống như khi đối chọi khuynh hướng cải cách và khuynh hướng bảo thủ, so sánh thái độ cấp tiến và thái độ thủ cựu, vân vân. Nhưng khi chú ý quá nhiều đến tính đối kháng, chúng ta cũng đi lạc vào thế giới phân biệt, xa rời chủ ý bất nhị của kinh.

Tuệ Sỹ đã giúp dẫn đường cho người đọc kinh thấy tính chất huyền thoại của câu chuyện và vượt lên trên tinh thần đối kháng đó. Thí dụ như về cảnh Xá Lợi Phất gặp Duy Ma Cật, Tuệ Sỹ viết, "Một chi tiết nhỏ trong bản dịch của Huyền Trang bị xem là bị lược bỏ trong bản của La Thập, cho thấy ... khi đến với Xá Lợi Phất, trước khi mở cuộc đối thoại về ý nghĩa xuất ly, Duy Ma Cật, con người lừng danh trong vô vàn đại thiên thế giới ấy, cúi lạy dưới chân Xá Lợi Phất, tỏ lòng cung kính như đối với chư Phật." (trang 80). Trong chú thích dưới trang này, Tuệ Sỹ còn cho chúng ta biết ý kiến của Khuy Cơ phê bình La Thập khi lược bỏ đoạn này. Ngoài ra, Tuệ Sỹ cho biết trong tạng Sanskrit và bản dịch tiếng Tây Tạng cũng không có chi

tiết này, nhưng trong đoạn A Na luật bản dịch của Huyền Trang thì có.

Một đoạn khác, về Ma Ha Ca Diếp, những lý giải của Tuệ Sỹ có thể cởi trói tư duy cho những người nhìn bằng con mắt đối kháng. Tuệ Sỹ dẫn chứng Tạp A Hàm kể lại Ca Diếp được Phật mời vào ngồi chung một nửa chỗ ngài ngồi, "Chưa từng thấy ai được Phật mời ngồi chung như thế." Tiếp theo, Tuệ Sỹ dẫn lời Phật nói, "Chỉ có tỳ kheo Ca Diếp, tầm thường như vậy, không bị dính mắc, không bị trói buộc, không bị nhuộm dơ, mới xứng đáng vào nhà người" – để khát thực. Với những điều dẫn chứng đó, người đọc kinh sẽ nhớ lại những lời mà Duy Ma Cật nói với Ca Diếp, mới đọc thì tưởng như những lời thầy dậy học trò. Tuệ Sỹ viết: "Điều mà Duy Ma Cật yêu cầu, 'an trụ nơi pháp bình đẳng,' há Phật đã chẳng nói 'Tâm Ca Diếp cũng bình đẳng hư không?' Điều mà Duy Ma Cật nói, 'Thấy sắc như mù, thấy tiếng như vang ...' há Phật không nói 'Tâm Ca Diếp không dính mắc, không hệ phược, không nhiễm ô?' ... Mới nghe ra, Ông (Duy Ma Cật) hình như chỉ trích Ca Diếp bằng những điều mà chính Phật đã ca ngợi ... Vậy (những lời) phê bình của Ông có ý nghĩa gì?" Và Tuệ Sỹ kết luận: "Ngôn thuyết của Bồ Tát thật bất khả tư nghì, mà sở hành của thanh văn cũng không phải ít bất khả tư nghì hơn." (trang 90).

Tuệ Sỹ đã nhìn kinh Duy Ma Cật dưới hình thức những kịch bản, những "huyền thoại" cho nên giúp người học kinh tự cởi trói khỏi lối nhìn đối kháng, ngay trong lối nhìn đối lập giữa bồ tát và thanh văn, giữa đại thừa và tiểu thừa, để thấy những điều vượt lên trên ngôn ngữ tầm thường. Cũng vậy, khi bàn đến phẩm Cửa Bất Nhị, là yếu chỉ của kinh Duy Ma, Tuệ Sỹ cũng nhìn câu hỏi của Văn Thù và thái độ im lặng của Duy Ma Cật bằng con mắt thoát khỏi cách nhìn đối kháng. Sau khi các vị bồ tát phát biểu về pháp môn bất nhị, đến lượt Văn Thù, "Theo ý tôi, vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, lìa nơi vấn đáp, ấy là pháp môn bất nhị." Và Văn Thù hỏi ý Duy Ma Cật thế nào là pháp môn bất nhị. Duy Ma Cật im lặng. Và Văn Thù tán thán: Lành thay! Lành thay!

Người đọc Kinh Duy Ma Cật có thể nghĩ rằng vị cư sĩ này đã vượt lên trên cả các vị bồ tát và Bồ Tát Văn Thù khi im lặng và mỉm cười không nói, trong khi chính Văn Thù còn vận dụng tới lời nói. Nghĩ như vậy là đọc kinh mà bị vướng trong ngôn ngữ. Tuệ Sỹ nhìn từ phía khác: "Trước sự im lặng của Duy Ma Cật là cách diễn đạt của Văn Thù. Sau sự im lặng của Duy Ma Cật cũng là lời diễn đạt của Văn thù. Cả hai, Thánh mặc nhiên và Thánh ngôn ngữ, đều cùng hiển thị một thật tướng duy nhất, thật tướng ly ngôn." Tuệ Sỹ giải thích, "nếu không có minh giải của Văn Thù, sự im lặng của Duy Ma Cật trở thành vô nghĩa."

Trong lời tựa của tác phẩm Huyền Thoại Duy Ma Cật, Tuệ Sỹ đã dẫn lời Đức Khổng Tử, "Thiên hà ngôn tai?" Trời có nói gì đâu? Nhưng cuối cùng thì thánh nhân cũng vẫn phải đi qua cõi ngôn ngữ. Thánh nhân cũng phải bước vào thế giới bụi bậm thì mới có cơ hội giúp phàm nhân. Tuệ Sỹ đã nhìn cảnh Xá Lợi Phất vào nhà Duy Ma Cật thì hỏi có chỗ nào để ngồi hay không, trước khi nghe bàn về đạo thì hỏi quý vị bồ tát sẽ có gì để ăn uống; và Tuệ Sỹ thấy những câu hỏi đó chứng tỏ các bậc trí giả cũng không xa lìa cõi nhân sinh. Phải coi những màn kịch trong Kinh Duy Ma Cật với con mắt của người nghe huyền thoại. Có như vậy mới tự giải phóng tâm tư khỏi những mâu thuẫn đối kháng.

Cuốn sách hơn 300 trang của Tuệ Sỹ là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học Phật giáo thời nay, của người Việt Nam hay của cả thế giới. Thượng tọa Thích Nguyên Siêu, chùa Phật Đà tại San Diego, California, giới thiệu sách này khi xuất bản ở hải ngoại, đã nguyện cầu tất cả loài người "nếm được giọt hương Pháp của chất vị Giải thoát" nhờ cuốn sách này. Đó cũng là nguyện ước của những người may mắn được đọc cuốn sách của Tuệ Sỹ.

Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ tục danh là Phạm Văn Thương, sinh năm 1941, hiện ở chùa Già Lam, Sài Gòn. Năm 1978 ông đã bị bắt đi cải tạo bốn năm. Năm 1984 ông bị bắt cùng Thượng tọa Thích Trí Siêu Lê Mạnh Thát, và bốn năm sau hai ông bị kết án tử hình, nhưng sau những lời phản đối trong dư luận quốc tế, được giảm xuống thành án 20 năm tù. Năm 1998 hai ông được "tạm tha." Hiện Thượng tọa Tuệ Sỹ tiếp tục trứ tác tại chùa Già Lam, sống trong tình trạng quản thúc. Giáo sư Lê Mạnh Thát đã xuất bản nhiều tác phẩm về lịch sử và văn học Phật giáo Việt Nam, đã được một hội nghị Phật giáo Thế giới tại Bangkok ủy nhiệm đứng đầu ban tổ chức lễ Phật Đản 2552 tại Việt Nam trong năm tới, lần đầu tiên được tổ chức tại nước ta cho các nước khác cùng đến dự.

Siêu Tư Bản và Thể Chế Dân Chủ

NGUYỄN QUỐC KHẢI

"Chúng ta có thể ở trong tình trạng hoặc chúng ta có một số ít người rất giầu có hoặc chúng ta có thể chế dân chủ. Nhưng chúng ta không thể có cả hai."

Bill Gates, Sr.
(Luật sư và cha của Bill Gates, Jr., Chủ Tịch của công ty Microsoft).

Sự khác biệt giữa dân chủ và tư bản

Dân chủ có nghĩa là con người tự do. Tư bản có nghĩa là thị trường tự do. Dân chủ và tư bản cùng có một triết lý chính trị chung, nhưng cũng chỉ là hai phương pháp thử nghiệm nhằm giải quyết những vấn đề của con người trong những điều kiện không chắc chắn. Trong khi đó thì cộng sản hoàn toàn thất bại khi áp dụng chế độ kinh tế chỉ huy, tước đoạt sự tự do của con người, để giải quyết nhu cầu vật chất của con người, trong những điều kiện chắc chắn giả tạo.

Tư bản là về lãnh vực kinh tế. Dân chủ là về lãnh vực chính trị. Hai thể chế này có mục tiêu khác nhau. Kinh tế nhắm sản xuất nhiều sản phẩm và dịch vụ, tức là phúc lợi của con người. Chính trị ấn định luật lệ và quyền hạn của con người trong xã hội.

Trong khi dân chủ chủ trương phân chia quyền hành một cách quân bình hơn cho mọi người, chủ nghĩa tư bản không thể phân phối sự phong phú một cách công bình cho mọi giới. Trong khi thể chế dân chủ chú trọng về quyền lực của con người bình thường (demos = common people; cracy = power), chủ nghĩa tư bản thuần tuý nhắm vào lợi nhuận. Dân chủ kết hợp dân chúng lại để quyết định những vấn đề quan trọng còn tư bản phân chia con người theo nhiều lãnh vực và mỗi người chạy theo tư lợi của mình mà không để ý đến những người khác. Dân chủ đại diện nhóm, công cộng và hợp tác trong khi tư bản ủng hộ cá nhân, riêng tư và cạnh tranh.

Chế độ siêu tư bản, xuất hiện trong thị trường toàn cầu hóa sẽ được bàn trong phần sau, làm những khác biệt giữa dân chủ và tư bản càng rõ ràng hơn. Tư bản và dân chủ ảnh hưởng lẫn nhau. Chủ nghĩa tư bản bị chi phối bởi những giới hạn chính trị thí dụ như chính sách về thuế, kiểm soát mức lương, bảo hiểm sức khoẻ và môi trường. Đã lâu người ta tin tưởng rằng tự do của cá nhân và tự do của thị trường liên hệ chặt chẽ với nhau và thể chế dân chủ và chủ nghĩa tư bản thường đi đôi với nhau. Dân chủ không thể có nếu không có tư bản và ngược lại. Nhưng trên thực tế trong một thế giới tiến bộ như hiện nay tư bản và dân chủ là hai lực riêng biệt và thường đối nghịch nhau. Đây là chủ đề của bài phân tách này.

Thế giới nhất cực về chính trị và kinh tế

Sau khi chủ nghĩa cộng sản xụp đổ trên toàn thế giới vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, chủ nghĩa tư bản đã toàn thắng. Trong khoảng một thập niên vừa qua, chủ nghĩa tư bản đã bành trướng khắp nơi trên thế giới. Vài nước độc tài cộng sản còn sót lại ở Á châu như Việt-Nam và Trung Quốc, ngoại trừ Bắc Hàn, đã trở thành những nước tư bản. Hầu hết các quốc gia đều là hội viên của Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (World Trade Organization — WTO) và hội nhập vào kinh tế toàn cầu. Từ một tình trạng lưỡng cực về cả hai mặt chính trị và kinh tế, thế giới trở thành một hệ thống nhất cực.

Về mặt chính trị, Âu châu, Nga và Trung Quốc đã cố gắng xóa bỏ tình trạng nhất cực. Liên Hiệp Âu châu (European Union — EU) được chính thức thành lập vào năm 1993. Tiền thân của tổ chức này là Thị Trường Chung Âu Châu (European Economic Community — EEC) được thành lập từ năm 1957. Từ ngày thành lập đến nay, EU đạt được thoả hiệp về việc bãi bỏ kiểm soát biên giới (1985), thiết lập đồng Euro (1999), và chấp thuận Hiến Pháp Âu châu (2004).

Khối Thượng Hải (Shanghai Cooperation Organisation - SCO) được thành lập từ năm 2001, gồm Liên Bang Nga, Trung Quốc, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, và Uzbekistan. Tiền thân của tổ chức này là Thượng Hải 5 (Shanghai Five) gồm tất cả những nước trên ngoại trừ Uzbekistan, được thành lập vào năm 1996. Năm nước tham dự với tính cách quan sát viên là Ấn Độ, Iran, Pakistan, và Mông Cổ. Iran tỏ ra chú ý đến việc gia nhập vào tổ chức này. Khối Thượng Hải Mới đây tổ chức thao diễn quân sự chung ở Nga.

Về mặt kinh tế, thế giới vẫn là nhất cực. Những đại công ty đa quốc gia được thành lập. Chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa và đang trở thành một thứ chủ nghĩa siêu tư bản (supercapitalism) với những cực đoan của tất cả những lý thuyết và phong trào cực đoan. Những quá trớn của chủ nghĩa siêu tư bản bắt đầu lộ ra. Tư bản toàn cầu tạo ra nhiều kẻ thắng và nhưng số người bại còn nhiều hơn. Sự giầu có vượt bực của một số ít làm gia tăng sự bất mãn của nhiều người và có thể gây bạo loạn, khủng bố, và nội chiến.

Tư bản toàn cầu quá trớn cũng có thể tạo ra thảm họa cho thế giới. Giữa các quốc gia cũng có kẻ thắng bao gồm các cường quốc kỹ nghệ và người thua bao gồm các nước nông nghiệp chậm tiến với tất cả sự yếu kém về những phương diện như kỹ năng quản trị, bảo vệ môi trường, hạ tầng cơ sở và dịch vụ. Tại những quốc gia Phi Châu không có tài nguyên thiên nhiên, tình trạng kinh tế suy xụp trước làn sóng tư bản toàn cầu. GS Lord Dahrendorf của Trung Tâm Khoa Học Xã Hội tại Berlin và là cựu Giám Đốc của London School of Economics nhận định rằng những người bị đẩy vào ngõ cụt sẽ trở nên hung bạo và chủ tâm gây thiệt hại cho kẻ thắng mà không cần có mục đích gì cả. Đó là nguồn gốc của chủ nghĩa vô chính phủ trong quá khứ và cũng là nguyên nhân của nạn khủng bố ngày nay.

Xung khắc giữa dân chủ và tư bản

Tư bản và dân chủ không hoạt động nhịp nhàng với nhau về mọi phương diện như người ta tưởng.

Chúng ta còn nhớ buổi họp báo tại Quốc Hội Hoa-Kỳ do Phong Trào Quốc Tế Yểm Trợ Cao Trào Nhân Bản, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển, và Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng tổ chức vào tháng 6-2007, một ngày trước khi ông Nguyễn Minh Triết đến thăm xã giao Tổng Thống George W. Bush. DB Ed Royce (CH, California), trong số những nhà lập pháp Hoa-Kỳ tham dự cuộc họp báo này, lên án mạnh mẽ chế độ độc tài tại Việt-Nam và ủng hộ phong trào dân chủ nhưng ông cũng không quên bào chữa cho việc đón tiếp lãnh tụ độc tài Nguyễn Minh Triết tại Tòa Nhà Trắng. Ông nói rằng Tổng Thống George W. Bush phải chiều lòng giới tư bản Hoa-Kỳ muốn giao dịch thương mại với Việt-Nam.

GS Michael Mandelbaum của trường Cao Học Quốc Tế Vụ thuộc Đại Học Johns Hopkins mới đây trong bài với tựa đề "Democracy Without America," (Foreign Affairs, September / October 2007), nhận định rằng "Chìa khóa để thiết lập một thể chế dân chủ đắc dụng và đặc biệt đối với những định chế tự do, là nền kinh tế thị trường. Những định chế, kỹ năng, và giá trị để điều hành một nền kinh tế thị trường tự do là những vật liệu để cấu tạo thể chế dân chủ... Mặc dù Hoa-Kỳ thất bại trong những cố gắng bành trướng dân chủ, thể chế này đã bành trướng trên toàn thế giới vì thị trường tự do. Mặc dầu thế giới Ả Rập, Nga, và Trung Quốc là những thách thức, nhưng áp lực dân chủ chỉ có thể gia tăng khi mà các nền kinh tế được cải tổ trong thời gian tới."

Quyền tư hữu là trọng tâm của chế độ tư bản. Quyền này tạo cho chủ nhân một môi trường tự trị và ban cho chủ nhân một số tự do cá nhân. Tư sản phân tán quyền lực, làm giảm sự lệ thuộc vào chính quyền, và khuyến khích sự thành hình của xã hội dân sự. Chúng ta chắc hẳn đồng ý rằng những ý niệm trên rất đúng trong khoảng gần nửa thế kỷ trước đây và ngày nay tại những quốc gia đang còn chuyển tiếp từ phi thị trường sang thị trường tự do. Nhưng tại những cường quốc kinh tế nơi đây chế độ tư bản đã phát triển cao độ, lấn sâu vào lãnh vực chính trị, làm ra luật để bảo vệ quyền lợi của giới kinh doanh, và trở thành một chế độ siêu tư bản, một lực tiêu cực với dân chủ.

GS Robert B. Reich thuộc Đại Học California tại Berkeley nhận xét rằng: "Tại Nhật Bản, nhiều công ty đã bỏ chính sách bảo đảm việc làm suốt đời, giảm số nhân viên, và đóng những bộ phận không sanh lời. Chắc chắn rằng một số người tiêu thụ và đầu tư Nhật Bản được hưởng lợi từ việc thu nhỏ công ty, nhưng nhiều công nhân Nhật bị bỏ rơi lại đằng sau. Một quốc gia từng hãnh diện về một xã hội nơi mà tất cả

mọi người đều thuộc giai cấp trung lưu nay đã thể hiện sự cách biệt về lợi tức và phồn thịnh. Trong khoảng thời gian 1999-2005, tỉ lệ gia đình không có tiết kiệm tăng gấp đôi, từ 12% lên đến 24%. Công dân Nhật thường xuyên biểu lộ cảm giác mất quyền lực. Giống như nhiều nước tự do trên thế giới, Nhật Bản ủng hộ hệ thống tư bản toàn cầu nhưng có một thể chế dân chủ quá yếu ớt để đối đầu với nhiều bất lợi của thị trường tự do."

Trong thế giới siêu tư bản, thị trường càng tự do bao nhiêu, thì thể chế dân chủ càng yếu, càng thiếu hiệu quả, và con người dưới chế độ này càng ít được "tự do". Tư bản có khuynh hướng làm suy yếu thay vì hỗ trợ dân chủ. Nếu trong một quốc gia không có luật lệ, tất cả những công ty và những cơ quan được tư nhân hóa, nền dân chủ tại quốc gia này sẽ lụn bại. Chế độ siêu tư bản lý luận rằng các công ty tư nhân được tự do làm ăn, được điều hành các hệ thống an sinh xã hội, bưu điện, y tế, và cả hệ thống giáo dục công lập vì những người chủ trương chế độ siêu tư bản tin rằng lợi nhuận là động cơ làm cho tư nhân hoàn tất nhiệm vụ hiệu quả hơn là chính phủ.

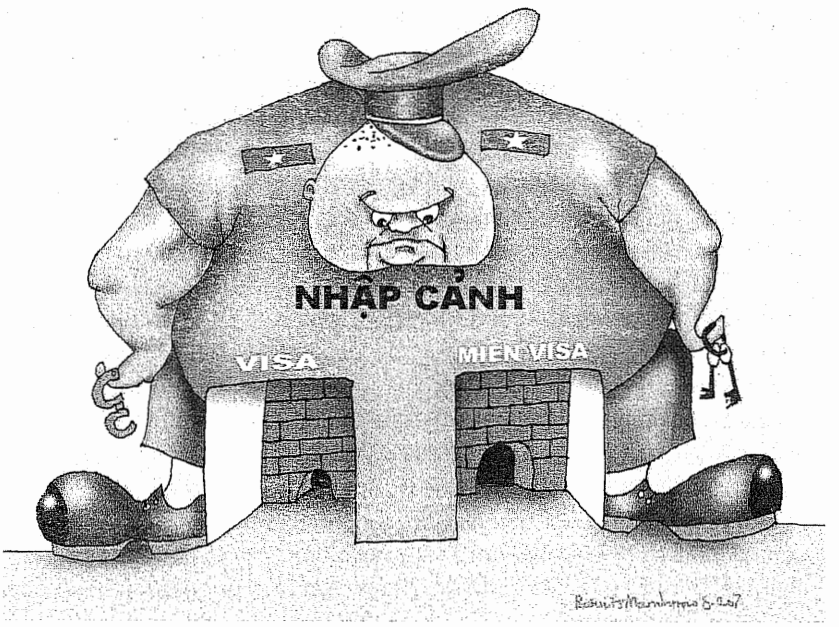

Khi chính phủ ít can thiệp một cách không cần thiết vào đời sống và việc làm ăn của công dân, sự điều hành của chính phủ trong nước này có lẽ hiệu quả nhất. Nhưng nếu một quốc gia thiếu sự điều hành, người dân sẽ chịu nhiều thiệt thòi, không thua gì dưới một chế độ độc tài mọi thứ đều do chính phủ định đoạt.

Trường hợp dân chủ thất bại

Nhiều người ủng hộ sự bành trướng của dân chủ vì tin tưởng thể chế dân chủ làm gia tăng sự thịnh vượng cho nhân loại. Đây có thể là sự kỳ vọng quá mức vì lịch sử chứng minh rằng có những lúc dân chủ đem lại sự thất vọng.

Khi cộng sản xụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, dân Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc và nhiều quốc gia khác xuống đường để đòi hỏi độc lập và tự do. Tuy nhiên những công dân của các quốc gia này, ngoài quyền bỏ phiếu và tự do ngôn luận, còn muốn được tự do kinh doanh và mong đợi một đời sống sung túc hơn dưới chế độ tư bản. Nhưng trong giai đoạn chuyển tiếp, những công dân Đông Âu đã chứng kiến nhiều công xưởng đóng cửa, dịch vụ nhà nước biến mất, nạn thất nghiệp và tỉ lệ nghèo đói tăng. Phép lạ của tư bản không thể hiện tại Đông Âu trong giai đoạn này. Người dân có khuynh hướng quay về dĩ vãng, thời kỳ bao cấp, làm theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu, mọi người đều có việc làm dù phải làm những việc không thích với đồng lương chết đói. Người dân trong giai đoạn này nghi ngờ giá trị của dân chủ.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vào thập niên 1930 khởi sự từ nước Đức, lan tràn qua các nước tư bản Âu châu, Hoa-Kỳ, và khắp các lục địa. Nạn khủng hoảng này là nguyên nhân của sự xụp đổ của nền dân chủ Đức. Các nền dân chủ lâu đời hơn như Anh và Hoa-Kỳ cũng bị thiệt hại không kém gì Đức. Tuy nhiên, tình trạng này không làm cho đám đông chán ghét chế độ dân chủ. Công dân ở các nước Hoa-Kỳ, Anh, Thụy Điển, Thụy Sĩ, cũng như một số nước khác dường như công nhận rằng khủng hoảng của chế độ kinh tế tư bản không nhất thiết trở thành một cuộc khủng hoảng của thể chế dân chủ. Ngược lại, cuộc khủng hoảng dân chủ

không nhất thiết đưa đến cuộc khủng hoảng tư bản. Nhưng phần đông người ta không hiểu được như vậy. Vì thế một số người có những hành động làm thiệt hại cả hai thể chế dân chủ và tư bản và quên rằng thể chế dân chủ luôn luôn cần thiết để bảo vệ tự do và công bình trong xã hội.

Độc tài và tư bản

Trong một nước độc tài, chế độ tư bản lại mau chóng biến thành chế độ siêu tư bản. Độc tài cộng với siêu tư bản có thể biến thành phát xít như trường hợp của Việt-Nam, Trung Quốc và Nga hiện nay. Tại những quốc gia này, tự do thị trường liên kết với độc tài chính trị sanh ra đủ mọi thứ tội ác mà không ai kiểm soát được trong khi người dân hoàn toàn bất lực và do đó phải chịu mọi bất công xã hội. Giai cấp lãnh đạo trở thành giai cấp siêu tư bản với chủ trương xây dựng và phát triển một giai cấp trung lưu mới trung thành với đảng Cộng Sản. Những người bị khả nghi hay bất đồng chính kiến với đảng sẽ bị gạt ra ngoài xã hội, không có cơ hội thăng tiến hay phương tiện sinh sống dễ dàng. Gia đình của họ bị đối xử tương tự.

Trung Quốc cũng như một học trò trung thành là Việt-Nam tiến tới chế độ tư bản mà không chấp nhận thể chế dân chủ. Đây là điều kiện thuận lợi cho những người đầu tư ở Trung Quốc cũng như Việt-Nam vì họ cần sự ổn định chính trị. Điều này cho thấy có sự a tòng giữa tư bản và độc tài. Chủ tịch của các đại công ty thường giao hảo tốt đẹp với những lãnh tụ độc tài. Hoạt động của tổ chức Hội Đồng Thương Mại Mỹ Việt (US-Vietnam Trade Council — USVTC) nhằm liên kết tư bản Hoa-Kỳ và chế độ độc tài tại Việt-Nam và phát triển thương mại giữa hai quốc gia.

Trong khi đó những người dân Trung Quốc và Việt-Nam ngày càng chịu nhiều hậu quả xã hội. Khoảng cách chênh lệch giầu nghèo ngày càng rộng lớn hơn. Giới thương gia tinh hoa của Trung Quốc và Việt-Nam sống trong những dinh thự tại những khu vực ngoại ô có người canh gác và gửi con cái ra ngoại quốc học. Trong lúc đó, những dân quê tràn về vùng đô thị và làm gia tăng nạn thất nghiệp và sự nghèo đói tại đây. Tuy nhiên những người bị ảnh hưởng nhiều nhất lại chỉ có chút ít thế lực chính trị để có thể thay đổi tình trạng này. Họ không thể làm gì được hơn ngoài việc biểu tình nhưng lại thường xuyên bị dẹp tan bởi vũ lực như đã xẩy ra cho dân oan khiếu kiện tại Saigon vào tháng 7-2007.

Nhà cầm quyền Hà Nội toa dập với tư bản ngoại quốc để dìm mức lương và quyền lợi của công nhân. Mới đây, Việt-Nam còn ra luật cấm đình công nếu không được phép của Tổng Liên Đoàn Lao Động, một cơ quan thuộc Đảng CSVN. Khi các công ty ngoại quốc than phiền về các cuộc đình công bất hợp pháp và phản đối việc tăng lương tối thiểu của nhà nước, ông Chủ Tịch Trần Đức Lương vội lên tiếng xin lỗi.

Nhiều nhà phân tách nhận định rằng chế độ tư bản tại Trung Quốc cũng như Việt-Nam có những sai lầm. Một chế độ độc tài muốn tồn tại lâu dài cần phải can thiệp ít nhiều vào hoạt động kinh tế, trong đó quyền tư hữu tiếp tục bị giới hạn, sáng kiến kinh doanh bị hạn chế vì phải theo chỉ thị của nhà nước trong những "kế hoạch kinh tế ngũ niên" hoặc những phương cách kiểm soát khác. Do đó, trước sau Trung Quốc cũng như Việt-Nam sẽ phải hoặc giới hạn tư bản hoặc nới rộng dân chủ.

Điều kiện kinh tế cuối cùng sẽ định đoạt cấu trúc chính trị. Trong một tương lai gần, sự thành công của chế độ tư bản sẽ áp đặt thể chế dân chủ tại Trung Quốc cũng như Việt-Nam. Biến cố Thiên An Môn là dấu hiệu đầu tiên của lòng khao khát dân chủ tại Trung Quốc. Người dân Việt-Nam cũng như Trung Hoa ưa thích sự chọn lựa sản phẩm trong chế độ kinh tế thị trường tự do tất nhiên cũng sẽ muốn lựa người lãnh đạo quốc gia có quyền định đoạt sự an sinh của người dân.

Các chế độ độc tài hiện nay nghiên cứu rất kỹ lưỡng những lý do khiến các chế độ độc tài trong lịch sử có thể tồn tại lâu dài. Một trong những điều họ khám phá ra là sự sợ hãi, thụ động, và tránh né chính trị của người dân. Các chế độ độc tài cộng sản còn lại hiện nay như Trung Quốc và Việt-Nam dựa vào những điều kiện này để cai trị người dân. Trong khi nạn tham nhũng có thể làm soi mòn quyền lực của các chế độ độc tài, và sinh viên tốt nghiệp từ các nước Tây phương trở về sẽ đòi hỏi tự do ngôn luận, nhưng nếu số đông hài lòng với những thành công về mặt kinh tế sẽ có thể chấp nhận sống dưới chế độ độc tài. Trong trường hợp này các chế độ độc tài có thể tồn tại lâu dài.

Giải pháp

"Mặc dầu những thị trường tự do đã mang lại thịnh vượng chưa từng thấy cho nhiều người,

nhưng chúng cũng gia tăng cách biệt giầu nghèo, sự bất ổn về việc làm và những rủi ro về môi trường như sự hâm nóng quả địa cầu. Thể chế dân chủ được thiết lập để cho phép công dân nêu lên chính những vấn đề này một cách xây dựng. Tuy nhiên, công dân ở Âu Châu, Nhật Bản và Hoa-Kỳ cảm thấy mất dần quyền hành, trong khi đó giới tiêu thụ và đầu tư lại cảm thấy có nhiều thế lực hơn. Nói tóm lại không một quốc gia dân chủ nào có thể đối phó với những ảnh hưởng tiêu cực của chế độ tư bản."

Chủ nghĩa tư bản toàn thắng nhưng không lâu đã dành thêm được một số quyền lực mới: toàn cầu hóa quá trớn trong đó một người thắng thì sẽ có mười người thua. Một lần nữa thể chế dân chủ lại bị đổ cho trách nhiệm về sự ảnh hưởng kinh tế tiêu cực này. Thể chế dân chủ phải mạnh hơn để kiềm chế chế độ siêu tư bản chứ không thể để tình trạng ngược lại xẩy ra. Tự do dân chủ là cách tốt nhất bảo đảm nền hòa bình thế giới, chống lại khủng bố và các phong trào cực đoan. Nhưng trước hết chúng ta cần phải chặn đứng sự lấn áp của chế độ siêu tư bản và phải phân chia ranh giới rõ ràng giữa tư bản và dân chủ. "Vai trò của lực tư bản không có gì khác là làm cho chiếc bánh kinh tế lớn hơn và đáp ứng một cách thỏa đáng đối với đòi hỏi của người tiêu thụ, nhưng lực dân chủ phải tranh đấu để thực hiện những nhiệm vụ căn bản là chia chiếc bánh sao cho công bằng, nói và hành động theo lý tưởng tốt đẹp chung, và giúp đỡ xã hội thực hiện cả hai mục tiêu là tăng trưởng và quân bình."

"Thể chế dân chủ cho phép công dân có thể tranh luận tập thể về những vấn đề như nên chia lợi tức quốc gia làm sao và ấn định luật lệ nào để áp dụng cho sản phẩm tư và công. Ngày nay, người ta ngày càng để mặc những việc này cho thị trường quyết định. Điều tối cần thiết là phân chia ranh giới rõ ràng giữa hai lãnh vực tư bản và dân chủ - giữa trò chơi kinh tế về một mặt và làm sao ấn định luật chơi về mặt khác. Nếu mục tiêu của chế độ tư bản là cho phép những công ty được tham dự vào thị trường càng năng nổ bao nhiêu càng tốt, thì thử thách đối với công dân là không để cho những thực thể kinh tế này làm ra luật lệ cho chúng ta phải sống theo."

Lịch sử cho thấy mỗi khi có những biến đổi kinh tế lớn lao, luôn luôn xẩy ra hiện tượng người thắng kẻ thua, và cách biệt giầu nghèo gia tăng không tránh được. Những ảnh hưởng tiêu cực của chế độ tư bản toàn cầu tạo nhiều áp lực trên thể chế chính trị, có thể được triệt tiêu bằng cách tạo cơ hội cho những người bị bỏ rơi ra ngoài lề được hưởng những ảnh hưởng tích cực của sự toàn cầu hóa. Nền dân chủ phải bảo đảm rằng mọi công dân phải được hưởng quyền lợi một cách quân bình, nếu không nền tư bản toàn cầu sẽ phá huỷ nền dân chủ tại mỗi quốc gia.

Kết luận

Không thực sự có sự liên đới bắt buộc giữa dân chủ và tư bản. Kinh nghiệm cho thấy tư bản có thể tự bành trướng và phát triển trong các nước dân chủ hay độc tài. Nếu muốn phát triển dân chủ, rõ ràng là bành trướng chế độ kinh tế tư bản không đủ. Một thế giới tư bản không chắc chắn là một thế giới dân chủ.

Thị trường tự do giúp tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dân chủ phát triển, nhưng không đương nhiên đưa đến dân chủ. Thể chế dân chủ không thể tự xuất cảng mà phải được thực hiện bằng một chiến lược được tính toán kỹ lưỡng và hiệu quả trước sự chống đối của những kẻ chủ trương độc tài. Hiện nay một chiến lược thích hợp để dân chủ hoá toàn cầu cần được tìm thấy, nhưng chắc chắn không phải bằng vũ lực hay trông cầu hoàn toàn vào sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản.

10.9.2007

Tài liệu tham khảo:

(1) Lord Dahrendorf, "Globalisation Capitalism and Democracy," *in Democracy and Capitalism, Hansard Society, 2006.*

(2) John Feffer, "Capitalism and Democracy: Iron Fist Economics," *January 15, 2007.*

(3) Nguyễn Quốc Khải, "Liệu Cải Tổ Kinh Tế Và Mở Cửa Buôn Bán Với Thế Giới Có Mang Lại Tự Do Và Dân Chủ Cho Việt-Nam Hay Không *?" Bài thuyết trình tại buổi hội thảo ở Đại Học Quebec, Montreal ngày 1.11.2003.*

(4) Nguyễn Quốc Khải, "Việt-Nam Có Cần Một Chế Độ Độc Tài Hay Không Để Trở Thành Một Con Rồng Mới Của Á Châu?" *Vietnam Review, 20-02-2005.*

(5) Michael Mandelbaum, "Democracy Without America," *Foreign Affairs, September/October 2007.*

(6) Robert B. Reich, "How Capitalism Is Killing Democracy," *Foreign Policy magazine, September/October 2007*

(7) Robert J. Samuelson, "Capitalism vs Democracy," *Newsweek, October 3, 2005.*

(8) Michael Sky, "Capitalism vs. Democracy," *April 9, 2007.*

(9) The Ethical Spectacle, "Democracy and Capitalism," *April 1996.*

Vài ghi nhận sơ lược về tình hình chính trị Miến-Điện tháng 9 năm 2007

TRƯƠNG NHÂN TUẤN

Miến-Điện là một trong những nước độc-tài, quân-phiệt lâu năm nhất còn hiện-hữu trên thế-giới ngày nay, có giao-hảo thân-thiết với Trung-Quốc, khá thân-mật với Nga và có quan-hệ lịch-sử với Ấn-Độ. Vị-trí địa-lý Miến-Điện quan-trọng về chiến-lược cho Ấn-Độ và Trung-Quốc, hai nước khổng-lồ, hai nền văn-minh lớn của nhân-loại, cũng là hai láng-giềng đặc-biệt của Miến-Điện. Miến-Điện cũng là thành-viên của Hiệp-Hội Các Nước Đông-Nam-Á ASEAN năm 1997.

Dân Miến hiện nay có khoảng 54 triệu người, đa số theo Phật-Giáo (theravada), thủ-đô mới từ ngày 7 tháng 11 năm 2005 là Naypyidaw, được xây-dựng như là một bunker thuộc vùng Trung Miến, cách thủ-đô cũ Rangoon khoảng 400km, theo chế-độ độc-tài quân-phiệt, do tướng Than Shwe (74 tuổi) lãnh-đạo, thủ-tướng là tướng Soe Win (59 tuổi). Mặc dầu gia-nhập khối ASEAN nhưng nước này vẫn khép-kín với thế-giới.

Miến-Điện là một nước nghèo, xếp vào hàng kém phát-triển.

Lịch-sử cận-đại của Miến-Điện có thể tóm-lược qua các thời-kỳ như sau:

Thời-kỳ độc-lập

Miến Điện vốn là cựu thuộc-địa của đế-quốc Anh. Ông Aung San (cha của bà Aung San Suu Kyi, Nobel Hòa-Bình 1991), một nhân vật chủ yếu của lực-lượng tranh-đấu dành độc-lập Miến-Điện, ban đầu lãnh-đạo về quân-sự với quân-hàm Tướng, sau đó gia-nhập chính-phủ lâm-thời, là bước chuẩn-bị cho quốc-gia Miến-Điện sắp được độc-lập. Ông có vai trò quan-trọng trong quá-trình thương-thuyết với Anh về vấn-đề trao-trả độc-lập. Nhưng chỉ vài tháng trước khi đạt được mục-tiêu (được Anh trả độc-lập ngày 4 tháng 1 năm 1948), Tướng Aung San bị ám-sát chết cùng lúc với một số thành-phần trong chính-phủ lâm-thời. Nguyên-nhân tướng Aung San bị giết, có giả-thuyết cho rằng vì chủ-trương «dân-tộc tự quyết» của ông, sau khi dành được độc-lập, sẽ cho các dân-tộc thiểu-số được quyền quyết-định tương-lai của họ (1). Chủ-trương này của ông Aung San đã bị các thành-phần ái-quốc khác phản-đối kịch-liệt.

Sau khi được độc-lập, Miến-Điện theo thể-chế Đại-Nghị, có thủ-tướng là ông U Nu. Nhưng tình-hình ngày càng bất-ổn do đối-lập cộng-sản quấy-rối và nhóm dân-tộc Karen đòi độc-lập. Dầu vậy, trong thời-gian này kinh-tế Miến-Điện khá phát-triển và có tiếng là kho gạo của khu Châu-Á.

1962-1988 : Thời-kỳ quân-phiệt của tướng Ne Win.

Năm 1962 tướng Ne Win (2) lật-đổ chế-độ Đại-Nghị và thiết-lập một chế-độc độc-tài theo khuynh-hướng «xã-hội chủ-nghĩa» và lập đảng mang tên «Đảng của chương-trình xã-hội Miến-Điện» - Parti du Programme Socialiste Birman (BSPP) — nhưng không ngả theo Liên-Xô hay Trung-Quốc mà theo khuynh-hướng «phi-liên-kết» (như Ấn-Độ). Chế-độ quân-phiệt do Ne Win thiết-lập gặp sự chống-đối mãnh-liệt của thành-phần sinh-viên. Hành trăm sinh-viên bị chết sau đó qua các cuộc đàn-áp dã-man của quân-đội. Năm 1964 đảng BSPP trở thành đảng duy-nhất. Đảng này nhanh-chóng củng-cố địa-vị độc-tôn của mình qua việc thành-lập các hệ-thống theo dõi và tố cáo (theo kiểu tổ tam-tam, tổ ba người, mọi người dò-xét lẫn nhau của Việt-Nam) để kiểm soát toàn bộ dân chúng. Hệ thống này vẫn còn hiện hữu đến ngày hôm nay. Đương nhiên, cũng như Việt Nam, xã-hội Miến cũng đầy rẫy các vụ bắt bớ, giết người hàng loạt không xét xử. Năm 1974 sinh-viên xuống đường biểu-tình nhưng bị quân-đội đàn-áp đẫm máu. Năm 1975, các dân-tộc thiểu-số thành-lập Mặt-Trận Dân-Chủ Quốc-Gia «Front Démocratique National» (NDF).

1988: Chấm dứt BSPP, thành-lập SLORC và thế-hệ dân-chủ 88

Cũng như các nước theo đuổi chính-sách kinh-tế xã-hội chủ-nghĩa, đóng của với du-khách, quay lưng với đầu tư nước ngoài, chế-độ quân-phiệt phá nát kinh-tế quốc dân Miến-Điện, đến năm 1988 nước này được xếp vào các nước nghèo (kém phát-triển). Những cuộc xuống đường biểu-tình do sinh-viên, vào tháng 3 năm 1988, được sự hưởng-ứng rộng-rãi của người dân, nhưng bị quân đội đàn áp dã man, người ta dự đoán trong vụ này có đến trên 4.000 người chết và mất tích. Tuy nhiên các cuộc biểu-tình đem lại kết-quả là tướng Ne Win từ chức. Đảng BSPP giải-tán, tháng 9, và được thay thế bằng Ủy-Ban Quốc-Gia về Tái-Lập Trật-Tự Công-Cộng (Conseil national pour le rétablissement de l' ordre public) SLORC. Cũng vào thời điểm này bà Aung San Suu Kyi (3) từ Anh-Quốc trở về nước, với mục-đích thăm mẹ đang hấp-hối trên giường bệnh. Bà được đề cử lãnh đạo Phong-Trào Quốc-Gia vì Dân-Chủ «Ligue Nationale

pour la Démocratie» NLD, chỉ mới thành-lập ngày 27 tháng 9 (4). Tướng Ne Win, mặc dầu thoái-vị nhưng vẫn đóng vai Thái-Thượng-Hoàng giật dây bên trong, bị bà Aung San Suu Kyi chỉ-trích nên hạ lệnh cho nhóm quân-phiệt lãnh-đạo phải quản-chế bà này (từ tháng 7 năm 1989 cho đến tháng 7 năm 1995). Dầu vậy, trong cuộc bầu-cử tháng 5 năm 1990, đảng NLD chiếm đến 82% ghế quốc-hội. Nhưng nhóm quân-phiệt SLORC không chấp-nhận kết-quả bầu-cử và không chuyển-giao quyền-hành cho phe thắng cử. NLD xác-định lại tính chính-thống của mình qua việc thành-lập một ủy-ban đại-diện Quốc-Hội, nhưng bị đàn-áp, kết-quả 44 dân-biểu bị bắt giam, 113 người bị hăm-dọa phải rút lui, 20 người khác bị giết chết, trong đó có hai người chết trong tù. Tổng-kết, phe quân-phiệt bắt giam khoảng một ngàn người, thành-viên của Phong-Trào Quốc-Gia vì Dân-Chủ NLD. Một số được thả ra sau này sau khi cam-kết với chế-độ quân-phiệt sẽ từ bỏ mọi sinh hoạt chính trị.

Ủy-Ban Quốc-Gia về Tái-Lập Trật-Tự Công-Cộng (Conseil national pour le rétablissement de l' ordre public) SLORC được đổi tên năm 1997 thành ra Conseil d'Etat pour la paix et le développement (SPDC) Ủy-Ban Quốc-Gia Về Hòa-Bình và Phát-Triển.

Từ 1988 đến nay

Cuộc tranh-đấu của dân-tộc Miến theo chiều-hướng ôn-hòa, qua Phong-Trào Quốc-Gia vì Dân-Chủ «Ligue Nationale pour la Démocratie» NLD đại-diện là Aung San Suu Kyi. Thời điểm 1988 đánh dấu thế-hệ tranh-đấu mới của thành phần sinh viên Miến, gọi là thế-hệ 88 (vì bắt đầu từ năm 1988) đồng-thời xác nhận vai trò lãnh-đạo khối dân-chủ của bà Aung San Suu Kyi. Năm 1988 cũng đánh dấu việc từ bỏ kinh-tế xã-hội chủ-nghĩa để trở lại kinh-tế thị-trường của giới quân-phiệt SLORC. Tuy nhiên, cũng như Việt-Nam, sau khi khối cộng-sản quốc-tế sụp đổ, phải chuyển sang kinh-tế thị-trường, vấn nạn lớn của chế độ là việc tham nhũng lan tràn do giới cầm quyền ỷ thế ăn cắp của công, ăn cướp của dân thành của riêng tư. Miến-Điện là một xứ rất phong phú về lâm sản, mỏ các loại đá quí và dầu hỏa, là một trong các xứ sản-xuất dầu hỏa đầu tiên của thế giới, lúc còn chịu cai trị của đế-quốc Anh, những năm đầu thế kỷ 20. Các tướng lãnh quân phiệt trong ban SLORC móc nối với các đại công-ty ngoại quốc, cho khai thác tài nguyên (như hãng Total-Fina của Pháp và các công-ty khai-thác lâm-sản và hải sản Thái-Lan), sử dụng người dân Miến, kể cả trẻ em, như những nô lệ để xây dựng các phương-tiện cũng như hạ tầng cơ-sở cần-thiết cho việc khai thác. Theo tố cáo của Financial Times thì các đại công-ty thường-xuyên dùng tiền bạc mua chuộc các tướng lãnh nắm quyền. Vừa qua, đám cưới của con gái tướng Than Shwe, nổi tiếng về sự xa-hoa, được nhận quà cưới có đến hơn 50 triệu đô la, trong khi đó đa số người dân Miến không đủ cơm cho hai bữa ăn.

Hiện nay quân đội Miến-Điện có khoảng 400.000 quân (gia tăng từ 250.000 đến 400.000 trong vòng 10 năm). Mặc dầu nước này không có thù nghịch với bất kỳ nước nào (ngoại trừ có một vài căng thẳng nhỏ với Thái-Lan), nhiệm-vụ của họ là kiểm-soát các dân-tộc thiểu-số đòi tự-trị sống ở các vùng rừng núi hẻo lánh. Theo các bản báo-cáo của Liên-Hiệp-Quốc, chính-phủ quân phiệt Miến đã phạm tội ác chống nhân-loại vì đã tàn-sát dã-man các nhóm dân-tộc thiểu-số không chịu qui-phục nhà cầm quyền. Nhưng con số quân đội lớn không phải là một điều ngạc nhiên, ta thấy vai trò của quân nhân Miến-Điện tương-tự như vai trò của đảng viên đảng cộng-sản VN. Họ có mục-tiêu kiểm-soát dân chúng để giữ chế-độ mà họ được ban ơn mưa-móc.

Miến-Điện rất ít phát-triển về kỹ-nghệ, phần lớn dân-chúng sống vùng thôn-quê. Vì theo Phật-Giáo phần lớn nên đời sống của người dân cũng rất đạm-bạc, không phải là một xã-hội tiêu thụ.

Ngân-sách quân-đội chiếm phần lớn ngân-sách quốc-gia (hiện nay là 25%, có tài-liệu nói là 50%). Trường đại học thì đóng cửa từ năm 1988 (chỉ mở lại trong một gian-đoạn ngắn từ 1995-1996) sau đó lại đóng cửa vào tháng 12 năm 1996 vì lý-do an-ninh. Việc đóng hay mở cửa đại-học là do quyết-định của các tướng-lãnh quân-phiệt. Về tiểu học, theo một bản báo cáo của UNICEF, chỉ có khoảng 27% trẻ em được học hoàn tất chương trình. Nguyên-do là vì nhà quá nghèo hoặc vì bị nhà nước bó buộc phải làm việc như làm đường lộ, đường sắt, xây đập v.v... Số đông khác, từ 13, 14 tuổi đã vô đăng lính, hay bị bắt vào lính để làm khổ sai như khuân vác quân-dụng trong các chiến-dịch càn quét dân-tộc thiểu số và không hề có lương bổng. Những đứa trẻ này phần nhiều chỉ nhận được «nước cơm» (tức nấu cơm, đổ nước vào gạo nấu sôi lên, chắt nước ra, nồi cơm được đậy nắp lại, bớt lửa và chờ chín. Nước chắt ra gọi là nước cơm, có màu trắng đục, người nghèo thường dùng như là món canh) thay cho lương-thực. Tổ-Chức Lao-Động Quốc-Tế tố-cáo (năm 1998) nhóm quân-phiệt đã sử-dụng dân chúng như là một nguồn nhân-lực miễn phí khổng-lồ: «*les officiels du gouvernement et en particulier les militaires traitent la population civile comme une immense source de travailleurs forcés non payés et de serviteurs à leur disposition est un élément d'un système politique basé sur l'utilisation de la force et de l'intimidation destiné à priver la population de ses droits démocratiques. Leurs actions sont une offense grave à la dignité humaine et ont un effet avilissant sur la société civile.*»

Ta thấy việc lạm dụng nhân lực, chà đạp nhân phẩm con người của quân phiệt Miến-Điện không khác nhiều lắm nhóm lãnh đạo Việt-Nam trước thời mở cửa. Thành phần «thanh-niên xung phong» là một bằng chứng cho việc lạm dụng nhân lực của

người dân.

Về thứ hạng quyền lực, sắp xếp theo Conseil d'Etat pour la paix et le développement (SPDC, viết tắt theo tiếng Anh) Ủy-Ban Quốc-Gia Về Hòa-Bình và Phát-Triển thì Tướng Than Shue đứng đầu, chủ-tịch của SPDC, thứ hai là ông Maung Aye, thứ ba mới là ông Soe Win, đương-kim thủ tướng.

Tướng Than Shwe, 74 tuổi, rất mê-tín dị-đoan. Tháng 4 năm 1992 ông này cách chức Saw Maung ra ngoài SLORC tức Ủy-Ban Quốc-Gia về Tái-Lập Trật-Tự Công-Cộng (Conseil national pour le rétablissement de l'ordre public) vì Saw Maung chủ-trương đàn-áp vụ 1988 và quá thân cận với Ne Win. Tiếp theo Than Shwe cho phóng thích khoảng 2.000 tù-nhân chính-trị để lấy lòng phe chống đối, nhưng sau khi chấn chỉnh được quyền lực, việc đàn áp cho thấy sau này cũng không kém phần tàn bạo.

Ông Maung Aye, 69 tuổi, được xem như là một người cực-đoan, cứng-rắn đến mức khát máu, trách-nhiệm những vụ tàn sát các nhóm dân-tộc thiểu số mà Liên-Hiệp-Quốc đã từng lên án là các hành-vi vi-phạm tội ác diệt chủng. Ông này dành được chỗ của tướng Khin Nyunt (lãnh-đạo an-ninh quốc-phòng), sau khi ông này bị gạt ra khỏi chức vụ năm 2004 với lý-do chính-thức là tham nhũng. Ông bị quản-chế tại-gia từ thời-điểm này. Khin Nyunt nổi tiếng thông-minh hơn hết trong bốn người lãnh-đạo quân-phiệt (ba người khác là Than Shwe, Maung Aye và Tin U, ông này bị chết tháng hai năm 2001 do tai-nạn phi-cơ), có nếp sống khổ hạnh, nhưng ông là người có thủ đoạn, giật giây trong vụ 1988 để lấy cớ cho quân đội can thiệp.

Hiện nay cơ-quan đầu não của nhóm quân-phiệt đóng tại thủ-đô mới là Naypiydaw, được xây-dựng đặc-biệt như là một pháo đài, cách Rangoon 400km.

Các cuộc biểu-tình vào tháng 9-2007

Nguyên-nhân chính gây nên các vụ biểu-tình tháng 9 năm 2007 của các tăng-chúng Phật-Giáo, sau đó lan rộng đến các thành-phần dân chúng, là do một quyết-định về tăng giá nhu yếu phẩm. Giá xăng tăng 66%, dầu diesel tăng 100%, gaz hóa lỏng tăng 500%; giá gạo, dầu ăn, trứng v.v... đều tăng vọt.

Theo truyền-thống lịch-sử, Phật-Giáo Miến-Điện có trách-nhiệm hướng dẫn vua xứ Miến về đạo-đức xã-hội để cải-thiện đời sống của người dân. Vai trò của «sangha,» cộng-đồng các nhà chùa, tương tự như vai-trò của nhà thờ thời Trung-Cổ ở Châu-Âu. Hiện nay có khoảng 350.000 tu-sĩ tại Miến-Điện, tương-đương với số tu sĩ thuộc Vatican. Phật-giáo ảnh-hưởng sâu đậm đến mọi người dân Miến. Trong đời mọi người đàn ông Miến đều trải qua một thời-gian xuất gia, khoảng hai năm. Phật giáo Miến-Điện dưới thời kỳ thuộc Anh cũng đóng vai trò chủ-động trong việc chống đế-quốc. Năm 1988, những đàn-áp của phe quân-phiệt không chỉ ở trong quần-chúng, các giới sinh-viên, trí-thức, mà cũng lan đến các nhà chùa. Một số không nhỏ sa-môn, tăng-lữ cũng đã bị giết hay bị tù trong các cuộc đàn áp 1988. Như thế nguồn gốc của tranh đấu hiện nay của Phật-Giáo không phải chỉ do biến-động về kinh-tế trong đời sống mà đã bắt nguồn từ 20 năm từ các lý-do chính-trị. Giá cả gia tăng chỉ là một cái cớ. Hành-động các tăng-lữ hướng dẫn nhau tới trước cổng nhà bà Aung San Suu Kyi trong các ngày vừa qua chắc-chắn có một ý nghĩa sâu sắc, biểu hiện sự đồng cảm, hàm ý công nhận sự lãnh-đạo chính thống của bà Aung San.

Đương nhiên, sau một khoảng thời-gian quan-sát, phe quân-phiệt ra tay đàn áp dã man các cuộc biểu tình, mặc dầu trước đó đã có các cảnh cáo đến từ Hoa-Kỳ, Châu-Âu, ASEAN v.v... Người ta hy-vọng vấn-đề Miến-Điện sẽ được đưa ra Hội-Đồng Bảo-An LHQ. Tuy-nhiên, sẽ rất ít hy-vọng kết-quả cụ-thể vì quyền phủ quyết của Trung Quốc và Nga (đồng-minh của quân-phiệt).

Riêng Hoa-Kỳ và Châu-Âu lên tiếng hăm dọa trừng-phạt kinh-tế. Nhưng hiệu-quả chưa chắc có mà đời sống người dân Miến chắc chắn sẽ khó khăn hơn. Tương tự như Việt-Nam trước kia và Bắc-Hàn hiện nay, bằng bộ máy tuyên-truyền rất hiệu quả, người dân ở đó hiểu rằng nguyên nhân nghèo đói của Miến và các nước này là do từ ị cấm vận của «đế quốc Mỹ.»

Tương-lai của Miến-Điện sẽ về đâu? Người viết trích đoạn nhà báo Nguyễn Khanh, RFA, phỏng-vấn Tiến Sĩ Josef Silverstein ngày 28 tháng 9 như sau :

Nguyễn Khanh: Các cuộc biểu tình tiếp tục xảy ra, và người dân Miến Điện đã cất tiếng nói. Muốn hỏi Giáo Sư là chính phủ đương thời Rangoon sẽ tiếp tục đứng vững được bao lâu nữa?

Tiến Sĩ Josef Silverstein: Tôi e rằng chính phủ quân sự Rangoon sẽ tiếp tục điều khiển đất nước Miến Điện trong một thời gian khá lâu. Lý do là phe tướng lãnh có võ khí, có nhà tù và có cả dã tâm đàn áp người dân, thành ra họ sẽ còn tiếp tục nắm quyền trong một thời gian khá dài, trước khi chúng ta nhìn thấy thay đổi.

Nguyễn Khanh: Thay đổi này liệu có thể đến nhanh hơn không?

Tiến Sĩ Josef Silverstein: Nhanh hay chậm tùy thuộc vào con số người dân bị chính quyền bắn chết, tùy thuộc vào con số người đi biểu tình bị bắt bỏ tù. Nhưng đừng quên là nếu nhà cầm quyền áp dụng chính sách thật cứng rắn, có thể lúc đó người dân Miến Điện sẽ sợ hãi, không dám tiếp tục biểu tình bày tỏ quan điểm nữa.

Nhận-định tuy bi-quan nhưng phản-ảnh trung-thực thực-trạng của Miến-Điện. Rất có thể diễn tiến Miến-Điện sẽ xảy ra như ý-kiến của TS Josef Silverstein trên đây. Vì có nhiều lý-do :

Ngoài lý-do phe dân-chủ Miến-Điện chỉ có hay bàn tay không, lấy trứng chọi đá, trên quan-điểm

nhìn «bàn cờ quốc-tế,» vấn-đề Miến-Điện có rất nhiều điều phức-tạp.

Ta thấy hiện nay chế-độ quân-phiệt Miến-Điện và Trung-Quốc đã có bang-giao trên mức «thân-thiện.» Một số các hải-cảng của Miến trong vùng biển Andaman đã được Trung-Quốc sử-dụng làm căn-cứ.

Đặc-điểm khác của vùng Châu-Á là các chế-độ độc-tài ngày càng đông hơn. Vừa qua là Thái-Lan đã trở lại chế-độ quân-phiệt. Sơ-lược ta thấy từ Tây sang Đông có các nước quân-phiệt và độc-tài: Pakistan, Banglades (năm 2005), Miến-Điện, Thái-Lan, Lào, Việt-Nam (nếu không muốn nói thêm các nước Đông-Nam Á hồi-giáo như Mã-Lai, Nam-Dương).

Ấn-Độ, nước dân-chủ duy nhất, bị bao vây Đông và Tây bởi hai nước quân-phiệt Pakistan và Miến-Điện thân Trung-Quốc. Mặc dầu Ấn và Miến có liên-quan về văn-minh và lịch-sử, lãnh-đạo khối dân-chủ Miến, bà Aung San Suu Kyi ảnh-hưởng sâu-sắc Gandhi, vị cha già của Ấn-Độ. Nhưng Ấn-Độ cố hòa hoãn với nhóm quân phiệt để không gây thù-nghịch.

Khuynh-hướng độc-tài trong vùng tăng, các chế-độ độc-tài thường bao che, bênh-vực lẫn nhau, đương-nhiên phía dân-chủ sẽ suy yếu.

Một cái nhìn khác, các chiến-lược gia cũng như các nhà kinh-tế học trên thế-giới cùng đồng ý với nhau rằng thế-kỷ 21 sẽ là thế-kỷ của Trung-Quốc và Ấn-Độ.

Nếu sự phát-triển các nước không bị gián-đoạn do các biến-cố từ khủng hoảng kinh-tế hay chiến-tranh, đến năm 2050, dự-tính PIB đầu người của Hoa-Kỳ (85.000$), Nhật (65.000$), Trung-Quốc (30.000$) và Ấn-Độ (20.000$). Nhưng tổng sản-lượng quốc nội của Trung-Quốc vượt xa các nước khác (nhờ dân số đông) là 45.000 tỉ $ trong khi Hoa-Kỳ chỉ có 35.000 tỉ $, Ấn-Độ 28.000 tỉ $ và Nhật chỉ có khoảng 7.000 tỉ (5).

Một cách hiển-nhiên, Trung-Quốc sẽ là đối-thủ (không phải đối-tác) chiến-lược không những của Hoa-Kỳ trong tương-lai mà còn với Ấn-Độ nữa. Các nhà nghiên-cứu cũng tiên đoán rằng hai nước Trung-Quốc và Hoa-Kỳ sẽ «đụng-độ» với nhau trước 2050. Việc này cũng áp-dụng được cho Ấn-Độ và Trung-Quốc. Nhưng trước 2050 là khi nào?

Cuộc tranh đấu của phe dân chủ tại Miến hiện nay, một mặt dư-luận quốc-tế nhìn về phía Miến-Điện, nhưng người ta cũng lo ngại nhìn về Trung-Quốc và Ấn-Độ.

Chắc chắn Trung-Quốc muốn mọi sự như cũ, tình-trạng «statu quo» có lợi cho Trung-Quốc. Nước này không muốn «can-thiệp» lộ liễu vào nội tình Miến-Điện vì lo ngại thế-giới tẩy chay thế-vận-hội sẽ tổ-chức vào ngày 8 tháng 8 năm 2008 (khai-mạc lúc 8 giờ, 8 phút, 8 giây! Mấy ông lãnh-đạo cộng-sản Tàu cũng dị-đoan không kém lãnh-đạo quân-phiệt Miến. Họ chỉ khác nhau ở hai con số 8 và 9). Thời-điểm xảy ra quả không có lợi cho Trung-Quốc.

Riêng Ấn-Độ thì có lợi nếu phe dân-chủ thắng và nắm quyền. Nhưng làm thế nào để phe dân-chủ Miến-Điện thắng? Ấn-Độ hiện nay không thể đơn-phương can-thiệp vì chưa đủ sức. Chỉ Hoa-Kỳ mới nắm chìa khóa cho mọi vấn-đề. Hoa-Kỳ rất muốn Miến-Điện xếp hàng theo mình (và Ấn-Độ), nhưng thời điểm hiện nay cũng không tiện cho Hoa-Kỳ vì nước này còn đang vướng Iran và vấn-đề Irak (dầu đã đạt được mục-tiêu là dẹp một chế độ quân-phiệt chống Mỹ nguy-hiểm, nhưng vẫn chưa hoàn tất cho việc hậu vận).

Vì thế quan-điểm của tiến-sĩ Josef Silverstein nhiều phần sẽ xảy ra như thế. Tuy nhiên bằng tấm lòng liên-đới đấu-tranh cho dân-chủ, người viết mong ước TS Josef Silverstein sẽ đoán sai. Và việc này không phải là không xảy ra được.

Lòng dân đã có. Quyết-tâm cũng đã có. Yếu-tố thời-gian cũng thuận lợi cho phía dân-chủ Miến-Điện: bốn nhân-vật lãnh-đạo quân-phiệt Miến đều già yếu, có tin hiện nay đang chữa bệnh. Người ta cho rằng thời điểm hiện nay tăng chúng Phật-Giáo xuống đường là đã có nghiên-cứu trước. Nhưng người ta e ngại cho tính mạng của bà Aung San. Tuy nhiên sự hiện-diện của đặc-sứ Liên-Hiệp-Quốc ông Ibrahim Gambari, vừa gặp được bà Aung San Suu Kyi đang bị giam cầm, cho thấy việc này có thể tránh được.

Đế-Quốc Anh xưa mạnh biết bao nhiêu cũng phải nhượng-bộ lối đấu-tranh ôn-hòa của ông Gandhi. Phương-pháp đấu tranh đó hôm nay không thay đổi, được bà Aung San Suu Kyi lập lại, thách đố sức mạnh súng đạn của phe quân-phiệt. Lòng quyết-tâm nhất-định rồi sẽ thắng mà thôi.

Pháp Quốc, 30-9-2007

Chú thích

(1) Miến Điện là một quốc gia có đến trên 120 dân tộc khác nhau và các dân tộc này thường xuyên chống lại chính phủ, đòi độc lập. Nhóm quân-phiệt có cớ dành quyền lãnh-đạo từ mấy chục năm nay là nhờ sự đe-dọa này. Dân Miến (Birmans) chiếm 68%, trên dân-số 54 triệu người. Các nhóm dân-tộc khác quan-trọng là Shans (9%), Karens (7%), Rakhine (4%), Hoa (3%). Ngoài dân Hoa, các nhóm dân khác đều sống ở miền Trung Miến và vùng rừng núi phía Bắc, có nguồn gốc từ Hoa-Nam, sống biệt-lập, ít tiếp xúc với ánh sáng văn-minh. Vùng tam-giác vàng (biên giới ba nước Miến, Thái-Lan, Lào) nổi tiếng sản-xuất cây thẩu để làm thuốc phiện.

(2) Ông Ne Win được nổi tiếng là rất tin dị đoan, bói toán. Ông đã làm kinh-tế Miến-Điện khủng-hoảng nặng sau khi đưa vào các loại tiền trị-giá 45 và 90 kyats; lý do đây là các con số có "liên-quan" đến con số 9, con số mà ông cho là số "hên" của ông.

(3) Bà Aung San Suu Kyi sinh ngày 19 tháng 6 năm 1945, lúc còn nhỏ, sau khi cha chết, theo mẹ sang Banglades sống, vì bà Aung San là Đại sứ của Miến Điện. Tốt nghiệp tại các đại-học Anh-Quốc và Hoa-Kỳ. Nhưng tuổi thơ bà Aung San Suu Kyi ảnh-hưởng rất lớn văn-hóa đương-thời Ấn-Độ, rất khâm-phục ông Gandhi. Phương-pháp tranh-đấu bất-bạo-động của bà hiện nay là bắt nguồn từ ông Gandhi. Bà lãnh giải Nobel Hòa-Bình năm 1991.

(4) Lý ra vai trò này dành cho người em của bà. Tuy-nhiên, lịch-sử và nhân dân Miến-Điện đã chọn bà Aung San Suu Kyi, mặc dầu bà đã thành hôn với một học giả người Anh (đã mất) và có hai người con (hiện sống tại Anh).

(5) Le Monde Diplomatique *– l'Atlas 2006 – Armand Colin – tr 208.*

THƯ VIẾT TỪ BAGHDAD
CHIẾN TRANH & PHÁT TRIỂN TẠI IRAQ

ĐINH XUÂN QUÂN

Ngày 10 tháng 8, Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu đồng ý gia hạn vai trò của LHQ ở Iraq theo yêu cầu của chính phủ Iraq nhằm giúp và cổ võ cho các cuộc thương lượng giữa các sắc tộc tại Iraq, mưu tìm sự ủng hộ từ các láng giềng của Iraq và giúp dân tỵ nạn gốc Iraq.

Nghị quyết của HĐBA cho phép LHQ khuyến khích các cuộc thảo luận chính trị giữa các phe phái khác nhau của Iraq về các đề tài như an ninh biên giới, năng lượng và vấn đề người tị nạn. LHQ đã rút ra khỏi Iraq trong tháng 10 năm 2003 sau hai lần trụ sở LHQ bị đánh bom ở Baghdad và nhiều đợt tấn công nhắm vào các nhân viên làm việc thiện nguyện, khiến nhiều người chết và bị thương. LHQ trở lại Iraq với nhiều nhiệm vụ mới trong đó có nhiệm vụ lo cho tỵ nạn, lo việc giải hòa v.v. HĐBA LHQ đã gia hạn thời gian làm việc của LHQ tại Iraq nhằm giúp hòa giải quốc gia, giải quyết các vấn đề biên giới và HĐBA đã cho phép tăng số nhân viên từ 66 lên 95 tại Baghdad.

Với chính quyền Bush, đây là một điều mới mẻ, vì cho đến gần đây, trong vấn đề Iraq Hoa Kỳ đã không nhờ LHQ mà chỉ muốn ra tay và giải quyết một mình. Về kết quả thì mọi người đều biết là Hoa Kỳ không mấy thành công và chính quyền Bush nay thiết thực hơn, muốn được sự giúp đỡ của LHQ và các nước đồng minh để rút ra khỏi vũng lầy Iraq. Việc LHQ trở lại Iraq là một tin mừng cho nhiều người, nhất là dân tỵ nạn Iraq tại các nước láng giềng như Syria, Lebannon và Jordan chưa kể người tỵ nạn trong nước.

Vấn đề tỵ nạn

Tờ *New York Times* trong số ngày 9 tháng 8 có một bài mô tả cuộc sống dân tỵ nạn Iraq tại Jordan, hầu hết dân trung lưu Iraq đã đi tỵ nạn tại xứ này. Bài báo đề cập đến chuyện một vài gia đình trung lưu Iraq trước đây, người chồng bị giết và gia đình phải bỏ qua lánh nạn tại Amman. Họ phải bán của cải để sống và cũng như đa số người Việt khi mới bước chân tới Mỹ, đã qua thời gian cực kỳ khó khăn và thử thách. Người tị nạn Iraq cũng gặp nhiều khó khăn, sống trong cảnh nghèo, trẻ con không được đi học nếu không có giấy tờ và phải làm nhiều việc người bản xứ không muốn làm. Khác với Hoa Kỳ dễ tìm việc làm, tại Jordan hay tại Syria việc làm rất khó khăn và lại không được trợ cấp.

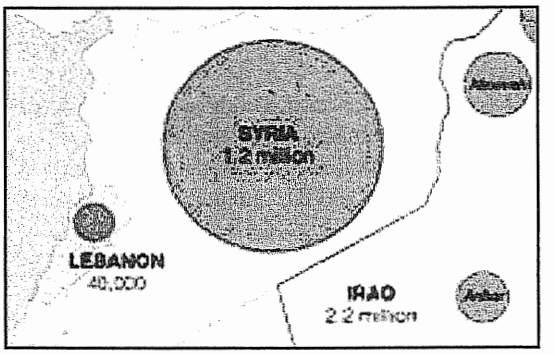

Bản đồ khu vực tị nạn

Nay có LHQ can thiệp vào thì người tỵ nạn sẽ được hưởng nhiều sự giúp đỡ của cơ quan UNHCR (cơ quan LHQ lo về người tỵ nạn). Hiện nay có trên 2 triệu dân tỵ nạn: tại Syria (1.2 triệu), Jordan (0.8 triệu), một số không lớn ở Lebannon và ngoài ra còn trên 2.2 triệu dân tỵ nạn ngay tại trong nước. Người dân phải đi tị nạn là chọn thái độ không theo phe nào trong cuộc chiến tại Iraq. Dân trung lưu, có học và có trình độ nghề nghiệp cao như bác sĩ, kỹ sư có thể đóng góp được cho đất nước lại đang rời bỏ Iraq, để sang tị nạn tại Jordan.

Oxfam, một cơ quan phi chính phủ lo về người tỵ nạn ngày 30 tháng 7 đã cho công bố một phúc trình nói về dân nghèo tại Iraq, theo đó thì 1/3 dân Iraq cần được cứu trợ. Cũng theo bản báo cáo thì tại Iraq 15% dân chúng (4 triệu

người) cần giúp đỡ thực phẩm, 70% không có nước sạch, 28% trẻ em thiếu ăn, 92% trẻ em có vấn đề trong việc học hành và 2 triệu người (phần đông là phụ nữ và trẻ em) lâm vào cảnh phải tỵ nạn chính trong nước họ ngoài số trên 2 triệu tỵ nạn tại Syria và Jordan.

Tóm lại chiến tranh Iraq đã gây rất nhiều khốn khổ cho dân lành, phải bỏ nhà cửa, phải bị đầy đọa vì các hậu quả của chiến tranh và sự bất an ninh trong nước.

Shiai và Sunny

Muốn biết rõ tình hình xứ này điều cần thiết là phải hiểu hai nhóm dân Shiai và Sunni. Dân Shiai chiếm đa số (60%) bị chia ra giữa các vấn đề kinh tế chính trị (chia lợi tức dầu hỏa vì họ ở trong các vùng miền Nam có các giếng dầu hỏa) và các vấn đề tôn giáo và địa lý. Trong quá khứ họ bị Saddam Hussein đàn áp cho nên họ sống tụ họp gần nhau để dễ bảo vệ nhau và chia sẻ quyền lợi. Về chính trị thì dân Shiai rất chia rẽ vì có nhiều giáo sĩ theo nhiều chí hướng khác nhau tùy theo cách cắt nghĩa kinh Koran và cách người dân đóng góp tiền bạc và thuế cho các giáo sĩ. Một phe phái có ảnh hưởng như của giáo sĩ Ayatollah Sadiq al-Sadr (hay Sadr II) tuy bị giết năm 1999, ông này vẫn được dân chúng ủng hộ vì ngoài việc đạo ông ta lo về xã hội giúp dân nghèo, giúp dân về vật chất nhiều hơn là cả về tinh thần - kinh Koran. Con ông này Moqtada al-Sadr thân Iran và nay là kẻ thù của Hoa Kỳ vì phe này có dân quân gọi là Mahdi đứng ngoài chính phủ, gây trở ngại việc trị an. Đa số các giáo sĩ Shiai tránh việc đời trong khi phe của giáo sĩ Sadr II và con ông ta Moqtada al-Sadr cùng các đệ tử của ông muốn Shiai phải đi vào đời. Phe Shiai cũng bị chia làm nhiều nhóm theo giai cấp xã hội, như thành phần trí thức thành thị và phe sống ở nông thôn. Mặc dù đã có nhiều dân nông thôn vào thành thị nhưng họ vẫn ở trong nhóm cũ. Ở miền Nam Iraq — tại thành phố Basrah và tỉnh Maysan và Dhi Qar dân Shiai có phần khác dân Shiai ở Baghdad, Najaf, Karbala hay các tỉnh gần đó. Thành phần Shiai ở miền Nam (sông Tigris) ít dính líu đến chính trị bằng dân Shiai sống theo sông Euphrates.

Ngoài ra còn hai nhóm Shiai khác nhau nữa, là dân Shiai chạy qua Iran và đám ở lại Iraq dưới thời Saddam. Phe Shiai của Sadr II và con là Moqtada al-Sadr đại diện cho phe Shiai ở lại trong nước và họ không ưa gì dân Shiai bỏ chạy trốn qua Iran và họ đại diện cho số dân Shiai nghèo và sống theo sông Tigris.

Trong khi đó, tỉnh Ramadi về phía Tây Bắc Baghdad là thuộc vùng dân Sunni. Trong mấy tháng qua tình hình tại đây đã biến chuyển hoàn toàn có lợi cho Hoa Kỳ. Từ lâu, Ramadi là nơi không có an ninh, quân HK hầu như không thể dễ dàng ra ngoài đường vì thường bị tấn công từ các nóc nhà, ngõ hẻm bằng lựu đạn, bom gài bên đường, súng B40 v.v. Nhưng bắt đầu từ tháng 4 năm nay, đã có sự thay đổi và tiến bộ đáng kể. Các cuộc tấn công quân HK giảm hẳn vì 23 trùm bộ lạc ở Ramadi đã gặp và thỏa hiệp với quân đội HK. Dân Sunni tại Ramadi chán ngấy các vụ bắt cóc làm tiền, gây mất an ninh, của nhiều nhóm phiến quân. Họ cho là quân HK ít nguy hiểm hơn các phe phái cực đoan theo Al Queda từ Syria hay từ Iran tràn qua.

Tháng 7 vừa qua, một số quân Al Queda có kế hoạch phá và gây bất an cho Ramadi nhưng bất thành vì dân Ramadi đã tố cáo âm mưu này. Quân đội HK bằng không quân, trực thăng chiến đấu và bộ binh đã đánh tan nhóm khủng bố, những người bị bắt đã cho biết là họ tính đánh vào Ramadi bằng quân cảm tử, và bằng bom nhằm phá trị an của thành phố.

Dân chúng ở đây đã gởi con cái của họ gia nhập cảnh sát, quân đội và họ tham gia trực tiếp vào việc quản lý thành phố. Họ bắt đầu hợp tác với quân đội HK và tạo dựng đời sống bình thường. Các thầy cô đã trở lại trường học, các bác sĩ đã trở lại bệnh viện, dân chúng chỉ các chỗ quân phiến loạn giấu súng hay chất nổ, và dân Sunni tại đây đã hợp tác với quân đội HK giữ an ninh trật tự cho thành phố của họ. Nhờ vậy dân Ramadi đã có một cuộc sống tương đối ổn định. Nay trong thành phố không còn những vụ khủng bố giết người như trước.

Ramadi nằm ở trung tâm tam giác Sunni là một chứng cớ là việc tăng quân có hiệu quả vì dân chúng đã bắt đầu hợp tác và tin tưởng vào sự hiện diện của quân đội HK. Nay tại tỉnh Anbar, một nơi nổi tiếng bất an và các vùng theo sông Tigris và Euphrates trước đây coi như của địch, nay đã bình định.

Tại sao? Vì quân đội HK trong bốn năm qua đã đi từ chỗ là quân giải phóng khỏi ách của Saddam, sau đó đã trở thành quân chiếm đóng và nay trở thành quân bảo vệ cho việc tái thiết Iraq.

Iraq là nơi đầy "việc ngược đời," trong khi trường học và bệnh viện đang được xây dựng

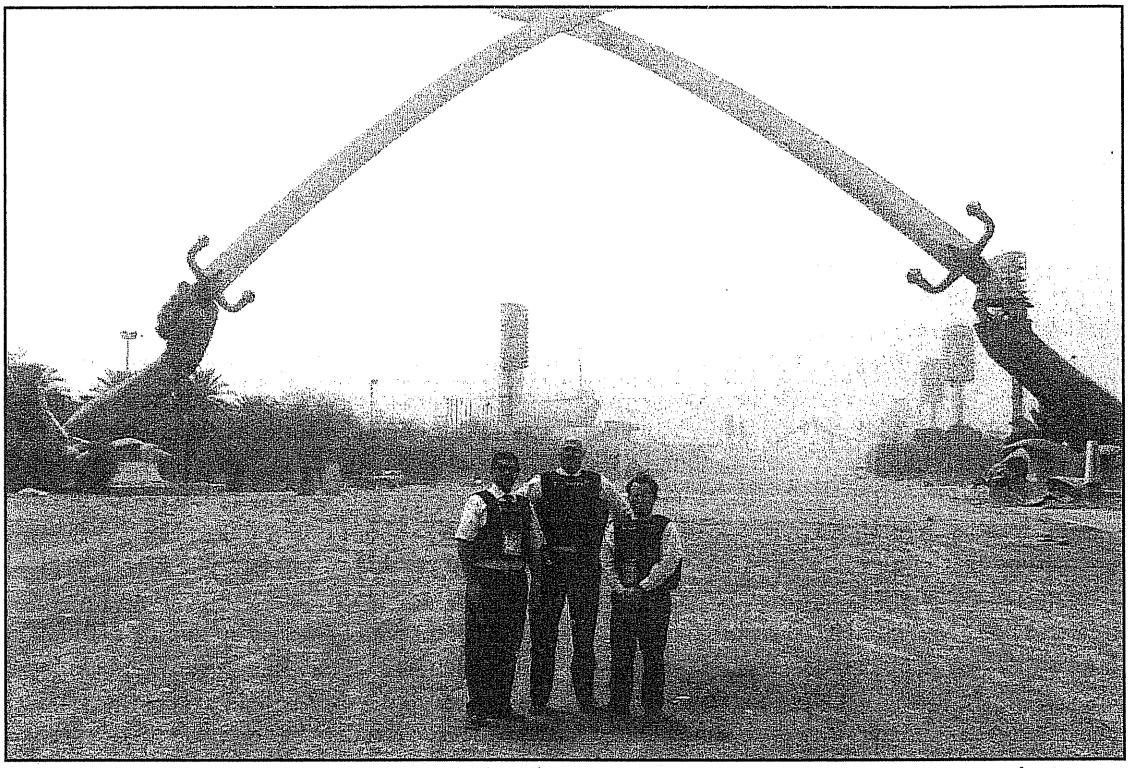

Tác giả (bên phải) mặc áo giáp, đứng tại Đài Chiến Thắng Iran của Saddam. Dưới đáy tượng là các nón sắt của quân Iran. Đàng sau là đài chiến sĩ tử vong của Iraq. Các phe phái đòi phá tượng này (ảnh hưởng Shiai Iran) cho nên tác giả phải chụp hình trước khi bị phá.

thì bom vẫn nổ gây chết chóc khắp nơi do những toán khủng bố xâm nhập từ Ai Cập, Syria, Yemen, Pakistan, Tran hay Arap Saudi.

Dù sao đi nữa việc tăng quân đã mang lại an ninh nhiều hơn cho 18 tỉnh thành của Iraq. Việc trước mắt thấy được là khi có tăng quân viện thì số vụ đánh đã giảm nhiều từ chỗ trung bình có 1,800 người Iraq bị hành quyết hàng tháng vì họ là Sunni, Shiai hay Thiên chúa giáo nay đã xuống còn 600 người. Năm ngoái theo thống kê của quân đội thì có hàng nghìn vụ xung đột hàng tuần và cả trăm người thiệt mạng hàng ngày và nay tình hình đó đã giảm nhiều.

Hơn nữa chính phủ trung ương hiện có 195,000 cảnh sát viên và trên binh đội 150,000 quân. Không phải mọi chuyện đều tốt nhưng có tiến bộ rõ ràng.

Tại sao ít người tin vào các tin tức từ chính phủ HK?

Trước khi chiến tranh, các cố vấn Bạch Ốc đã "nói dối" dân chúng Mỹ và nay khó "gây lòng tin trở lại" được.

Mọi người đều biết là phe "neo-con" thân cận PTT Cheney đã bóp méo sự thật, nói là Saddam có võ khí giết người hàng loạt, Saddam là mối nguy đối với Mỹ vì dính với Al-Queda, nhưng sau chiến tranh thì không ai tìm ra một bằng cớ nào cả (và trước đó cơ quan kiểm soát vũ khí UNSCOM của LHQ đã nói như vậy), cho nên dân Mỹ ngày nay không còn hoàn toàn tin vào chính quyền nữa.

Các cố vấn của TT Bush, nhất là phe do PTT Cheney cầm đầu luôn luôn hứa sẽ thắng và nay rất khó mà làm cho dân Mỹ tin tưởng.

Tại Baghdad, vì những lỗi lầm của HK khi lập chính phủ trung ương Iraq đã làm cho rất khó sửa và gây thêm bất ổn. Trước đây Iraq là một nước "theo thế tục" và sau khi chiếm Iraq HK đã cho "đạo" và "phe phái" dính vào việc lập chính phủ: phe Sunni, Shiai, Kurds, v.v. cho nên ngày càng khó khăn trong công việc quản lý đất nước.

Chính phủ của TT Nouri al-Maliki không mấy thành công trong vấn đề hòa giải, nhất là thuyết phục các phe phái trong QH để thông qua đạo luật về dầu hỏa. Tại sao?

Nếu nhìn vào bản đồ Iraq thì ta thấy là các giếng dầu nằm ở phía Bắc trong vùng Kurd và ở phía Nam trong vùng Shiai và không có dầu trong vùng Sunni ở phía Tây, trong vùng sa mạc.

Nhóm Kurds vì bị ức hiếp trong nhiều thế kỷ kể cả dưới chế độ của Saddam Hussein nay

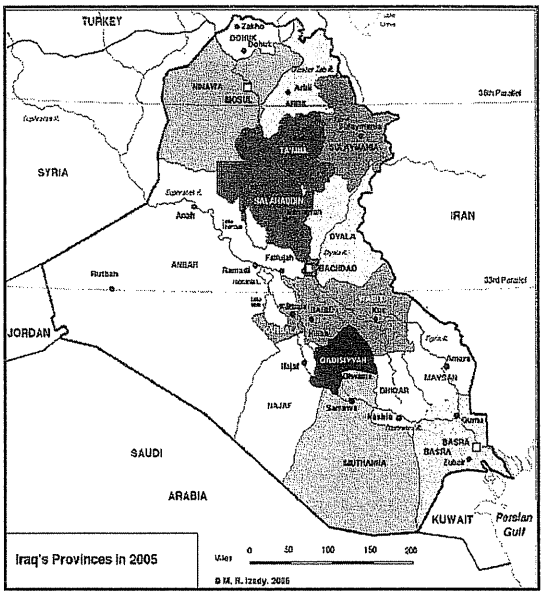

không muốn chính phủ trung ương kiểm soát tài nguyên dầu khí. Phe Sunni được chính quyền Saddam nâng đỡ trong quá khứ — thấy không có dầu cho nên lo không được chia của đồng đều. Phe Shiai chưa muốn thông qua luật dầu khí vì QH và chính phủ còn cưa với các phe trong QH cho nên chưa có gì sẵn sàng cả.

Tuần đầu tháng 8, phe Sunni trong chính phủ từ chức và TT Malaki không chịu cho họ từ chức và đòi có cuộc họp khẩn cấp để hòa giải. Phe Sunni tố TT Malaki thân Iran (phe Shiai) thiên vị và không có sức thuyết phục. Phe Shiai của giáo sĩ Muqtada al-Sadr thân Iran có dân quân Mahdi luộn quây rối, nhằm nắm ảnh hưởng chính trị. Vì vậy phe Sunni nói chính phủ hòa giải hòa hợp ra đời từ 2006 nhưng theo họ thi TT Malaki thiên vị (theo Shiai). Phe Sunni lên tiếng kêu gọi thế giới Arập giúp họ vì họ đang bị dân quân Shiai giết với sự trợ giúp súng ống của Iran. Đại diện Sunni ông Al-Dulaimi nói là các người "Persian" và "Safawis," (người shiai ở Iran — xin quý đọc giả đọc bài kỳ trước để hiểu mối thù lịch sử giữa hai phe arập và persia) đang kiểm soát Baghdad. Đảng Sunni ở QH rút sáu bộ trưởng ra khỏi chính phủ. Sau đó phe Shiai theo thế tục cũng rút ra khỏi chính phủ vì cho là TT Malaki theo Iran (có nghĩa muốn lập một chính phủ theo Hồi giáo kiểu Shiai). Chính phủ bị tê liệt.

Các chính phủ Arập ở Trung Đông sợ ảnh hưởng càng ngày càng tăng của phe Shiai qua các nhóm cực đoan như Hezbollah và Hamas thân Syria.

Việc này không phải chỉ là mị dân nhưng phần nào có thật vì các dân quân Shiai (lực lượng Mahdi của Muqtada al-Sadr đã đuổi và chiếm nhà và các đền thờ của người Sunni). Ở phía Nam Baghdad, dân quân kiểm soát nhiều chỗ — phá các trạm điện, cắt giây cáp, phá đường, phá cống, v.v... gây mất trật tự. Quân đội HK không phải là kẻ thù duy nhất nữa. Đối với các phe phái của Iraq ai không theo họ là kẻ thù. Đúng là tình trạng nội chiến.

Trong bối cảnh các phe trong Quốc hội còn co cựa lẫn nhau, HK đòi TT Maliki mau chóng giải quyết vấn đề hòa hợp và vấn đề luật dầu khí — chia lợi tức đồng đều cho mọi phe phái tại Iraq, TT Maliki do dự và không bằng lòng HK thiên nhiều về phe Sunni như trường hợp ở Ramadi. Trong bối cảnh như thế, TT Nouri al-Maliki mời phe Sunni và Kurd ngồi vào buổi họp hòa giải các phe.

Trước khó khăn này, HK tiếp tục tấn công các phe Shiai hay Sunni quá khích. Tại Baghdad, các khu được chia ra bằng tường bê tông nhằm ngăn bom nổ và chia phe Sunni và Shiai ra làm hai bên.

Hai phe Shiai và Sunny đánh nhau - tranh nhau giữa đạo và đời: phe Shiai muốn một chính phủ như Iran do các giáo sĩ cầm đầu lấy luật Shariah Hồi làm cốt yếu, trong khi phe Sunni muốn theo thế tục.

Chính Hoa Kỳ nay lâm vào tình cảnh khó xử, sa lầy vì lỗi do chính mình tạo ra ngay sau khi chiến thắng Saddam. Trong khi TT Malaki kêu gọi một hội nghị thượng đỉnh giữa các phe phái, chiến tranh vẫn tiếp tục.

Nhờ tăng quân, HK đã phần nào kiểm soát được vấn đề an ninh tại Iraq. Tại Baghdad các phe phái chính trị còn tranh nhau. Chi phí của quân đội Hoa Kỳ tại Iraq trung bình là $400 triệu/ một ngày, hay hơn 2 tỷ Mỹ kim một tuần. Các nước phía bên ngoài làm tình trạng Iraq càng khó thêm. Syria, nhất là Iran và các nước Arập đều tiếp tay cho một bên này hay bên kia. Hoa kỳ với sức mạnh quân sự và kinh tế như vậy vẫn chưa áp đặt được một giải pháp hòa giải giữa các phe vì đã trót để "ông thần" thoát ra khỏi chai nay không kìm chế được.

Chỉ có thời gian thì các phe mới có dịp làm hòa và tìm một giải pháp chính trị sống chung hòa bình, tránh ảnh hưởng ngoại bang, có thì giờ tái thiết và lúc đó quân đội HK có thể rút một cách an toàn.

TS DXQ

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
ẢNH-HƯỞNG "LỐP-BI" DO-THÁI Ở HOA-KỲ

KỲ II

(TIẾP THEO THẾ KỶ 21 SỐ 221, THÁNG CHÍN, 2007)

CỔ-LŨY

Một tuần lễ trước cuối tháng Bẩy, và là lần đầu tiên trong lịch-sử năm-mươi-chín năm của Do-Thái, bộ Giáo-dục nước này chấp-thuận một tập sách giáo-khoa xác-định điều những công-dân thiểu-số gốc người Palestine đã biết cả hàng thế-hệ nay: việc thành-lập nước Do-Thái trên lãnh-thổ Palestine là một thảm-kịch vĩ-đại cho người Palestine. Khi bà bộ-trưởng giáo-dục Yuli Tamir, thuộc đảng khuynh-tả Lao-Động và cũng là người sáng-lập phong-trào hòa-bình Peace Now, đưa tập sách lớp ba tiểu-học này ra trước công-chúng, nước Do-Thái như nổ bùng lên ào-ạt phản-đối, nhất là người hữu-phái bảo-thủ chỉ muốn dậy lịch-sử một chiều—dù sách này sẽ chỉ được giảng-dậy trong các trường học dành riêng cho trẻ em gốc người Palestine ở Do-Thái mà thôi (khoảng hai-mươi phần trăm dân-số) .

Dưới tựa-đề "Sống Chung Với Nhau Trong Nước Do-Thái" tập sách mô-tả những biến-cố trong hai năm 1948 và 1949, khi Liên-Hiệp-Quốc dưới áp-lực của những đế-quốc lâu đời Anh, Pháp (dù đã thắng phe Trục Đức-Ý-Nhật trong Thế-chiến Hai, 1939-1945, nhưng đã điêu-tàn tan-nát và khó giữ được những thuộc-địa tiền-chiến) và Hoa-Kỳ (đế-quốc toàn-cầu đang bành-trướng sức mạnh và ảnh-hưởng) "chấp-nhận sự hình-thành nước Do-Thái tại vùng đất ở "Trung-Đông" dưới quyền quản-trị của Anh. Những thế-lực ngoại vùng muốn đặt-để một nước Do-Thái trên vùng đất của người Palestine, và quyết-định thù-nghịch ngang ngược này gây phản-ứng chống đối từ những nước Ả-Rập, Hồi-giáo anh em quanh vùng với người Palestine. Xung đột bùng nổ từ đây —và vẫn tiếp-tục gần sáu-mươi năm, dưới nhiều hình-thức và mức-độ khác nhau— đưa đến việc mất nước lưu-vong hàng triệu ngườiPalestine, nỗ lực giải-phóng đất nước của những người này, cùng một cái nhân chính của phong-trào "khủng bố"Hồi-giáo cực đoan quốc tế hiện nay. Tập sách mới lần đầu tiên cho thấy người Palestine bị đuổi ra khỏi nhà cửa đất nước mình và thành người tị nạn sau khi kẻ chiến thắng Do-Thái chiếm đất và cấm họ trở về.

Sách sử "chính thống"Do-Thái từ trước đến nay mô tả cuộc chiến lập quốc với những lý-do như liên-hệ lịch-sử của người Do-Thái với Thánh-địa hay vùng "đất hứa" (Holy Land, theo Cựu-Ước Old Testament) và nhu-cầu cần phải có một đất nước vì những tàn sát, ngược đãi có tính cách diệt chủng ("Holocaust") bởi Đức Quốc-xã cùng các đồng-minh châu Âu thời Thế-chiến Hai. Sách sử này ca ngợi những chiến-thắng oai hùng của Do-Thái và xem việc người Palestine phải bỏ xứ ra đi như hành-động tự-nguyện. Sách sử chính-thống nói đây là "Cuộc chiến Giành Độc lập;" tập sách mới gọi đây là "Nakbar," tiếng Ả-Rập có nghĩa là cuộc chiến tai họa và tàn phá. Sự thật thường gây lo sợ, bất mãn cho những người đang nắm và muốn giữ quyền lực, quyền lợi to lớn quá khổ lâu dài ("the Establishment"). Một hệ-luận từ đây: giới học hỏi nghiên cứu, truyền thông và nghệ-sĩ với mục-tiêu chân chính đi tìm và trình bày sự thật đương nhiên là giới "tả phái"đe dọa —dù là với dụng ý hay ngoài ý muốn— quyền-lợi, quyền-lực nói trên của "the Establishment"ở bất cứ chế-độ nào. Tự-do ngôn-luận, gồm tự-do phát biểu, trình bầy, phô diễn, quảng-bá, vân vân, cộng với lương-tâm chân-chính, can-đảm của người nghiên-cứu, truyền-thông và nghệ-sĩ, cùng với dân trí phải là cái thước đo-lường chính-xác mức độ tự-do dân-chủ của một nước.

Phái chính-thống bảo-thủ không đặt nghi-vấn những sự-kiện lịch-sử về cuộc chiến, nhưng

giảng dậy những sự-kiện này ở Do-Thái là một chuyện khác. Ông Limor Livnat, nguyên bộ-trưởng giáo-dục thời đảng cực-hữu Likud còn nắm quyền, nói: "Một khi học-sinh [Palestine] Ả-Rập được dậy rằng việc thành-lập nước Do-Thái là một tai-họa, chúng có thể nghĩ phải chống lại chúng ta. Hệ-thống giáo-dục của ta có thể đang xây-dựng Đạo-quân thứ Năm ("kẻ thù giữa lòng cộng-đồng"). Những người chống đối khác đòi chính-quyền cách chức bà Tamir. Bà Dalia Fenig, một thanh-tra bộ Giáo-dục, cho biết tập sách mới được xem xét, mổ xẻ cặn-kẽ và chấp-thuận bởi một ủy-ban gồm ba mươi nhà giáo-dục chuyên-nghiệp thuộc mọi khuynh-hướng chính-trị khác nhau. Ông Avigdor Lieberman, một bộ trưởng thuộc đảng hữu phái Yisrael Beiteinu (Do-Thái Quê-hương Ta), tuyên-bố, "Phe tả-phái luôn luôn tìm-kiếm lý-do biện-hộ cho bên kia, trong khi chúng ta không làm gì để phải xin lỗi cả."

Sách giáo khoa cho học-sinh trung-học và sinh-viên đại-học Mỹ mới nhất ghi nhận rõ-ràng như sau. Ngay sau Thế-chiến Hai, hàng ngàn người Do-Thái sống sót qua nạn Holocaust ở châu Âu muốn định cư tại Palestine (từ thế-kỷ 19, phong-trào Zionism đã muốn xây-dựng và bảo-tồn một nước mới ở Palestine cho người Do-Thái ở khắp thế-giới, và họ bắt đầu mua đất-đai và định-cư, sống hòa-hoãn với người địa-phương; trước Thế-chiến Một, năm 1914 mười hai phần trăm dân số trong vùng là Do-Thái) khi dư-luận thế-giới cởi mở với ý nguyện này. Nước Anh lúc đó nắm quyền ủy-thác (mandate) vùng Transjordan "trông coi, dậy dỗ" dân Ả-Rập trong vùng để đi đến hai nước Palestine (tả ngạn) và Jordan (hữu ngạn) của ranh-giới là sông Jordan, đưa ra đề-nghị thành-lập nước Do-Thái trước LHQ (mới thành hình sau Thế-chiến, với Hoa-Kỳ đóng vai chủ-chốt ở hội-nghị San Francisco, California). Năm 1947 LHQ đưa ra kế-hoạch chia lãnh-thổ Palestine thành hai nước: một cho người Palestine Ả-Rập, một cho người Do-Thái. Người Ả-Rập, Hồi-giáo nguyên vùng "Trung-Đông" không đồng-ý nhưng nước Do-Thái vẫn được lập ra ngày 14 tháng Năm, 1948. Ngay tức khắc Ai-Cập, Syria, Lebanon, Jordan, Iraq, Ả-Rập Sao-đi và Yemen mở cuộc chiến ngăn-chặn Do-Thái. Do-Thái chống lại nhiều đợt tấn-công (với sự ủng-hộ liên-tục của Hoa-Kỳ) bằng những chiến thắng quân-sự vẻ-vang. Và mỗi lần thắng trận Do-Thái lại chiếm thêm đất đai của người Ả-Rập, Hồi-giáo để gia-tăng diện-tích kiểu đế-quốc với chiêu-đề "an-ninh quốc-gia." Cuộc chiến giằng co đã kéo dài suốt gần sáu mươi năm qua với hệ-quả rõ-rệt: chưa có một nước Palestine, và hàng triệu người Palestine phải lưu-vong ngay trên đất mình hay sống lây-lất qua nhiều thế-hệ trong những trại tị-nạn do LHQ bảo-trợ ngoài ranh-giới Do-Thái. Từ đây hai nhóm phục-quốc chính Al Fatah (từ thập niên 1950) và Hamas (sau này) ra đời đấu-tranh với chiến-thuật du-kích, cảm-tử của người yếu-thế —mà nhiều giới truyền-thông, báo chí thiếu hiểu-biết gọi một cách "vơ đũa cả nắm" là "khủng-bố."

Lịch-sử nhược-tiểu bi-thảm của người Palestine đã kéo dài gần sáu thập-niên do việc thành-lập và bành-trướng quốc-gia Do-Thái trong vùng —hầu như luôn luôn với sự ủng-hộ, trợ-lực độc-nhất của nhiều chính-quyền Hoa-Kỳ chịu ảnh-hưởng ghê-gớm của "lốp-bi Do-Thái" ở Hoa-Kỳ. "Lốp-bi Do-Thái" có thể thừa phương-tiện, khả-năng phủ-nhận điều này, nhưng hầu như không một người làm chính-trị nào, không một ai trong giới nghiên-cứu, truyền-thông, báo-chí dám nhắc-nhở đến sức mạnh lớn-lao quá khổ của "lốp-bi" này. Tất cả đều không thể chối-cãi rằng giới "lốp-bi" tại Hoa-Kỳ (nhân-số đã gia-tăng gần gấp ba lần với sáu năm chính-quyền George W. Bush) nói chung, cũng như các nhóm di-dân tới Hoa-Kỳ đều mơ-ước và ganh-tị khả-năng, phương-tiện và ảnh-hưởng bao trùm của "lốp-bi Do-Thái."

Người viết xin cố-gắng ghi lại trung-thực những gì trong bài tiểu-luận dài "The Israel Lobby" (đăng trên "The London Review of Books," số tháng Ba 2006) thẳng-thắn cương-trực của hai học-giả gốc Do-Thái: giáo-sư John Mearsheimer thuộc phân-khoa chính-trị-học, viện Đại-học Chicago, Illinois, và giáo-sư Stephen Walt thuộc phân-khoa bang-giao quốc-tế, viện Đại-học Harvard, Massachusetts. Tác-phẩm mới nhất của giáo-sư Mearsheimer là "The Tragedy of Great Power Politics," của giáo-sư Walt là "The Global Response to US Primacy;" cả hai đều liên-hệ đến thế-lực quá-quắt của Hoa-Kỳ trên trường quốc-tế, nhất là với chính-quyền George W. Bush và phái tân-bảo-thủ (néo-conservative, với đa-số lý-thuyết-gia gốc Do-Thái—xin xem thêm "Phái Tân-Bảo-Thủ và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ," Thế-Kỷ 21, tháng Mười 2004; loạt bài về chiến-tranh của Mỹ ở Iraq suốt năm năm qua trên Thế-Kỷ 21; "Lò Lửa 'Trung-Đông' Lại Bùng Nổ," tháng

Chín 2006; "Từ Iraq Tới Iran: Chưa Thấy Ánh Sáng Cuối Đường Hầm," tháng Tư 2007; tất cả đều liên-hệ đến vai-trò "lốp-bi Do-Thái" tại Hoa-Kỳ, và cùng người viết).

Cũng xin người đọc lưu-ý một số vấn-đề kỹ-thuật quan-trọng. Hai giáo-sư học-giả trên, cũng như những người nghiên-cứu học-hỏi phải làm và viết đúng truyền-thống đại-học và báo-chí —để ra cả thập-niên hoặc cả đời học-hỏi nghiên-cứu một hai khu-vực chuyên-môn (chứ không phải "cái gì cũng biết, cũng viết được") rồi viết theo những kiến-thức thu-thập từ các nhà nghiên-cứu, học-giả khác (chứ không phải tự mình đưa ra ý-kiến không dựa vào đâu, hoặc "nhai lại" kiến-thức già-nua, hay mất thì giờ ngồi phát minh lại "cái bánh xe" cũ rỉ) nhằm chứng-minh luận-đề mình đưa ra (nói một cách khác là ngồi trên vai người khổng lồ —kho tàng kiến-thức học-thuật có sẵn— để nhìn thấy và đi đến gần với sự-thật hơn). Vì khuôn-khổ tạp-chí không cho phép, người viết không thể liệt-kê những nguồn kiến-thức (sources) mà hai giáo-sư dựa vào (những chú-thích của hai tác-giả dài hơn nửa số trang bài tiểu-luận hai-mươi-hai trang). Người viết cũng mạn phép đặt những tiêu-đề vào bài tiểu-luận rất dài để người đọc dễ theo rõi. Những chú-thích, giải-thích thêm để trong ngoặc đơn cũng là của người viết.

Theo đúng tinh-thần vô-tư, người viết đã theo dõi, tìm tòi nhưng vẫn chưa thấy một bài trả lời đầy đủ, đúng-đắn những điều hai giáo-sư nêu ra trong tiểu-luận, tuy đã có ngay những phản-ứng gay-gắt rải-ráctừ giới Do-Thái khiến tờ London Review nói trên phải tổ chức một hội-thảo rộng-rãi với nhan-đề "Lốp-Bi Do-Thái: Có quá nhiều ảnh-hưởng trên chính-sách ngoại-giao Mỹ không?" cuối tháng Chín 2006 tại viện đại-học tư Cooper Union (New York). Tháng Chín 2007, bài tiểu-luận của hai học-giả được nới rộng, bổ-xung thành sách dầy 484 trang với tựa "The Israel Lobby and U.S. Foreign Policy," do nhà xuất-bản Farrar, Straus & Giroux in.

Giới lốp-bi Do-Thái đang sửa-soạn phản-ứng mạnh-mẽ. Trong tinh-thần học hỏi, người viết sẽ theo dõi phản-ứng quan-trọng này, và rất trân-trọng những chỉ dẫn xây-dựng từ người đọc.

CỔ-LŨY

Bài đăng trên *Thế-Kỷ 21* tháng Chín 2007 tạm ngưng với câu hỏi chuyển tiếp như sau, "nếu Hoa-Kỳ ủng hộ Do-Thái không phải vì lợi ích chiến lược hay lương tâm đạo đức, làm sao người ta có thể giải thích việc ủng hộ lâu dài và gần như tuyệt đối này?"

SỨC MẠNH VÔ-ĐỊCH CỦA "LỐP-BI DO-THÁI"

Trả lời câu hỏi nêu trên: sức mạnh có một không hai của 'lốp bi Do-Thái." Chữ "lốp-bi" ở đây được hiểu theo nghĩa là một liên minh lỏng lẻo những cá nhân và tổ chức tích cực hoạt động để lái đẩy chính sách ngoại giáo Mỹ vào hướng có lợi tối đa cho Do-Thái. Đây không mang ý "lốp-bi DT" là một phong trào thống nhất với một giới lãnh đạo trung ương, hoặc những cá nhân trong "lốp-bi" luôn luôn đồng ý với nhau về một số vấn đề. Không phải tất cả người Mỹ gốc Do-Thái nằm trong "lốp-bi," vì Do-Thái không phải là cái lưu tâm của nhiều người. Một thăm dò năm 2004 cho thấy khoảng 36 phần trăm người Mỹ gốc Do-Thái cho biết họ không liên hệ tình cảm gắn bó, nhưng cũng không lạnh nhạt hờ hững với Do-Thái. Người Mỹ gốc Do-Thái cũng có cái nhìn khác biệt về những chính sách của Do-Thái.

A. Liên hệ và tổ chức

Nhiều tổ chức chính trọng "lốp-bi DT," như tổ chức Ủy-ban Sự-vụ Do-Thái—Hoa-Kỳ (AIPAC, American-Israeli Public Affairs Committee) và Nghị-hội Các Chủ-tịch Tổ-chức Do-Thái Lớn (Conference of Presidents of Major Jewish Organisations), đều nằm trong tay những người với lập trường bảo thủ cứng rắn ủng hộ những chính sách bành trướng lãnh thổ của đảng cực hữu Likud ở Do-Thái, và lập trường của Likud cực lực phản đối tiến trình hòa bình Oslo giữa Do-Thái và người Palestine (theo thỏa ước ký tại Oslo, Na-Uy tháng Chín 1993, thời tổng thống Bill Clinton, thủ tướng Do-Thái Yitzhak Rabin và lãnh tụ Palestine Yasser Arafat, bao gồm Tuyên-ngôn Những Nguyên-tắc đi đến hòa bình; ông Rabin bị một sinh viên Do-Thái cực đoan bắn chết không đầy hai năm sau thỏa ước). Đa số người Mỹ gốc Do-Thái có khuynh hướng chấp nhận trả một phần đất cho người Palestine, và một số nhóm nhỏ, kể cả nhóm Tiếng nói Do-Thái cho Hòa-bình, Jewish Voice for Peace, tích cực ủng hộ việc này. Mặc dù có khác biệt những người ôn hòa cũng như cực đoan đều ủng hộ Do-Thái hết mình.

Cũng dễ hiểu là các lãnh tụ Mỹ gốc Do-Thái thường tham vấn với viên chức nước Do-Thái để chắc chắn hành động của họ tại Hoa-

HÒA-BÌNH, ĐỘC-LẬP VÀ PHÁ BĨNH: *Hai ngoại-trưởng Do-Thái (Tzipi Livni) và Hoa-Kỳ (Condoleezza Rice) gặp nhau ở Do-Thái để "nghiêm-chỉnh" bàn-thảo về hòa-bình và một nước cho người Palestine. Vài giờ trước đó Israel Defense Forces (IDF, Lực-lượng Quốc-phòng Do-Thái) tấn-công và đòi cắt đứt điện, nước và khí đốt của một triệu rưỡi người Palestine ở Dẻo Gaza.*

Kỳ ăn khớp với những mục tiêu của Do-Thái. Một lãnh tụ thuộc một tổ chức Do-Thái lớn ở Hoa-Kỳ viết, "Chúng tôi thường nói: 'Đây là lập trường của chúng tôi về một vấn đề nào đó, nhưng chúng tôi phải tham vấn xem người Do-Thái trong nước nghĩ ra sao.' Như một cộng đồng chúng tôi đều đặn làm việc này." Nói chung người Mỹ gốc Do-Thái cực lực phản đối việc chỉ trích chính sách của Do-Thái, và bất cứ ai làm áp lực Do-Thái đều bị xem là đi quá mức. Chủ tịch Nghị-hội Do-Thái Thế-giới (World Jewish Congress) ông Edgar Bronfman bị buộc là "phản bội" khi ông viết thư cho tổng thống George W. Bush giữa năm 2003 thúc giục tổng thống can thiệp việc chính quyền Do-Thái đặt những "hàng rào an ninh" (hàng rào bằng những tảng bê-tông đúc sẵn cao từ 15 đến 20 thước đặt ngay giữa đường lưu thông hay khu vực người Palestine sống để ngăn chặn "khủng bố"). Những người chỉ trích ông nói rằng "thật là nhơ bẩn khi chủ tịch WJC 'lốp-bi' tổng thống Mỹ chống lại những chính sách nhà nước Do-Thái đề ra." Tháng Năm 2005, khi chủ tịch Diễn-đàn Chính-sách Do-Thái (Israel Policy Forum) Seymour Reich khuyến cáo ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice yêu cầu chính quyền Do-Thái mở lại ranh giới giữa Dẻo Gaza và Do-Thái, giới "lốp-bi DT" lên án ông là "vô trách nhiệm": Những người chỉ trích ông nói, "Tuyệt đối không có chỗ trong cộng đồng Mỹ gốc Do-Thái cho một ai lên tiếng phản đối những chính sách liên quan đến an ninh ... của Do-Thái." Bị phản đối mạnh mẽ ông Reich phải tuyên bố rằng "chữ 'áp lực' không có trong ngôn ngữ của tôi khi nói đến Do-Thái."

Người Mỹ gốc Do-Thái đã dựng lên một loạt những tổ chức đáng nể nhằm ảnh hưởng vào chính sách ngoại giao của Hoa-Kỳ, trong số những tổ chức này phải kể AIPAC là tổ chức có sức mạnh và nổi tiếng nhất. Năm 1997, tập san kinh tế *Fortune* yêu cầu giới dân cử trong quốc hội Mỹ cùng những chuyên viên làm việc cho giới dân cử cho biết những tổ chức "lốp-bi" thế lực nhất ở Hoa-Thịnh-Đốn. AIPAC được xếp hàng thứ nhì sau Hội Những Người Thâm-niên (AARP, American Association of Retired People, gồm cả triệu người 55 tuổi trở lên, không kể đã về hưu hay còn lam việc), nhưng lại cao hơn cả Liên-đoàn Lao-động Mỹ (AFL-CIO) và Hội Súng-đạn (NRA, National Rifle Association, một hội hầu như cả quốc hội Mỹ và tổng thống phải sợ). Một nghiên cứu của tờ *National Journal* tháng Ba 2005 đặt AIPAC ngang hàng với AARP trong thống kê "những

tổ chức nặng ký nhất."

B. Móc nối và ảnh hưởng vào chính quyền Mỹ

"Lốp-bi DT" còn bao gồm giới Tin-lành cực kỳ bảo thủ như các nhân vật uy quyền Gary Bauer, Jerry Falwell (vừa mất vài tháng trước) Ralph Reed và Pat Robertson (mục sư nổi tiếng trên truyền hình, từng ra ứng cử tổng thống), cũng như hai dân biểu Dick Armey và Tom DeLay (Texas) từng là lãnh tụ phe đa số Cộng-hòa ở hạ viện liên bang. Tất cả những nhân vật này đều tin rằng sự hình thành Do-Thái ở Palestine là đúng như tiên tri trong Thánh kinh, và ủng hộ chính sách bành trướng lãnh thổ của Do-Thái; họ tin rằng nếu làm ngược lại điều này là đi ngược lại ý nguyện của Thượng đế. Những người luôn luôn ủng hộ Do-Thái thuộc giới tân-bảo-thủ (néo-conservatives) Mỹ gồm những nhân vật như John Bolton (đại sứ Mỹ ở LHQ, vừa mất chức vì phe đa số Dân-chủ trong thượng viện không chịu bổ nhiệm của tổng thống Bush), nguyên chủ bút Robert Bartley nhật báo bảo thủ *Wall Street Journal* (nay nằm trong hệ thống truyền thông News Corp. quốc tế của "vua" truyền thông bảo thủ Ruppert Murdoch), nguyên tổng trưởng giáo dục William Bennett (có người anh làm luật sư cho những nhân vật quyền thế nhất ở Hoa-Thịnh-Đốn), nguyên đại sứ LHQ Jean Kirkpatrick (cũng mới mất năm nay), và nhà bình bút với ảnh hưởng lớn lao George Will (viết cho tuần san *Newsweek* cùng cả chục báo toàn quốc).

Hệ thống chính trị "dân chủ" Mỹ cho giới "lốp-bi" làm việc cho những cá nhân, đại công ty và tổ chức chính trị với nhiều tiền bạc, cung cấp cơ hội ảnh hưởng lớn lao vào tiến trình thiết lập luật lệ, chính sách và thi hành của nhà nước. Những nhóm quyền lực có thể "lốp-bi" hợp pháp (người làm "lốp-bi" ở Hoa-Kỳ chỉ phải đăng ký làm việc cho ai là đủ; ở những nước khác đây bị xem là hối lộ và hối mại quyền thế) giới dân cử và giới hành pháp, đóng góp cho quĩ tranh cử của hai giới này, đi bầu trong các kỳ bầu cử và uốn nắn công luận, vân vân. Họ (nhân số tăng gần gấp ba qua sáu năm cầm quyền của tổng thống George W. Bush, lên khoảng 45 ngàn người hiện nay) nắm ảnh hưởng lớn lao vào lập pháp và hành pháp khi nhắm vào một vấn đề nào đó có lợi cho "khách hàng" của mình, trong khi dân chúng lờ mờ hay thờ ơ lãng đãng (người trung bình trong dân số gần 300 triệu người Mỹ lo cắm cúi làm việc, tiêu thụ và giải trí; về kiến thức chính trị sinh viên đại học nói chung không xác định nổi vị trí Hoa-Kỳ trên bản đồ thế giới, người dân trung bình không biết ai là phó tổng thống hoặc thống đốc tiểu bang mình ở —mặc dù sách báo, truyền thanh, truyền hình, cơ sở giáo dục, thư viện và máy vi tính đầy rẫy; một giáo sư xã hội học đã nhận xét: tin học mỗi ngày một gia tăng, hiểu biết mỗi ngày một thụt lùi). Giới làm chính sách dĩ nhiên sẽ đáp ứng những người chú tâm đến vấn đề dù con số này rất nhỏ bé, và không lo sợ bị dân chúng lơ mơ trừng phạt vì làm việc cho thiểu số nhỏ bé nhưng với quyền lực quá khổ.

Trong những hoạt động "lốp-bi" căn bản, "lốp-bi DT" không khác mấy những "lốp-bi" của người làm nghề nông, nghiệp đoàn thép hay dệt, hoặc những "lốp-bi" của người Mỹ gốc di dân. Không có gì sai trái trong việc người Mỹ gốc Do-Thái và những đồng minh Tin Lành lèo lái chính sách nhà nước Hoa-Kỳ: hoạt động của "lốp-bi DT" không phải là những âm mưu bí mật ghê gớm như mô tả trong các sách vở chống Do-Thái phổ thông như *Protocols of the Elders of Zion.* Phần lớn những cá nhân và nhóm hoặc tổ chức nằm trong "lốp-bi DT" này đều làm những gì các tổ chức "lốp-bi" khác làm —họ chỉ làm mạnh mẽ hơn và hiệu quả hơn thôi. Ngược lại, những nhóm ủng hộ quyền lợi người A-Rập đối lập, tương đối rất ít ở Hoa-Kỳ, rất yếu đuối và vô hiệu — và điều này khiến hoạt động của "lốp-bi DT" càng dễ dàng hơn. "Lốp-bi DT" theo đuổi hai chiến lược rộng lớn. Thứ nhất, "lốp-bi" này nắm ảnh hưởng lớn lao ở Hoa-Thịnh-Đốn, làm áp lực cả hai nhánh lập pháp (quốc hội) và hành pháp (tổng thống cùng nội các, và guồng máy thư lại dân sự lẫn quân sự). Dù nhà lập pháp hay người làm và thực thi chính sách có quan điểm, lập trường gì, "lốp-bi DT" luôn luôn đặt mục tiêu biến đây thành luật lệ hay chính sách ủng hộ Do-Thái. Thứ hai, "lốp-bi DT" cố bảo đảm những thảo luận bàn cãi chính sách, công luận luôn luôn đặt Do-Thái vào cái nhìn tích cực nhất, bằng cách đưa ra nhiều huyền thoại về lịch sử hình thành Do-Thái, và bằng cách ủng hộ lập trường Do-Thái trong những bàn cãi tranh luận. Mục tiêu chính là ngăn ngừa không cho những cái nhìn tiêu cực về Do-Thái được đưa ra trước công luận. Trấn át, gạt qua một bên những bàn cãi là cách căn bản để bảo đảm sự ủng hộ của Hoa-Kỳ, bởi vì một thảo luận rõ rệt và công khai về liên hệ giữa Do-Thái và Hoa-Kỳ có thể khiến người Mỹ chọn một chính sách, đường lối mang đến bất lợi cho Do-Thái.

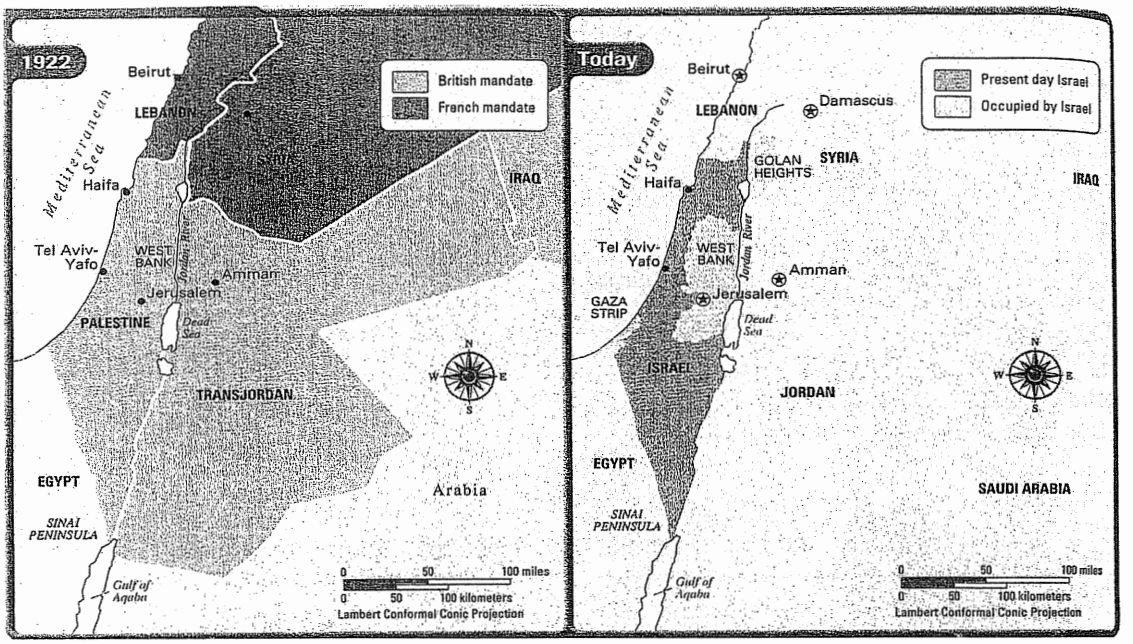

LẬP-QUỐC VÀ BÀNH-TRƯỚNG: *Bản đồ "Trung Đông" trước và sau khi Do-Thái thành một nước Do-Thái giữa hơn hai-mươi nước A-Rập, Hồi-giáo có sẵn trong vùng.*

Một rường cột chính trong sự hiệu nghiệm của "lốp-bi DT" là ảnh hưởng của "lốp-bi' này đối với quốc hội, nơi mà Do-Thái hầu như không bao giờ bị chỉ trích. Đây là một thành quả hiếm có, vì quốc hội ít khi bỏ qua một vấn đề nào dù có dễ gây xung đột, mâu thuẫn. Khi Do-Thái xem vấn đề nào là hệ trọng, các người muốn chỉ trích đều im lặng như hến. Một lý do là nhiều nhân vật quan trọng trong quốc hội thuộc giới Tin-lành ủng hộ Do-Thái, như lãnh tụ đa số Cộng-hòa Dick Armey chẳng hạn. Tháng Chín năm 2002 (đúng một năm sau tấn công khủng bố ba nơi miền đông Hoa-Kỳ) ông tuyên bố: "Ưu tiên số một của tôi trong chính sách ngoại giao là bảo vệ Do-Thái." Người ta thường nghĩ ưu tiên số một cho bất cứ dân biểu Mỹ nào, chứ đừng nói lãnh tụ đa số các dân biểu, phải là bảo vệ Hoa-Kỳ! Ngoài ra cũng có nhiều dân biểu, nghị sĩ gốc Do-Thái tích cực làm việc để bảo đảm rằng mọi chính sách Mỹ phải phục vụ quyền lợi Do-Thái.

Một nguồn sức mạnh khác của "lốp-bi DT" là qua việc sử dụng các chuyên viên phụ tá cho dân biểu, nghị sĩ. Như ông Morris Amitay, nguyên chủ tịch AIPAC, từng thú nhận, "có hàng loạt những phụ tá ở Capitol Hill (trụ sở quốc hội nằm một đầu đại lộ Pennsylvania ở thủ đô, với đầu kia là tòa Nhà Trắng) là gốc người Do-Thái, và sẵn sàng nhìn những vấn đề, chính sách, luật lệ qua cái lăng kính Do-Thái... Đây là những người nắm vị trí làm quyết định về các vấn đề, chính sách, luật lệ cho các dân biểu, nghị sĩ... Ta có thể đạt được nhiều kết quả qua các phụ tá này."

AIPAC là tổ chức với ảnh hưởng lớn lao chính vào quốc hội. Những thành quả AIPAC đạt được đều rút từ khả năng tưởng thưởng giới dân cử cùng các ứng viên dân cử ủng hộ những gì AIPAC muốn, và khả năng trừng phạt những ai đi ngược điều AIPAC muốn. Tiền bạc rất quan trọng trong tranh cử ở Hoa-Kỳ (xin xem những bài liệt kê trong lời giới thiệu đầu bài, cùng người viết), và AIPAC bảo đảm người ủng hộ mình được tài trợ dồi dào từ những ủy ban hành động chính trị (PAC, political action committee) thân Do-Thái. Ứng viên bị xem như đi ngược đường lối AIPAC sẽ bị AIPAC chuyển hết tiền bạc ủng hộ đến ứng viên đối thủ. AIPAC cũng tổ chức chiến dịch viết thư ủng hộ hay phản đối ứng viên, và khuyến khích giới lãnh đạo báo chí truyền thông (đa số là người Do-Thái) ủng hộ ứng viên thân thiện với Do-Thái. Thực tế cho thấy mức hiệu nghiệm của các chiến thuật này. Trong kỳ bầu cử 1988, AIPAC nhắm đánh bại nghị sĩ Charles Percy ở Illinois, bị AIPAC xem là "không thông cảm và ngay cả thù nghịch với những ước vọng của AIPAC." Chủ tịch AIPAC lúc đó, ông Thomas Dine giải thích: "Tất cả người gốc Do-Thái từ miền đông cho đến miền tây Hoa-Kỳ đoàn kết một lòng đánh đổ ông Percy. Và các chính khách

Mỹ —những người đang nắm quyền hiện nay, và những người có tham vọng quyền lực trong tương lai— đều hiểu rõ cái thông điệp này." Ảnh hưởng của AIPAC đối với quốc hội còn đi xa hơn nữa. Ông Douglas Bloomfield thuộc giới lãnh đạo AIPAC trước đây cho biết, "thông thường giới dân cử và các phụ tá hay nhờ cậy AIPAC khi họ cần tin tức, ngay cả trước khi họ gọi Thư-viện Quốc-hội, Cơ-quan Nghiên-cứu Quốc-hội, các chuyên gia thuộc quốc hội hay hành pháp (những nguồn thông tin siêu đẳng). Hơn nữa, AIPAC thường được nhờ cậy thảo diễn văn, viết dự luật, cố vấn về chiến thuật, nghiên cứu chi tiết, tìm người đồng minh và thu xếp phiếu ủng hộ."

Tóm lại AIPAC, thực tế là công cụ của một nước ngoài, đã nắm chặt được quốc hội Mỹ, với hệ quả rõ rệt chính sách đối với Do-Thái không được đem ra bàn cãi, mổ xẻ mà chỉ được thông qua mau mắn, làm lợi cho Do-Thái không cần biết đến hậu quả toàn thế giới. Nói một cách khác, một trong ba nhánh chính quyền đã gắn bó chặt chẽ với quyền lợi Do-Thái. Cựu nghị sĩ Dân-chủ Ernest Hollings nhận xét quốc hội "không thể nào có chính sách về Do-Thái khác với chính sách AIPAC đưa ra trước quốc hội." Hoặc như thủ tướng Do-Thái Ariel Sharon (với hỗn danh "đao phủ thủ" Lebanon, qua thành tích giết chết tám trăm dân Palestine trong trại tị nạn ở đây; vẫn nằm hôn mê vì kích não hơn cả năm nay) từng nói với đám đông thính giả người Mỹ, "khi người ta hỏi tôi làm thế nào để giúp Do-Thái, tôi trả lời họ: 'Cứ việc giúp AIPAC là đủ.' "

Từ ảnh hưởng của cử tri Mỹ gốc Do-Thái vào bầu cử tổng thống, "lốp-bi DT" nắm thế thượng phong đối với hành pháp Mỹ. Dù người Mỹ gốc Do-Thái chỉ chiếm ba phần trăm dân số Mỹ họ đóng góp lớn lao (vì mức độ thành công kinh tế và học vấn gấp bội tất cả các nhóm người tại Hoa-Kỳ) vào quĩ tranh cử của ứng viên hai đảng chính. Nhật báo *Washington Post* ước lượng các ứng viên tổng thống Dân-chủ Mỹ "nhờ đến 60 phần trăm tiền tranh cử vào người Mỹ gốc Do-Thái." Và vì người Mỹ gốc Do-Thái đi bầu rất đông, cũng như tụ tập đông đảo ở những tiểu bang quan trọng trong bầu cử như California, Florida, Illinois, New York và Pennsylvania, các ứng viên tổng thống ít nhất cũng cố tránh làm mất lòng họ. Những tổ chức chính trong "lốp-bi DT" làm mọi cách để người chỉ trích Do-Thái không thể nắm chức vụ làm chính sách quan trọng. Tổng thống Jimmy Carter trước đây muốn ông George Ball làm ngoại trưởng trong chính quyền ông, nhưng phải chọn người khác vì ông Ball bị "lốp-bi DT" xem là không thân thiện với Do-Thái. Hệ quả là tất cả người nắm chức vụ làm chính sách quan trọng đều phải chứng tỏ rõ rệt ủng hộ cho Do-Thái —vì vậy mà những người công khai chỉ trích chính sách của Do-Thái đều bị xem là "loài thú gần tuyệt chủng" trong giới ngoại giao. Khi ứng viên tổng thống Dân-chủ sáng giá Howard Dean kêu gọi Hoa-Kỳ phải "giữ công bằng" trong xung đột giữa Do-Thái và Palestine, nghị sĩ Dân-chủ gốc Do-Thái Joseph Lieberman (cũng là một ứng viên trong kỳ bầu cử) buộc tội ông "bán đứng" Do-Thái và xem lời kêu gọi "vô trách nhiệm" (ông Lieberman tuy là Dân-chủ nhưng triệt để ủng hộ tổng thống Cộng-hòa Bush trong "cuộc chiến chống khủng bố [A-Rập, Hồi giáo] toàn cầu" mà nhiều người xem là phát nguồn từ Do-Thái, đến nỗi đã từ bỏ đảng Dân-chủ để thành nghị sĩ Độc-lập). Hầu hết giới lãnh đạo Dân-chủ trong hạ viện ký vào thư ngỏ chỉ trích ông Dean, và tờ báo thân Do-Thái *Chicago Jewish Star* viết rằng "những người chống đối vô danh ... gửi điện thư tới tấp đến giới lãnh đạo gốc Do-Thái khắp Hoa-Kỳ cảnh cáo —dù không có bằng chứng nào hết—rằng ông Dean là người rất bất lợi cho Do-Thái."

Đây đúng là lo lắng không đúng chỗ; ông Dean thực ra rất gần với Do-Thái: một trong những chủ tịch trong vận động tranh cử của ông từng nắm chức chủ tịch AIPAC, và ông nhìn "Trung Đông" theo con mắt AIPAC hơn là tổ chức ôn hòa Americans for Peace Now. Ông chỉ "lỡ lời" đề nghị rằng "để mang hai phía Palestine và Do-Thái lại gần nhau," Hoa-Thịnh-Đốn phải đóng vai trò một "broker" ngay thẳng. Đây không phải là ý kiến mới mẻ, cực đoan gì, nhưng "lốp-bi DT" không thể chấp nhận ngay thẳng, công bằng. Dưới thời chính quyền Bill Clinton chính sách về "Trung Đông" phần lớn đều được hình thành bởi những viên chức gốc Do-Thái với liên hệ chặt chẽ với Do-Thái hoặc những tổ chức ủng hộ Do-Thái mạnh mẽ; một trong các viên chức này là ông Martin Indyk, nguyên phó chủ tịch AIPAC và một trong những người sáng lập viện Nghiên-cứu Chính-sách Cận-Đông thiên Do-Thái ở Hoa-Thịnh-Đốn (WINEP); ông Dennis Ross gia nhập WINEP sau khi rời chính quyền năm 2001; và Aaron Miller, từng sống ở Do-Thái và thường thăm viếng nước này. Những nhân vật này làm nhiệm vụ cố vấn thân cận nhất cho tổng

thống Clinton tại hội họp thượng đỉnh về Do-Thái và Palestine ở trại tĩnh tâm David ngay ngoài thủ đô tháng Bẩy 2000. Dù cả ba đều ủng hộ tiến trình hòa bình Oslo và việc thành hình một nước Palestine, họ chỉ ủng hộ ở mức Do-Thái có thể chấp nhận. Phái đoàn Mỹ đón ý thủ tướng Do-Thái Ehud Barak, điều hợp vị trí điều đình Mỹ trước với Do-Thái, và không đưa ra những đề nghị độc lập. Không mấy ngạc nhiên khi những đại diện Palestine tại thượng đỉnh than thở rằng họ "phải điều đình với hai nhóm Do-Thái —một với cờ Do-Thái và một với cờ Mỹ."

Ảnh hưởng Do-Thái còn rõ rệt sâu xa hơn nữa vào chính quyền George W. Bush, với nhiều nhân vật chính quyền nòng cốt gốc Do-Thái nhiệt tình ủng hộ ước vọng và chính sách của Do-Thái như những "diều hâu" nổi tiếng cực đoan Elliot Abrams (bộ quốc phòng), John Bolton (bộ ngoại giao), Douglas Feith (kế hoạch đặc biệt bộ quốc phòng tấn công chiếm đóng Iraq), I. Lewis Libby (đổng lý văn phòng phó tổng thống Dick Cheney), Richard Perle (cố vấn ngoài chính quyền nhưng đầy ảnh hưởng) Paul Wolfowitz (thứ trưởng quốc phòng, kiến trúc sư đi vào Iraq) và David Wurmser (cố vấn chính trị). Như sẽ thấy sau này, những viên chức nói trên liên tục ủng hộ và thi hành chính sách có lợi cho Do-Thái với chấp thuận của các tổ chức trong "lốp-bi DT." Dĩ nhiên "lốp-bi" không muốn tranh luận công khai vì điều này có thể khiến người Mỹ đặt câu hỏi về mức độ chính quyền Mỹ ủng hộ Do-Thái và sức mạnh ghê gớm của "lốp-bi." Theo chiều hướng nầy, những tổ chức ủng hộ Do-Thái cũng tích cực hoạt động để nắm ảnh hưởng trên các định chế với khả năng uốn nắn dư luận dân chúng Mỹ.

C. Ảnh hưởng vào giới truyền thông và trí thức

"Lốp-bi DT" ảnh hưởng mạnh mẽ vào giới truyền thông mạch chính (mainstream media). Nhà báo gốc Do-Thái Eric Alterman viết, "tranh luận giữa giới trí thức viết về 'Trung Đông' bị khống chế bởi những người không thể chấp nhận chuyện chỉ trích Do-Thái." Ông liệt kê 61 "người viết và phê bình hàng đầu gần như tự động ủng hộ Do-Thái, và ủng hộ vô điều kiện." Ngược lại chỉ có năm người viết hàng đầu gần như luôn luôn chỉ trích Do-Thái hoặc ủng hộ lập trường người A-Rập." Báo chí đôi khi đăng vài ý kiến thách đố chính sách của Do-Thái, nhưng đại đa số gồm bài ủng hộ Do-Thái. Thật khó tưởng tượng một tờ báo mạch chính nào ở Hoa-Kỳ chịu đăng bài tiểu luận về Do-Thái này (xin nhớ bài này được đăng trên báo Anh mà thôi). Nguyên chủ bút tờ *Wall Street Journal* ông Robert Bartley từng tuyên bố, "[Các thủ tướng Do-Thái] Shamir, Sharon và Netanyahu —bất cứ họ muốn gì tôi đều đi theo họ." Không ngạc nhiên mấy tờ báo của ông, cùng các báo lớn khác như *Chicago Sun-Times* và *Washington Times* đều đặn đăng tải ý kiến, lập trường cực lực ủng hộ Do-Thái. Những tạp chí bảo thủ nòng cốt như *Commentary, New Republic* và *Weekly Standard* bảo vệ Do-Thái khắp mọi mặt. Ngay cả tờ báo hàng đầu quốc tế như tờ *New York Times* cũng thiên vị Do-Thái đều đặn, dù đôi khi có đăng bài chỉ trích chính sách Do-Thái hoặc công nhận người Palestine có chính nghĩa, hay bị ngược đãi. Nguyên giám đốc quản trị báo này ông Max Frankel (cũng gốc Do-Thái) viết trong hồi ký về ảnh hưởng thái độ của ông vào việc viết lách trên báo: "Tôi để hết lòng vào Do-Thái hơn là tôi dám công nhận... Với hiểu biết về Do-Thái cùng những liên hệ bạn bè ở Do-Thái chính tôi đã viết phần lớn những bài lập trường của tờ báo về Trung Đông. Như nhiều độc giả người A-Rập hơn Do-Thái nhận ra ngay, tôi viết lập trường tờ bao qua lăng kính ủng hộ Do-Thái."

Tin tức về "Trung Đông" có phần quân bằng hơn vì các phóng viên cố gắng viết một cách vô tư, và cũng vì lý do rõ rệt là không thể viết về những gì xẩy ra trong vùng Do-Thái chiếm đóng của người Palestine mà không nhắc nhở đến các việc Do-Thái làm hay vi phạm hàng ngày. Để ngăn chặn những tin tức bất lợi "lốp-bi DT" tổ chức những đợt thư độc giả gửi báo chí, biểu tình và tẩy chay báo chí đăng tin bị xem là bất lợi cho Do-Thái. Một nhân vật quản trị thuộc hệ thống truyền hình CNN cho biết đôi khi ông nhận được sáu ngàn điện thư một ngày phản đối tin tức liên hệ đến Do-Thái. Tháng Năm 2003, Ủy-ban Đòi Tin-tức Chính-xác về Trung Đông (CAMERA, Committee for Accurate Middle East Reporting in America, một tổ chức thân Do-Thái) tổ chức biểu tình phản đối hệ thống Phát-thanh Độc-lập NPR (National Public Radio, không nhận tiền quảng cáo và phần lớn sống nhờ đóng góp của thính giả) ở 33 thành phố lớn; CAMERA củng cố thuyết phục người ủng hộ NPR rút tiền bạc lại cho tới khi tin tức truyền thanh về "Trung Đông" có lợi cho Do-Thái hơn. Đài WBUR, thuộc hệ thống NPR ở thành phố Boston, bị mất hơn một triệu đô-la ủng hộ vì áp lực

Do-Thái. Những áp lực khác đến từ giới ủng hộ Do-Thái trong quốc hội, đòi hỏi NPR phải điều tra nội bộ và kiểm soát nội dung tin tức về "Trung-Đông" chặt chẽ hơn.

Giới ủng hộ Do-Thái cũng khống chế những viện nghiên cứu đóng vai trò quan trọng trong việc uốn nắn dư luận dân chúng và chính sách về "Trung Đông." "Lốp-bi DT" dựng riêng viện nghiên cứu của mình năm 1985 khi ông Martin Indyk nói trên tham gia thành lập WINEP. Dù WINEP cố che giấu liên hệ chặt chẽ với Do-Thái qua mục tiêu cung cấp "một cái nhìn quân bằng và thực tế" về những vấn đề "Trung Đông," tổ chức này được tài trợ và điều hành bởi những người hết lòng với quyền lợi Do-Thái.

Ảnh hưởng của "Lốp-bi DT" đi quá mức viện nghiên cứu WINEP. Trong một phần tư thế kỷ qua giới ủng hộ Do-Thái có mặt hùng hậu ở những viện nghiên cứu bảo thủ như American Enterprise Institute (gồm nhiều viên chức, cố vấn trong chính quyền Bush), Brookings Institution, Center for Security Policy, Foreign Policy Research Institute, Heritage Foundation, Hudson Institute, Institute for Foreign Policy Analysis và Jewish Institute for National Security Affairs (JINSA). Những viện nghiên cứu này gồm rất ít —nếu không nói là không có— người chỉ trích Do-Thái. Qua nhiều năm ở Brookings Institution chuyên viên cao cấp nhất về "Trung Đông" là ông William Quandt, từng làm việc trong Hội-đồng An-ninh Quốc-gia (cố vấn an ninh cho tổng thống) với danh tiếng vô tư, công bằng. Ngày nay, viện nghiên cứu này hoạt động dưới quyền Saban Center for Middle East Studies, tài trợ bởi doanh gia Haim Saban, một người Mỹ gốc Do-Thái nhiệt thành ủng hộ Do-Thái. Giám đốc trung tâm này không ai khác hơn ông Martin Indyk. Trước đây là một viện nghiên cứu độc lập vô tư, nay Brookings Institution chỉ là một bộ phận trong tiếng nói ủng hộ Do-Thái rộng lớn gồm những viện nghiên cứu nói trên.

D. Ảnh hưởng vào các Viện Đại Học

Các viện đại học là nơi "lốp-bi DT" gặp nhiều khó khăn trong việc ngăn chặn những đối thoại, tranh luận liên quan đến chính sách và ảnh hưởng Do-Thái (theo truyền thống, đại học là nơi trao đổi mọi ý kiến, sáng kiến, lập trường, hiểu biết; quyền tự do ngôn luận, trình bầy, phát biểu, phô diễn, quảng bá được bảo vệ và khuyến khích tối đa; giáo sư đại học là những người học hỏi, nghiên cứu sâu xa, nhiệt thành và có thể rất lý tưởng, với ảnh hưởng lớn lao trên những người trẻ học thức và còn đầy lý tưởng; nếu tính theo tỉ số người Mỹ gốc Do-Thái ở Hoa-Kỳ, số giáo sư gốc Do-Thái chiếm đa số những người giảng dậy, nghiên cứu ở đại học Mỹ, và có thể nói đa số người giảng dậy, nghiên cứu các khoa học nhân văn đều nghiêng về "phía tả" —hiểu theo nghĩa có lương tâm và dũng lược chống lại mọi bạo quyền áp chế và bất công xã hội, kinh tế, chứ không phải là "thiên Cộng"). Trong thập niên 1990 (thời tổng thống Dân-chủ Clinton hai nhiệm kỳ) khi tiến trình hòa bình Oslo đang tiến hành, tiếng nói trí thức đại học chỉ trích Do-Thái khá nhẹ nhàng, nhưng càng ngày càng nặng nề hơn khi tiến trình này sụp đổ cùng với việc "đạo phủ thủ Lebanon" Ariel Sharon lên làm thủ tướng Do-Thái, và ồn ào dữ dội hơn khi Lực-lượng Quốc-phòng Do-Thái (IDF, Israel Defense Forces) tái chiếm vùng Tây Ngạn (West Bank, bên trái sông Jordan, một vùng đất nhỏ người Palestine còn giữ được) mùa xuân 2002 (ngay sau năm đầu chính quyền Bush) và sử dụng lực lượng lớn lao và trang bị tối tân (với vũ khí hoàn toàn viện trợ từ Hoa-Kỳ) để đàn áp người Palestine nổi dậy lần thứ nhì ("intifada" theo tiếng A-Rập, nay vẫn còn tiếp tục) phản đối Do-Thái.

"Lốp-bi DT" ra tay hành động nhanh chóng để "lấy lại [ảnh hưởng] ở các đại học." Những nhóm ảnh hưởng hiện hữu như Jewish Council for Public Affairs và Hilel nhẩy ngay vào cuộc với "lốp-bi DT" và nhóm mới thành lập Liên-minh Israel on Campus để điều hợp những tổ chức, bộ phận "giải độc." AIPAC gia tăng gấp ba lần ngân sách dùng vào các chương trình theo dõi những gì xẩy ra ở đại học và huấn luyện những người "giải độc" trẻ nhằm "gia tăng lớn lao số sinh viên thiên Do-Thái ở các đại học... trong nỗ lực ủng hộ Do-Thái khắp Hoa-Kỳ." "Lốp-bi DT" cũng theo dõi những gì giáo sư đại học viết và giảng dậy trong lớp học. Tháng Chín 2002 (đúng một năm sau tấn công khủng bố vào ba nơi miền Đông Hoa-Kỳ) ông Martin Kramer và Daniel Pipes, hai nhân vật tân bảo thủ gốc Do-Thái nhiệt thành ủng hộ Do-Thái, thành lập trang Campus Watch (Theo-dõi Khuôn-viên Đại-học) trên Internet công khai hóa hồ sơ của những giáo sư bị nghi ngờ, và khuyến khích sinh viên báo cáo những phát ngôn hay hành động bị xem như thù nghịch với Do-Thái của các giáo sư. Nỗ lực trắng trợn nhằm ghi tên vào sổ đen và dọa dẫm giới học giả đại học bị phản đối kịch liệt khiến hai ông Pipes và Kramer sau này phải bỏ

những hồ sơ, nhưng Campus Watch vẫn tiếp tục kêu gọi sinh viên báo cáo những hoạt động "chống Do-Thái."

Những tổ chức nằm trong "lốp-bi DT" nhắm áp lực một số học giả và viện đại học rõ rệt. Viện đại học tư hàng đầu Columbia (ở ngay thành phố Nữu-Ước và sát nách tiểu bang New Jersey, hai nơi người Mỹ gốc Do-Thái tập trung đông nhất nước) thường là một mục tiêu; lý do chính: sự hiện diện của cố giáo sư Edward Said trong ban giảng huấn nhà trường. Giáo sư Jonathan Cole, nguyên một phụ tá viện trưởng ở đây cho biết, "Bất cứ lúc nào giáo sư danh tiếng về phê bình văn học Said lên tiếng ủng hộ người Palestine bị Do-Thái ngược đãi, áp chế, hàng trăm điện thư, thư viết tay và ý kiến độc giả trên báo chí được chuyển đến trường kêu gọi chúng tôi tẩy chay, kiểm duyệt hoặc cho ông nghỉ việc (việc này đưa đến hai hệ quả ngoài ý muốn — "counterproductive"—: viện đại học cỡ Columbia với trường báo chí hàng đầu không dễ bị áp lực, và hành động đi ngược hiến pháp của người gốc Do-Thái bị công luận lên án dè bĩu). Khi Columbia "lấy được" sử gia uyên bác gốc A-Rập Rashid Khalidi từ viện đại học lừng danh Chicago,"lốp-bi DT" có hành động y hệt. Sau này viện đại học Princeton (tư nhân, ở New Jersey, rất nhỏ và được xem đứng đầu các viện đại học Mỹ; sinh viên gốc Á châu, được xem là xuất sắc ngang hàng với sinh viên gốc Do-Thái và Đức ở Hoa-Kỳ, chỉ chiếm tỉ số rất nhỏ ở đây) cố lôi cuốn giáo sư Khalidi về trường mình, cũng bị những áp lực Do-Thái không khác mấy viện đại học Columbia. Một thí dụ nữa về nỗ lực theo dõi áp lực giới trí thức đại học xẩy ra cuối năm 2004 khi Kế hoạch David (tên đặt theo huyền thoại thiếu niên David đánh bại người khổng lồ Goliath; ngôi sao sáu cạnh tượng trưng cho Do-Thái và trên trên quốc kỳ được gọi là ngôi sao David) sản xuất bộ phim kết án các giáo sư trong chương trình giảng dậy nghiên cứu về "Trung Đông" ở Columbia chống Do-Thái và đe dọa sinh viên gốc Do-Thái đứng lên biện hộ cho Do-Thái. Columbia bị hạch hỏi về hai chuyện này, nhưng một ủy ban giảng huấn với trách nhiệm điều tra những kết án không tìm thấy bằng cớ chống Do-Thái và chỉ có một trường hợp đáng lưu ý là một giáo sư "đã gay gắt trả lời" một câu hỏi của sinh viên. Ủy ban cũng nhận ra những giáo sư liên hệ trước đây đã từng bị người Mỹ gốc Do-Thái xách nhiễu đe dọa.

Có lẽ khía cạnh đáng bận tâm nhất trong số những nỗ lực "bị miệng" này nằm trong nỗ lực của nhiều nhóm gốc Do-Thái muốn áp lực quốc hội đưa ra nhiều biện pháp nhằm theo dõi những giảng dậy, tuyên ngôn của các giáo sư. Nếu những nhóm áp lực đầy uy quyền này đạt được mục tiêu của họ, viện đại học nào bị xem là chống Do-Thái sẽ bị cắt tài trợ dành cho đại học từ chính quyền liên bang. Những nỗ lực này chưa thành công, nhưng đây cho thấy ưu tiên người gốc Do-Thái đặt vào khống chế những tranh luận, đối thoại. Một số những Mạnh Thường Quân gốc Do-Thái vừa bỏ tiền thành lập những chương trình Nghiên-cứu Do-Thái (thêm vào khoảng 130 chương trình nghiên cứu Do-Thái có sẵn) để gia tăng con số những học giả thân thiện với Do-Thái trong khuôn viên đại học. Tháng Năm 2003, viện đại học New York tuyên bố việc thành lập Trung-tâm Nghiên-cứu Do-Thái Taub; những chương chình tương tự cũng được ra đời tại những viện đại học công và tư đứng hàng đầu ở Hoa-Kỳ và thế giới như Berkely (California), Brandeis (New York) và Emory (Atlanta). Những trường nhận tiền nhấn mạnh khía cạnh học vấn chuyên môn (một trong trách nhiệm chính và thực tiễn của các viện trưởng đại học Mỹ, dù công hay tư, là vận động kiếm tiền cho trường để phát triển giảng huấn, nghiên cứu, "có thực mới vực được đạo"), nhưng ai cũng rõ phần lớn đây là nhằm vào việc đánh bóng hình ảnh Do-Thái. Giáo sư Fred Laffer (gốc Do-Thái, viện trưởng viện Taub Foundation) tuyên bố thẳng thừng rằng tài trợ viện đại học New York là nhằm chống lại "quan điểm phe A-Rập" mà ông xem như rất phổ thông tại những chương trình nghiên cứu "Trung Đông" thuộc viện đại học này.

(Còn tiếp)

Xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen-thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21, nhật-báo Người-Việt, chủ-biên trang Anh-ngữ "Việt Forum" và "NV English Section" từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU: NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI

TUYỂN-TẬP I*

CỔ-LŨY

* Sẽ xuất-bản—như một đáp-ứng yêu-cầu "đưa ra những cái nhìn khác và cần thiết" của anh ĐNY.

Phế Thải Y Tế Ở Việt Nam

MAI THANH TRUYẾT

Hầu hết chúng ta đều biết tình trạng môi trường ở Việt Nam hiện tại đang xuống cấp ngày càng trầm trọng, hậu quả của việc sản xuất của cải vật chất cho xã hội mà không chú trọng đúng mức đến việc bảo vệ môi trường từ khi Việt Nam bắt đầu mở cửa ra thế giới bên ngoài từ năm 1986 trở đi. Một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng trên là các nguồn phế thải rắn. Có ba loại phế thải rắn: - Phế thải từ các công nghệ sản xuất gọi là phế thải kỹ nghệ; - Phế thải rác từ các hộ gia đình gọi là phế thải sinh hoạt; - Và sau cùng phế thải y tế là tất cả các loại rác phát sinh từ những dịch vụ y tế trong bịnh viện và các trung tâm y tế trên toàn quốc.

Bài viết nầy có mục đích trình bày tình trạng các loại phế thải y tế ở Việt Nam và một số nhận định về tình trạng trên cùng một vài đề nghị giải quyết một vấn đề không kém quan trọng hiện đang xảy ra ở Việt Nam.

Định nghĩa và thành phần của chất thải y tế

Chất thải y tế còn gọi là chất thải bịnh viện là những chất phế thải từ bịnh viện qua những dịch vụ y tế như chữa trị, mổ xẻ, và thử nghiệm. Đại để đó là những quần áo bịnh nhân và y công, bác sĩ sau khi chữa trị có dính máu và chất thải của người bịnh, cũng như vi khuẩn, các bộ phận bị tách rời, hóa chất, thuốc men cùng dụng cụ dùng trong các sinh hoạt trên. Do đó, phế thải y tế rất dễ bị lây nhiễm và có nguy cơ ảnh hưởng lên sức khỏe con người sống trong môi trường bịnh viện, nếu không được xử lý thích đáng. Thông thường theo ước tính trong 4 kg phế thải y tế có 1 kg phế thải đã bị nhiễm vi khuẩn nguy hiểm.

So với các loại chất thải khác như chất thải rắn trong kỹ nghệ và phế thải gia cư, đây là một loại phế thải độc hại hơn cả vì phế thải y tế có thể trực tiếp ảnh hưởng tức khắc lên sức khỏe của con người, và hơn nữa có thể có nguy cơ tạo ra bịnh dịch qua sự lây nhiễm qua một vùng dân cư rộng lớn. Còn tính độc hại của hai loại phế thải gia cư và kỹ nghệ có tính cách lâu dài hơn và khó nhận diện trước mắt.

Cung cách xử lý loại phế thải y tế trên thế giới

Hiện tại, trên thế giới ở hầu hết các quốc gia kỹ nghệ, trong các bịnh viện, cơ sở săn sóc sức khỏe, hay những công ty đặc biệt xử lý phế thải đều có thiết lập hệ thống xử lý loại phế thải nầy. Đó là các lò đốt (incinerators) ở nhiệt độ cao tùy theo loại phế thải từ 1.000oC đến trên 4.000oC. Tuy nhiên phương pháp nầy hiện nay vẫn còn đang tranh cãi về việc xử lý khí và bụi sau khi đốt đã được thải hồi vào không khí.

Các phế thải y tế trong khi đốt, thải hồi vào không khí nhiều hạt bụi li ti và các hóa chất độc hại phát sinh ra do quá trình thiêu đốt như: acid cloridric, dioxin/furan, và một số kim loại độc hại như thủy ngân, chì, hoặc arsenic, cadmium. Do đó, tại Hoa Kỳ vào năm 1996, đã bắt đầu các điều luật về khí thải của lò đốt nghiêm khắc hơn và lượng khí thải hồi phải được giảm thiểu bằng những hệ thống lọc hóa học và cơ học tùy theo loại phế thải. Cũng như các hạt bụi phóng thích sau khi đốt phải nhỏ hơn 10 um.

Ngoài ra còn có phương pháp khác để giải quyết vấn đề nầy đã được các quốc gia lưu tâm đến vì phương pháp đốt đã gây ra nhiều bất lợi vì lượng khí độc hại phát sinh thải vào không khí; do đó các nhà khoa học hiện đang áp dụng một phương pháp mới. Đó là phương pháp nghiền nát chất phế thải và xử lý dưới nhiệt độ và áp suất cao để tránh việc phóng thích khí thải trong khi xử lý.

Dựa theo phương pháp nầy phế thải bịnh viện được chuyển qua một máy nghiền nát. Phế thải đã được nghiền xong sẽ được chuyển qua một phòng hơi có nhiệt độ 138oC và áp suất 3,8 bar (1bar tương đương với áp suất 1 atmosphere). Ở điều kiện nhiệt độ và áp suất trên là điều kiện tối ưu cho hơi nước bão hòa. Phế thải được xử lý trong vòng 40 đến 60 phút. Sau cùng phế thải rắn đã sẽ được chuyển đến các bãi rác thông thường vì đã đạt được tiêu chuẩn tiệt

trùng. Phương pháp nầy có thêm lợi điểm là làm giảm được khối lượng phế thải vì được nghiền nát, chi phí ít tốn kém hơn lò đốt, cũng như không tạo ra khí thải vào không khí.

Phế thải y tế ở các nước đang phát triển

Đối với các quốc gia đang phát triển, việc quản lý môi trường chung vẫn còn rất lơ là, nhất là đối với phế thải bịnh viện. Tuy nhiên trong khoảng năm năm trở lại đây, các quốc gia như Ấn Độ và Trung Quốc đã bắt đầu chú ý đến việc bảo vệ môi trường, và có nhiều tiến bộ trong việc xây dựng các lò đốt ở bịnh viện. Đặc biệt ở Ấn Độ từ năm 1998, chính phủ đã ban hành Luật về "Phế thải y tế: Lập thủ tục và Quản lý." Trong bộ luật nầy có ghi rõ ràng phương pháp tiếp nhận phế thải, phân loại phế thải, cùng việc xử lý và di dời đến các bãi rác. Do đó, vấn đề phế phải độc hại của quốc gia nầy đã được cải thiện rất nhiều.

Trong lúc đó Việt Nam hiện nay chưa đặt mối quan tâm đúng mức về vấn đề nầy, ngay cả đối với rác gia cư và rác kỹ nghệ. Hà Nội có 36 bịnh viện mà chỉ có một bịnh viện có lò đốt. Tp HCM cũng chẳng khá gì hơn, chỉ có ba lò đốt cho trên 100 bịnh viện trong thành phố. Đối với các tỉnh, thị xã còn lại, chúng tôi thiết nghĩ cũng không có bịnh viện nào có trang bị lò đốt cả.

Cho đến hiện nay, chưa thấy có chỉ dấu nào của Việt Nam về việc cải thiện tình trạng quản lý các nguồn rác nói chung, và phế thải y tế nói riêng. Các loại phế thải rắn và lỏng là hai vấn nạn môi trường quan trọng nhất hiện tại mà Việt Nam phải đối mặt và giải quyết một cách rốt ráo. Nếu Việt Nam không chịu thay đổi cung cách hành xử chúng tôi e rằng Việt Nam sẽ phải chịu một cơn khủng hoảng môi trường nghiêm trọng trong một tương lai rất gần.

Mới đây, vào ngày 30-8-2007, TS Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế CS Việt Nam cho biết Bộ Y tế yêu cầu các đơn vị y tế trong cả nước cần thúc đẩy gấp việc kiểm tra, kiểm soát cũng như thắt chặt việc quản lý, kiểm soát và xử lý rác thải theo Quy chế quản lý chất thải y tế. Bộ còn yêu cầu cho đến ngày 30-9 tất cả các bịnh viện, sở y tế, các trung tâm y tế phải rà soát và báo cáo đầy đủ công tác thu gom, xử lý, và tiêu hủy chất thải bịnh viện theo đúng quy định, tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường.

Qua công văn vừa phát ra, chúng ta thấy rõ ràng là Việt Nam chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của phế thải y tế. Một vấn đề cấp bách như trên đã tồn tại hàng nhiều chục năm qua, mà Bộ Y tế chỉ ra công văn "yêu cầu" giải quyết rác y tế?

Chính vì vậy, cho nên tình trạnh chung trên 64 tỉnh toàn quốc vẫn xảy ra nhiều trường hợp cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Tình trạng nầy càng tệ hại hơn nữa ở hai nơi cần phải giữ gìn hơn cả là ở Hà Nội và Sài Gòn, vì hai nơi nầy là hai trung tâm tiếp cận với ngoại quốc nhiều nhất và đông dân nhất so với các tỉnh khác.

Tại Sài Gòn, hầu hết các bịnh viện trong thành phố chỉ có trách nhiệm thu gom, phân loại, kiểm soát và chuyển tải rác y tế về nhà rác; còn vấn đề vận chuyển rác đi đâu, xử lý như thế nào thì giao cho cơ quan quản lý môi trường. Chính vì sự quản lý còn lỏng lẻo mà tình trạng rác y tế ngày càng tệ hại hơn.

Đối với Sài Gòn, đây là thành phố có số lượng bịnh nhân lớn nhất, trung bình hàng tháng có thể thải ra hơn bảy tấn rác y tế gồm kim và ống chích, bông băng, dao mổ, các ống plactic chuyền nước biển hay thuốc men v.v... Tất cả được thu gom vào các thùng nhựa, có ghi mã số riêng và được chuyển xuống nhà rác. Sau đó là việc của Cty Quản lý Môi trường, và bịnh viện hoàn toàn không còn chịu trách nhiệm việc xử lý! Do đó, Cty Môi trường chuyển rác đi đâu, xử lý như thế nào thì không ai được rõ cả! Cũng không quên nói thêm là thành phố còn có hàng ngàn văn phòng khám bịnh và chữa trị do các bác sĩ hành nghề, và vấn đề thu gom rác y tế hoàn toàn không được nêu lên. Đây cũng là một số lượng rác không nhỏ, gây thêm nguy cơ cho rất nhiều mầm bịnh.

Riêng tại thủ đô Hà Nội, vấn đề quản lý còn tồi tệ hơn nữa, và nhiều tệ trạng mới vừa được nêu ra trên báo chí và truyền thanh gần đây nói lên sự bất lực của những nhà chịu trách nhiệm trong lãnh vực nầy. Điển hình là trường hợp bịnh viện Việt Đức. Trong nhiều năm qua, bịnh viện đã ký hợp đồng với Xí nghiệp Xử lý chất thải công nghiệp Y tế thuộc Cty Môi trường Hà Nội vận chuyển và xử lý rác y tế. Tuy nhiên vì không ai quản lý khâu xử lý, cho nên Cty trên đã bán lại các loại rác có thể tái sinh thay vì phải xử lý. Điều nầy cũng xảy ra cho bịnh viện Bạch Mai và một số bịnh viện khác tuy chưa được khám phá ra. Ngay chính Đài Radio ABC ở Úc châu trong buổi phát thanh ngày 29/8 vừa qua nêu tin tức gần 300 tấn rác y tế ở Việt Nam ở các bịnh viện Hà Nội đã được tái sản xuất thành

các dụng cụ dùng trong kỹ nghệ ăn uống như muỗng nĩa, dao nhựa, các loại ly chén nhựa, các thùng chứa bằng nhựa v.v...

Phế thải y tế lỏng

Ngoài phế thải rắn vừa kể trên, chúng ta cũng không quên một lượng nước thải y tế. Từ trên 1.000 bịnh viện trên toàn quốc hiện tại, theo thống kê của VN hiện chỉ có 1/3 có hệ thống xử lý nước thải, đặc biệt là ở trung ương và các thành thị lớn. Tuy nhiên trong số trên chỉ có một phần nhỏ đạt được tiêu chuẩn môi trường. Nhiều nơi có cũng như không vì hệ thống không được bảo hành sau đó bỏ không với lý do là không có kinh phí cho tiền điện và hóa chất cùng nhân viên điều hành... Ở nhiều bịnh viện lớn ở thành phố, nước thải chỉ qua bồn chứa rồi chảy thẳng vào sông rạch. Thí dụ như bịnh viện Việt Đức, cơ sở ngoại khoa lớn nhất nước, thực hiện hàng chục ngàn ca mổ mỗi năm mà vẫn chưa có nhà máy xử lý nước thải đúng tiêu chuẩn. Sài Gòn còn trên 35 bịnh viện chưa có hệ thống xử lý nước thải và 40 bịnh viện hệ thống không đạt tiêu chuẩn.

Theo Sở Tài nguyên & Môi trường Hà Nội, trong số 400 ngàn m3 nước thải đổ vào sông Nhuệ, sông Đáy mỗi ngày, có độ khoảng phân nửa là nước thải bịnh viện. Từ đây cho thấy mầm bịnh trên các sông rạch chằn chịt ở Việt Nam đang bị ô nhiễm như thế nào vì các mầm bịnh sinh học, thậm chí cả phóng xạ, virus đường tiêu hóa, bại liệt, ký sinh trùng, liên cầu, tụ cầu, Salmonella v.v... Thêm nữa, những mầm bịnh nầy chu du khắp nơi, xâm nhập vào các loại thủy sản, cây trồng, nhất là thủy canh như rau muống chẳng hạn. Từ đó, con người sau khi tiếp nhiễm với các mầm bịnh trên, nguy cơ ung thư và các bịnh hiểm nghèo khác sẽ tăng rất nhanh. Đối lại, Sài Gòn cũng không khá gì hơn với trên 17 ngàn m3 chất thải y tế lỏng thải vào sông rạch hàng ngày.

Từ những thông tin nêu trên đây, chúng ta nhận thức được tình trạng rác y tế ở Việt Nam đã được quản lý tồi tệ cũng như các viễn kiến để giải quyết vấn đề hầu như không được những người đang nắm quyền lực lưu ý đến.

Đề nghị hướng giải quyết

Đứng trước tình trạng cấp bách về việc xử lý phế thải y tế, cũng như khả năng tài chính của các bịnh viện không thể nào trang trải cho chi phí thiết lập một lò đốt, một số phương cách giải quyết trước mắt để có thể điều chỉnh và hạn chế được chất thải nầy. Tuy nhiên, vấn đề chỉ có thể giải quyết từng bước một khi có sự tham gia của nhà cầm quyền.

Đối với các bịnh viện có bịnh nhân dễ bị nhiễm trùng và truyền nhiễm cao như các bịnh viện nhiệt đới, nhà bảo sinh, nhà nước bắt buộc bằng giá nào cũng phải xây lò đốt càng sớm càng tốt. Thêm nữa cần phải tăng cường kiểm soát việc quản lý các lò đốt của bịnh viện. Và việc làm cấp yếu tức thời đối với những bịnh viện còn lại là phải hạn chế chất thải y tế tối đa.

Ở các quốc gia kỹ nghệ, song hành với việc xử lý phế thải, Cơ quan Bảo vệ môi trường sở tại thường thiết lập chính sách khen thưởng bằng cách giảm thuế cho cơ sở sản xuất nào áp dụng chương trình giảm thiểu phế thải. Mức độ khen thưởng tùy theo điều kiện và mức độ độc hại cho mỗi quy trình. Trong trường hợp chất thải y tế, sau đây là một số gợi ý về phương cách để làm giảm thiểu chất thải:

- Trước hết, trong bịnh viện không nên xử dụng bao tay, áo choàng, khăn trải v.v... bằng chất dẻo nhân tạo như PVC, mà được thay thế các dụng cụ trên bằng cao su thiên nhiên (latex).

- Thủy ngân trong các hỗn hợp kim loại dùng trong việc trám răng, trồng răng, cũng như Chì (Pb) dùng làm điện cực của pin trong các hệ thống theo dõi nạn nhân bị bịnh tim v.v... sẽ được tái xử dụng bằng phương pháp tái sinh hóa học.

- Một số trang phục và hệ thống hô hấp trong phòng mổ có thể được tiệt trùng và dùng lại nhiều lần.

- Các dung môi thông thường trong bịnh viện như benzen, toluene, xylen có thể được sử dụng lại qua hệ thống chưng cất phân đoạn.

Tóm lại, bịnh viện có thể xử dụng lại tất cả những dụng cụ, hóa chất nào có thể tái sinh được và làm đúng theo quy định về an toàn y tế.

Ngoài ra, còn rất nhiều phương cách để giảm thiểu phế thải y tế cho từng bịnh viện chuyên ngành khác.

Nếu làm được một số việc căn bản đan cử trên đây, chúng ta đã hạn chế được một phần nào tình trạng ô nhiễm, giảm thiểu lượng chất thải và mức độ độc hại của chúng, và nhất là giảm thiểu được chi phí điều hành.

Sau hết, với sự tham gia đúng mức của các thành phần nhân sự trong bịnh viện từ nhân viên quản lý đến nhân viên y tế, cùng bịnh nhân sẽ chứng minh mức độ thành công của chương trình giảm thiểu chất thải nói chung.

West Covina, 9/2007

NGÔ NHÂN DỤNG

Tạ lỗi và đền ơn

Người Việt Nam ở khắp thế giới hướng về Đồng Bằng Sông Cửu Long sau khi nghe tin mấy nhịp cầu đang xây sụp đổ khiến trên 50 người thiệt mạng. Tất cả cùng để tang trong lòng, cầu bình an cho các nạn nhân còn sống, cầu siêu độ cho những người đã qua đời. Trong vụ sập đổ công trình xây dựng cầu Cần Thơ cũng như mỗi lần có một tai nạn lớn hay những thiên tai, chúng ta lại thấy tình ruột thịt của những người con cháu cùng chung một Mẹ Tổ Âu Cơ. Người Việt ở ngoài nước rất tiếc không thể chạy tới hiến máu để cứu các công nhân bị thương ngay tức khắc, nhiều người đã khóc khi nhìn các hình ảnh tai nạn trên màn ảnh. Đồng bào trong nước, độc giả các tờ báo, cùng các cơ quan chính quyền tại chỗ, đã đóng góp ngay tiền bạc để giúp đỡ các gia đình nạn nhân. Đó là những tin tức nghe thấy ấm lòng người, mặc dù ai cũng thắc mắc không hiểu sao cầu đang xây cất mà đã bị sập.

Nhưng trong các "tang lễ," mọi người trong gia đình đều tự kiềm chế không gây gổ cãi cọ lẫn nhau. Không ai vội vã kết tội, trách móc, hoặc nhắc nhở tới trách nhiệm những người đã gây nên cảnh tang tóc. Trước hết, ai cũng nghĩ tới những đồng bào bị nạn. Đó là thái độ chính đáng nhất, dấu hiệu của một nếp sống thuần hậu, văn minh mà chúng ta cùng hưởng, do tổ tiên chung nòi giống Việt để lại.

Chúng ta cũng không thể trách những người có phản ứng tức thời có giọng giận dữ khi họ phỏng đoán và quy trách nhiệm gây ra tai nạn. Phần lớn các phản ứng này, ở trong nước và bên ngoài, nhắm vào những tệ đoan trong xã hội Việt Nam hiện nay, đặc biệt là nạn tham nhũng, như đã diễn ra nhiều lần trong các công trình xây dựng "bị rút ruột." Trong lúc đau lòng về cảnh những người đã chết đáng lẽ phải được sống, người ta khó nén được xúc động, nỗi giận bùng lên bằng những lời thẳng thắn, bộc trực là điều có thể hiểu được. Vì một tai nạn lớn lao như vụ này không phải do một sớm một chiều tình cờ xảy ra, ai cũng đi tìm những nguyên nhân từ gốc rễ.

Nhưng trong lúc toàn thể mọi người Việt Nam đang sống trong cơn xúc động lớn, trong lúc lòng người đau đớn và hoang mang, nếu như có một cử chỉ, một hành động nào giúp cho nhân tâm được bình an, tạo được niềm an ủi, tin tưởng để mọi người phấn khởi cùng hướng về tương lai, thì thật là phúc lớn cho cả dân tộc.

Thí dụ, nếu như có một người nào đó đứng ra nhận trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp, và tự trừng phạt mình để tạ lỗi với gia đình các nạn nhân, nhận lỗi trước tất cả đồng bào. Người đó có thể ở cấp rất thấp, trong hay ngoài chính quyền. Chỉ cần một nhân viên phụ trách an ninh, đã không biết hạn chế đám người có mặt trên sàn đạo quá đông, khiến cho nhiều người chết hoặc bị thương oan vì tai nạn, xin tự phạt mình. Có thể chỉ là một đốc công điều khiển một giai đoạn làm giàn giáo trong toàn thể công trình, nhận lỗi về phần mình đã sơ suất không kiểm tra kỹ để cầu sập. Có thể một người ở cấp cao hơn, người điều khiển toàn bộ "gói thầu" xây dựng cây cầu. Có thể là một vị chỉ huy trong Bộ Giao Thông Vận Tải hoặc một cấp cao hơn trong chính quyền. Trong một buổi lễ truy điệu, ông bộ trưởng Giao thông Vận tải và một đại diện nhà thầu Nhật Bản đã chính thức ngỏ lời xin lỗi, nhưng chưa có ai tỏ ý nhận sự trừng phạt nào cả.

Chỉ cần một người đứng ra nhận lỗi và sẵn sàng chịu sự trừng phạt về tinh thần hay vật chất. Hành động can đảm đó sẽ giải được nỗi oan khuất của các nạn nhân. Và có thể giúp cho tất cả mọi người cảm thấy chúng ta sống chung giữa những người có tư cách, trong một xã hội có đạo lý, chúng ta là một dân tộc có văn hóa, đáng kính trọng. Nhận trách nhiệm như vậy là một hành động bố thí, tặng cho mọi người niềm tin chung vào xã hội, tin vào truyền thống đạo đức dân tộc, nhờ thế tất cả cùng ngẩng đầu lên, tự hào về nước Việt Nam, người Việt Nam, cùng hướng về tương lai.

Nhưng dù không có ai đứng ra lãnh trách nhiệm làm gương, những người lãnh đạo ở trong nước cũng có thể tạo được niềm tin tưởng và phấn khởi nếu họ công bố ngay lập tức cho thấy cuộc điều tra tai nạn này sẽ diễn ra trong

không khí minh bạch, công khai. Người Việt Nam đang mong được sống trong minh bạch, công khai. Mỗi một tai nạn như vụ sập cầu này lại khiến dân chúng nghĩ tới tất cả không khí che đậy, lấp liếm, đánh bùn qua ao chung quanh các vụ điều tra về tham nhũng, buôn lậu, lạm quyền trước đây. Một dân tộc sống trong tâm trạng mập mờ, khuất tất thì sẽ không có đủ nghị lực, không đủ tự tin mà tiến lên. Các vị lãnh đạo trong nước có thể nhân trong lúc toàn dân để tang này mà thay đổi không khí ô nhiễm tinh thần đó bằng hành động làm gương.

Cần thành lập ngay một ủy ban điều tra độc lập, gồm cả các luật gia và kỹ thuật gia ngoại quốc – vì các công ty ngoại quốc chia sẻ trách nhiệm trong tai nạn này. Tai nạn sập cầu ở Cần Thơ khiến cho người Việt Nam, trong nước và bên ngoài, đang đặt những câu hỏi lớn. Niềm đau thương cộng với những câu hỏi tạo nên một không khí hoang mang, nghi ngờ, không khí đó cần được giải tỏa. Chỉ có thể xóa bỏ niềm hoang mang đó nếu việc điều tra được thông báo đầy đủ và rõ ràng cho toàn dân được biết, từng bước một. Thái độ cương quyết tìm sự thật, không sợ sự thật, là một cách tạ lỗi và đền ơn sự hy sinh của các nạn nhân.

Muốn cho cuộc điều tra mang tính chất minh bạch công khai, cần cho phép những người làm truyền thông, báo chí được tự do theo dõi. Ở nước ta hiện nay có 600 tờ báo và hàng ngàn mạng lưới, mọi người làm báo đều muốn cung cấp những tin tức sớm nhất, đầy đủ nhất để giúp độc giả bớt hoang mang. Người làm báo ở nước ta sẽ có một dịp tranh đua nhau, tìm hiểu từng bước của cuộc điều tra để thông tin sớm hơn đồng nghiệp. Người dân Việt Nam chỉ cần theo dõi tin tức cuộc điều tra sẽ thấy mình được sống trong một không khí mới. Không ngần ngại đi tìm những nguyên nhân, những hành động hay sơ xuất gây ra tai nạn. Không ngần ngại nêu tên tuổi những người chịu trách nhiệm. Không giấu giếm, không che đậy. Như vậy, các người đang nắm quyền ở những cấp cao hay thấp nhất được cơ hội tập sống trong một bầu không khí mới. Họ được tập thử, sống thử, rồi thấm nhuần tinh thần công khai, minh bạch trong xã hội, để dần dần thành quen tiếp tục sống trong tinh thần đó để tạo một nếp sống chung lành mạnh hơn.

Chỉ cần vài hành động can đảm như trên, người ta có thể thay đổi không khí tinh thần của một quốc gia. Trong lúc đớn đau trước cảnh tang tóc, vẫn tìm thấy những hành động tạo dựng niềm tin tưởng. Tin vào dân tộc, tin vào tương lai. Những nạn nhân của vụ sập cầu, hương linh người chết cũng như những người còn sống, sẽ thấy tai họa mà họ gánh chịu trở thành một cơ duyên, một chất men thay đổi lịch sử. Đạt được điều đó là chúng ta sẽ tạ lỗi và đền ơn những người đã hy sinh, dù đã khuất hay còn sống với thương tích trên mình.

Sợ nhà báo tự do

Ký giả Tôn Vân Anh làm cho đài Á Châu Tự Do, bị ngăn cản không được vào trông thấy mặt ông Nguyễn Tấn Dũng khi ông tới dinh thủ tướng Ba Lan, trong chuyến công du vừa qua. Tôn Vân Anh đã ghi tên trước với chính quyền Ba Lan trong tư cách một nhà báo chính thức, được phép ra vào dinh thủ tướng trong dịp này. Nhưng cảnh sát gác dinh lại mời cô ra ngoài. Hỏi tại sao, họ trả lời rằng "phía Việt Nam" yêu cầu không cho cô vào. Chỉ có thể giải thích rằng chính quyền cộng sản ở Việt Nam sợ gặp các nhà báo tự do.

Cũng vì sợ, họ không dám cho tư nhân làm báo. Ông Lê Xuân Lập, một đảng viên cộng sản rất can đảm mới viết thư gửi cho ông Nguyễn Tấn Dũng để xin làm một tờ báo của tư nhân. Ông còn xin ông Dũng cho mình kêu gọi các đồng nghiệp thành lập một "Hội Nhà Báo Tự Do Việt Nam." Ông tự giới thiệu là "một đảng viên cộng sản, một công dân tốt, được đào tạo từ Viện Báo Chí và Tuyên Truyền của nhà nước."

Ký giả Lê Xuân Lập to gan thật. Trong một lá thư mà ông ta đã đòi hai thứ quyền tự do, quyền làm báo tự do và quyền lập hội tự do. Ngày xưa một đảng viên khác là Tướng Trần Độ đã từng chỉ huy trong mặt trận tư tưởng, tuyên truyền của đảng Cộng Sản, cũng chỉ xin Đảng cho phép ra báo tư mà đã bị tấn công tơi bời, sau cùng bị khai trừ khỏi Đảng. Đến lúc ông qua đời Đảng vẫn chưa tha, cho người tới trước quan tài kể tội một lần chót, cho vui tấm lòng nhỏ nhen của các lãnh tụ.

Nhưng ông Lập cũng dè dặt hơn Tướng Trần Độ rất nhiều; ông không lên tiếng chỉ trích chủ nghĩa hoặc chế độ cộng sản như ông tướng. Trái lại, ông nêu lên những nhược điểm của hệ thống báo chí truyền thông trong chế độ, để xin cho ông làm báo tư nhân ngõ hầu cải thiện bộ mặt cho cả chế độ cộng sản.

Ông Lê Xuân Lập nhận thấy những khuyết

điểm, như, "việc tuyên truyền của báo chí chúng ta vẫn mang nặng tính một chiều... Đọc báo, nghe đài, xem ti vi thường thấy có quá nhiều tin, nhiều bài sao chụp lại lẫn nhau... Báo chí trong nước thường chỉ nói một tiếng nói rất giống nhau thành ra không thuyết phục..." Chính một đảng viên cộng sản nêu lên tình trạng đó để xin tự mình làm báo lấy, không cần Đảng lãnh đạo nữa; đây là một điều mới lạ.

Ông Lê Xuân Lập không chỉ trích chế độ, ông rất khôn ngoan, chỉ kính thưa với cấp trên là duy trì một hệ thống báo chí như vậy là... phí tiền. Trong thời kinh tế thị trường, phê bình các lãnh đạo về tư tưởng, về chủ nghĩa, về chính sách, họ không chịu nghe đâu. Nhưng nói rằng một chính sách nào đó là tốn tiền, họ hiểu ngay! Khi tất cả các báo các đài đều theo một điệu, nói cùng lời, thì nhận xét của ông Lê Xuân Lập rất đúng: "Nước ta đang tồn tại 600 cơ quan thông tấn, báo chí, cùng hàng chục ngàn nhà báo... quả là một sự lãng phí hết sức to lớn." Có thể chỉ cần một báo, một đài cũng đủ rồi!

Tướng Trần Độ cũng đã qua một kinh nghiệm giống như vậy khi chính ông mất quyền tự do ngôn luận của mình. Trong lá thư gửi giới lãnh đạo đảng Cộng Sản gần 10 năm trước đây, ông Trần Độ nhắc đến "gần 10 bài ở báo Nhân dân, gần 10 bài ở báo Quân Đội Nhân Dân, và một bài ở báo Sài Gòn Giải Phóng" cùng viết một chuyện như nhau. Họ cùng chụp mũ, cùng xuyên tạc và cùng mạ lị Trần Độ. Thuê mướn hàng chục ký giả để họ viết cùng một bài, như vậy phí tiền thật! Nhưng trong các bài họ viết đả ông Trần Độ họ đều phải theo cùng một thứ kỷ luật. Không được nhắc đến tên Trần Độ, con người mà họ được Đảng thuê để chửi bới.

Họ cũng không cho độc giả biết các ý kiến, lý luận của ông Trần Độ như thế nào mà họ chỉ trích là sai. Đó là cách làm báo đặc biệt của cộng sản, không chế độ độc tài nào bắt chước được. Vì trong các chế độ độc tài khác, lương tâm con người chưa bị giết để hy sinh cho quyền lợi của một đảng.Một đảng viên có lương tâm thế nào cũng phải thấy tình trạng báo chí tuyên truyền như trên là một điều đáng xấu hổ. Không riêng người làm báo xấu hổ, không phải chỉ các ông lãnh tụ xấu hổ. Tất cả các đảng viên cộng sản bây giờ cũng thấy để cho một quốc gia trên 80 triệu dân sống với một hệ thống báo chí, truyền thông như vậy, đó là một mối nhục, chứ không phải chỉ là một sự lãng phí mà thôi.

Muốn thuyết phục được giới lãnh đạo Đảng ông, ông Lê Xuân Lập có thể dẫn ra một bài báo của Phan Đăng Lưu, một ủy viên thường vụ Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương, đã bị Pháp giết năm 1941. Năm 1938 ông Phan Đăng Lưu đã viết những lời biện hộ cho quyền tự do làm báo, trên tờ báo Dân Tiến, số ra ngày 10 Tháng Mười Một. Phan Đăng Lưu rất thực tế, không nêu lên các lý thuyết cao xa về những quyền tự do dân chủ. Ông chỉ nêu các lý lẽ về "tự do báo chí không bao giờ có hại cho nhà cầm quyền." Thí dụ, 2 điều đầu tiên trong bốn lý do viết rằng:

"1. Khi các báo được tự do xuất bản thì chỉ những tờ báo có dân chúng ủng hộ mới có thể sống, còn không thì chết hoặc sống ngắc ngoải, chẳng có ảnh hưởng gì đáng sợ.

2. Một tờ báo đã sống, đương nhiên nó đại diện cho một tầng lớp dân chúng, nó diễn tả tất cả hoài vọng và chí hướng của đám dân ấy. Nhà cầm quyền muốn cai trị được hoàn thiện không thể bỏ qua những hoài vọng hoặc chí hướng của đám dân này. Tất nhiên (nhà cầm quyền) cũng cần đọc hết tờ báo ấy."

Thử gửi bài báo này của Phan Đăng Lưu cho các ông trong Trung Ương Đảng coi, để mahc họ rằng "tự do báo chí không bao giờ có hại cho nhà cầm quyền." Họ sẽ bảo đây là lời lẽ của bè lũ phản động bị bọn xấu từ nước ngoài xúi giục!

Ký giả Lê Xuân Lập có thể mơ ước rằng Đảng của ông sẽ tự thay đổi, có ngày sẽ tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, sẽ cho phép tư nhân làm báo. Khó lắm. Những nước từ Nga sang Đông Âu có nơi nào đảng Cộng Sản tự thay đổi được, hay phải bị dân chúng thúc đến chân tường mới nhảy? Nữ ký giả Hà Thanh Liên, một nhà báo Trung Hoa nổi tiếng hàng chục năm nay về những cuốn sách phê bình chế độ, cho là việc đảng Cộng Sản tự thay đổi rất khó, giống như "bác sĩ giỏi cũng không thể tự giải phẫu mình được."

Ông Nguyễn Minh Triết đãng trí

Những người thân của ông Nguyễn Minh Triết chắc phải lo lắng cho sức khỏe của ông. Gần đây ông nói nhiều điều cho thấy đáng lo. Ông hay nói lẫn, nói nhầm, và không hiểu sao ông hay nói đến những hình ảnh ghê rợn. Ở Hà Nội thì ông dùng hai chữ "tự sát" để răn đe những đảng viên cộng sản muốn bàn đến chuyện bỏ điều số 4 trong hiến pháp bảo đảm

độc quyền lãnh đạo của Đảng. Dù muốn đe dọa chăng nữa, cũng đâu cần phải dùng đến những hình ảnh chết chóc như vậy? Tới New Zealand, một nước an hòa, thiên nhiên tươi tốt, con người bình dị, khi nói chuyện với những người Việt đang yên ổn định cư tại đó thì ông Triết lại nhắc đến cảnh "máu đổ, đầu rơi" (Nguyên văn: "Bây giờ còn ai đó muốn lật đổ chế độ này, muốn máu đổ, đầu rơi nữa." Tiếp theo, ông Triết lắc đầu quầy quậy, "Hổng được đâu, cái đó hổng được đâu!")

Ở nước Việt Nam bây giờ, ngoài đám con buôn ma túy chém giết lẫn nhau, có ai "muốn máu đổ, đầu rơi" đâu? Nhất là những nhà tu hành mà ông Triết đe dọa đem ra tòa xử, có ông cha, ông thầy nào muốn máu đổ, đầu rơi để lật đổ chế độ này bao giờ? Tự dưng trong ông đầu nảy sinh ra những hình ảnh ghê rợn đó, lời nói thốt ra cho thấy tâm không được an ổn; mà trong lòng không an chắc thân thể sợ cũng bất an. Cho nên phải khuyên ông Nguyễn Minh Triết trước hết nên bảo trọng sức khỏe. Có sức khỏe thì trước khi nói có thể suy nghĩ nhiều, nói thận trọng hơn.

Như vậy đỡ nói lầm. Như khi ông Nguyễn Minh Triết quảng cáo cho cảnh "tự do tôn giáo" ở nước ta. Ông dẫn ra các bằng cớ, mang cả ông George W. Bush ra làm chứng: "Ở Việt Nam, chùa chiền, nhà thờ, thánh thất được tự do hoạt động. Chính ông Bush qua đó, ổng đi nhà thờ ổng tự chọn, ổng gặp biết bao nhiêu người, và chính trên cơ sở đó ổng mới bỏ cái CPC cho mình, gọi là cái 'quan tâm đặc biệt về tôn giáo,' chứ không phải tự nhiên ông Bush bỏ đâu!... Chính sách chủ trương rõ ràng cho nên người ta mới xử lý như thế!"

Trí nhớ của ông Nguyễn Minh Triết hơi yếu hơn bình thường, chuyện quan trọng như thế mà ông nhớ lộn. Chính phủ Bush bỏ chính quyền Việt Nam khỏi danh sách CPC cả tháng trước khi ông Bush tới Hà Nội dự hội nghị APEC năm ngoái, chứ không phải sau khi ông Bush đi về ổng mới quyết định bỏ. Mà cái ông Bush ấy, sau khi đi Việt Nam về, tiếp các nhà tranh đấu cho dân chủ người Mỹ gốc Việt ở trong Tòa Bạch Ốc, nghe họ đặt vấn đề CPC, ông Bush còn hỏi: CPC là cái gì vậy? Điều đó cho thấy ông ta không có thời giờ quan tâm đến một quyết định do các nhân viên ngoại giao đề nghị rồi được chấp thuận, từ mấy tháng trước. Ông Triết đem ông Bush ra làm chứng để bảo rằng ở Việt Nam có tự do; nhưng lại nói nhầm chuyện trước với chuyện sau; cả câu chuyện trở thành trò cười.

Ông Triết nói với đồng bào người Việt ở New Zealand rằng ở trong nước, "Nhà thờ, chùa chiền, thánh thất vẫn hoạt động bình thường, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do thông tin." Nghe nói trong chế độ cộng sản ở Việt Nam có tự do thông tin thì chắc nhiều đồng bào ta phải bật cười. Các nhà báo ở nước ta chắc vừa cười vừa khóc. Nhưng, hãy nói chuyện tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo thôi.

Tự do là không bị tước đoạt

Khi nhìn thấy cảnh chùa chiền, nhà thờ, và thánh thất có nhiều tín đồ đến dự lễ, như vậy có chứng tỏ rằng các tôn giáo được tự do hay không? Ông George W. Bush được đến nhà thờ Cửa Bắc dự thánh lễ (không cần nhắc đến chi tiết ông theo đạo Tin Lành mà lại đưa ông tới một nhà thờ Công Giáo La Mã) và ổng gặp biết bao nhiêu người, như vậy có chứng tỏ ở nước ta các tôn giáo được tự do hay không?

Nói lối ông Nguyễn Minh Triết cũng giống như khi chúng ta thấy ở Bắc Hàn có hàng chục triệu người được ăn cơm no và lập tức bảo rằng nước này không hề có nạn đói vậy!

Isaiah Berlin, một triết gia người Anh đã qua đời, cho biết trong lịch sử người ta hiểu chữ Tự Do (Liberty, Freedom, Berlin dùng như nhau) với hàng trăm nghĩa khác nhau. Nhưng ông đóng góp vào tư tưởng chính trị thế kỷ trước bằng sự phân biệt hai ý nghĩa của chữ 'tự do', tự do theo nghĩa được, tích cực; và tự do theo nghĩa không bị mất, tiêu cực (Berlin gọi là positive liberty và negative liberty). Tự do nghĩa tiêu cực là không bị cấm đoán, theo nghĩa tích cực là được phép làm chủ chính mình. Hai ý nghĩa đó có khi áp dụng đưa tới cùng một kết quả, trùng hợp với nhau, nhưng cũng có khi khác hẳn nhau. Nhưng đây là một vấn đề triết lý, không nên bàn nhiều quá.

Ngay cả trong các do độc tài khắt khe nhất, các tín đồ vẫn được phép đi dự lễ ở chùa, ở nhà thờ. Nhưng người dân chỉ có tự do tôn giáo khi họ được tổ chức việc hành lễ, tham gia các giáo hội, thờ lạy theo nghi thức như nguyện vọng của họ, mà không bị chính quyền can thiệp. Khi người dân có quyền tự do tôn giáo không phải chỉ là cảnh các tín đồ được phép đi lễ, mà còn có nghĩa là người ta không bị cấm tổ chức làm việc thiện theo tôn chỉ tín ngưỡng của mình.

Trường hợp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Thống Nhất như một thí dụ, chuyện này ai cũng biết rồi. Một giáo hội chính thức thành lập từ năm 1964 nhưng đã bắt đầu thành hình từ thập niên 1930, dưới thời Pháp thuộc. Bây giờ ông nhà nước cộng sản cấm không cho họ hoạt động, ngay cả trong hoạt động từ thiện, lấy cớ rằng ông đã bầy ra một cái giáo hội Phật Giáo khác rồi. Như vậy là can thiệp, là cấm đoán, là xâm phạm tự do. Chỉ cần một tín đồ bị ngăn cấm không cho hành đạo theo tiêu chuẩn tôn giáo của họ, như vậy đã là không có tự do rồi.

Hãy lấy trường hợp một tu sĩ chưa được báo chí nói đến bao giờ. Đó là Thượng Tọa Thích Liễu Minh, tên là Lê Văn Hiến, ở Định Tường. Từ năm 1975 Thượng Tọa Thích Liễu Minh đã bị chế độ cộng sản bỏ tù hơn 20 năm vì không chịu khuất phục theo họ. Đến khi được ra khỏi tù, ông trở về chùa cũ, nhưng cũng bị chính quyền địa phương đuổi. Bây giờ ông vẫn bị quản chế ở xã Tam Hiệp, Chợ Búng, Mỹ Tho. Họ đã bỏ tù ông, rồi cấm không cho ông đi ra ngoài hành đạo, chỉ vì ông không chịu tham gia vào cái giáo hội duy nhất mà đảng Cộng Sản công nhận. Đó là xâm phạm quyền tự do tôn giáo.

Khi hiểu ý nghĩa quyền tự do tôn giáo như vậy thì chúng ta thấy bản chất của vấn đề không phải chỉ là tôn giáo mà là tự do. Ngày xưa, đảng Cộng Sản còn trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nên họ ngăn cấm tất cả các sinh hoạt tôn giáo. Ngày nay họ đã chịu thua, họ còn khuyến khích việc lễ bái, dù là đồng cốt mê tín nữa. Nhưng họ tiếp tục xâm phạm tự do của mọi người dân bình thường.

Khi bắt buộc tất cả những chùa chiền phải theo một giáo hội nằm trong Mặt Trận Tổ Quốc, đảng Cộng Sản đã tước bỏ quyền tự do lập hội của các tín đồ và các tu sĩ. Không phải có nhiều người tự nguyện, chịu gia nhập giáo hội của nhà nước là những người đó đã được tự do. Những người tự bỏ quyền tự do của họ, không có nghĩa là họ được tự do hơn. Như Berlin đặt câu hỏi: Nếu tôi chịu khuất phục để cho người ta áp bức, bằng thái độ dửng dưng hay là nhạo báng, thì như vậy tôi có bớt bị áp bức hay không? Nếu một người được bán làm nô lệ, thì họ có bớt nô lệ hay không? Nếu tôi tự tử thì tôi chó 'bớt chết' một chút hay không? Hãy hỏi những phụ nữ Việt Nam đang bị bán sang Đài Loan hay Nam Hàn!

Khi các Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ đòi cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được tự do hoạt động, thực ra các cụ đang yêu cầu đảng Cộng Sản trả lại các quyền tự do lập hội và quyền tự do thông tin, không những cho các tín đồ Phật Giáo mà cho tất cả mọi người Việt Nam. Kể cả các đảng viên cộng sản.

Không biết ông Nguyễn Minh Triết nghĩ thế nào mà lại nói rằng chế độ của Đảng ông có tự do thông tin! Một người có liêm sỉ làm sao nói như vậy? Có lẽ ông Nguyễn Minh Triết cũng nên tìm hiểu hai chữ Tự Do có ý nghĩa thế nào. Chính ông cũng nên tự cởi trói ngay trong đầu mình, để được suy nghĩ và nói năng tự do hơn. Phải trả cho chính mình quyền tự do suy tưởng, không để danh lợi, quyền hành trói buộc. Nhưng trước hết, cần bảo vệ sức khỏe, phải giữ cho tâm và thân đều an lạc.

Cơn sóng dân chủ tại Miến Điện

Chính quyền quân phiệt Myanmar (Miến Điện) đã thiết quân luật và cấm dân chúng không được tụ tập từ 5 người trở lên. Dân chúng Miến, theo chân các tăng sĩ, hôm qua vẫn tiếp tục xuống đường sau sang tuần lễ thứ sáu. Các nhà sư trẻ tuổi đã thay đổi khẩu hiệu. Ngoài những lời kêu gọi chính quyền lắng nghe tiếng nói của dân cải thiện đời sống cho người nghèo, bây giờ họ còn hô lớn những khẩu hiệu: "Dân Chủ! Dân Chủ!"

Những cuộc biểu tình tại Miến Điện bắt đầu 4 ngày sau khi chính quyền tăng giá xăng gấp 5 lần vào ngày 15 Tháng Tám. Và một tuần sau thì giới tăng sĩ trẻ bắt đầu tham gia. Lúc đầu họ đã yêu cầu dân chúng đứng bên ngoài, không được cùng đi với các tăng sĩ để tránh bị đàn áp. Kinh nghiệm cho biết năm 1988 chính quyền Miến đã cho lính bắn vào dân biểu tình, làm chết trên ba ngàn người, nhiều nhất là giới sinh viên. Nhưng từ mấy ngày qua dân chúng đã đi theo các vị sư, ở thủ đô con số lên tới hàng trăm ngàn người.

Giới quân phiệt Myanmar đang phân vân và chia rẽ. Họ rất lệ thuộc vào Cộng Sản Trung Quốc, trong khi bị các cường quốc khác tẩy chay. Chính ngoại trưởng Trung Quốc đã tuyên bố muốn Myanmar giữ được tình trạng ôn hòa và tiến thêm nữa trên đường dân chủ hóa. Ít khi Cộng Sản Trung Quốc lại đề cao dân chủ như vậy!

Việc các vị tăng sĩ tham dự vào các cuộc biểu tình lần này cũng giống như những năm 1988 và 1990, họ chỉ xuất hiện sau khi dân chúng đã xuống đường phản đối chế độ độc tài

quân phiệt. Trong các nước theo Nam Tông, các tu viện có vai trò xã hội rất lớn. Ở các nước Bắc Tông như Trung Quốc, Hàn quốc, Nhật Bản và Việt Nam còn có Nho Giáo làm một nền tảng luân lý bên cạnh Phật Giáo. Còn tại các quốc gia theo Nam Tông tất cả đời sống đạo đức, xã hội, phong tục, đều được đặt trong khung cảnh giáo lý nhà Phật. Tại Myanmar, từ sau những cuộc biểu tình bị đàn áp đẫm máu năm 1990, chính quyền quân phiệt đã tìm cách kiểm soát giới tăng sĩ cao cấp, nâng đỡ những người chịu phục tùng chế độ. Tuy nhiên, vì bản chất Phật Giáo không chấp nhận một giáo quyền tập trung, duy nhất cho nên những tăng sĩ trẻ vẫn có thể hoạt động hỗ trợ người dân chống độc tài, mà không sợ trái với giáo luật trong tự viện.

Chính quyền quân phiệt Miến đàn áp dân và các tăng sĩ, giống như họ đã làm trước đây. Nhà độc tài đứng đầu, ông Tướng Than Shwe vẫn được coi là người không biết gì về đời sống dân chúng và rất ghét bà Aung San Suu Kyi. Từ năm ngoái trong dân chúng Miến Điện đã phổ biến một cuốn băn video chiếu cảnh đám cưới con gái Tướng Than Shwe. Cô dâu mặc áo dạ hội, đeo đầy nữ trang, cùng với chú rể mặc quân phục, tưới rượu champagne và cắt bánh cưới. Cuốn băng được truyền ra ngoài cho dân chúng coi, chứng tỏ có những người bất mãn với chế độ từ bên trong muốn chống Than Shwe.

Với một nhóm người nắm toàn quyền trên đời sống của dân và vừa thiếu hiểu biết vừa tham quyền cố vị, người dân Miến Điện lại bị đổ máu. Chỉ có một giải pháp khác là nhóm quân phiệt Miến Điện phải thanh toán lẫn nhau để thay đổi chế độ. Khi đó, bà Suu Kyi có thể được trả tự do và mời tham dự chính quyền.

Các nước trên thế giới đang tạo thêm áp lực lên chính quyền Miến. Nhưng các nước Tây phương đã phong tỏa Miến Điện từ vài chục năm nay mà không làm cho chế độ thay đổi. Đồng minh quan trọng duy nhất của chế độ độc tài Miến là Trung Quốc, và Bắc Kinh hiện nắm đòn bẩy quan trọng đủ để gây áp lực với chính quyền Rangoon. Một viên tướng được Trung Quốc đào tạo là Khin Nyunt từng giữ chức chỉ huy ngành An ninh Quân đội đã bị Tướng Than Swe cách chức, có thể sẽ được Trung Quốc khuyến khích đảo chính. Những viên tướng khác như Maung Aye và Thura Shwe Man cũng có tham vọng riêng. Nếu một trong ba người đó lật đổ Than Shwe thì họ sẽ tìm cách nhượng bộ dân và thỏa hiệp với các phe dân chủ.

Trung Quốc đã đầu tư vào khu mỏ khí đốt lớn nhất ở Myanmar, đã xây dựng một hải cảng để nối liền bằng đường xe lửa với Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam. Đầu năm nay, Trung Quốc đã phủ quyết việc lên án chính quyền Miến Điện mà Mỹ đưa ra trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Tuy bề ngoài tỏ ra rất thân thiện và bênh vực chính quyền quân phiệt Myanmar trên các diễn đàn quốc tế, nhưng bên trong Bắc Kinh cũng tỏ ra khinh thường nhóm độc tài dốt nát này. Trên trang lưới của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc viết những bài chế nhạo việc nhóm quân phiệt cầm đầu Myanmar đã quyết định đổi thủ đô từ Rangoon tới Naypyidaw, một thành phố mới xây giữa một vùng hoang vu, cách Rangoon hơn 300 cây số về phía Bắc. Một buổi sáng gần 2 năm trước đây, đúng 6 giờ 30 phút, tất cả công chức được lệnh di chuyển tới thủ đô mới. Vì các tướng lãnh xem bói thấy địa điểm mới này rất hợp với phong thủy, và cần thiên đô đúng ngày giờ đó mới tốt. Mạng lưới của chính phủ Trung Quốc còn chê thủ đô mới chưa có đủ hạ tầng cơ sở, chưa có một phi trường quốc tế. Trong khi đó bốn sân chơi cù (golf) đã được hoàn tất!

Bắc Kinh biết rằng dù Myanmar có một chính phủ dân chủ và dân sự thì cũng không hại gì cho Trung Quốc. Cũng như Việt Nam, số phận nước này không thể tách ra để trở thành thù nghịch với Trung Quốc, vì những ràng buộc địa dư và kinh tế hai bên quá chặt chẽ.

Bà Suu Kyi đã lãnh đạo đảng Liên Minh Dân Chủ thắng lớn trong cuộc bầu cử năm 1990, và chính quyền quân phiệt đã xóa bỏ kết quả cuộc bỏ phiếu này. Hiện nay người dân Miến đang hướng về bà như một niềm hy vọng. Thân phụ bà là một vị tướng trong cuộc kháng chiến giành độc lập của Miến Điện, sau bị ám sát. Bà đã từ bỏ gia đình riêng ở Anh Quốc để trở về Miến Điện hoạt động cho tự do dân chủ từ 18 năm nay, trong đó 12 năm sống trong tù hoặc bị quản thúc.

Chúng ta chỉ hy vọng dân Miến Điện sẽ được may mắn thoát khỏi một chế độ độc tài tàn bạo và thất học, để cải tổ kinh tế và dân chủ hóa. Tinh thần quật khởi của người dân Miến sẽ là một tấm gương để người Việt Nam trông vào mà suy ngẫm về số phận mình. Làn sóng dân chủ đã lan tràn khắp thế giới trong mươi năm qua, đến lúc vùng Đông Nam Á sẽ thay đổi.

SONG THAO

CHUÔNG

Trong một lần tới Paris, tôi đã bỏ công đi tìm một tiếng chuông. Đó là tiếng chuông của anh gù nhà thờ Đức Bà. Tiếng chuông tôi nghe vọng từ trong màn ảnh của phim "Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà." Anh gù do tài tử Anthony Quinn đóng thật tài tình. Tiếng chuông phát ra từ những cái giật, những cái đu như điên cuồng của một con người hờn giận nhân thế.

Leo không biết bao nhiêu bực thang nho nhỏ tăm tối của ngôi nhà thờ cổ, tôi đã tận mắt nhìn được vào quả chuông mà tưởng suốt đời tôi vẫn chỉ thấy nằm trong màn ảnh. Nhìn một hồi, quả chuông bỗng trở nên tầm thường. Như bất cứ quả chuông nào khác trên gác chuông của bất cứ nhà thờ nào. Chuông của anh gù hay chuông của anh ngọng có khác gì nhau không?

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng "ấy ái uông".
(Hồ Xuân Hương)

Chính cách đánh chuông của anh gù mới là cái tôi tìm kiếm.

Hồi nhỏ, tôi đã nhiều lần theo ông từ nhà thờ Hàm Long, Hà Nội, lên gác chuông. Ông từ tốn giật sợi dây chuông. Những hồi chuông bát tử làm ông co người lại, giữ sợi dây thừng chỉ cho nhả ra từng tiếng một. Đàn ông bảy tiếng, đàn bà chín tiếng. Tiếng chuông phát ra nghe rền rĩ. Những ngày lễ trọng, ông kéo chúng tôi lên gác chuông. Sáu bẩy sợi dây rủ xuống. Mỗi sợi nối với một quả chuông. Chuông nhỏ cho tiếng thanh, chuông lớn cho tiếng trầm. Ông chia dây chuông cho chúng tôi. Mỗi đứa một sợi. Bữa nào ít người thì đứa lớn được hai sợi. Riêng ông giữ sợi dây của quả chuông lớn nhất. Ông đu người lên dây. Phải hai ba cái đu sợi dây mới trơn tru lên xuống. Ông níu chặt tay theo đà lúc lắc của chuông. Tiếng chuông đầu tiên phát ra. Ông liếc mắt, gật đầu về phía chúng tôi, những sợi dây lúc lắc. Mọi tiếng chuông đổ dồn reo vui. Âm thanh tỏa ra tứ phía lanh canh rộn ràng.

Không biết người khác ra sao chứ riêng tôi mỗi lần nghe tiếng chuông nhà thờ là hình ảnh những ngày đeo dây chuông lại trở về. Tôi thấy lại cái tôi nhếch nhác, mồ hôi mồ kê đầy mặt, áo quần xốc xếch. Tôi thấy lại sợi dây chuông xù xì làm bong da, rát tay. Tôi thấy lại những ngày vui mộc mạc của thời xa xưa.

Những người tay đã nhúng... chuông thường da diết với tiếng chuông như vậy. Nhúng kiểu con nít như tôi đã vậy, nhúng cỡ choai choai đã biết trai gái thì bệnh tình chắc nặng nề hơn nhiều. Bởi vậy tôi hết sức thú vị khi đọc truyện ngắn "Dì Xinh" của tác giả Nguyễn Văn Lục. Nhân vật chính xưng "tôi" bị gia đình gửi đi tu trên mạn ngược lén lên gác chuông với một nữ tu cùng tâm trạng nhớ nhà để cầm tay nhau tâm sự. Đúng lúc đó, ông bõ già lên gác đánh chuông nguyện vào giữa trưa. Hai người vội nấp vào một xó kẹt. *"Cả hai chúng tôi dõi mắt nhìn bõ Tâm như xem một tấn tuồng. Vô tình, dì đứng sát vào người tôi mà không hay. Thoạt đầu, bõ dợm người đu cái dây xuống, vừa ghìm đủ để quả chuông đánh một tiếng chuông. Một tiếng bỏ lửng. Sau đó, như lấy tấn, bõ ghì dây chuông để đừng có tiếng phản hồi. Bõ sửa soạn tiếng thứ hai. Cũng một cách thức như thế. Lại đu dây chuông, lại ghìm, lại lấy tấn giữ quả chuông nằm im. Rồi tiếng thứ ba. Dứt tiếng ba, bõ như nghỉ lấy sức và hết sức bình sinh giật dây chuông thật mạnh. Quả chuông lắc như điên cuồng, và bên này phản hồi bên kia. Lúc này bõ như con nhái bén, chỉ cần giữ dây chuông cho chặt, đu đưa theo đà chuông, lúc bên này, lúc văng sang bên kia. Bõ như chấp nó. Người và chuông đọ sức. Trên gác chuông tiếng kính coong inh ỏi đến điếc tai, mà hưng phấn. Tôi và dì đưa mắt đảo qua đảo lại theo nhịp qua lại của bõ Tâm không chớp mắt. Kéo một hồi như thế thấy đủ, bõ từ từ tuột xuống sàn gác. Chân dính sàn, bõ ghì dây chuông. Chuông tiếp tục lôi thếch bõ lên, bõ theo đà chuông nhún lên, nhưng cũng ráng ghì xuống. Vài lần như thế, chuông như kiệt sức không đụng đậy nữa. Người bõ vã mồ hôi sau cuộc đọ sức. Bõ trở lại là bõ, hiền lành đến yếu đuối trong tấm thân gầy guộc chỉ còn xương. Có lẽ ý nghĩa đời sống của bõ chỉ ở những lúc này, lúc đọ sức, lúc đu đưa vật vã. Hết đọ sức, bõ trở thành con người tầm thường. Bõ nghỉ một chút, chậm rãi, nặng nề, đầu cúi gập như thể đã tiêu hao hết sức lực.*

Quẹt trán, lau mồ hôi, bõ xuống thang gác chuông từ hồi nào. Để cho bõ đi xa, tôi và dì Xinh rời tay nhau, lặng lẽ đi xuống." (Tân Văn, số 1, tháng 8/2007)

Để có được một hồi chuông thênh thang trong không gian, người kéo chuông đã phải vất vả đổ mồ hôi. Bù lại, những người bõ, những ông từ nhà thờ đã mãn nguyện vì đã dùng tiếng chuông để đưa tâm hồn mọi người lên chốn thanh cao phơi phới. Lúc vui cũng như khi buồn. *Ernest Hemingway,* nhà văn nổi tiếng của Mỹ, đã có một cuốn tiểu thuyết mang tên... chuông: *"For Whom The Bell Tolls"* (Chuông Gọi Hồn Ai). Nhà thơ John Donne đã thơ:

Do not ask for whom the bell tolls
It tolls for thee.

Chuông gọi mọi người. Trong những làng quê Việt Nam trước đây, tiếng chuông đã giữ nhịp sinh hoạt cho dân làng. Sớm tinh mơ, chuông nhắc nhở mọi người tới dự lễ nhất để còn ra đồng làm ruộng. Đúng ngọ, chuông báo giờ nghỉ trưa để hút điếu thuốc lào, ăn vội bát cơm chén cà củ khoai. Buổi chiều chuông nguyện. Buổi tối chuông tắt đèn. Trong một khung cảnh nhỏ nhoi đóng kín của một ngôi làng, tiếng chuông nghe thân mật ấm cúng. Như tiếng nói chuyện tâm tình của một người thân. Tiếng chuông còn vọng lên làm ngơ ngác mọi người vào những lúc không ai chờ đợi tiếng chuông. Một người vừa mới qua đời. Quan lớn về làng. Đức Cha về thăm bổn đạo. Hoặc cũng có thể là hồi chuông báo động trong thời chiến.

Thời chiến, gác chuông nhà thờ, mục tiêu cao nhất của một vùng quê thường bị hứng bom đạn đầu tiên. Chuông đổ xuống như cái đầu của người khổng lồ vừa lìa khỏi thân xác. *"Hiển nhận được lệnh xông lên khỏi giao thông hào, kéo lính tiến về phía La Vang Chính Tòa. Thiếu tá Soạn chỉ huy Tiểu Đoàn cao giọng trong máy truyền tin: "Thằng nào vào trước ôm hôn chân tượng Đức Mẹ đầu tiên sẽ lên một lon, nghe chưa?" Trận tiến chiếm La Vang diễn ra trong mười hai tiếng đồng hồ máu xương. Lính Bắc chống trả điên dại. Vương Cung Thánh Đường tan nát thành những mảnh vụn. Mái chuông nhà thờ ụp xuống, chuông đồng chổng ngược lên trên mặt đất. Giờ đây chuông câm nín, và sẽ chẳng bao giờ gióng giả ngân nga nâng phần hồn con người lên một Đức Chúa Cha, tai đã ù điếc vì những tiếng đại bác và những tiếng bom mà con của Người gửi cho nhau như quà tặng trong ngày tận thế".* (Nam Dao, Bể Dâu, quyển 2, trang 601).

Bên Đông cũng như bên Tây, chuông luôn có mặt bên cạnh con người khi buồn lúc vui. Đúng một trăm năm trước đây, vào lúc 5 giờ 37 phút chiều ngày 29 tháng 8 năm 1907, dân chúng trong vùng ven sông St Laurence cách thành phố Quebec City 35 cây số đã tưởng như có một cuộc động đất. Chỉ trong vòng 15 giây, nhanh như một cái chớp mắt, cây cầu đang xây cất nối liền Quebec City với Levis đã sụp đổ xuống sông kéo theo 75 nhân mạng gồm 17 người Mỹ, 25 người Canada và 33 thổ dân Mohawk trước mắt vợ con đến đón họ sau một ngày làm việc xây cầu. Người cai vừa thổi còi chấm dứt một ngày làm việc thì cầu gẫy xuống sông! Đúng thời khắc đó năm nay, 2007, 100 năm sau không sai một giây, tất cả chuông của 40 nhà thờ trong vùng Đại Quebec City, 54 nhà thờ trong vùng giáo xứ St. Jean Longueuil phụ cận và một số nhà thờ khác tại Quebec sẽ vang lên trong vòng ba phút để tưởng niệm tới thảm trạng này. Sử gia David Gagné, người tổ chức cuộc tưởng niệm này, đã nhấn mạnh tới ý nghĩa của những tiếng chuông kỷ niệm: "Chuông nhà thờ đã từng báo cho mọi người biết những cuộc hôn nhân, sanh đẻ, chết chóc, hỏa hoạn và các thiên tai thảm nạn khác. Ngày nay, tuy một số nhà thờ không còn chuông và không ai nhớ tới những tiếng chuông thông báo đó nữa nhưng tiếng chuông vẫn là cách tốt nhất để đưa con người trở về một tai nạn thảm khốc của một thời xa xưa."

Quả vậy, tiếng chuông đã bị bỏ rơi. Trong cuộc sống tất bật ngày nay, tiếng chuông đã bị coi như một thứ âm thanh quấy nhiễu con người. Nhà thờ không được kéo chuông trong các ngày đi làm, chỉ được kéo chuông trong ngày Chủ Nhật và các ngày lễ. Và cũng không được kéo chuông sớm quá làm rộn giấc ngủ mọi người!

Tiếng chuông như lời nhắc nhở các tín đồ tới nhà thờ nhưng ngày nay giáo dân có thèm tới nhà thờ đâu! Đi dự lễ ngày Chủ Nhật là một điều bắt buộc đối với người theo đạo Chúa nhưng ngày nay số người đi dự lễ càng ngày càng thưa thớt. Nhà thờ trở nên rộng thênh thang. Không có người tới dự lễ có nghĩa là không thu được tiền đóng góp để điều hành và sửa sang nhà thờ. Tại thành phố Montréal có cả thảy 246 nhà thờ Công giáo nhưng có tới 123 nhà thờ không đủ sở hụi để mở cửa thường xuyên được. Đó là tình hình vào năm 2005, cách đây hai năm. Một số nhà thờ đã biến thành

trường học, thư viện, cơ sở công và thậm chí thành *condo* nữa! Trên đường phố, nhất là tại các vùng phụ cận ít dân cư, nhiều nhà thờ đã để hoang tàn thậm chí có nơi còn để bảng bán. Tại xứ sở bé chút xíu Hoà Lan, từ năm 2000 đến nay, đã có khoảng 200 nhà thờ đóng cửa.

Nhà thờ còn như vậy huống chi là chuông. Nhà thờ của làng Béthanie thuộc vùng Eastern Townships, nằm cách Montréal 95 cây số, đã được bán trong mùa xuân năm nay. Dân làng quý quả chuông đã ngân vang khắp làng từ năm 1917 tới nay. Chín chục năm chính quả chuông này đã loan báo các lễ cưới, lễ rửa tội và lễ tang của dân làng. Họ giữ lại quả chuông và dự định xây một tháp nhỏ trong nghĩa địa để treo lên. Đây là một quả chuông cổ cao 60 phân, rộng 70 phân, có ghi xuất xứ nơi đúc. Vào một ngày cuối tuần trong tháng 8 năm nay, quả chuông bị trộm rinh mất trước khi được đưa tới nghĩa địa. Chính quả chuông đã bị quân gian đưa tới một nghĩa địa khác: nghĩa địa đồ lạc soong phế thải. Chẳng là thị trường đồ kim loại phế thải đang nóng. Đồ đồng, đồ thau đang rất có giá. Nếu không phát hiện ra kịp thì quả chuông cổ lịch sử này đã đi vào lò nấu mất tang tích.

Mùa đông năm ngoái, 2006, quả chuông của nhà thờ Tin lành Plymouth-Trinity United Church ở vùng Sherbrooke, trị giá 2400 đô, cũng đã bị rinh mất. Giáo dân đã tìm lại được tại một vựa đồ phế thải tại Montreal.

Có lẽ chưa bao giờ chuông có số phận long đong như bây giờ. Tiếng chuông bị giáo dân bỏ rơi, nơi trú ngụ của chuông bị đóng cửa, đường đi của chuông là đường tới... hỏa ngục với lò lửa thiêu ngày đêm rực đỏ cho một thị trường nóng bỏng!

Chẳng phải chuông nhà thờ, quả chuông Big Ben của thủ đô Luân Đôn cũng được treo trong một tháp chuông kiểu Gothic của nhà thờ từ ngót 150 năm nay. Big Ben không phải tên chiếc tháp do kiến trúc sư Charles Barry vẽ kiểu như mọi người vẫn lầm tưởng mà chính là tên của quả chuông khổng lồ nặng tới 13 tấn rưỡi này. Big Ben đã bắt đầu vang tiếng vào tháng 7 năm 1859. Mỗi tiếng đồng hồ, chuông lại gióng giả vang lên ghi điểm thời gian trên nóc tòa nhà Quốc Hội. Tiếng chuông đã vang vọng trên khắp thế giới qua làn sóng của đài phát thanh BBC. Trong suốt cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, mặc những cuộc oanh tạc khủng khiếp, Big Ben vẫn không ngừng lên tiếng. "Ông già" 150 tuổi này đã ba lần bị bệnh phải ngưng để sửa chữa vào các năm 1934, 1956 và 1990. Năm 1962, bệnh tình trầm trọng nhất, Big Ben đã chạy chậm trong mùa tuyết rơi và đêm giao thừa năm đó, "người" đã lên tiếng chậm tới 10 phút! Tháng 8 năm nay, Big Ben lại im tiếng để sửa chữa nữa. Chuông cũng như người, già rồi cũng sinh tật sinh bệnh!

Chỉ có chuông chùa cứ nhẩn nha ngân nga. Chẳng chạy bằng điện bằng pin, cũng chẳng thèm có quả chuông để trục trặc. Chuông chùa thường được đặt trong tháp thấp và được đánh bằng chiếc dùi thúc vào chuông. Nghe chuông chùa thong dong từng tiếng con người dễ cảm nhận được nhịp sống an lạc nơi cửa Phật. Mỗi tiếng chuông không phải chỉ là một âm thanh mà là một lời kinh gửi đến thân tâm các đệ tử của Đức Như Lai. *"Bỗng vẳng nghe một tiếng chuông, Ngọc giật mình ngoảnh lại. Theo tiếng ngân, chàng lần tới bậc gạch bên tả rón rén lần từng bước leo lên cái gác vuông con. Tới bậc thượng cùng, vừa nhô đầu lên, chàng nghe có tiếng "Đà Phật" lại kế tiếp một tiếng chuông. Ngước mắt nhìn, chàng gặp chú Lan tay cầm chiếc vồ gỗ. Thấy Ngọc, chú hơi đỏ má, mỉm cười ngả đầu chào. Đôi bạn mới gặp nhau hôm qua, nay đã như có chiều thân mật. Song chú vẫn chăm chú vào phận sự: cứ đọc một câu lại đánh một tiếng bớt, khi câu niệm chỉ còn ít chữ thì hai tiếng kế tiếp lại thêm gần nhau cho tới khi chú tiểu đổ hồi. Ngọc cố chờ tới mười lăm phút cho chú tiểu đánh dứt hồi chuông cuối cùng đặt vồ xuống ván gác, rồi nghiêm trang hỏi rằng:*

- Sao chú phải cầu kinh thế mới đánh được chuông?

Lan cười:

- Đánh chuông phải đọc thần chú chứ.

- Thần chú! Hay nhỉ?

- Nghĩa là mười câu niệm Phật, ba hồi, một trăm hăm ba tiếng.

- Vậy nhớ được cũng khó lắm nhỉ?

- Phải học thuộc lòng chứ.

- Những ba hồi, một trăm hăm mươi ba tiếng! Thảo nào mãi tới bây giờ mới dứt hồi. Tiếng chuông thứ nhất của chú làm tôi thức giấc. Tôi tiếc quá vì đương nằm mơ giấc chiêm bao. (Khái Hưng, Hồn Bướm Mơ Tiên)

Cũng tiếng chuông chùa nhưng từ mười ba thế kỷ trước. Tiếng chuông... cũ như thế thì còn chi âm vang? Vẫn còn. Bao nhiêu thế hệ con người vẫn văng vẳng tiếng chuông của một ngôi chùa nhỏ bé tầm thường tuốt tận Tô Châu bên Tàu. Những người Việt có đọc thơ Đường chẳng ai không cảm bài thơ của Trương Kế. Cảm ngay

từ nguyên tác chữ Hán.

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Tôi không muốn chép lại đây một bản dịch nào cả dù chúng ta có rất nhiều bản dịch. Tôi vẫn mãi mãi nhớ giọng đọc theo âm Hán của chị Hoàng Xuân Giang vào một buổi đọc thơ khuya năm nào giữa trung tâm thành phố Montreal. *Duyt loọc ố lề sướn mán thín*... Không hiểu chi hết nhưng ai cũng thấm hồn thơ.

Nhưng chẳng lẽ có bản dịch mà không chép ra cho đủ. Đành chép vậy. Đây là bản dịch của học giả Trần Trọng Kim.

Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi
Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co
Con thuyền đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Chùa Hàn San nay là một địa điểm du lịch được khai thác rất mạnh. Du khách nườm nượp đến với tiếng chuông. Và họ muốn tự tay đánh lên tiếng chuông vẫn vang vọng trong lòng từ lâu. Nhà văn Phạm Xuân Đài đã tới chùa Hàn San, đã bỏ ra 5 nguyên, tương đương với 60 xu Mỹ, để cầm vồ đánh một tiếng chuông. *"Lạ lùng làm sao một ngày đầu thế kỷ 21, tôi, một người Việt Nam đã đến đây, đã cung kính cầm cái chày vồ cũ kỹ giộng nên mấy tiếng chuông. Tiếng chuông tôi đánh giữa một buổi chiều trong cái thành phố Tô Châu đang tấp nập xe cộ và người buôn bán chắc sẽ chẳng vang đi xa, nhất là chẳng vào thẳng cõi lòng ai như tiếng chuông lúc nửa đêm bay đến chiếc thuyền đang neo ở bến Phong Kiều cách đây mười ba thế kỷ. Nhưng dù sao tôi cũng đã có duyên nghe nó, và hơn nữa, tạo nên nó, cũng như tôi đã có duyên đứng sau chùa nhìn ra con sông lững lờ trôi như vẫn trôi từ ngàn xưa tới giờ..."*(Thế Kỷ 21, số 192, tháng 4/2005)

Thỉnh chuông chùa sau khi móc túi chi tiền (thời buổi kinh tế thị trường người ta bán cả tiếng chuông chùa!), trong cái nhộn nhịp của một địa điểm du lịch, chú tiểu Lan mà biết được chắc chú sẽ chắp tay: mô Phật!

Nhưng giữ được tiếng chuông chùa giữa một đêm thanh vắng âm vang đến mười ba thế kỷ, chỉ có thơ mới làm nổi!

09/2007

NGẪU

Anh bạn tôi sống ở vùng Little Saigon bị tai nạn xe hơi. Không có gì nặng lắm. Nhưng anh vẫn được đưa đi nhà thương rà lại khắp người. Lỡ có gì còn dễ cãi cọ. Vậy mà có gì thật. Người ta *scan* và tìm ra anh đang bị ung thư tụy tạng mà không biết. Họ đè anh ra mổ. May mà ung thư chưa lan ra các bộ phận khác trong bụng. Nếu để lâu nữa, tính mạng anh sẽ lâm nguy. Cho tới bây giờ, anh vẫn ăn no ngủ kỹ tuy không có tụy tạng. Điện thoại cho tôi, anh xuýt xoa: "Nếu không có cái tai nạn xe hơi thì giờ này chắc *moi* tiêu rồi!" Đó là một sự trùng hợp thuộc loại... hoan hỉ! Đại khái như chuyện "Tái Ông Thất Mã" ngày xưa. Trong cái rủi có cái may, trong cái may có cái rủi. Những chuyện ngẫu nhiên như vậy không hiếm trong cuộc sống của chúng ta.

Ông David Durant là ai bạn có biết không? Làm sao bạn biết được. Tôi cũng như bạn, chỉ biết ông qua một câu chuyện thuộc loại tái ông thất mã như anh bạn tôi. Ông là cư dân thành phố Kent ở bên Anh, năm nay 48 tuổi. Ông đang ngồi sửa xe hơi trên một bãi đất bên ngoài căn nhà ông ở thì bị một chú nhện độc chích vào vai trái phía trước ngực. Ông được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Bác sĩ cho thuốc chữa nhưng hai tuần sau vết nhện cắn vẫn sưng lớn bằng trái banh quần vợt. Bác sĩ tức tối. Sao vậy cà? Họ dùng máy siêu âm dò tìm và khám phá ra ông Durant bị mắc một căn bệnh ung thư hiếm có. Do nọc độc của nhện nên khối ung ác tính này bị sưng lên nhanh và lộ ra ngoài. Ông được điều trị bằng hóa chất và xạ trị trong ba tháng. Khối u hoàn toàn biến mất và ông trở lại làm việc bình thường. Ở bên Anh bị nhện độc chích đã hiếm mà lại chích để làm cho khối ung thư tiềm ẩn trong người lộ ra để chữa lại càng hiếm hơn. Cũng... hoan hỉ!

Sự đời có những chuyện ngẫu nhiên kỳ lạ đại khái như hai trường hợp trên. Tôi nghĩ là trong cuộc sống của mỗi người chúng ta, hầu như ai cũng có những trường hợp ngẫu nhiên như vậy. Có điều chúng ta không để ý đến hoặc biết nhưng thấy chẳng có gì đáng nói ra. Nhưng sách vở ghi lại những chuyện ngẫu nhiên khá phổ thông thì nhiều, những ngẫu nhiên liên quan đến người hay việc mà ai cũng biết. Như chuyện chiếc tàu Titanic chẳng hạn.

Mười bốn năm trước khi chiếc tàu nổi tiếng này bị chìm sâu vào lòng biển, vào năm 1898, đã có một nhà văn chuyên viết truyện viễn tưởng là Morgan Robertson cho xuất bản tại Luân Đôn cuốn tiểu thuyết giả tưởng mang tên "*Futility.*" Đây là câu chuyện về một chiếc tàu

chở khách lớn nhất thế giới tên Titan đã lâm nạn vì đụng vào tảng băng trôi ngay trong lần viễn du đầu tiên mang theo hàng ngàn hành khách chìm sâu xuống biển cả. Điều kỳ lạ là chiếc tàu hư cấu Titan và chiếc tàu có thật Titanic bị chìm vào năm 1912 có những nét trùng hợp nhau. Cả hai con tàu đều bị nạn vào tháng 4! Chiếc tàu hư cấu Titan chở 3000 hành khách thì chiếc tàu chìm thật ngoài đời Titanic chở 2207 hành khách. Có 24 tàu tới tiếp cứu trong truyện thì ngoài đời thật có 20 tàu. Vài tháng sau tai nạn của Titanic, một chiếc tàu khác chạy bằng hơi nước cũng đi qua vùng biển Đại tây Dương đầy sương mù. Anh thủy thủ trực tàu đêm đó là một anh thanh niên còn trẻ nên hơi nhát. Khi tàu đang chạy qua vùng biển này, anh sực nhớ ra là chiếc tàu của anh đang đi cũng có tên tương tự như tàu Titanic: tàu Titanian. Anh giật mình, thần hồn nát thần tính, vội giật chuông báo động liên hồi. Tàu Titanian dừng lại đúng lúc sắp sửa va vào một tảng băng khổng lồ ở phía trước! Giải thích làm sao đây? Chịu!

Cũng chuyện chìm tàu. Gần bờ biển xứ Wales thuộc Anh, một chiếc tàu bị chìm vào ngày 5 tháng 12 năm 1664. 121 năm sau, đúng ngày 5 tháng 12 năm 1785, một chiếc tàu khác cũng bị chìm vào đúng chỗ đó. 101 năm sau đó, vào ngày 5 tháng 12 năm 1886, lại một chiếc tàu khác bị đắm cũng vào đúng vị trí đó. Cứ theo cách giải thích dân gian của chúng ta thì người ta tin rằng chỗ đó có huông. Cứ cỡ trên trăm năm thì thủy thần đòi một con tàu xuống chơi âm phủ. Để làm gì? Lại chịu!

Mặc những con tàu chìm, chúng ta nói chuyện về sự ngẫu nhiên của những tai to mặt lớn. Chắc vui hơn. Hai vị Tổng Thống Hoa Kỳ sống cách nhau khá xa là Abraham Lincoln và John Kennedy có nhiều điểm trùng hợp với nhau thật kỳ lạ. Cả hai đều bị ám sát. Abraham Lincoln bị ám sát trong một rạp hát và kẻ ám sát ông sau đó chạy trốn vào một nhà kho. John Kennedy bị một kẻ nấp trong một nhà kho bắn chết và sau đó thủ phạm chạy trốn vào một rạp hát! Cũng trùng hợp đấy nhưng trùng hợp ngược ngạo! Cũng theo trường phái trùng hợp ngược ngạo, Tổng Thống Lincoln có một người thư ký tên Kennedy và Tổng Thống Kennedy có một thư ký tên Lincoln!

Ngày 28 tháng 7 năm 1900, vua nước Ý Umberto I tới ăn tối tại một nhà hàng ở thành phố Monza. Người chủ nhà hàng cũng có tên là Umberto, sinh ra cùng ngày với nhà vua, trong cùng một thành phố, vợ của họ có cùng một tên, đám cưới diễn ra trong cùng một ngày. Lạ chưa? Còn điều lạ nữa là nhà hàng này khai trương vào đúng ngày nhà vua lên ngai vàng. Chưa hết. Một nhà vua và một thường dân có nhiều điểm trùng hợp ngẫu nhiên như vậy lại rất tương đắc với nhau. Họ nói chuyện với nhau rất vui vẻ, lại còn hẹn ngày hôm sau gặp nhau tại sân vận động. Vào buổi sáng ngày hẹn, chủ nhà hàng bỗng lăn đùng ra chết. Nhà vua nghe tin, rất buồn rầu và gửi lời chia buồn tới tang gia. Chỉ vài giờ sau, chính nhà vua bị ám sát chết!

Đức Giáo Hoàng Paulo VI có một chiếc đồng hồ báo thức rất tốt. Trong suốt 55 năm, cứ 6 giờ sáng, chuông đồng hồ reng lên báo hiệu cho chủ nhân dậy. Ngày nào như ngày nấy. Nhưng ngày 6 tháng 8 năm 1978, vào lúc 9 giờ 40 phút tối, chiếc đồng hồ bỗng dở chứng rung chuông um sùm. Đó chính là giờ vị Giáo Hoàng được cả thế giới kính trọng nhắm mắt về với Chúa!

Tài tử điện ảnh James Dean, ai chẳng biết. Chàng trai trẻ có nụ cười vừa quyến rũ vừa bí mật này đã làm đắm lòng biết bao thiếu nữ trên thế giới. Đó là thần tượng của thế hệ chúng tôi với dáng vẻ bất cần đời và với những màn lái xe ngoạn mục trên màn ảnh. Chàng chết vì lái xe. Chiếc Porsche 550 Spyder của James Dean đã bị tai nạn vào tháng 9 năm 1955. Chết rồi mà James Dean như vẫn còn quý chiếc xe. Ai đụng tới chiếc xe Porsche yêu quý của James đều bị tai họa. Khi người ta rời chiếc xe ra khỏi hiện trường để đưa về nơi cất giữ thì động cơ xe bất thần rớt ra ngoài, rơi trúng chân một anh thợ máy làm cho chàng ta bị tàn phế suốt đời. Ông bác sĩ Troy McHenry mê xe hơn mê kim chích mua lại chiếc động cơ này về lắp vào xe đua của ông, cũng đã bỏ mạng trên đường đua khi đang lái chiếc xe định mệnh này. Chưa hết! Một tay đua xe khác mua lại chiếc trục chuyển động của xe với giá rẻ mạt để lắp vào xe của anh ta, cũng chết thảm vì tai nạn trong cuộc đua cùng với ông bác sĩ. Sau đó người ta mang chiếc xe ra sửa lần thứ hai. Đang sửa thì chẳng biết vì sao ga ra bỗng phát hỏa cháy rụi hoàn toàn. Khi chiếc xe được mang ra trưng bày cho công chúng coi tại một trường trung học ở Sacramento thì nó trượt ra khỏi bục trưng bày làm một chú nhỏ học trò bị gãy xương hông. Người ta mang xe đi tiểu bang Oregon thì chiếc xe bị tuột móc đâm sầm vào một cửa tiệm vỡ tan

tành. Cuối cùng, vào năm 1959, chiếc xe bỗng bể ra thành 11 mảnh trong khi vẫn nằm trên giá đỡ bằng thép.

Bạn có muốn ứng cử làm Tổng Thống Mỹ không? Hỏi chơi như vậy thôi, chứ chắc cũng còn phải cả chục thế hệ nữa may ra con cháu chúng ta mới bon chen được vào chiếc ghế số một đó. Nhưng tôi cứ hỏi trỏng như vậy vì biết đâu con cháu bạn lại chẳng có ngày mom men ứng cử. Nếu vậy, bạn nhớ dặn chúng chớ có ứng cử vào những năm kết thúc bằng số 0. Te tua lắm! Các Tổng Thống Lincoln (1860), Garfield (1880), McKinley (1900), Kennedy (1960) đều bị ám sát chết bất đắc kỳ tử. Tổng Thống Harrison (1840) chết vì viêm phổi. Tổng Thống Roosevelt (1940) chết vì viêm tủy. Tổng Thống Harding (1920) bị nhồi máu nặng. Tổng Thống Reagan bị mưu sát vào năm 1980. Năm 2000, ông Bush bước vào Tòa Bạch Ốc, tới nay chưa thấy có dấu hiệu gì xấu cho tính mạng của ông nhưng trong thời gian ông cầm quyền đã xảy ra vụ 11/9 khủng khiếp nhất trong lịch sử khủng bố tại Hoa Kỳ.

Harry Potter, cái tên khuấy động kỹ nghệ xuất bản tiểu thuyết tại Hoa Kỳ và toàn thế giới, chắc ai trong chúng ta cũng đã từng nghe qua. Nếu bạn không biết gì về bộ truyện Harry Potter thì dân Việt trong nước cười cho thối mũi. Trong dịp phát hành cuốn cuối cùng của bộ tiểu thuyết làm say mê cả người lớn lẫn trẻ con này, tại Sài Gòn, các cô cậu cũng đã xếp hàng từ sáng tinh mơ để được là một trong những người đầu tiên mua được bản tiếng Anh cuốn tiểu thuyết lừng danh này. Bản tiếng Việt được bán ra không lâu sau đó nhưng đây là bản dịch lậu không xin phép tác giả. Bộ truyện này đã được đưa lên màn bạc và cũng làm say mê khán giả. Người thủ vai Draco Malfoy, kẻ thù không đội trời chung với nhân vật chính Harry Potter tại trường học phù thủy Hogwarts, lại đúng là một hậu duệ của... phù thủy. Nhà sử học David Nelson chuyên nghiên cứu về lịch sử phù thủy tại Anh đã khẳng định: "Tôi có đủ bằng chứng thuyết phục để chứng minh tổ tiên của diễn viên Tom Felton, người thủ vai phù thủy hắc ám Draco Malfoy, là phù thủy. Họ nằm trong số những người đã bị treo cổ trong vụ hành quyết Salem đẫm máu nổi tiếng trong lịch sử." Cậu diễn viên Felton có họ hàng xa với John Proctor, một phù thủy bị treo cổ vào ngày 19 tháng 8 năm 1692. Ngoài ra cậu còn có liên hệ thân tộc với bảy người nữa cũng bị hành quyết tại Salem. Giòng giống phù thủy có khác, cậu đóng rất xuất sắc trong vai trò phù thủy này!

Nhà tâm lý học Thụy Sĩ nổi tiếng Carl Gustav Jung cho rằng những sự trùng hợp ngẫu nhiên là hiện tượng đồng thời: sự xảy ra đồng thời của các sự kiện không liên quan với nhau có ý nghĩa vượt ra khỏi sự trùng hợp ngẫu nhiên đơn thuần. Chúng có thể xảy ra mà chẳng theo định luật nào của tự nhiên cả. Trái đất chúng ta đang sống có phải do ngẫu nhiên mà có sinh vật sống không? Nhiều lý thuyết gia nghĩ như vậy. Nhưng có nhiều nhà khoa học phản bác lại lý thuyết ngẫu nhiên này. Trong cuốn "*Hành Trình Về Phương Đông*," giáo sư Baird T. Spalding đã biện luận: "*Chúng ta chỉ mới ở vào buổi bình minh của khoa học, nhưng mỗi khám phá mới, mỗi kiến thức mới, đều đem lại cho chúng ta một bằng chứng rằng, vũ trụ này là công trình của một Đấng Hóa Công. Hãy lấy một thí dụ toán học cho dễ hiểu. Nếu ta bỏ vào túi 10 thẻ nhỏ, mỗi thẻ có ghi từ số 1 đến số 10, và tuần tự rút ra từng cái một. Sau khi rút xong ta lại bỏ thẻ vào túi, trộn đều và rút ra lần nữa. Làm sao ta có thể rút tuần tự từ số 1 đến số 10?Theo toán học, ta phải rút mười lần mới có một lần rút được thẻ mang số 1. Phải rút 100 lần mới có một lần rút được số 1 và số 2. Phải rút 1000 lần mới được số 1, 2, 3 liên tiếp. Nếu muốn rút ra thứ tự từ 1 đến 10 thì trường hợp đặc biệt này chỉ có thể xảy ra một lần trong 10 tỷ lần, có đúng vậy không? Nếu áp dụng toán học vào các điều kiện tạo đời sống ở quả đất này thì ta thấy nguyên lý ngẫu nhiên không sao hội đủ các điều kiện cần thiết. Vậy thì ai đã tạo ra nó? Trái đất quay quanh trục của nó với vận tốc 1600 cây số một giờ ở giữa đường xích đạo. Nếu nó quay chậm 10 lần thì ngày sẽ dài gấp 10 và dĩ nhiên sức nóng của mặt trời cũng gia tăng gấp 10 lần. Thế thì cây cối, sinh vật đều bị thiêu sống hết còn gì. Nếu cái gì chống được sức nóng cũng chết lạnh vì đêm cũng dài ra gấp 10 và sức lạnh cũng tăng lên gấp 10 lần kia mà. Ai đã làm trái đất quay trong một điều kiện tốt đẹp như thế? Mặt trời là nguồn sống của trái đất phải không? Mặt trời nóng khoảng 5500 độ bách phân. Quả địa cầu ở đúng vào một vị trí tốt đẹp không xa quá mà cũng không gần quá. Vừa vặn đủ để đón nhận sức nóng của mặt trời. Nếu sức nóng mặt trời gia tăng một chút, ta sẽ chết thiêu, và ngược lại nếu sức nóng mặt trời giảm đi một chút, ta sẽ chết rét. Tại sao trái đất nằm ở điều kiện thuận lợi như vậy?*

Trục trái đất nghiêng theo một tọa độ là 23 độ. Nếu trái đất đứng thẳng, không nghiêng theo bên nào thì sẽ không có thời tiết bốn mùa. Nước sẽ bốc hơi hết về hai cực và đóng thành băng giá cả. Mặt trăng là một vệ tinh của trái đất, điều khiển thủy triều biển cả. Nếu nó không cách xa trái đất 380 ngàn cây số mà xích lại gần hơn 80 ngàn cây số thì một cuộc hồng thủy sẽ xảy ra. Nước sẽ bị sức hút dâng lên ngập tất cả các lục địa mỗi ngày hai lần. Tóm lại tất cả mọi đời sống trên mặt địa cầu sẽ biến mất, nếu các điều kiện sai lệch đi một ly. Nếu nói rằng đời sống chỉ là một sự ngẫu nhiên thì trong tỷ tỷ lần may ra mới có một điều kiện tốt đẹp hoàn toàn để có được sự sống như thế." (Bản dịch của Nguyên Phong).

Nếu đặt câu hỏi siêu hình một chút thì mỗi người chúng ta sẽ tự hỏi: tại sao có tôi trên cõi nhân thế này? Phải chăng đó là sự ngẫu nhiên? Trịnh Công Sơn, trong bài Ngẫu Nhiên, đã tự hỏi như vậy.

không có đâu em này
không có cái chết đầu tiên
và có đâu bao giờ?
đâu có cái chết sau cùng?

tự mình biết riêng mình
và ta biết riêng ta

Nhà thơ Trần Mộng Tú cũng thắc mắc.

Tôi ở đâu mà tôi tới đây
Ngày xưa ai đứng ở nơi này
Giọt mưa trời khóc ngàn năm trước
Sao còn ướt trên lưng bàn tay

Tôi ra đời đã được bao lâu
Sao trái tim tôi nếp gấp nhầu
Mặt đất tôi đi bao ngàn dặm
Sao vẫn chông chênh những bước đầu

Mấy ông làm nhạc, mấy bà làm thơ vẽ chuyện! Tôi có mặt trên cõi đời này là vì nó phải như vậy, théc méc làm chi! Nhiều người sẽ gạt đi như vậy. Nhưng bất chợt một giây phút nào đó, lòng chùng xuống trước biển rộng bao la, hay bâng khuâng nhìn lên trời cao vào một đêm có trăng, hoặc trầm tư trước những hạt cát xôn xao trên bàn tay, chúng ta nghĩ tới những điều thăm thẳm xa vời, cảm thấy lạ lùng về sự có mặt của chúng ta. Có một mầu nhiệm nào không hay chỉ là một ngẫu nhiên?

Tôi lò mò vào trong blog thử coi có ai... suy tư đến những chuyện nhiều người cho là tầm phào đó không? Bất ngờ tôi đọc được tâm sự của một cô bé. Chắc là cô bé vì cô ký tên là Bé Crys. Tôi sững sờ trước những dòng ghi của một người trẻ. *"Nghĩ tới nghĩ lui, nghĩ ra, không tồn tại việc ngẫu nhiên. Giống như tự nhiên, tự dưng, bỗng dưng, bỗng nhiên, ngẫu nhiên là không tồn tại. Vậy mà hôm nay ngẫu nhiên, ừ ngẫu nhiên, nghe được một bài hát, cảm giác như bài hát nói lên được tâm trạng của mình... Ngẫu nhiên đi về trễ, đóng cửa thấy hoa nguyệt quế rụng lả tả ngoài sân. Ngẫu nhiên tối nay trời không mưa. Ngẫu nhiên tối nay mèo kêu quá trời trên mái nhà. Ngẫu nhiên nghe nhạc, ngẫu nhiên viết blog. Suy cho cùng cuộc sống là chuỗi dài của ngẫu nhiên. Có thể ngẫu nhiên không thật sự tồn tại, nhưng cũng có thể ngẫu nhiên chi phối mọi hành động của loài người. Cũng như tối nay mình ngẫu nhiên, à lúc này lại phải dùng là ngẫu hứng, viết blog. Không ai, cũng hy vọng là có ai đó, hiểu được mình đang nghĩ gì. Hôm nay, ngày mai, ngày kia, mai sau. Chẳng hiểu là mình đang sống hay đang tồn tại nữa."*

Cô bé tự hỏi: có phải ngẫu nhiên chi phối mọi hành động của loài người? Tôi mới đọc trên báo một hành động rõ ràng bị chi phối bởi ngẫu nhiên. Một người Bồ Đào Nha tên Luis Carlos de Noronha Cabral da Camara, độc thân và không có con cái chi, đã cùng hai nhân chứng ra phòng Công Chứng để ký giấy để lại tài sản cho 70 người mà ông chọn ngẫu nhiên trong danh bạ điện thoại. Một nữ nhân viên Công Chứng đã thử hỏi vài câu để kiểm tra sự minh mẫn của ông và, sau khi xác định ông rất minh mẫn, đã đưa ra một cuốn niên giám điện thoại để ông chọn 70 tên một cách ngẫu nhiên. Gia tài của ông gồm một tòa nhà 12 phòng ở trung tâm thủ đô Lisbon, một tòa nhà gần thành phố lịch sử Guimaraes ở miền bắc, một chiếc xe hơi và 32 ngàn đô Mỹ gửi trong ngân hàng. Ông chết sau đó vào tuổi 42! Một người trúng số thừa kế, bà Helena, 72 tuổi, cho biết thoạt đầu bà hoảng sợ khi được báo tin vì nghĩ đây là một trò đùa như thường xảy ra. Nhưng khi được sở Công Chứng xác nhận, bà đã rất an tâm và vui mừng.

Ông Luis Carlos này chắc chắn là đệ tử của trường phái ngẫu nhiên. Tôi không có được lòng tin mạnh mẽ như ông, nhưng nếu tên tôi rơi vào số 70 người thừa kế ngẫu nhiên thì biết đâu tôi lại không tin vào... ngẫu nhiên. Này bạn, có phải ngẫu nhiên mà tôi viết bài này không nhỉ?

08/2007

Website: www.songthao.com

Vĩnh Biệt Họa sĩ, Nhà Phê Bình Mỹ Thuật

THÁI TUẤN

TRỊNH CUNG

Ông ra đi vào lúc 13g ngày 26 tháng 9 năm 2007 tại chính căn nhà trên, nơi ông từng bắt đầu sống những ngày đầu tiên tại Sài Gòn sau cuộc di cư năm 1954. Căn nhà hẹp và tối, nằm trong một con hẻm ngoằn nghèo của đường Yên Đổ (tên cũ) dẫn xuống Bến tắm ngựa, ngay chân cầu Trương Minh Giảng, nơi mà dòng nước ngày càng đen và hôi thối.

Từ ngày ông rời bỏ thành phố Orléans (Pháp), nơi có dòng sông Loire thơ mộng chảy quanh những lâu đài tuyệt mỹ, nơi có ngôi mộ của nhà danh hoạ, nhà khoa học và kiến trúc sư lớn nhất qua các thời đại, Leonard de Vinci, năm 2005, quay về lại Sài Gòn và ở cho đến hôm nay, tôi thường ghé thăm ông trên căn gác khoảng 6m2 vừa đủ cho một chiếc giường nhỏ, một cái kệ và một cái ghế. Trên cái kệ nhỏ là chân dung bà vợ, người đàn bà gốc Thanh Hoá, người đàn bà đã cho ông một dáng dấp phụ nữ trong các bức hoạ của ông cho dù ông có vẽ ai đi nữa, kể cả Khánh Ly hoặc Trâm, cô con dâu của ông. Bà đã mất bên Pháp trước ông sáu năm, cũng vào tháng Chín và sớm hơn một ngày. Trên vách đối diện, ông treo một cây thánh giá, cây thánh giá và chiếc mũ nĩ mầu rêu cũ kĩ và hình như ông cũng gầy và cũ kĩ như cây thánh giá và chiếc mũ kia.

Căn gác hẹp này, gần hai năm nay đã từng in bóng dáng của những người làm văn nghệ đến thăm ông như các nhà văn, nhà thơ: Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đạt, Nguyễn Viện, ...Phan Đan, Dương Tường, Hoàng Hưng, ... các nhà nghiên cứu mỹ thuật như Bùi Như Hương, Phạm Trung,... và các hoạ sĩ cùng nhiều nhà sưu tập tranh và chủ gallery.

Tất nhiên là Sài Gòn đối với tuổi già của ông vẫn gần gũi hơn và ít cô đơn hơn là Paris hay New York. Ông vẽ được và nói chuyện về mỹ thuật một cách đầy hứng khởi mỗi khi gặp nhau, dù chỉ thều thào vì thanh quản bị thu hẹp do di chứng của hơn 40 năm ngậm tẩu (pipe). Tôi một thời rất thích cách chơi tẩu thuốc lá của ông và cũng lây kiểu ngậm tẩu từ thời còn là "hoạ sĩ trẻ" cho đến ngày ra khỏi trại cải tạo năm 1979. Được một dạo sức khoẻ tốt hẳn lên, ông thường nhờ Thái, người con trai bán cà phê trên đường Bà Lê Chân chở ra phố Đồng Khởi để ngồi cà phê vỉa hè mà ngắm đời sống và khung trời xanh trên nóc nhà thờ Đức Bà. Những lúc đó tôi thật cảm động và nhận ra sự yêu đời tuyệt vời của một con người đang trở thành phế tích từng ngày.

Trong những lần trò chuyện, vẫn chỉ là những câu chuyện về giá vẽ, nhưng hình như ông cố muốn nói cho hết, nói gấp rút kẻo không kịp, dù sách về các vấn đề hội hoạ của ông vừa được nhà Phương Nam cho tái bản ở Việt Nam. Thái Tuấn, ngoài là một hoạ sĩ đầy cá tính, ông còn là nhà phê bình mỹ thuật lỗi lạc nhất Sài Gòn thuở đó. Riêng đối với tôi, ông là người phát hiện và làm cho nhiều người quan tâm tới

Từ trái: Trịnh Cung, Viên Linh, Thái Tuấn, Phạm Phú Minh tại cuộc triển lãm tranh Thái Tuấn, Quận Cam 2001.

hội hoạ của một hoạ sĩ trẻ vừa chân ướt chân ráo từ Huế vào Sài Gòn năm 1962 để tìm một cuộc sống cho nghệ thuật. Thường có mặt trong các Hội đồng giám khảo mỹ thuật quốc gia, ông có lá phiếu rất quan trọng cho các tài năng mới như Nguyễn Trung, Nghiêu Đề, Nguyễn Phước, Đinh Cường, Cù Nguyễn, Nguyễn Lâm... Và tất nhiên, sự gặt hái gần như tất cả những giải thưởng hội hoạ quan trọng nhất của các họa sĩ trẻ nêu trên đã là một trong những động cơ chủ yếu để hình thành nên Hội Hoạ Sĩ Trẻ Việt Nam tại Sài Gòn vào năm 1966, một bộ mặt rực rỡ cho hội hoạ hiện đại Sài Gòn từ đó cho đến tháng 4 năm 1975. Và cũng tất nhiên, sự thành tựu của hội hoạ hiện đại của Miền Nam Việt Nam vào những thập niên 60-70 của thế kỷ 20 không thể không nhắc đến sự tác động mãnh liệt từ luồng gió mới của ý thức tự do sáng tạo được thổi tới từ bộ ba Thái Tuấn, Duy Thanh (hiện sống ở thành phố San Francisco) và Ngọc Dũng (đã chết tại Hoa Kỳ). Đặc biệt cả ba danh hoạ hiên đại này đều không ai tốt nghiệp một trường mỹ thuật nào, họ là những hoạ sĩ "tự học" (self taught) nhưng đều có một tài năng rất riêng và một kiến thức hội hoạ rất tiền phong. Thái Tuấn là người nổi bậc nhất về mặt nhận định mỹ thuật. Các bài viết của ông thời tạp chí Sáng Tạo và những ngày lưu vong trên đất Pháp đã được in trong "Thái Tuấn, Tuyển Tập Tranh và Tiểu Luận" do VAALA ấn hành tại Orange County năm 1996 và đã được tái bản lần thứ ba tại Việt Nam. Và cũng lạ thay, là một người Công giáo, nhưng càng về sau này, hầu hết những trải nghiệm về cái đẹp được ông viết trong các bài nhận định về hội họa đều mang đậm triết lý Phật giáo và mầu sắc phương Đông. Ông thường dùng những lời nói của Phật, của Thiền sư để giải thích về con đường đi tìm cái đẹp và nghệ thuật sáng tạo. Khi tôi đưa ra nhận xét này, ông bảo: "Thiền rất ảnh hưởng đến những suy nghĩ của tôi."

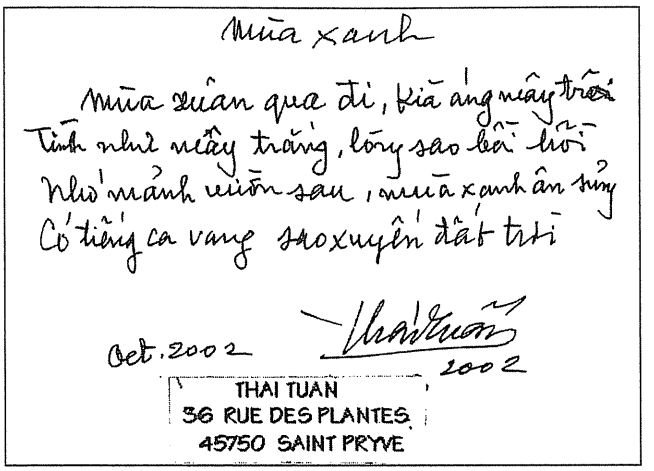
Mùa xanh

Mùa xuân qua đi, kia áng mây trôi
Tình như mây trắng, lòng sao bồi hồi
Nhớ mảnh vườn sau, mùa xanh ấn tượng
Có tiếng ca vang sao xuyến đất trời

Oct. 2002 Thái Tuấn 2002

THAI TUAN
36 RUE DES PLANTES
45750 SAINT PRYVE

Thủ bút Thái Tuấn - thơ gửi Thế Kỷ 21

Thế rồi, cách hôm nay ba ngày, tôi nhận được cú điện thoại của Thái nói "Bố cháu đang nằm cấp cứu ở bệnh viện Đại học Y Dược, TP.HCM. Bố cháu nhắc chú, chú vào thăm bố cháu đi, lầu 2 phòng 217." Tôi thật bị xúc động mạnh khi thấy người bạn vong niên của mình ngày nào còn linh hoạt trong cái nhìn, trong nụ cười và trong câu chuyện, bây giờ thân thể biến dạng, tiều tuỵ phần thân trên, sưng phù phần hai chi dưới, thở khó nhọc bằng oxy. Ông nhìn thấy và chào tôi bằng cái nhìn yếu ớt, tôi ra hiệu cho anh không cần cử động gì. Tôi cảm thấy có điều gì đó rất xấu sắp xảy ra, tôi ra ngoài gọi điên thoại cho bác sĩ, nhà văn, Thân Trọng Minh, người có nhiều đóng góp trong việc đưa được hoạ sĩ Thái Tuấn vào điều trị tại đây, để hỏi về khả năng hồi phục sức khoẻ của Ông. Sau đó tôi cũng đến gặp trực tiếp bác sĩ Tùng, người trực tiếp điều trị cho hoạ sĩ Thái Tuấn. Cả hai vị đều có cùng một nhận định: "Đây là bệnh nặng vào giai đoạn cuối, không thể hồi phục được." Tôi quay vào nhìn ông và đặt nhẹ bàn tay mình lên vai ông rồi ra về với bao điều trĩu nặng. Phải làm gì bây giờ, khéo không còn kịp! Một e-mail cho Đặng Tiến, người hết lòng giúp đỡ về cả tinh thần lẫn vật chất suốt thời gian họa sĩ Thái Tuấn lâm bệnh và một cái khác được gửi qua Mỹ để báo tin cho bạn bè và những người yêu tranh Thái Tuấn biết tình hình này.

Bây giờ thật sự đã không kịp nữa rồi. Diễn biến xấu nhất đã xảy ra quá nhanh. Sự sống như vậy đã khép lại, ông đang nằm im giữa căn nhà cũ, có sự im lặng của hai bức sơn dầu vẽ một người phụ nữ trẻ (Trâm, vợ của Thái, con trai lớn của TT) treo hai bên vách và tiếng cầu kinh chờ giờ nhập quan của người thân thuộc. Hoạ sĩ Thái Tuấn thật sự đã ra đi, đi thật xa, thật xa... khép lại vĩnh viễn những cuộc trò chuyện về mỹ thuật giữa chúng tôi.

SG 26 - 9 - 2007

NHÂN NGÀY GIỖ THỨ NĂM

ÔN LẠI CUỘC ĐỜI CỤ TRẦN VĂN ÂN

(28.01.1903 – 11.9.2002)

NGUYỄN HOÀI VÂN

Cụ Trần Văn Ân sanh vào giờ Tý ngày ông Táo về trời, cuối năm Nhâm Dần, tức ngày 28 tháng 1 năm 1903, tại làng Định Yên, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên, sau thuộc quận Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc, ở tả ngạn sông Hậu Giang. Cụ qua đời vào ngày 11 tháng 9 năm 2002 (nhằm ngày 5 tháng Tám năm Nhâm Ngọ), tại Rennes, Pháp quốc, thọ 99 tuổi.

Cụ Trần Văn Ân diễn thuyết tại Nhật năm 1967

Cụ xuất thân nhà nghèo, ông thân sinh làm thầy thuốc Bắc, thêm nghề làm ruộng. Vì lúc sơ sinh bị nước lụt cuốn trôi may nhờ bà ngoại tình cờ bắt gặp vớt lên được cứu sống, nên để nhớ ơn bà, ông thân sinh mới đặt tên cụ là Ân. Thuở nhỏ, cụ theo bà nội và người bác tu hành theo phái Minh Sư, có pháp danh là Quang Huy, ăn trường trai, tụng kinh thầm, và không được đến trường học. Đến năm 1911, sau khi bà nội qua đời, ông thân sinh mới cho cụ vào học ở trường làng Thốt Nốt. Năm 1914, nhờ một sự tình cờ hy hữu, cụ được nhận theo học trường Chasseloup Laubat tại Sài Gòn. Vào lúc đó, không ai có thể ngờ một chú bé nhà quê nghèo nàn, không biết đi giày, ăn chay, xách hũ tương mỗi sáng đến trường, lại có thể theo học chung trường với các cậu công tử con nhà quyền thế kiêu sang. Chỉ vài năm sau, cụ trở thành một học sinh xuất sắc, thường đứng đầu trong mọi môn học. Các giáo sư của cụ đều đặn can thiệp cho cụ luôn có đủ học bổng để tiếp tục học trình. Sau này, vào năm 1979, một trong các vị giáo sư ấy, ông Tullié, ít lâu trước khi qua đời ở Pamiers, gần Toulouse, cho biết: ông luôn hãnh diện vì hai người học trò xuất sắc là Trần Văn Ân và Lévy (sau dạy đại học Sorbonne). Ông từng vận động cho cụ thi Tú Tài Pháp, nhưng chính quyền thực dân chỉ chấp nhận cho cụ thi "Tú Tài bản xứ." Bất mãn, cụ bỏ học.

Năm 1923, nhờ Thái Ngươn Xáng, một bạn học khá giả người Việt gốc Hoa giúp đỡ, cụ đi Trung Quốc, ở tại Sán Đầu ba năm, học Hán và Anh Văn cũng như các tiếng địa phương như tiếng Hẹ, Triều Châu, Quảng Đông.

Năm 1926, cụ đi Pháp du học, nhờ một người nhà giàu tặng tiền hải phí, để mượn cụ dắt theo và lo cho hai người con của ông ta. Tại Paris, do sự giới thiệu từ Việt Nam của bác sĩ Trần Văn Đôn (sau làm Đô Trưởng, thân phụ của tướng André Đôn), cụ gặp luật sư Dương Văn Giáo, lúc đó đã là một nhân vật nổi tiếng đấu tranh cho sự độc lập của nước nhà. Từ cuộc gặp gỡ đó, cụ bắt đầu dấn thân vào chính trị.

Tại Aix en Provence, cụ cho ra đời một tờ báo sinh viên tên là Việt Nam Học Báo, do cụ làm chủ bút. Cuối năm 1927, cụ và Liêu Sanh Trân (sau là thành viên trung ương của Đảng Cộng Sản Pháp) đứng ra triệu tập Đại Hội Sinh Viên Đông Dương lần thứ nhứt, với sự tham dự của nhiều tên tuổi sẽ đóng những vai trò quan trọng trong các giai đoạn lịch sử sau đó, như : Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Trịnh Đình Thảo, Dương Văn Giáo, Trần Văn Thạch,

v.v... Cụ cũng gia nhập Đảng Việt Nam Độc Lập do Nguyễn Thế Truyền lãnh đạo, và là hội viên của Hội Nhân Quyền, cũng như của Liên Minh Chống Áp Bức Thực Dân (Ligue contre l'opression coloniale).

Về nước, cụ và LS Dương Văn Giáo lập ra tờ báo Đuốc Nhà Nam. Năm 1929, cụ được mời đi dự Đại Hội Toàn Quốc lần thứ ba của Trung Hoa Quốc Dân Đảng tại Nam Kinh. Nhờ bạn Quốc Dân Đảng Trung Hoa chu cấp hoàn toàn phương tiện, cụ nán lại Trung Quốc một thời gian dài, thăm viếng nhiều nơi cũng như kết giao rộng rãi.

Trở lại quốc nội tiếp tục hoạt động được ít lâu, cụ buộc phải lánh về quê, và được một người bạn giới thiệu làm giám đốc một công ty rượu đang phá sản tên là Phước Hiệp, còn gọi là Distillerie de Thốt Nốt. Cụ quyết định "làm cách mạng" trong lề lối quản trị công ty, và chỉ ít lâu sau, khiến cho công ty phát đạt trở lại.

Tuy vậy, cụ vẫn không quên sứ mạng của mình, và luôn sử dụng cơ sở của công ty để tiếp tục hội họp các bạn ái quốc như quý ông Phan Khắc Sửu (sau làm Quốc trưởng), Tạ Thu Thâu (lãnh tụ Đệ Tứ, bị CS đệ tam giết năm 1945), Nguyễn An Ninh (lúc đó bán dầu cù là, chủ trương báo La Lutte, sau chết tại Côn Đảo), Võ Oanh (sau theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam), Ngô Ứng Tài (thuộc Trung Hoa Quốc Dân Đảng, sau có làm chủ tịch Đảng Dân Chủ thời Đệ Nhị Cộng Hòa), Trần Văn Thạch (lãnh tụ Đệ Tứ, sau chết về tay CS đệ tam), Nguyễn Văn Tạo (sau làm tổng trưởng Lao Động trong chính phủ Hà Nội), Lê Văn Thử, Nguyễn Văn Khanh, và cả bạn Trung Hoa Quốc Dân Đảng từ Trung Quốc qua thăm như Châu Lực (luật gia, sau chết trong biến loạn).

Kết quả của các cuộc hội họp đó là: vào năm 1940, cụ bỏ hết sự nghiệp lên Sài Gòn tổ chức Đảng Nhân Dân Cách Mạng. Năm sau, cụ bị bắt, ra tòa vì tội mưu toan lật đổ chính quyền Pháp tại Đông Dương, cùng với các ông Phan Khắc Sửu (lúc đó là công chức), Dương Văn Giáo, Huỳnh Ngô, Ngô Đình Đẩu, Huỳnh Hoài Lạc, Võ Oanh, Trần Quốc Bửu (sau làm chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công), BS Nguyễn Văn Nhã, v.v... Vì thiếu bằng cớ và nhờ lời khai gỡ tội của người bạn thân là Võ Oanh, cụ chỉ bị giam tại Bà Rá, cho tới khi một người thuộc Đảng Xã Hội Pháp làm tỉnh trưởng Biên Hòa ký giấy phóng thích. Các ông Đẩu, Nhã, Lạc... cả thảy bảy người được trắng án, trong khi bảy vị khác gồm các ông Sửu, Oanh, Bửu, v.v... bị đày đi Côn Đảo. Riêng LS Giáo vì mang quốc tịch Pháp nên ngồi tù tại Sài Gòn, sau được cụ Trần Văn Ân tổ chức cứu thoát.

Ra tù, cụ lãnh chức Tổng Thư Ký Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lãnh đạo, tại Miền Nam. Vì nghĩ tổ chức này liên hệ nhiều với người Nhật, lúc đó đang đóng quân tại Việt Nam, có thể có những trở ngại về sau này, nên cụ cùng các ông Ngô Đình Đẩu, Nguyễn Văn Sâm và Hồ Văn Ngà thành lập Việt Nam Chính Đảng, sau đổi tên là Đảng Quốc Gia Độc Lập. Cụ luôn nghĩ người Nhật sẽ bại trận. Năm 1943, tại Sứ Bộ Nhật, trước mặt lãnh sự Iida và đại diện 13 tờ báo Nhật cùng một số bạn Việt Nam (trong số có Nguyễn Văn Sâm lúc đó được Nhật che chở dưới tên giả là Dương Sĩ Kỳ, và Phạm Ngọc Thạch, một người CS "nằm vùng"), cụ tuyên bố: "Đây là một cuộc chiến tranh sản xuất, Nhật không sản xuất lại Đồng Minh nên sẽ bại trận. Nhật Bản nên giúp người Việt Nam chúng tôi dành lại độc lập. Đó là cách thức để lưu lại một ưu thế trong hòa bình dù cho có thua chiến tranh." Cụ đề nghị võ trang một lực lượng ái quốc, giao cho lãnh tụ Cao Đài Trần Quang Vinh chỉ huy. Cụ cũng tiên liệu việc Nhật đảo chánh Pháp sẽ không thể tránh được, và nghĩ cần có một lực lượng Việt Nam tiếp tay với Nhật lật đổ chính quyền thực dân. Cùng trong giai đoạn này, với sự giúp đỡ của người Nhật, cụ tổ chức cho LS Dương Văn Giáo trốn thoát tù Pháp, và sắp xếp để Đức Thày Huỳnh Phú Sổ liên kết với các lãnh tụ Đệ Tứ Quốc Tế như tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch (sau đều bị CS đệ tam giết, cũng như LS Dương Văn Giáo).

Hoạt động của cụ làm thực dân lo ngại và tìm mọi cách mưu hại. Người Nhật nhắm không bảo đảm nổi an ninh cho cụ nên đề nghị đưa cụ đi lánh nạn ở Singapore. Cụ can thiệp để mang theo một người bạn đang bị truy tố tên Đặng Văn Ký (sau theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam), với tính cách là cộng sự viên (người dự liệu đi cùng lúc ban đầu là ông Diệp Ba). Sau có thêm quý ông Trần Trọng Kim và Dương Bá Trạc, sang tới Singapore, cùng ở chung một chỗ.

Trước khi lên đường đi Singapore, cụ dặn ông Trần Quang Vinh khi theo Nhật tham gia đảo chánh thực dân nhớ đừng giết hại người Pháp. Cụ nói: "Mình chống thực dân chứ không thù ghét người Pháp. Dân tộc Pháp sẽ là bạn của dân tộc Việt. Nên nhân lúc người Pháp thất

thế mà làm ơn với họ." Cụ cũng dặn các bạn thuộc Đảng Quốc Gia Độc Lập nên nhượng bộ cho anh em Đệ Tứ đóng vai trò lãnh đạo để tạo thanh thế cho tổ chức này chặn đường phe Cộng Sản Đệ Tam. Ngoài ra cụ xin Đức Thày Huỳnh Phú Sổ gia nhập Việt Minh để tránh tình trạng phe Cộng Sản Đệ Tam độc quyền thao túng, nắm thế thượng phong.

Tại Singapore, cụ kín đáo học và nói thông thạo tiếng Nhật, trong khi vẫn không ngừng hoạt động. Khi ông Dương Bá Trạc lâm bệnh, cụ chăm sóc tận tình như đối với một người cha, và lúc ông qua đời, cụ đọc điếu văn bằng tiếng Nhật, trước sự ngạc nhiên của quan khách Nhật hiện diện. Người Nhật giao cho cụ điều khiển một chương trình phát thanh bằng Anh Ngữ. Cùng cộng tác dưới quyền cụ có hai học giả giáo sư đại học bị Nhật bắt, một ông người Anh và một ông người Hòa Lan. Vào năm 1945, người Nhật đưa cụ đi Djakarta. Ở đây, cụ nghe tin nước nhà độc lập. Tức thời, cụ đòi trở về Việt Nam. Nhưng người Nhật chỉ chịu đưa cụ trở lại Singapore, và mãi tới khi được tin phu nhân qua đời để lại sáu con thơ, họ mới đành phải đưa cụ về nước, trong điều kiện rất khó khăn, bằng máy bay hai chỗ, vừa phải tránh oanh tạc, vừa lẩn trốn máy bay săn giặc của Đồng Minh. Sở dĩ có sự chần chờ của Nhật trong việc đưa cụ về nước là vì lập trường thống nhất đất nước lập tức của cụ lúc bấy giờ có thể gây khó khăn cho họ.

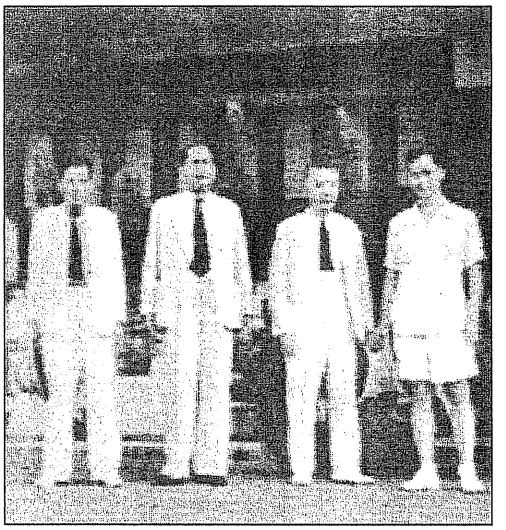

Từ trái: Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, Trần Văn Ân tại Singapore năm 1944

Về tới Việt Nam, cụ được bầu làm Chủ Tịch Hội Đồng Nam Kỳ. Những nhân vật có tiếng tăm của Hội Đồng Nam Kỳ hết lòng ủng hộ cụ vào lúc đó, nay còn nhớ được là: Nha Sĩ Nguyễn Xuân Bái (thân phụ ông Nguyễn Xuân Oánh), Bác Sĩ Trần Như Lân, Kỹ Sư Lưu Văn Lang (nhạc phụ của BS Trần văn Đỗ), các ông Hồ Văn Ngà, Đinh Khắc Thiệt (thân Nhật, chú của ông Đinh Thạch Bích), Trương Văn Bền, Kha Vạng Cân (Phó Chủ Tịch Hội Đồng Nam Kỳ). Trong thời gian tại nhiệm, cụ cách chức 12 ông Đốc Phủ tham nhũng, trong số đó có cả những người thân Nhật.

Tháng 7 năm 1945, Thủ Tướng Trần Trọng Kim mời cụ cùng với các ông Ngô Đình Diệm (được Nhật che chở ở Sài Gòn, giao cho sĩ quan Cao Đài Nguyễn Thành Phương giữ an ninh), và Vũ Đình Dy (mới ở Nhật về), ra Huế tham gia một chính phủ đoàn kết quốc gia. Lúc lên đường, có thêm BS Lê Toàn, và bí thư của cụ là ông Nguyễn Văn Tệ. Đi được tới Nha Trang thì phái đoàn bị Cộng Sản kéo người bao vây. Khi bọn này sắp sửa hành hung, thì quân đội Nhật tới kịp giải cứu, nhưng phái đoàn phải quay trở về Sài Gòn. Cùng lúc đó, Tạ Thu Thâu bị Cộng Sản Đệ Tam hạ sát tại Quảng Ngãi, đánh dấu giai đoạn Cộng Sản Đệ Tam công khai ra mặt giết hại người của các phe nhóm khác.

Cũng vào khoảng thời gian này, Nguyễn Văn Sâm ra Huế lãnh chức Khâm Sai Nam Việt. Ông cũng bị người của Cộng Sản giữ lại ở Nha Trang. Trước sự cấp bách của tình thế, cụ Trần Văn Ân và ông Hồ Văn Ngà tức tốc đến gặp Thống Đốc Nhật Minoda, đòi trao trả chính quyền cho người Việt. Sau khi hội ý với các tướng lãnh và viên chức Nhật, ông Minoda long trọng chuyển giao quyền hành cho cụ tại Dinh Gia Long. Lập tức cụ bổ nhiệm Hồ Văn Ngà làm Phó Khâm Sai Nam Việt, Kha Vạng Cân làm Đô Trưởng Sài Gòn Chợ Lớn (với chức vụ này, ông Cân đã ra lệnh hạ hết các tượng đồng của người Pháp). Ba ngày sau, Nguyễn Văn Sâm mới thoát nạn về tới.

Sau đó, phong trào quần chúng do Cộng Sản thao túng nổi lên, khiến cụ và các ông Sâm, Ngà, Cân, buộc phải rút lui, cho tới khi thực dân Pháp theo chân quân đội Anh trở lại Miền Nam mới lập ra Ủy Ban Phong Tỏa Sài Gòn Chợ Lớn. Chỉ ít lâu sau, Hồ Văn Ngà bị Cộng Sản đệ tam bắt đem về giam tại Rạch Giá. Cụ và Nguyễn Văn Sâm phải đi trốn. Cùng một bà vợ Trung Hoa, cụ giả dạng làm người Tàu, tới ẩn náu trong Chợ Lớn. Đầu năm 1946, cụ nhờ bạn Trung Hoa đưa đi trốn tại Nam Vang, rồi

theo người buôn lậu vượt biên qua Thái Lan với tên giả là Trần Huệ Dân (cần nhắc lại là cụ nói thông thạo các loại tiếng Tàu thông dụng ở Miền Nam). Cả thực dân lẫn Cộng Sản Đệ Tam đều ráo riết truy lùng cụ trong suốt thời gian này.

Đối với Cộng Sản Đệ Tam lúc đó, cụ chủ trương "đánh chung đi riêng," tức là cùng chung sức đánh thực dân, nhưng các phe nhóm không Cộng Sản vẫn duy trì tổ chức và cơ sở riêng biệt, chứ không sát nhập vào lực lượng do Cộng Sản Đệ Tam điều động. Tuy nhiên, chủ trương này bị đa số các đồng chí của cụ trong Đảng Quốc Gia Độc Lập chống đối, vì họ cho rằng làm như thế sẽ phân tán lực lượng chống thực dân. Họ chủ trương đánh đổ thực dân trước đã, rồi sau đó ai cai trị cũng được, cai trị thế nào cũng được, miễn là lấy lại được chủ quyền cho người Việt. Cụ Trần Văn Ân là một trong số ít người vào lúc ấy đã ý thức được rằng hiểm họa cho nước nhà sẽ không phải là chế độ thực dân đang trên đà sụp đổ khắp nơi, mà chính là: Cộng Sản.

Trong điều kiện đó, Đảng Quốc Gia Độc Lập tan rã. Đa số ủy viên trung ương lần lượt theo Cộng Sản Đệ Tam. Trần Quang Vinh, Trưởng Ban Tổ Chức của Đảng và là Tư Lệnh Bộ Đội Cao Đài (do Nhật võ trang và huấn luyện) bị Cộng Sản tuyên truyền kết án là tội phạm chiến tranh, nên bỏ trốn (ông bị Cộng Sản Đệ Tam bắt được, đem nhốt tại Kim Quy Rạch Giá chung với Hồ Văn Ngà cho tới khi Nguyễn Thành Phương và Vũ Tam Anh đem quân tới phá khám cứu ra, rủi cho Hồ Văn Ngà tối hôm đó có người giữ ngục là học trò cũ mời về nhà dùng cơm nên không được giải cứu, để hôm sau bị đập chết bằng củi đòn — Trần Quang Vinh sau có làm Bộ Trưởng Quốc Phòng, và cũng chết trong tù Cộng Sản sau năm 1975). Sau Tướng Vinh, bộ đội Cao Đài được giao cho một tướng trẻ là Nguyễn Văn Thành chỉ huy. Rủi thay, tướng Thành cũng lại kéo quân theo Cộng Sản Đệ Tam nốt, khiến Đảng Quốc Gia Độc Lập không còn lực lượng quân sự để tiếp thu khí giới do người Nhật sẵn sàng chuyển giao. (Tướng Thành sau bị án tử hình và bị giam tại Côn Đảo cùng với cụ Trần Văn Ân — khi ra tù ông làm cố vấn cho cụ ở Bộ Chiêu Hồi — sau ông bị Cộng Sản liệng lựu đạn sập nhà chết ở Tây Ninh, lúc ông lãnh trách nhiệm giữ an ninh cho Tòa Thánh). Về phía Hòa Hảo thì Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ bị Cộng Sản Đệ tam vu khống là việt gian, và bị người của Cộng Sản khủng bố, nên cũng phải rút khỏi Sài Gòn.

Một thời gian sau, tình thế lắng đọng, cụ từ Thái Lan trở về phụ giúp Đức Thầy thành lập Đảng Dân Xã, do cụ lãnh viết tuyên ngôn vào tháng tám năm 1946, trong một cuộc họp tại nhà ông Hội Đồng Nguyễn Văn Nhiều, đường Palikao, Chợ Lớn (ít lâu sau Cộng Sản Đệ Tam biết chuyện này, đang đêm bắt Hội Đồng Nhiều chặt ra ba khúc, liệng xuống đường mương). Ngoài Đức Thầy ra, có mặt hôm đó còn có các ông Nguyễn Văn Sâm và Nguyễn Bảo Toàn. Ít lâu sau, cụ cho ra đời báo Quần Chúng, và được Đảng Dân Xã chỉ thị tham gia chính phủ của Tướng Nguyễn Văn Xuân. Trước khi tham chánh, cụ đặt cho Tướng Xuân ba điều kiện :

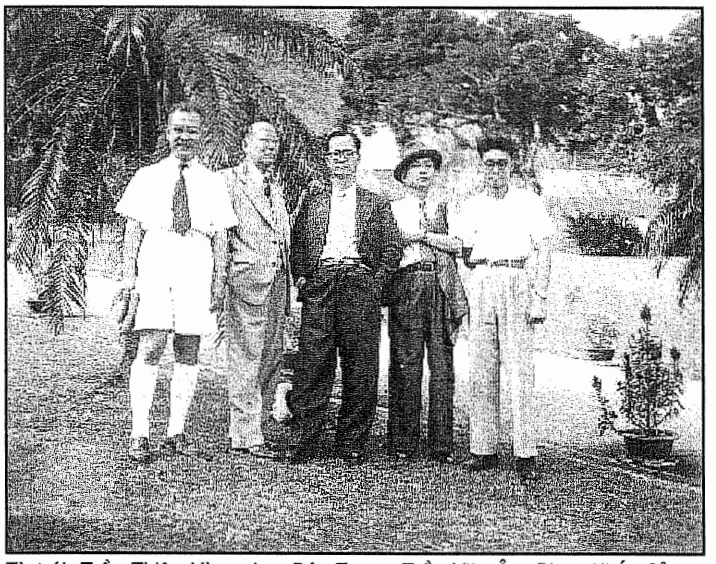

Từ trái: Trần Thiện Vàng, Lưu Đức Trung, Trần Văn Ân, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Tuyên tại Hồng Kông 1948

- *Thứ nhất*: cải danh xưng chính phủ Nam Kỳ Tự Trị thành Chính Phủ Lâm Thời Nam Phần Việt Nam, để phá kế hoạch phân ly ba miền theo cách thức "chia để trị" của thực dân. Thật vậy, chính phủ lâm thời Nam Phần Việt Nam được định nghĩa như một chính phủ TẠM THỜI của Miền Nam, trong khi chờ đợi một giải pháp

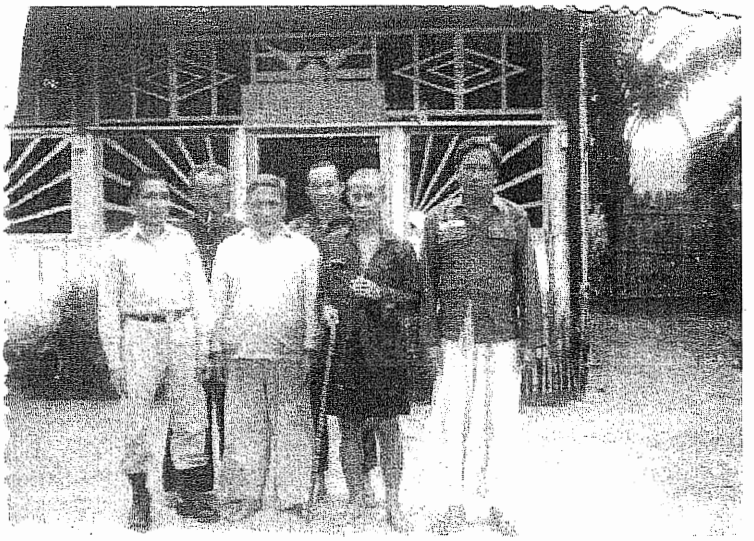

Ở tù tại Côn Đảo. Hàng đầu, Hỗ Hữu Tường (thứ hai), Trần Văn Ân (thứ ba)

thống nhất. Đó chính là phủ nhận một cách quả quyết chiêu bài "Nam Kỳ tự trị," đặt nguyên tắc thống nhất đất nước hầu dọn đường cho một giải pháp không Cộng Sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam, sau này mới được gọi là "giải pháp Quốc Gia."

- *Thứ nhì* là không chấp nhận cho quân đội giáo phái làm lính "partisan" cho Pháp, không đặt họ dưới sự chỉ huy của Pháp, để có thể đương đầu với Cộng Sản mà vẫn giữ được chính nghĩa, hầu sau này đi đến sự tổ chức một "Quân Đội Quốc Gia," gắn liền với "giải pháp Quốc Gia" vừa nói ở trên.

- *Điều kiện cuối cùng* là trong một ngày, ông Xuân phải gặp cụ đầu tiên lúc sáng, và sau cùng lúc tối, để phối hợp làm việc cho hữu hiệu.

Các sự toan tính giữa cụ và Tướng Xuân được giữ bí mật cho đến ngày chính phủ trình diện Hội Đồng Nam Kỳ. Bài diễn văn ra mắt nội các của Tướng Xuân do cụ và Nguyễn Văn Sâm soạn thảo. Các thành viên chính phủ được cho biết nhưng bị cụ hăm dọa, không ông nào dám hé răng. Đến ngày ra mắt, Hội Đồng Nam Kỳ bỏ phiếu tín nhiệm nội các mới, khiến thực dân bị đặt trước một sự đã rồi, không làm sao khác hơn là chỉ thị báo chí ém nhẹm chuyện này đi. Hai ngày sau, có hai người Cộng Sản đang bị Pháp giam, tự nhiên được thả, và ra tay bắn chết Nguyễn Văn Sâm trên xe buýt ở đường Cây Mai, Chợ Lớn. Sáng hôm đó, ngày 10 tháng 10 1947, ông Sâm đi cùng với cụ đến dự lễ kỷ niệm ngày Song Thập ở Tòa lãnh sự Trung Hoa, rồi cùng về làm việc ở báo quán Quần Chúng. Tới chiều, ông Sâm mới đi xe buýt về nhà bạn trong Chợ Lớn. Lúc bị bắt lại, hai hung thủ Cộng Sản khai được lệnh giết cả Trần Văn Ân lẫn Nguyễn Văn Sâm.

Năm 1948, cụ đề nghị lá cờ vàng ba sọc đỏ, lấy ý nghĩa quẻ Càn (biểu tượng Thái Dương như cờ Nhật, mà cũng là phương Nam trong Phục Hy Đồ), màu đỏ (Hỏa cũng thuộc phương Nam, tượng trưng phấn đấu, vui vẻ), màu vàng (đất, quẻ khôn, đối với càn), và kích thước "tam thiên lưỡng địa," đồng thời cũng có ý nghĩa ba gạch đỏ tượng trưng cho ba kỳ hợp trong nền vàng tượng trưng đất nước Việt Nam.

Trong cùng thời gian, cụ đưa ông Phan Khắc Sửu xuống Long Xuyên thuyết phục Tướng Nguyễn Giác Ngộ không theo ông Trần Văn Soái mà cứ tiếp tục ở lại chiến khu chống thực dân. Cụ cũng đích thân tới Tây Ninh vận động chống lại việc ông Lê Văn Hoạch (cựu Thủ Tướng) kêu gọi Tòa Thánh lập bộ đội thân Pháp. Lập trường của cụ là: bộ đội Cao Đài phải là nghĩa quân cách mạng chứ không thể tùy thuộc thực dân. Tuy nhiên điều làm cho thực dân tức giận nhứt là việc cụ hết sức ngăn cản không để cho quân đội Bình Xuyên về Đô Thành với thực dân và lập một vùng biệt lập để quy tụ những nhóm kháng chiến không Cộng Sản về đó, hầu sau này có được một lực lượng ái quốc có chính nghĩa đánh lại Cộng Sản. Sau khi Trung Tá Savani, chỉ huy Phòng Nhì, thất bại trong việc thương thuyết với cụ để bộ đội Bình Xuyên ra hàng Pháp, Tướng de la Tour hai lần viết thư đến Thủ Tướng Xuân hăm dọa: "quá 24 giờ mà ông Ân không ra đi thì tôi sẽ không chịu trách hiệm về an ninh của ông ấy." Tướng Xuân không trả lời. Cụ lần lựa tới hơn một tháng sau mới quyết định lấy danh nghĩa Bộ Trưởng Thông Tin để lên đường công du... Pháp Quốc!

Trước khi khởi hành, cụ yêu cầu các đồng chí nên tiếp tục cộng tác với Thủ Tướng Xuân, để trong giai đoạn khó khăn, có thể vừa né Pháp, vừa né Cộng Sản. Đa số phản đối, muốn bỏ vào bưng đánh hai mặt, Pháp và Cộng Sản. Thương tâm nhứt là trường hợp ông Lâm Ngọc Đường, do cụ đưa vào lập Sở Công An cho chính phủ Nguyễn Văn Xuân, trong lúc thực dân nhứt định không chịu giao ngành Công An Mật Vụ

cho chính quyền Việt Nam. Sau khi cụ đi khỏi, ông Đường bỏ vào bưng với Bình Xuyên. Đến khi Tướng Lê Văn Viễn đem lực lượng Bình Xuyên về với Thủ Hiến Trần Văn Hữu, ông cô thế, bị Cộng Sản vây bắt, đóng nọc vào mắt, tai, mũi, miệng, hậu môn, rồi hành hạ ông đến hơi thở cuối cùng.

Qua tới Pháp, cụ mở một mặt trận ngoại giao với nhiều cuộc diễn thuyết, đặc biệt là tại Palais de la Mutualité, Paris, tháng 10 năm 1948, với sự chủ tọa danh dự của ông Chủ Tịch Liên Minh Nhân Quyền (Ligue des Droits de l'Homme). Suốt nhiều tháng sau đó, cụ không ngừng tiếp xúc với các dân biểu, nghị sĩ, các nhân vật trong báo giới, văn đàn v.v... để gây cảm tình đối với nguyện vọng dành độc lập của người dân Việt.

Năm 1949, nhờ sự can thiệp của Đảng Xã Hội (SFIO) và đảng MRP, chính phủ Pháp buộc phải chấp nhận cho cụ trở về nước. Vừa về tới là cụ thành lập Việt Nam Dân Chúng Liên Đoàn, gọi là Việt Đoàn, để hậu thuẫn cho giải pháp Bảo Đại, được cụ coi như một giai đoạn quan trọng của sự hình thành giải pháp quốc gia. Cụ cũng sáng lập báo Đời Mới, với nhiều cây bút về sau trở thành nổi tiếng dưới bầu trời Nam Việt. Cũng năm 1949, cụ tổ chức "Tiệc Bình Dân" để Quốc Trưởng Bảo Đại vừa về nước có dịp tiếp xúc với các tầng lớp dân chúng, đặc biệt là những người đang hoạt động tại chiến khu. Cũng chính vào dịp đó mà Quốc Trưởng Bảo Đại và Tướng Lê Văn Viễn gặp nhau lần đầu tiên.

Năm 1950, cụ được mời đi dự Hội Nghị Hòa Bình San Francisco, nhưng giờ chót bị Tướng de Lattre de Tassigny tước thông hành không cho đi. Liền hôm sau, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Dean Rusk can thiệp mời cụ sang Mỹ, nhưng với chủ trương không làm bẽ mặt đối phương, cụ khéo léo chối từ. Cũng năm đó, cụ làm cố vấn cho chính phủ Nguyễn Phan Long, và, sang năm 1951, vận động thành công cho Việt Nam lần đầu tiên tham dự một Hội Nghị Quốc Tế như một Quốc Gia độc lập, do một cơ quan thuộc Liên Hiệp Quốc tổ chức. Đó là Hội Nghị Kinh Tế Viễn Đông (ECAFE).

Năm 1953 cụ đề nghị và đứng ra tổ chức Hội Nghị Toàn Quốc quy tụ 212 đại biểu đại diện cho mọi thành phần dân chúng. Giờ chót, cụ kêu gọi Đại Hội biểu quyết chống lại mô hình "Liên Hiệp Pháp" vì theo cụ mô hình này che giấu một sự lệ thuộc trá hình, làm mất đi chính nghĩa của chính quyền quốc gia. Cụ đưa ra khẩu hiệu: "Độc Lập mà không liên lập là cô lập — Liên lập mà không Độc Lập là lệ thuộc." Hội Nghị Toàn Quốc bầu chống lại Liên Hiệp Pháp. Thực dân lại thêm một lần nữa bị đặt trước một sự đã rồi.

Suốt những năm từ 1949 tới 1954 cụ đi lại Pháp Quốc nhiều lần để vận động chính giới Pháp ủng hộ một giải pháp quốc gia cho một Việt Nam độc lập.

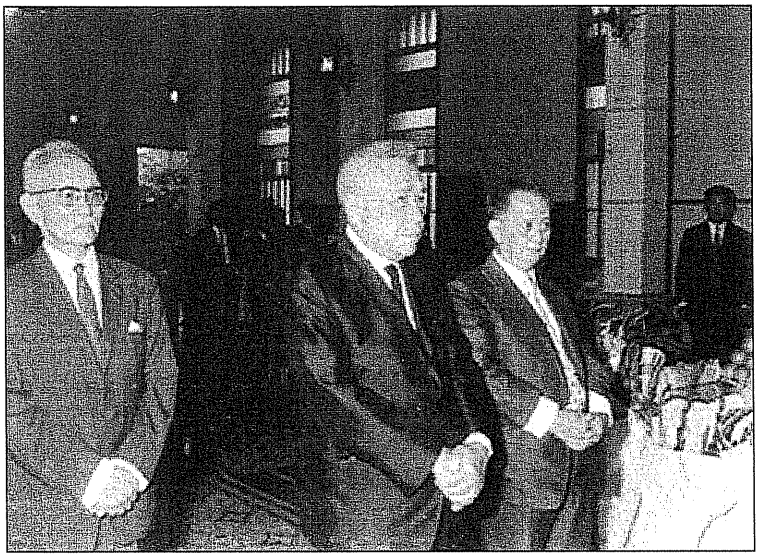

Từ trái: Mai Thọ Truyền, Trần Văn Hương, Trần Văn Ân tưởng niệm trong đám giỗ Nguyễn Văn Sâm tại Sài Gòn trước 1975

Năm 1954, Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng Toàn Quyền Nam Việt. Ông Diệm với cụ là chỗ quen biết và giao thiệp tốt đẹp từ hơn mười năm trước. Sau khi ông Diệm cầm quyền, cụ có gặp lại ông vài lần, lần nào cũng có cảm tưởng đạt đến một sự tương đồng quan điểm. Lúc ấy, các lực lượng quần chúng Miền Nam đã từng tranh đấu chống thực dân và Cộng Sản tụ tập lại trong một tổ chức tên là Mặt Trận Thống Nhứt Toàn Lực Quốc Gia, do Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lãnh đạo. Cụ được mời làm cố vấn cho Mặt Trận này. Cụ cũng được mời tham gia phái đoàn của Mặt Trận tới hội kiến với Thủ Tướng Diệm

tại Dinh Độc Lập. Phái đoàn còn có các ông Sĩ Thanh, Lai Hữu Tài, Nguyễn Long Thành Nam, Ngài Bảo Đạo Lê Thiện Phước v.v... Cụ được mời ngồi cạnh Thủ Tướng Diệm và phát biểu đại ý như sau:

"Thưa Thủ Tướng, dư luận đến từ những người thân cận với Thủ Tướng thường đề ra những phê phán khắt khe về Giáo Phái, cho là người Giáo Phái dơ dáy, dốt nát, không đứng đắn. Tuy nhiên, xin Thủ Tướng nhận cho rằng: dân có dốt, có hư, mới cần đến Thủ Tướng, mới phải mời Thủ Tướng lại cai trị họ. Họ thiếu ăn học, chân lấm tay bùn, nhưng họ là người của đất nước này. Đời sống của họ gắn liền với đồng quê lầy lội kia, và khi cần, họ sẽ không ngần ngại liều chết để bảo vệ vùng đất ấy. Đám trí thức và trưởng giả được những người thân cận Thủ Tướng quý trọng, đến khi hữu sự sẽ lo vắt giò lên cổ mà chạy trước. Những người ấy khôn ngoan và có nhiều phương tiện, họ đi đâu mà chẳng sống được? Ngược lại, chính vì người Giáo Phái nghèo nàn thất học, mà họ chỉ có một đường sống duy nhứt, đó là sống với quê hương, và chết một cách duy nhứt, đó là chết trong lòng ruộng đồng của tổ tiên họ để lại.

Thưa Thủ Tướng, mục tiêu của chúng ta ngày nay là ngăn cản không cho Cộng Sản tràn xuống Nam Việt. Người dân quê Giáo Phái, với tín ngưỡng chân thật và tình ràng buộc với quê cha đất tổ, chính là lực lượng chống Cộng Sản hăng say hứt của Miền Nam này. Dựa vào họ là dựa vào quần chúng, là lấy sức mạnh từ người dân. Xa rời họ là ly khai với quần chúng, là lấy thế lực bên ngoài để cai trị dân. Xin Thủ Tướng xét rõ."

Thủ Tướng Diệm tỏ vẻ đồng ý, nhưng chỉ hứa sẽ "xem lại" vấn đề...

Ít lâu sau xảy ra cuộc xung đột giữa chính phủ Ngô Đình Diệm với các lực lượng thành viên của Mặt Trận Thống Nhứt Toàn Lực Quốc Gia. Các bộ đội Hòa Hảo và Cao Đài dần dần thất thế. Tướng Trình Minh Thế ngả theo chính phủ. Lực lượng Bình Xuyên rút ra chiến khu Rừng Sát. Cụ và phần lớn trí thức thành viên của Mặt Trận cũng buộc phải rút theo với họ. Một thời gian sau, cụ và ông Nguyễn Hữu Thuần vượt vòng vây ra gặp Tỉnh Trưởng Biên Hòa là ông Nguyễn Linh Chiêu (anh của Dược Sĩ Nguyễn Quốc Nam hiện ở Paris), tuyên bố: muốn thương thuyết. Ông Chiêu tiếp đãi cụ niềm nở, mời ăn sáng, rồi đưa đi gặp ông Mai Hữu Xuân. Sau đó cụ thương thuyết với các

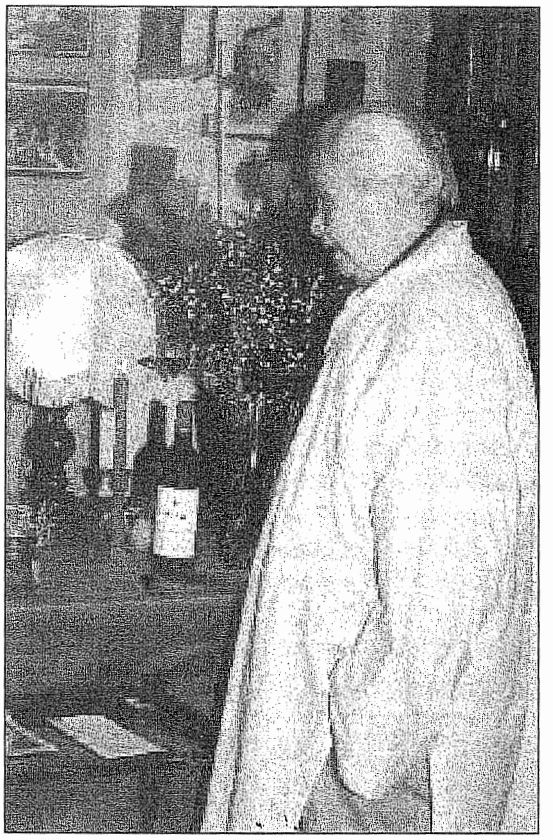

Cầu nguyện tại tư gia (Rennes, Pháp Quốc).

ông Dương Văn Minh và Nguyễn Khánh trên một chiếc tàu suốt ba hay bốn ngày liền. Đang lúc ấy thì có ông Hồ Hữu Tường từ chiến khu ra tới. Ông Tường nhận đem bản thỏa hiệp về bưng cho Tướng Lê Văn Viễn quyết định. Cụ và ông Thuần ký giấy ở lại không trở về chiến khu. Tiếp đó, cụ bị kết án tử hình và bị giam tại Côn Đảo suốt chín năm dài.

Trong tù, cụ chuyên cần thiền định, nối lại với lối sống tu hành lúc nhỏ dưới ảnh hưởng của bà nội và ông bác Minh Sư... Cụ cũng cố công tìm tòi hiện đại hóa Triết Học Đông Phương, và để giải trí, cụ làm thơ cũng như dịch được hơn sáu trăm bài thơ Trung Quốc đủ mọi thời đại. Ngoài ra, cụ dạy Hán và Anh Văn cho bạn cùng khám, và khuyên nhủ cải thiện được hai người thường phạm tử hình vì can tội sát nhân.

Tháng 11 năm 1963, anh em ông Diệm bị sát hại. Cụ vẫn tiếp tục ngồi tù. Mãi tới ngày 7 tháng 2 năm 1964, sau khi Tướng Khánh "chỉnh lý" Tướng Dương Văn Minh, cụ mới được thả (tướng Khánh là cháu họ xa, kêu cụ bằng cậu).

Nhìn lại chín năm tù tử tội, với những lúc bị nhốt dưới hầm tàu với heo, với "kỷ niệm" hai năm trường bị còng chân, sáu tháng nhốt hầm

tối "cachot," cụ không hề tỏ lời oán hận. Cụ nói: "mong ông Diệm thành công, và chỉ lo mất nước vào tay Cộng Sản."

Khi ra tù, cụ đã lớn tuổi. Với quá trình đấu tranh không ngừng nghỉ từ năm 1926, và sau chín năm tù tử tội cam khổ, người ta có thể nghĩ rằng cụ sẽ dành những năm tháng còn lại của cuộc đời để nghỉ ngơi hưởng nhàn. Tuy nhiên, cụ đã cương quyết chối từ cái quyền được an dưỡng tuổi già hoàn toàn chính đáng đó, để lại lập tức tiếp tục dấn thân vào con đường phục vụ đất nước. Cụ bất kể địa vị to lớn của mình trong các giai đoạn lịch sử đã qua, để không ngần ngại hòa mình vào chính trường lúc đó, thậm chí nhận lãnh những chức vụ mà nhiều người cho là không xứng đáng với tầm vóc của cụ, như: Tổng Trưởng Thông Tin, Tổng Trưởng Chiêu Hồi, Chủ Tịch Ủy ban Soạn Thảo Sắc Luật Bầu Cử Quốc Hội Lập Hiến, Ủy Viên Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Phụ Tá Đặc Biệt Văn Hóa Chính Trị Phủ Tổng Thống, Cố vấn Phái Đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Hội Nghị La Celle St Cloud v.v... Cũng trong thời gian này, cụ nhiều lần được mời đi nói chuyện tại quốc ngoại, với những thành quả hiện còn được nhiều người trong cũng như ngoài nước thán phục.

Sống đời lưu vong tại Pháp Quốc, cụ và phu nhân nối kết những chuỗi ngày an bần lạc đạo, ăn tiền trợ cấp xã hội, ở trong một căn phố dành cho người nghèo (HLM — Habitation à loyer modéré). Suốt cuộc đời trải dài một thế kỷ, với bao nỗ lực đấu tranh, cụ đã không mưu cầu được gì cho bản thân và gia đình mình. Trong cuộc sống nghèo nàn nơi đất khách, cụ dành thời giờ gây dựng kiến thức cho bạn trẻ, những mong có người tiếp nối chí nguyện của mình, và chuyên tâm ghi lại những kỷ niệm lịch sử của cuộc đời cụ, để cho hậu thế khỏi rơi vào những nhận định sai lạc, lấy từ những tài liệu của thực dân hay của đám trí thức thiên tả chuyên chạy theo thị hiếu thời thượng mà bóp méo sự thật. Nhắc lại những kỷ niệm xưa cũng là dịp để cụ tưởng nhớ các bạn "đồng tâm đồng đức," đã đem sanh mạng máu xương lót trải trên con đường lịch sử nước nhà. Hàng năm cụ không quên cúng giỗ từng người, Đức Thầy, Sâm, Ngà, Thâu, Thạch, Hùm, Chánh, La Anh, Châu Lực, v.v...

Cụ Ân với một thân hữu đến thăm.

Khi sức khỏe dần dần suy sút, hình ảnh của cụ như lu mờ đi trước những tử đệ vẫn thường quen với vóc dáng và phong độ của một Trần Văn Ân hùng hồn mạnh dạn, của nhà hùng biện dấy động lòng người, của người đấu sĩ luôn hăng hái dấn thân, của bậc triết gia thông thái, kiến thức mênh mông, của nhà chính trị tinh tế, với óc nhận định sâu sắc và trí thông minh làm kinh ngạc người đối diện, của nhà văn đầy hứng cảm, hồn thơ dào dạt, của một Trần Văn Ân hào hoa, với giọng nói tiếng cười luôn đem lại hứng khởi tươi vui... Khi ấy, khi ngôi sao Trần Văn Ân không còn chiếu sáng như xưa, thì những anh em còn quây quần bên cụ lại được chiêm ngưỡng một gương sống khác: đó là gương tận tụy hy sinh gần như toàn diện, với nụ cười đạo đức, bình thản trước nghịch cảnh, của phu nhân của cụ. Quả thực, cụ và phu nhân đã nối tiếp nhau thể hiện qua cuộc sống hằng ngày, cái tinh thần VÔ CẦU BẤT CHẤP mà cụ thường nhắc nhở.

Trong những ngày cuối cùng, cụ ăn uống ngày càng kém, yếu đi dần dần cho đến khi qua đời.

Cụ Trần Văn Ân, pháp danh Quang Huy, đã từ biệt cõi đời, hòa trong HỒN NƯỚC, tìm về CHÂN NHƯ, trong GIẤC NGỦ MUÔN ĐỜI...

Trong giấc ngủ muôn đời
Xin dang tay đón người
Đặt người trong ánh sáng
Nguồn sáng của Bầu Trời...

(phỏng theo Esdras)

11 tháng 9 năm 2002

Cứ mỗi năm đến tháng 9, nhớ ngày giỗ Cụ Trần văn Ân, lần giở những trang ký sự cũ:

Một Cuộc Đời, một thế kỷ

Vài nét về đấu sĩ Trần Văn Ân

NGUYỄN VĂN TRẤN

Viết về đấu sĩ Trần Văn Ân, tạ thế tháng 9 năm 2002, hưởng thọ bách tuế, không phải là điều khó khăn, khi người viết có dịp gần gũi cụ suốt thời gian dài trước đây. Hơn nữa, ngày nay, hãy còn nhiều người sống ở Việt Nam, hải ngoại, quen biết cụ hoặc đã từng là bạn bè vong niên hay cộng sự viên của cụ trước kia ở Sài Gòn. Chỉ làm một cuộc điều tra nhỏ về Cụ cũng đủ thông tin cho một bài viết năm bảy trang giấy. Nếu muốn chu đáo hơn, thì cuộc đời cụ hãy còn cất giữ nguyên vẹn trong các văn khố, nhứt là các văn khố hải ngoại của Pháp. Nhưng cái khó ở người viết là chọn điểm nào của một con người là nhơn chứng mà cũng là tác nhơn lịch sử của thế kỷ qua. Lịch sử một thế kỷ vốn đã vừa quá phong phú vừa quá phức tạp. Mà lịch sử Việt Nam lại còn phức tạp hơn bởi Việt Nam vừa là chánh trường vừa là chiến trường, nơi diễn ra những xung đột trên bình diện chiến lược và tư tưởng của thế giới.

Ngày nay, đấu sĩ Trần Văn Ân không còn nữa. Viết về một nhơn vật lịch sử phải cần sử dụng tài liệu. Về mặt này, người viết lại phải gặp khó khăn có tính cách kỹ thuật: thiếu tài liệu hay quá nhiều tài liệu. Trong trường hợp của chúng tôi, phải đối phó với cái khó thứ hai, bởi trong tay chúng tôi hiện có cả ngàn trang tài liệu về cụ Ân. Đó là những bức thư, những trang hồi ký, những bài báo cũ do chính Cụ gởi cho chúng tôi. Mỗi lần tìm một tài liệu trong tủ sách riêng của chúng tôi, bất chợt bắt gặp một bức thư của cụ, khi viết tay, khi đánh máy, kẹp trong quyển sách rồi quên đi, mở ra đọc lại. Nhớ đến Cụ, chúng tôi vội mở một tập tài liệu về Cụ và đọc. Thế là một buổi trôi qua, việc phải làm vì đó mà chậm lại.

Nay phải viết về cụ Trần Văn Ân, chúng tôi đã sẵn sàng để viết từ nhiều tuần lễ qua, nhưng vì mãi lạc vào những bức thư cũ với những lời lẽ đầy ấp tình thương của Cụ, những trang «cảo thơm,» và say mê đọc mà không làm chủ được thời gian.

Mà tại sao phải làm chủ thời gian chứ? Thời gian vốn «vô thỉ vô chung» kia mà? Điều làm cho chúng tôi lúng túng là «viết về khía cạnh nào của đấu sĩ Trần Văn Ân?»

Có lẽ phải viết hai trăm trang, bốn trăm trang, tức một hay nhiều quyển sách về đấu sĩ Trần Văn Ân thì mới thỏa mãn nhu cầu viết về con người ấy. Một con người đã sống thật với chính mình, với người, với thời cuộc đất nước trong suốt thế kỷ hai mươi.

Ngày nay, những năm dài trôi qua sau ngày

Cụ ra người thiên cổ, chúng tôi vẫn chưa thực hiện được điều mong ước ấy. Thôi thì tạm ghi lại vài nét «đan thanh» về con người «nghịch lý» ấy.

Những ngày thơ ấu bên rạch Trà Cui

Cụ Trần Văn Ân sanh vào cuối năm Nhâm Dần, bước vào đầu năm 1903. Qua năm sau, miền tây bị một trận lụt khá lớn, nước dâng cao ngập nhà cửa ở Thốt Nốt, Long Xuyên. Cậu bé được mười tháng, nhưng vì sanh thiếu tháng và không đủ sữa bú nên người gầy nhom, nằm trên một chiếc sạp tre, thấp hơn giường mẹ, bị nước đưa đi. May có bà ngoại, đêm cầm đèn dầu đến bên giường con gái và cháu ngoại thăm coi có ngủ được không, trông thấy một vật gì nỗi trôi lều bều trên mặt nước. Bà đưa đèn rọi để nhìn thì ra đó là cháu ngoại của bà. Nhờ bọc trong tả bằng nhiều lớp quần áo cũ và thân mình nhẹ nhõm nên chưa chìm. Bà vội vớt lên. Cám ơn Trời Phật, bà bèn đặt tên cháu ngoại là Ân.

Đến bốn tuổi, cậu bé Ân được bà nội đem về nuôi. Cậu bé từ đây sống bên rạch Trà Cui, cách chợ Thốt Nốt trên hai cây số. Bà nội giữ cháu bên mình. Đến khi bà qua đời, cậu bé Ân mới được đi học. Đó là thằng nhỏ ăn chay đi học. Ăn chay vì sống theo bà nội, bà ăn chay trường và tu theo phái Minh Sư.

Thằng nhỏ ăn chay ấy được cả xóm Rạch Trà Cui thương yêu. Nó đi học ở Trường Quận Thốt Nốt cách nhà độ hai cây số. Dĩ nhiên cậu bé đi bộ chân đất. Áo quần cũng chẳng mấy khi được lành lặn vì mẹ đã vào nương tựa cửa chùa. Mỗi sáng đi học, thỉnh thoảng mới được miếng xôi, củ khoai luộc, còn thì bụng đói lép xẹp đến trường. Ăn trưa, cậu bé dỡ theo cơm với tương hột hoặc muối ớt.

Đến sáu bảy tuổi cậu bé Trần Văn Ân được Bác Hai đưa đến chùa Quảng Đức Tế, phái Minh Sư, qui y dưới pháp danh Quang Huy. Cụ Ân sau này thường nhắc tới Bác Hai vì bác Hai có công trong việc lo cho ăn học ở trường bổn quốc. Tiền đóng cho nhà trường suốt chín năm là mồ hôi, nước mắt của Bác Hai dành dụm khi bán trái cây của vườn nhà, khi đi làm thuê làm mướn trong xóm, trong làng. Thậm chí, về sau cụ đã cưới vợ mà khi túng tiền vẫn còn xin tiền Bác Hai.

Rời Rạch Trà Cui, lên đường vào trường Bổn quốc

Từ Trà Cui phải qua Vàm Cống, cách Thốt Nốt lối tám cây số, đi bằng ghe tam bản để lên tàu khói từ Rạch Giá ra Long xuyên, rồi đến Vàm Cống, đi theo con kinh Lấp Võ Sa Đéc dài độ 40 cây số. Phải đi lòng vòng như vậy vì Long Xuyên không có xe đò. Thuở ấy, muốn đi lên Sài gòn, ở Rạch Giá, Long Xuyên phải đi tàu, ghe đến Mỹ Tho, ngang qua Sa Đéc, Vĩnh Long, Cái Bè.

Tới Mỹ Tho, phải lo đi lấy phòng ngủ. Mà phòng ngủ thì dơ bẩn kinh hồn: giường chiếu rách, hôi tanh, đầy rệp, tường loang lở đầy máu rệp. Sáng dậy sớm lên xe lửa đi Sài Gòn vì xe chạy từ Mỹ Tho vào lối năm giờ sáng.

Đến Sài Gòn, ở nhà ông Tô Ngọc Chánh, ở đường Boresses, quận Nhì. Ông Chánh làm thơ ký cho văn phòng Luật sư Duval, làm đơn xin cho cậu bé Trần Văn Ân, năm ấy là 11 tuổi, vào trường bổn quốc, tức là trường Chasseloup Laubat, nằm trên đường Chasseloup Laubat (Hồng Thập Tự) và đường Testard (Trần Quí Cáp).

Đơn xin được chấp thuận. Thật là một bất ngờ. Cậu bé mới ngày trước đây còn ăn chay, xách cơm trưa, đi học trường làng ở Thốt Nốt, nay vào học trường tây, với con tây, sống theo tây, mà không biết một tiếng tây.

Năm ấy, cụ Trần Văn Ân lên 11 tuổi, nếu tính theo tuổi ta, cụ được 13 tuổi vì sanh vào cuối năm Dần.

Gia đình không ai biết tiếng tây, biết qua nếp sống của giới tây học ở Sài Gòn. Thế mà, ông cụ thân sinh dám cả quyết tìm mọi cách để xin cho kỳ được con mình vào học trường bổn quốc, tức trường tây. Bởi cụ nghĩ được học trường tây, chắc chắn con mình có ngày sẽ nên danh phận, thoát khỏi cảnh đời sống ruộng rẫy như ông cha. Cụ có bao giờ nghĩ tới trường hợp nghịch lý là vì học trường tây mà con của cụ nuôi dưỡng cái ý chí muốn phải làm cái gì khác hơn là làm việc cho tây.

Cái ý chí muốn làm cái gì khác hơn «tối rượu sâm-banh sáng sữa bò» ấy, vào năm 1941, đã đưa người con trai của cụ vào tù Bà-Rá, suýt bị đứt đầu, hoặc chung thân ở Côn đảo.

Năm đầu thế chiến I, cậu bé Trần văn Ân, 11 tuổi, nhập học lớp vỡ lòng, chung với trẻ con khác vào lứa bảy, tám tuổi, thay vì phải theo học lớp chuẩn bị thi bằng Tiểu học sơ đẳng yếu lược. Nhưng cậu bé Trần Văn Ân được chấp nhận vào học, và học ở «khu Âu Châu» (quartier européen, trường Chasseloup-laubat lúc bấy giờ chia ra làm hai khu vực: khu Âu châu và khu bổn xứ = quartier indigène) vì năm ấy là năm

đầu tiên trường mở cửa đón nhận dân bổn xứ vào học chương trình mà trước giờ chỉ dành riêng cho dân tây hoặc con nhà giàu theo tây học, con điền chủ...

Cậu bé Trần Văn Ân không học được môn nào hết cả vì không hiểu tiếng Pháp. Bữa ăn vào năm giờ chiều (gọi là gouter), cậu bé chỉ biết có bánh mì chấm muối tiêu ròng rã hơn sáu tháng như vậy vì không biết ăn bơ, sữa. Còn chocolat, thì cậu bé bỏ đi, sau đó đưa cho bạn, vì nói đó là đất sét mà ăn nỗi gì? Tây, nó ăn đất sét được, chớ ăn-nam mình không ăn được!

Học đã không vô. Còn chơi thì suốt thời gian dài ấy, cậu bé chỉ biết ôm cột xi-măng cốt sắt của trường làm bạn bởi sợ không dám ra sân chơi. Nếu không bị tây đánh, cú đầu, đá đít, thì cũng bị xô té. Chúng nó không cho nhập bọn. Mà có nhập bọn, cũng không nói chuyện được thì làm sao chơi với nhau được?

Tối đến, lên phòng ngủ, cậu bé Trần Văn Ân chỉ biết ôm chặt gối và khóc ướt gối.

Cậu chỉ muốn trở về rạch Trà Cui, đi dọc theo bờ rạch đến trường, cách nhà hai cây số, để tiếp tục học trở lại, với giỏ cơm, muối ớt, hũ tương. Cậu bé muốn trở lại làm «thằng nhỏ ăn chay,» đầu trọc, đi học trường Thốt-Nốt. Như vậy mà được bà con, lối xóm thương yêu. Nhưng

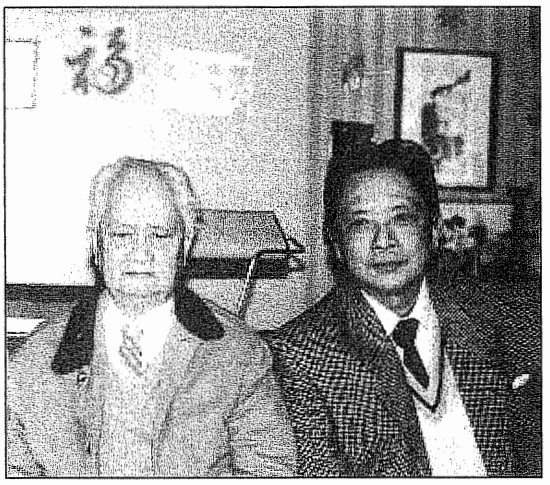

Cụ Trần Văn Ân (trái) và nhà báo Nguyễn Ang Ca 1989

cậu bé không dám lấy quyết định bỏ trường trốn về. Một phần vì sợ cha rầy, một phần vì trong túi không tiền và không biết rành đường xá ở Sài Gòn, lại cũng bị choáng ngộp trong cảnh náo nhiệt của thành phố nữa. Nên đành cắn răng tiếp tục cuộc sống «địa ngục bổn quốc.»

Mấy năm sau, khi lên được lớp 6 (tức sixième chương trình trung học Pháp), cậu bé Trần Văn Ân bắt đầu phát lên, được xếp hạng trong năm học sinh giỏi trong lớp. Rồi cứ như vậy, cậu bé tiến lên để năm nào cũng dẫn đầu đủ các môn, chỉ trừ môn vẽ không đứng hạng nhất mà thôi.

Cùng với sự tiến bộ về học vấn trong lớp, cậu bé Ân cũng tiến lên chiếm một địa vị «đàn anh» trong bạn bè cùng trường: sau một vụ nhận lời thách đánh lộn tay đôi với một cậu tây con, cậu bé Trần Văn Ân đánh thắng. Cả trường đều biết. Từ đây, tây con, chà-và, an-nam con, đều nể vì, ân cần mời trò Ân nhập bọn làm bạn. Cậu tây con đánh lộn thua, về sau, cũng trở thành bạn thân với Trần Văn Ân.

Từ nay, những buổi tối, cậu bé Trần Văn Ân không còn ôm gối khóc thầm trong phòng ngủ nữa. Và ngôi trường bổn quốc, với giờ học, giờ chơi, không còn là cảnh địa ngục trần gian của cậu nữa!

Đến năm 1923, sau khi đậu bằng trung học đệ I cấp (tức Brevet Elémentaire), cụ được nhận vào lớp seconde (= đệ tam hay lớp 10 của chương trình Việt Nam sau này) để chuẩn bị thi Tú tài lô-can (Baccalauréat local). Và cũng năm này, gia đình gặp khó khăn tài chánh, cụ không có tiền đóng các khoản lệ phí cho nhà trường. Nhờ được các vị giáo sư thương, nhất là ông Tullié (ở Toulouse sau này, năm 1979, cụ Ân có đi thăm, thầy trò gặp nhau lần chót), làm đơn can thiệp lên Thống đốc Nam kỳ Cognac.

Nhưng học chưa hết niên khóa, cụ Ân lấy làm bất mãn cách đối xử của nhà cầm quyền Pháp giữa con em Việt Nam và con em gia đình tây hoặc theo tây học, nhà giàu, điền chủ mà kẻ được theo học chương trình pháp, thi lấy bằng pháp, có giá trị hơn khi đi làm việc cho Tây, còn kẻ bị bắt buộc phải học theo chương trình bổn quốc thuộc địa, mặc dù học giỏi hơn tây con.

Sự bất mãn của cụ không phải căn cứ trên việc không được chọn lựa chương trình học theo sở thích của mình, mà phát xuất từ một chánh sách kỳ thị, bất công của Pháp thực dân đối với dân bản xứ.

Trong đầu của cụ lại dằn vặt cái ý nghĩ «phải học cái gì khác hơn là học làm quan cho tây»! Thế là cụ Ân quyết định bỏ học. Việc bỏ học giữa chương trình đã làm cho nhiều vị giáo sư đã vận động can thiệp với Thống đốc Nam kỳ cho Cụ lấy làm bất mãn vô cùng.

Nhờ căn bản thu lượm được ở collège Chasseloup-laubat mà qua năm 1926, cụ Ân qua

Pháp, ở Marseille, xin theo học lớp dự bị để thi vào trường kỹ sư công nghệ (Arts et Métiers) và Cụ theo học dễ dàng như các sinh viên khác.

Rồi ở Aix-en-Provence, Marseille, Cụ làm báo sinh viên. Năm 1927, Cụ tổ chức Đại Hội I toàn quốc (Pháp) sinh viên Đông dương (1er Congrès National des Etudiants Indochinois en France) đòi hỏi Pháp trao trả độc lập lại cho Đông Dương. Và cũng từ năm 1927, cụ Trần Văn Ân bắt đầu «nhập cuộc,» bỏ dở sự học và con đường lập thân theo hướng bình thường của nhiều người Việt Nam lúc bấy giờ. Cũng chính cái quyết định «nhập cuộc» này, về sau đưa Trần Văn Ân vào tù ra khám, lãnh án tử hình và sau cùng, sống đời lưu vong cho đến ngày cuối cùng.

Trần Văn Ân nhập cuộc

Tháng 10 năm 1928, cụ Trần Văn Ân trở về nước. Đầu năm 1929, cụ tổ chức báo Đuốc Nhà Nam, xuất bản hai ngày một lần, do LS Dương Văn Giáo làm chủ nhiệm, ông Hồ Văn Ngươn làm chủ bút và cụ làm Tổng thư ký, cụ Võ Oanh phụ tá, đặc trách phần Hán văn.

Tháng 3 năm 1929, cụ đi Nam Kinh dự Đại Hội Quốc Dân Đảng với tư cách «Việt Nam dự thính» và ở lại bên Tàu đến cuối năm về xứ.

Sau thời gian lập gia đình và sống với gia đình ở Rạch giá, cụ gặp lại bạn cũ, các cụ Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, cùng nhau vận động Đông Dương Đại Hội. Mọi người đều đồng ý với cụ là thế chiến khó tránh khỏi. Một khi chiến tranh bùng nổ thì Việt Nam sẽ có cơ may đứng lên giành độc lập.

Nhưng, nếu muốn giành độc lập, thì người tranh đấu phải có tổ chức.

Mọi người lấy quyết định là phải thành lập một đảng cách mạng để thừa cơ hội khi thời cuộc xảy ra mà giành độc lập cho đất nước. Trước tình thế quan trọng như vậy, cụ đành chấp hành ý kiến chung của anh em mà từ giã vợ và năm con thơ, khăn gói lên Sài Gòn dấn thân tranh đấu.

Qua năm 1941, đảng Cách mạng bị đảng viên Cộng sản nằm vùng tố giác với thực dân làm cho các cụ Võ Oanh, Phan Khắc Sửu, Ngô Đình Đẩu, Trần Quốc Bửu, Huỳnh Ngô..., đều bị Tây bắt, đưa đi Côn đảo, Bà-Rá...

Năm sau, cụ Ân liên lạc với phái bộ Nhựt. Cụ đưa ra nhận định rằng Nhựt khó thắng Đồng Minh nên tốt hơn hết, Nhựt nên nghĩ đến một giải pháp hòa bình cho Đông Nam Á ngay bây giờ. Nhựt đón nhận một cách quan tâm những ý kiến của cụ Ân nên tháng 10 năm 1943, Nhựt đưa cụ qua Chiêu Nam (Singapore) tạm lánh nạn, để tránh sự theo dõi của Pháp với âm mưu hãm hại cụ Ân bởi cụ hoạt động hăng hái và mạnh, dưới danh nghĩa người của nhà binh Nhựt.

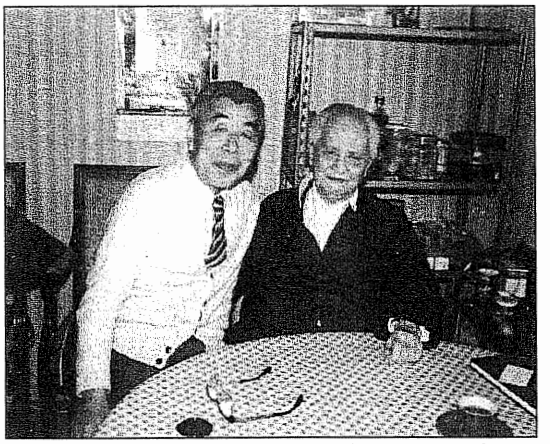

Người bạn Nhật Bản Micheo Kuga đến thăm cụ Trần Văn Ân tại Pháp, 1985

Đầu năm 1945, vào ngày Tết ta, Nhựt đưa cụ Ân đi qua Djakarta, xa Sài Gòn hơn, nói để cho cụ ăn Tết vui vẻ. Ngày 9 tháng 3, Nhựt đảo chánh Tây tại Sài Gòn, với sự hợp tác của ông Trần Quang Vinh, Cao Đài Tây Ninh, tránh được không đổ máu.

Nhựt đưa cụ Ân qua Djatarta, thật sự, là muốn tránh trường hợp có thể xảy ra là cụ Ân lợi dụng biến cố đảo chánh của Nhựt mà tuyên bố «Việt nam độc lập và thống nhứt» làm xáo trộn chủ trương của Nhựt.

Đến tháng 5, cụ Ân mới về được Sài gòn. Tình hình chánh trị trong những ngày đầu sau Nhựt đảo chánh thật là sôi nổi. Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ bèn kêu gọi các anh em cũ của cụ Ân thành lập Mặt Trận Liên Hiệp gồm có Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Đệ Tứ, Trí thức, Thanh Niên Tiền Phong... họp nhau tại đường Miche, sau này là đường Phùng Khắc Khoan.

Nhựt thành lập Hội Đồng Nam Kỳ. Cụ Ân làm chủ tịch, Hồ Văn Ngà làm đối lập, Kha Vạng Cân làm phó, với sự tham gia của Bs Nguyễn Xuân Bái, Bs Trần Như Lân, Bác vật Lưu Văn Lang...

Với tư cách chủ tịch Hội Đồng Nam Kỳ, cụ Trần Văn Ân lấy chánh quyền nơi Nhựt, bổ nhiệm Hồ Văn Ngà làm Phó khâm sai Nam Bộ vì Nguyễn Văn Sâm, ra Huế lãnh chức Khâm sai ở triều đình chưa về, bổ nhiệm Kha Vạng Cân làm Đô Trưởng Sài Gòn -Chợlớn, Huỳnh Văn Phương làm Công an, với Lâm Ngọc Đường

Hàng đầu, cụ Trần Văn Ân với GS Nguyễn Ngọc Huy, 1990 tại Pháp.

làm Phó Công an.

Vào cuối năm 1945, cụ Ân và Dương Văn Giáo đưa Phạm Văn Bạch làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ, với sự tham dự của Đức Thầy Huỳnh phú Sổ.

Các cụ Trần Văn Ân, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Kha Vạng Cân phong tỏa SàiGòn ChợLớn. Hồ Văn Ngà bị Trần Văn Giàu cho người bắt. Hai cụ Trần Văn Ân và Nguyễn Văn Sâm phải lánh mặt nên Ủy Ban Phong Tỏa SàiGòn ChợLớn bị tan rã.

Trong thời gian làm Ủy Ban Phong Tỏa Sàigòn Chợlớn, cụ Ân trốn thoát Tây và Việt Minh, nhờ ở nhà bà vợ Tàu, bà Thái Mỹ Thanh, làm chú chệt tại Xóm Củi. Bà Thái Mỹ Thanh giúp Cụ trốn lên Nam Vang, rồi qua BangKok. Đến sau Hiệp ước sơ bộ 6-3-1946, cụ mới trốn về Sài Gòn.

Qua năm sau, nhờ sự yểm trợ thế lực và tài chánh của Đức Thầy Huỳnh phú Sổ, Phật Giáo Hòa Hảo, cụ Ân xuất bản nhựt báo Quần Chúng, làm chấn động dư luận, cả Pháp lẫn Việt Minh, qua những lời kêu gọi hô hào chống chế độ Nam Kỳ tự trị. Cụ đề nghị không nên đem Bảy Viển và quân đội Bình Xuyên về thành đặt dưới ảnh hưởng của Pháp, mà nên để Bảy Viển và Bình Xuyên giữ một «vùng tự trị» làm khu trái độn để đón nhận những người tham gia Việt Minh kháng chiến giành độc lập Việt Nam mà không Cộng sản, qui tụ về đó, không bị mang tiếng về thành làm Việt gian. Nhưng ý muốn nào không phù hợp với quyền lợi và tham vọng của thực dân Pháp đều không thể tồn tại.

Năm sau, cụ Ân bị tướng De la Tour, Ủy viên Cộng Hòa Pháp, cho biết nếu cụ còn ở Sài Gòn và chống Pháp, sẽ không bảo đảm an ninh cho cụ nên cụ phải chấp nhận đi qua Pháp để tránh phải trốn vào bưng với Việt Minh.

Đầu năm 1949, cụ được phép về Sài gòn, tham gia tổ chức biểu tình đón tiếp cựu hoàng Bảo Đại trước Dinh Đốc Lý, tức Tòa Đô chánh sau này.

Cụ tổ chức tiệc Bình Dân tại Dinh Đốc Lý để Quốc Trưởng Bảo Đại có dịp gặp gỡ, ngồi cùng bàn với những người kháng chiến không chịu theo Việt Minh để không trở thành Cộng sản, trong đó có tướng Lê Văn Viễn.

Phòng thông tin Huê kỳ (USIS) giúp cụ xuất bản báo Đọc Thấy Vòng Quanh Thế Giới với nhiều hình ảnh rất đẹp. Nhưng báo bán không chạy về sau đổi ra tuần báo Đời Mới lại bán chạy và sống tới năm 1955 mới bị Thanh Niên Quyết Tử của Ngô Đình Diệm đập phá nhà in và đốt sạch sách vở, tài liệu.

Năm 1951, Cụ được đề cử làm Phó Đoàn Hội Nghị ECAFE, Hội Nghị Kinh Tế Đông Nam Á tại Singapore, trưởng đoàn là cụ Nguyễn Phan Long. Cụ ở lại Singapore thay thế cụ Nguyễn Phan Long về nước. Đây là lần đầu tiên, Việt Nam tham dự một Hội Nghị Quốc tế.

Năm sau, khi Trần Văn Hữu làm Thủ tướng, có đề cử cụ Ân đi công cán Đông Âu nhưng Cụ từ chối vì được Huê Kỳ cho biết riêng đó là kế của Tây muốn đuổi Cụ đi khỏi Việt Nam.

Đầu năm 1955, Cụ yết kiến Quốc Trưởng Bảo Đại tại Pháp để nghe chỉ dụ của Quốc Trưởng Bảo Đại về việc nhân sĩ Việt Nam cần hợp tác với ông Ngô Đình Diệm.

Các cụ Nguyễn Được, Nguyễn Văn Thoại yêu cầu nên giúp ông Diệm trong sứ mạng Thủ tướng. Mọi người đều đồng ý phải hợp tác với ông Ngô Đình Diệm, và chờ đợi ông Ngô Đình Diệm công bố chương trình chính phủ của ông. Nhưng ông Ngô Đình Diệm giữ im lặng nên dự tính tốt đều không thành.

Khi Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia gồm Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Bình Xuyên, Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Công Giáo (Hoàng Quỳnh ở Bình Đông) ra đời dưới sự lãnh đạo của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc, đòi hỏi ông Diệm phải công bố chương trình chính phủ và thành lập một chính phủ đoàn kết Quốc gia thật sự như chính ông đã từng tuyên bố, nhưng ông Diệm vẫn né tránh. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chủ tịch Mặt trận, cư ngụ tại Thánh thất Cao Đài, tọa lạc tại Đại lộ Trần Hưng Đạo, Chợ Quán, bên cạnh tòa báo Đời Mới của cụ Ân, mời cụ Ân làm cố vấn

Mặt trận. Vì Bình Xuyên ở bên kia cầu chữ Y, nên Mặt Trận TNTL/QG mới hội hợp tại Tổng hành dinh của Bình Xuyên để được bảo vệ an ninh. Do đó mà về sau, báo chí, dưới sự chỉ huy của nhà cầm quyền Ngô Đình Diệm, không nhắc tới Mặt trận TNTL/QG nữa, mà chỉ lên án đó là phản loạn Bình Xuyên. Và mọi người là «Bình Xuyên» khi họ phải theo Bình Xuyên rút về Rừng Sát dưới áp lực truy kích của quân đội nhà Ngô.

Nơi đây, cụ Trần Văn Ân và cụ Nguyễn Hữu Thuần, nhận lãnh nhiệm vụ ra về để gặp đại diện chánh quyền Sài gòn thương thuyết về số phận của những binh sĩ của Mặt trận nếu muốn ra về . Khi hai cụ về tới tỉnh Biên Hoà, vào gõ

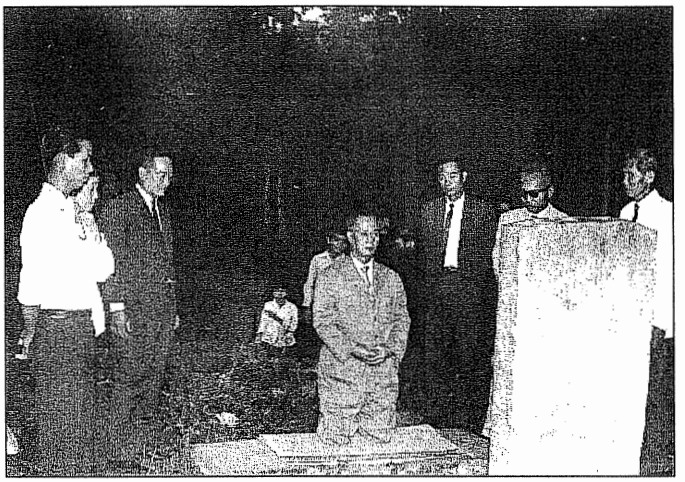

Cụ Trần Văn Ân về quê bái mộ.

cửa Tỉnh Trưởng là Đại tá Nguyễn Linh Chiêu (hiện còn sống ở California Huê Kỳ), để xin «bữa ăn sáng cho ngon lành.» Tỉnh Trưởng Nguyễn Linh Chiêu dọn «ăn sáng ngon lành» mời hai Cụ. Xong, ông Chiêu đưa hai Cụ lên chiến hạm gặp Đại Tá Dương văn Minh và Trung Tá Nguyễn Khánh, Tư lệnh và Tư lệnh phó chiến dịch tấn công Rừng Sát, để thương thuyết và hai Cụ đã cùng ký giấy cam kết với Đại Tá Dương văn Minh về việc ra về cho binh sĩ đang ở Rừng Sát.

Sau đó, hai Cụ được đưa đến một đồn lính, và cho về nhà vài hôm đến khi bị bắt lại. Khi ra tòa, sự thật được thuật lại, nhưng bị Tòa chấp hành lệnh của ông Diệm, bác bỏ, cả bản văn kiện đã ký tên trên chiến hạm cũng bị bác bỏ. Nhiều binh lính Bình Xuyên đưa ra những tờ truyền đơn kêu gọi ra về của chánh phủ Ngô Đình Diệm, đều bị Tòa bỏ vào giỏ rác. Tất cả đều bị xử phạt theo một bản án đã được ông Diệm định sẵn!

Thế là cụ Trần Văn Ân, bị báo chí mỉa mai «cố vấn giờ thứ 25 của Bình Xuyên,» lãnh án tử hình. Nhưng Cụ không bị hành quyết vì ông Diệm chặt đầu Ba Cụt đã bị ảnh hưởng trong dư luận vô cùng thất nhơn tâm. Cụ Ân bị đưa đi biệt giam ở Côn Đảo. Trên đường đi, Cụ bị xiềng hai chân bằng xiềng sắt, nhốt dưới hầm tàu, chung với heo được tàu chở ra Côn Đảo làm lương thực.

Chánh phủ «Cộng Hòa Nhân Vị» Ngô Đình Diệm là thế đó!

Chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, cụ Ân được đưa về khám Chí Hòa, đến đầu năm 1964, nhằm ngày sanh nhật, tức ngày đưa ông Táo về Trời, được thả về nhà.

Năm 1965, Cụ tham chánh với chức vụ Tổng Trưởng Chiêu Hồi, đưa ra chủ thuyết «Gia đình tình thương» để kêu gọi và đón tiếp những cán binh bên kia chiến tuyến trở về thật sự trong tình dân tộc nghĩa đồng bào.

Rời chức vụ Tổng Trưởng, cụ Ân lãnh làm Chủ tịch Ủy ban soạn thảo sắc luật bầu cử Quốc Hội Lập Hiến để sớm chấm dứt tình trạng bất ổn do thiếu một thể chế dân cử.

Chờ đợi tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, cụ tham gia Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia cho tới khi tướng Nguyễn Văn Thiệu đắc cử Tổng Thống nhiệm kỳ 1967.

Sau những chuyến đi diễn thuyết và giải độc dư luận Quốc Tế về chiến tranh Việt Nam đến tháng 10 năm 1969, Cụ nhận lời làm Phụ tá đặc biệt về chính trị văn hóa cho ông Thiệu. Năm 1973, Cụ được bổ nhiệm Cố Vấn Phái Đoàn VNCH về Hiệp Định Paris tại La Celle Saint-Cloud.

30 tháng 04 năm 1975, Sài Gòn mất. Với tư cách cố vấn phái đoàn và niên trưởng còn ở Paris, trong lúc Trưởng Phái đoàn về Sài Gòn, Cụ giao tài sản của Phái đoàn cho Bộ Ngoại Giao Pháp và từ đó sống đời lưu vong, một thân một mình, tại vùng Bretagnes, suốt gần 10 năm gia đình mới đoàn tụ.

Đấu sĩ Trần văn Ân

Cụ Trần Văn Ân lấy quyết định thôi học trường Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn và lớp dự bị luyện thi vào trường kỹ sư Công nghệ ở

Marseille là để «nhập cuộc» tranh đấu giành độc lập dân tộc. Cụ muốn dấn thân vào con đường khác hơn con đường học, ra trường, để làm «quan cho tây.» Ngay từ thuở vừa bỏ học, cụ đã hoài bão phải đi đây đi đó để học hỏi những điều mới lạ, bổ ích, mặc dù trong túi không tiền. Cụ đã đi Tàu, học tiếng Tàu, tiếng Anh. Rồi bằng cách nhận lãnh dẫn hai đứa con nhà giàu đi Tây học, cụ tới Pháp. Đến khi tổ chức Đại Hội Sinh Viên Đông Dương và biểu tình, chẳng may trong nhóm anh em của Cụ, có một người vì hăng say quá khích, lỡ tay đánh lỗ đầu một vị Đốc phủ sứ và Cụ bị Tây đuổi về xứ. Trong túi không tiền, anh em phải hùn tiền mua vé tàu cho Cụ về Sài Gòn. Và từ đây, Trần Văn Ân thật sự sống cuộc đời của một con người tranh đấu không ngừng nghỉ cho Việt nam có được một thể chế dân chủ tự do. Tức cuộc đời của một «đấu sĩ,» tiếng của cụ Ân thường dùng.

Để hiểu qua con người «đấu sĩ Trần văn Ân,» chúng tôi xin mượn bức thư của Tu sĩ Thích Trí Thông, tục danh Nguyễn Văn Tài, viết cho Cụ, đề ngày 20 tháng 1 năm 1971, nhân lễ thượng thọ của Cụ (Tới sau này, Cụ vẫn chưa quen biết tác giả bức thư):

«Tuy là một kẻ hậu sinh, nhưng có nhiều suy tư tìm hiểu, nhứt là bước đi của lịch sử từ sau khi Tổ Quốc ta rơi vào vòng nô lệ, rồi giải phóng, cả đến ngày nay, nên tâm hồn cháu thường trực bị kích động bởi những phong trào cách mạng khởi nghĩa. Nhứt là hành động cách mạng của các chí sĩ, chiến sĩ đầy hào hùng gian khổ, vì đời như hơi thở phóng đãng của trùng dương. Trong tầm cuốn hút hiên ngang đó, cháu đã ái mộ rất nhiều chiến sĩ. Nhưng đối với cháu, Bác mới chính là một chiến sĩ đã đi suốt trọn vẹn con đường cách mạng nhờ năng lực chịu đựng bền bĩ và một tầm vóc tâm hồn phóng khoáng đầy uy lực kiên cường.

Bao gian khổ ngất trời mà Bác đã chịu đựng từ 36 năm qua, từ 1927 đến năm 1963, đã trở nên một lực lượng vững mạnh đầy vút lịch sử tranh đấu cách mạng của đời bác đến mức vinh quang, tuy khiêm tốn so với lịch sử nghìn năm của tổ quốc, nhưng vô cùng chói sáng và có giá trị lớn đối với giai đoạn lịch sử đầy rẫy khó khăn đen tối của đất nước trong thế kỷ 20 này.

Bác đã trở nên chủ lưu của lịch sử hiện tại. Bác được nội dung của thời đại mình sống. Cuộc tranh đấu tách rời Việt Nam ra khỏi Liên Hiệp Pháp của Bác là một thành tích mà những ai có lòng với lịch sử, có cái nhìn to lớn với con mắt lịch sử, đều nhìn thấy và cảm phục sâu xa.

Ánh trăng hạnh ngộ.»

Thích trí Thông (Nguyễn Văn Tài)

Ân tình cũ

Năm 1979, cụ Ân quyết định đi thăm hai ân sư, cũng là hai ông lão đã trên 80 tuổi: tướng Nguyễn Văn Xuân (nguyên Thủ tướng Chánh Phủ Lâm thời Nam phần Việt Nam mà Cụ hợp tác với tư cách Bộ trưởng) được Cụ tôn kính như ân sư và một vị nữa là thầy học ở trường Chasseloup-Laubat và là người can thiệp cho Cụ được học bổng để tiếp tục học xong trung học. Tướng Nguyễn Văn Xuân ở Nice, Giáo sư Tullié ở Pamiers cách Toulouse lối 60 km.

Đi thăm tướng Nguyễn văn Xuân ở Nice, Cụ nhờ ông Phạm Hòe, nguyên chủ hãng máy bay COSARA ở Sài Gòn vào những năm 50, đưa đi.

Tới nhà tướng Nguyễn Văn Xuân, trông thấy một ông già nằm trên ghế dài, mặt mày vui tươi, hai ông, cụ Trần Văn Ân và Phạm Hoè, chắp tay như hai tên nhà quê, để thưa với Trung Tướng, ông vẫn nằm:

- Con kính hôn thầy và cha đây.

Ông Xuân cả mừng - Chắc rất ít người đến thăm ông như cách thăm của hai Cụ hôm nay đầy ấp ân tình của người Việt Nam vốn trọng tình nghĩa thầy trò.

Trò chuyện với nhau rồi cũng phải chia tay:

- Permettez que je vous embrasse respectueusement et affectueusement en vous quittant (xin ân sư cho phép con hôn ân sư với lòng tôn kính và thương yêu để từ giã ân sư).

Từ Marseille, cụ Ân lấy xe lửa đi Toulouse để thăm thầy cũ, giáo sư Tullié, người mà từ năm 1922 đến 1979, Cụ chưa có dịp gặp lại:

- Với tuổi 90, ông ra ga rước tôi, và ông nhìn ra tôi ngay. Khi tôi tiến lại gần, ông ôm lấy tôi, rồi cả hai khóc ròng, giây lát mới nói ra lời.

Ôi! Tình thương! Không hình, không bóng, mà nặng thay!

Tôi cũng là một ông già 78 tuổi rồi mà lòng nặng tình thay!

Chúng tôi về nhà ở gần đó. Bà Tullié, bà vợ thứ nhì, cũng ngoài 80 rồi — Bà trước ở Sài Gòn, đã quá cố — đi làm cơm cho chúng tôi ăn.

Lời của ông Tullié nói đầu tiên là: «Tao không quên dáng điệu của mày. Tao còn nhớ rõ. Nhớ cả những bài vở mày làm. Mày có cái profil đặc biệt.»

Cụ Ân ở chơi với thầy cũ hai hôm để lần lượt thưa qua với thầy những biến cố đã xảy ra ở Việt Nam và đã làm thay đổi Việt Nam. Cụ thưa:

- Tôi không tới thăm Thầy trước Điện Biên Phủ, vì sợ Thầy không hiểu tôi. Nghe Thầy còn mạnh, tôi quyết định tới thăm Thầy.

Tôi đã từng thưa qua với người Pháp là phải hi sanh quyền lợi nhứt thời để được sự hòa hài, thân mến lâu dài giữa Việt và Pháp, và giữ được quyền lợi văn hóa và kinh tế ở Việt Nam.

Giáo sư Tullié cho rằng cụ Ân có lý.

Cụ về để lại một tình thương Thầy trò mà Thầy thường nhắc tới với vợ và con.

Không lâu sau đó, Bà ra đi. Ông một mình sống ở căn nhà ấy giữa những kỷ niệm của Ông, với sách vở của Ông.

Cụ Trần Văn Ân hội kiến với Đức Bà và Đại diện Phật Giáo Hòa Hảo.

Ông đã 98 tuổi, 98 mùa đông lạnh lẽo! 98 lần thời gian đến trong những lá thu vàng và tuyết xuống!

Rồi Ông ra đi. Thân phận con người, nghĩ lại, chạnh giật mình vì thấy nhân sinh tự cổ vẫn không bằng cây trúc đứng giữa trời nhìn tuyết rơi:

Trăm hoa, ngàn thảo tiêu tàn hết
Một trúc giữa trời ngắm tuyết rơi
(Lý Bạch)

Trần văn Ân, Phục Việt và Dân chủ

Năm 80 tuổi, cụ Ân vẫn thường xuyên đi thăm bạn, viết thư cho bạn để nhắc lại những chuyện đã nói qua điện thoại, đặt vấn đề suy nghĩ, thảo luận thêm, mỗi khi có một biến cố thời sự chánh trị thế giới hay Việt Nam xảy ra. Đó là nếp sống quen thuộc của Cụ.

Năm 1981, cùng với anh em trẻ (hơn Cụ) thành lập Tổ chức Phục Việt và làm báo Hồn Nước, Cụ viết gởi anh em để như huấn thị anh em về lý thuyết Phục Việt:

"... Chủ trương khôi phục tinh hoa văn hóa nước nhà, nói hẹp, và nói rộng là phục hưng cái hay, cái đẹp của văn hóa Đông Phương, vì nó thích ứng thời đại và vì khoa học, trước đây, được coi như là cây gậy thần giải quyết được mọi vấn đề, thì nay, rõ ra khoa học không giải quyết được điều người ta mong mỏi. Văn minh duy lý, duy vật đang tiến về lối cùng đồ mạt lộ để chấm dứt một chu kỳ. Một nền văn minh mới đang chờ đợi nhân loại. Văn minh này toàn vẹn hơn, gồm cả tâm lẫn vật, thành bởi con người và cho con người mà chúng ta gọi là văn minh nhân bản, xuất phát từ nền minh triết thiên cổ, coi tâm vật là một, Trời người là một, làm với biết là một. Tất cả là Một, để rồi hóa hóa, sinh sinh tạo vật vô cùng tận, trên căn bản muôn loài một thể.

Văn hóa không chỉ nói về văn nghệ và văn vật. Văn hóa bao gồm tinh thần dân tộc, tư tưởng dân tộc, chi tiết dân tộc, cho đến chế độ chánh trị, phong thượng xã hội, luân lý đạo đức và ngôn hạnh của quốc dân với sự tưới rửa quét dọn thường xuyên. Văn hóa bao hàm mọi mặt của đời sống, vật lý, tâm tư, trí não và tâm linh.

Đặt vấn đề luân lý đạo đức không nhắm cái xa xưa không còn thích ứng thời đại, mà là chỉ vào cái bất di bất dịch xuyên qua thời và không gian, hạp với nhơn tánh và giúp vào sự nảy nở và điều hợp của con người để con người tự thành tựu và tự thể hiện. Đã nói văn hóa tràn lên mọi sanh hoạt của con người thì cũng nói khoa học nằm trong văn hóa. Cũng như khi nói tới chế độ chánh trị thì không thể xa lánh thực chất của dân chủ.

Luân lý mở rộng tánh con người — Dân chủ làm sáng tỏ tánh con người, con người xã hội nhân quần..."

Trần văn Ân và vấn đề Việt Nam Độc Lập

Ngày 3 tháng 7 năm 1953, chánh phủ Pháp đã công bố một Thông Điệp bày tỏ ý muốn trao trả Độc lập cho Việt Nam và chuyển giao những cơ quan chánh quyền cho chánh phủ Bảo Đại.

Vì Việt Nam chưa có Quốc Hội, một Hội

Nghị Toàn Quốc được tổ chức tại Sài Gòn do sắc lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành ngày 10 tháng 9 năm 1953, để quốc dân bày tỏ ý kiến về việc "định rõ phạm vi và giới hạn chủ quyền quốc gia để được công nhận trong cuộc thương thuyết với Pháp, định rõ những thể thức của sự liên kết giữa Việt Nam và Pháp."

Sau năm ngày làm việc tại Tòa Đô Chính Sài Gòn, Hội Nghị Toàn Quốc đã đưa ra Quyết nghị về vấn đề độc lập là "Việt Nam phải là một nước hoàn toàn độc lập, nghĩa là phải đầy đủ chủ quyền đối nội và đối ngoại như bất cứ một quốc gia độc lập nào khác trên thế giới theo quốc tế công pháp. Thủ tiêu tất cả Hiệp ước ký kết giữa Pháp với Việt Nam từ xưa đến nay và chế độ Hoàng Triều Cương Thổ."

Về quan hệ với Pháp, Hội nghị Quyết định "Nước Việt Nam độc lập không gia nhập Liên Hiệp Pháp dưới hình thức hiện tại.

Hết thảy mọi sáng kiến, thương thảo, đề nghị quốc tế có liên quan tới Việt Nam đều phải do chánh phủ Quốc Gia Việt Nam dưới quyền lãnh đạo của Đức Quốc Trưởng định đoạt.

Tất cả các Hiệp ước trên đây sẽ do Quốc Hội Việt Nam do cuộc phổ thông đầu phiếu bầu cử duyệt y mới được thi hành."

Hội nghị Toàn Quốc gồm 200 đại biểu từ Bắc vào Nam, đại biểu gồm đủ các thành phần xã hội, và ba đại biểu hải ngoại (Pháp, Xiêm La, và Cao Miên).

Hội nghị bầu một Chủ tịch đoàn, một Ban Tổng Thư ký, và ba Tiểu Ban: Nghiên cứu vấn đề Độc lập (Ông Nguyễn Phan Long làm chủ tịch), Nghiên cứu vấn đề Liên kết với Pháp (Ông Trần Văn Quế làm chủ tịch), Nghiên cứu nhiệm vụ của phái đoàn thương thuyết với Pháp (Ông Phạm Hữu Chương làm chủ tịch).

Tổng Thư Ký của Ban Tổng Thư Ký là cụ Trần Văn Ân với sự hợp tác của năm vị Phó Tổng Thư Ký: các Ông Trần Văn Tuyên, Thành Nam, Nguyễn Duy Quang, Lê Thành Trường và Nguyễn Phú Đốc.

Hội Nghị Toàn Quốc năm 1953 hoàn thành xong nhiệm vụ thiết yếu là phá vỡ Liên Hiệp Pháp để Việt Nam thật sự thu hồi nền độc lập của mình.

Tạm kết

Tôi có thể quả quyết cụ Trần Văn Ân không phải là một "chánh khách" mặc dù suốt đời Cụ tranh đấu không ngừng nghỉ, khi thì ở trong chánh quyền, khi thì đứng trong các tổ chức quần chúng. Bởi con "người tranh đấu" khác với "chánh khách." Nhứt là trong hoàn cảnh của đất nước Việt Nam, tranh đấu mang đặc tính cách mạng giành độc lập dân tộc nhiều hơn là tranh đấu giành chánh quyền của người làm chánh trị (politique politicienne).

Chánh khách có cuộc đời hoạt động chánh trị của mình thường được tính bằng thành công hay thất bại qua các cuộc quốc dân chọn lựa để nắm Chánh quyền. Còn con người tranh đấu thì khác hẳn. Họ theo đuổi mục tiêu và lý tưởng. Đối với họ, tranh đấu là sự sống, sống đầy đủ và trọn vẹn.

Trong quá trình tranh đấu cho Việt Nam, cụ Trần Văn Ân không bao giờ bị kẹt trong một khuôn khổ ý hệ hay chủ thuyết nào (=isme). Cụ tranh đấu vì lòng yêu nước nồng nàn nhưng Cụ không theo chủ nghĩa yêu nước. Đi với Đệ Tứ nhưng Cụ không phải là Trốt-Kít. Ngay từ thuở nhỏ đã biết bất bình trước những bất công xã hội, hoài bão một xã hội tiến bộ nhưng Cụ vẫn không theo chủ nghĩa xã hội. Đứng bên hàng ngũ quốc gia từ năm 1948 khi Việt Nam trở thành «Quốc Gia Việt Nam» (Etat du Viet-nam, dưới sự lãnh đạo của Cựu hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng), nhưng Cụ Ân lại không theo chủ nghĩa quốc gia hay chủ nghĩa dân tộc.

Về sau này, từ 1967, Cụ làm việc với ông Thiệu, nhưng Cụ vẫn không «thieuiste» để không hề bị mang tiếng tham nhũng.

Tôi xin nói cụ Ân đúng là mẫu người đấu sĩ.

Chẳng những về mặt tranh đấu, cụ Ân mới thật sự sống cho mình. Mà ở các mặt thông thường khác, ngay trong đời sống hằng ngày, cụ Ân vẫn tiêu biểu cho một mẫu người biết sống, sống hướng thượng, sống cho chính mình và cho mọi người, hoàn toàn không mặc cảm về tuổi tác về quan hệ xã hội.

Ở một phương diện khác, cụ Ân còn là một người yêu thơ và làm thơ, thơ nôm và cả thơ Hán. Nhưng cụ vẫn không phải là «thi sĩ.» Cụ làm thơ là để sống với nguồn cảm xúc, với thi tứ, thi cảm. Sống với thi ca là một vùng không gian sâu kín của tâm hồn. Cụ viết: «Nếu có người hỏi tôi về sự hay dở của thơ, chắc tôi không đáp lời, vì tôi không đặt vấn đề hay dở. Tôi chỉ biết sự thích thú của tôi về thơ mà thôi.»

Trời phú tôi thương cảm
Thường sôi sụt với mình
Viết chơi nhiều ít chữ
Phơi ruột người đa tình

(Tôi và làng thơ - Cấm cố tử hình Côn đảo, 1958)

Tình ngoài

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Tôi ngồi đợi em ở công viên. Muốn đến cái đồi cỏ thoai thoải ấy, tôi tốn hai đồng bảy lăm xu và mất khoảng một giờ cho chuyến xe buýt chở đầy nhóc bọn học sinh với những công nhân còn nguyên nét ngái ngủ trên các khuôn mặt dường như chưa thích nghi với sinh hoạt đầu ngày.

Đêm qua tôi ngủ chẳng đầy giấc. Bần thần không phải là chữ đủ nghĩa để nói lên cái trạng thái mà tôi hứng lấy. Tựa như trước mỗi một cuộc đi xa, quần áo đã gói ghém có thứ lớp, nhưng ngổn ngang là loại hành lý luôn hiện diện trong tâm tưởng, bừa bộn những cảm giác nửa lo âu nửa thích thú. Người ta có thể đắn đo để sau rốt quyết định vất lại cái khăn tắm, chiếc áo ấm ra khỏi va-ly; nhưng đầu óc thì phải chịu đeo cứng những nỗi niềm chẳng dứt bỏ được, có vẻ như càng lúc càng nặng thêm.

Gió ở công viên mang theo mùi lá mục, chút ẩm thấp. Đồi cỏ hứng lấy vạt nắng vàng, tinh khôi; và nó cho nhãn quang nhận ra sương còn phủ long lanh một lớp mỏng trên màu diệp lục. Yên tĩnh. Vài tiếng chim kêu gần và nơi nào xa gửi theo gió về tiếng còi tàu hú cách khoảng. Tôi chọn một băng ghế gỗ mà khi ngồi xuống tôi có thể dõi trông những bộ hành đi tất bật qua về ngoài con lộ chính. Rồi em sẽ xuất hiện ở hướng đó. Tôi tự nhủ. Mường tượng ra dáng em đi. Khoan thai hay hối hả? Ngó trước trông sau hay cắm cúi bước? Màu áo nào em sẽ chọn mặc vào một sáng lạ thường? Mặt trời chưa lên cao, nó còn ẩn mình đằng sau những khu chung cư, tuy vậy khi đi làm, có những thứ công việc buộc người ta phải rời khỏi nhà khi trời còn nhá nhem. Mưa nắng có thể buồn vui để thay đổi diện mạo cảnh quang, nhưng một cái đồng hồ báo thức thì bao giờ cũng chuyên cần réo gọi, không sai trật một phút giây. Ngoài trời còn tối hay đã sáng? Nó cóc cần. Hà khắc, vô cảm. Một ngày có hai mươi bốn giờ, người ta có được bao nhiêu thời gian để ôm giữ niềm hạnh phúc riêng tư? Tôi không biết. Tôi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. Đồng hồ là thứ tôi chẳng màng tới. Đó có thể gọi là hạnh phúc? Có lần em biểu tôi nên sắm một cái cell phone. Nó thật tiện lợi, anh thấy không? Em nói, đồng thời lấy từ xách tay ra cái điện thoại nhỏ bé hiệu Motorola như thể làm mẫu cho tôi xem. Tôi ậm ừ cho xong chuyện, để em khỏi mắng lạc-hậu-như-người-âm-lịch. Tôi không mấy cảm tình với máy móc và chúa ghét mấy đứa đi ngoài đường nói huyên thuyên qua máy những điều gần như riêng tư tế nhị. Nói điếc con ráy! Chính bọn chúng đã khiến người ta đi tới một biểu quyết không khoan nhượng: Trong những phát minh tai hại của nhân loại, ngoài súng đạn phải kể thêm mobile phone! Nếu tôi đang làm chủ vật quái quỉ đó, không chắc nó sẽ réo lên giờ này. Bởi tôi chẳng quen biết ai. Và em, người thân duy nhất của tôi thì đang bước lại gần. Chẳng được bình thường, điệu bộ kia tựa như một người mẹ nóng ruột đi tìm con thơ mãi nghịch cát ở công viên, quên mất giờ cơm cả nhà đang ngóng đợi.

- Anh đợi có lâu không?

Em hỏi. Mặt em hơi xanh. Tóc đen mượt mà luôn chấm vai, tựa hồ suốt cả cuộc đời thăng trầm nó chẳng chịu dài thêm, và đáng nói là chưa bao giờ tôi nhìn ra một sợi bạc mọc lẫn khuất. Chân tóc luôn chôn dấu một mùi thơm khó giải thích, thủy chung nó khiến tôi mềm lòng khi được vùi mặt mình vào đó. Có lẽ mặt tôi cũng đang xanh, như con nít chơi trò trốn tìm và sơ ý bị đạp mạng, điểm danh, lôi ra ánh sáng.

Em quan sát tôi, rất nhanh, rồi đảo mắt một vòng quanh công viên. Tôi có một kỷ niệm xấu về công viên, dĩ nhiên tôi giấu kín, sống để bụng chết mang theo. Hồi còn ở quê nhà tôi được một chị em ta cho "mở hàng" với giá tượng

trưng. Lúc ấy đêm chưa gọi là khuya, nhiều tiếng động còn đồn trú trong công viên, người con gái cỡ tuổi tôi đã trải tấm ny-lông nhỏ nhắn trên cỏ và đắp lên người cô bằng xác thân cứng ngượng của tôi. Ngực cô lớn, mềm mại và ẩm rít. Tay cô mát lạnh, giỏi luồn lách và năng động giúp tôi nhập cuộc. Tôi đi vào cơ thể cô bằng sự vụng dại của đứa con trai vừa vỡ tiếng. Đèn đường ngọn tỏ ngọn lu ngọn bị tháo gỡ, hoặc chúng có chân đã vượt biên? Nói chung ánh sáng ngoài kia không đủ mạnh để lấn soi tỏ tường vào lùm cây bụi cỏ. Và có điều gì đấy mất vệ sinh, mất phẩm giá, chẳng đạt phẩm chất. Niềm sung sướng, tạm gọi thế, qua đi rất mau. Làm tình mất khoảng năm bảy phút nhưng tôi phải tốn cả tháng trời sau đó để nhăn nhó mặt mày chạy đôn chạy đáo tìm mua thuốc trụ sinh trong uống ngoài thoa. Người con gái hào phóng kia đã gieo mầm bệnh cho dương vật tôi vàng vọt. Cô cấy vào người tôi niềm ăn năn khó gội rửa. Thời điểm ấy, mọi người đều sa chân xuống bùn đen, bưng mặt đi làm những việc tồi tệ gớm ghiếc. Tôi tự bào chữa.

- Đi lối này.

Em nói. Lối ấy chẳng phải là con lộ dẫn về nhà. Tôi nghĩ thầm.

- Mình kiếm mua ly cà phê cái đã.

Em bảo với tay dong chỉ hướng. Tôi muốn đan ngón với bàn tay nuột nà kia vô hạn nhưng em từ khước. Em tháo sợi dây thun ở cổ tay và tém vuốt và bó cột một đuôi tóc. Xong xuôi em thu cả hai tay vào túi quần, đi với đôi vai so, cổ rút lại như heo may sang mùa đang làm rét cả phố phường. Tôi không rét. Tôi đang đi trên một sợi giây và điều tốt hơn cả là nên tỉnh trí để khỏi gặp vấn nạn.

Nơi bán cà phê thực ra là một tiệm tạp hóa, em bỏ tôi đứng ngoài bực thềm nhanh chân đi vào vũng sáng ngập ngụa của những ngọn đèn vàng. Tôi ngó những chậu hoa ướt át mà người ta vừa tuần tự mang ra chất đầy hàng hiên như muốn vây phủ lấy tôi. Hoàng Hoa là thứ hoa gì? Sao đấng sinh thành tự dưng dùng nó áp đặt thành tên em?

- Hai đường hai sữa phải không?

Em trao tôi ly cà phê có giấy cứng bọc ngoài cho khỏi nóng tay.

- Thứ bảy này lô độc đắc sẽ lên tới hai mươi triệu. Mua cho anh mười đồng vé số đây.

Em đút tờ giấy nhỏ vào túi áo tôi. Kỳ lạ thay, nó đã yên vị nhưng nó mãi gieo vào lòng tôi những đợt sóng bồi hồi. Khi cột tóc lại, mặt em ngó lạ. Khi trao tấm vé số, ngó mặt em tôi muốn hôn. Không cứ là môi, má cằm mũi mắt, hoặc hàng lông mày cũng được. Nhưng em đã cúi đầu đếm bước.

- Có mua bánh croissant. Về nhà ăn điểm tâm.

Ăn sáng tại sao lại gọi điểm tâm? Điểm tâm. Nghe như em là người luôn hiểu lòng anh, chỉ đúng tim anh. Phải không Hoàng Hoa?

Chỗ em trú ngụ là căn nhà nhỏ nằm ngoài bìa, dẫn tới sau đó một loạt nhà có lối kiến trúc giống nhau. Giống hình thù, giống màu sắc, giống vật liệu. Hình như để dễ phân biệt, mỗi gia chủ tự trang điểm cho mặt tiền của mình một chút gì khang khác. Treo chậu cây, treo phong linh, trang trí những mặt nạ bằng gỗ... Tất cả những cánh cửa đều đóng kín. Tất cả đều đi làm, đều đến trường, đều đi nhà trẻ, hoặc thảy còn ngủ nướng. Yên lắng và ngưng đọng tới độ đáng sợ. Tôi lách người qua cánh cửa mở hé khi ly cà phê chỉ mới vơi phân nửa. Có nghĩa là chừng đó dung dịch cà phê đã uống không đủ tác dụng để làm trái tim mình co thắt, đập sai nhịp. Chồng em đã đi làm, tôi biết chắc như đinh đóng cột. Dễ hiểu. Anh ta lao động ở trung tâm thành phố, mất bốn mươi lăm phút lái xe nếu đường sá hanh thông. Và thông thường thì con đường quái đản ấy luôn bị kẹt xe. Mô Phật! Em nói chỗ gì mà việc vàng túi bụi lùng bùng, luôn cày over-time và có khi về nhà đúng mười giờ tối. Anh ta đi tắm, mở TV xem trong khi đợi tóc khô. Nghịch computer nửa giờ rồi lăn đùng ra ngủ. Tôi ngó em lúc đó, lúc em kể chuyện với gương mặt lãnh đạm. Tôi nuốt trôi xuống cổ một lời định thốt ra: Cuộc đời buồn vô hậu!

- Ăn chưa? Chiên trứng gà nhé?

- Thôi, nhọc công.

- Sao vậy?

- Quen rồi. Mỗi ngày ăn hai bữa. Trưa và tối. Và giờ này tuồng như bình minh vẫn chưa bỏ đi.

Tôi đặt đít xuống chiếc ghế nệm chia ba chỗ ngồi cân phân. Đồ vật trang trí không mấy nhiều. Có bức ảnh đóng khung khuôn mặt một người đàn ông đang cười. Ánh mắt linh hoạt như đang ngó về phía tôi, và trong tất cả những đồ vật bày biện nơi gian phòng này, khung ảnh ấy là thứ xấu nhất. Sự hiện hữu của nó thật khó chịu. Tôi uống hết ly cà phê bắt đầu nguội và đi tìm cái thùng rác để quẳng nó vào. Em đang quây lưng đứng sát bồn nước để rửa tay,

thùng rác một bên, bên kia là quầy gỗ chất chứa micro wave, nồi cơm điện, dao thớt, tiêu hành tỏi mắm ruốc xì dầu tương ớt bột ngọt đường muối lu hủ đứng chen chúc có vẻ đề huề. Nửa bừa bộn nửa ngăn nắp. Nó chứng minh căn bếp ấy chưa hề một lần nguội lạnh. Nó yết thị ngầm: nữ chủ nhân chẳng hề từ nan việc bắt tay với ông Táo. Tài nấu nướng của em ra sao? Tôi chưa được cơ may để nếm thử. Hồi học chung lớp ở bên nhà, tai ương ập đến và bọn chúng tôi chỉ biết duy nhất một thực đơn: Bột mì, cơm độn sắn khoai bo bo. Có thánh mới nấu tươm tất ngần ấy vật liệu. Và chưa chắc thánh có đủ can đảm để nếm lại độ mặn nhạt khi thổi tắt củi lửa. Mắt tụi tôi cay, đỏ. Như thường trực phải khóc. Miếng ăn là miếng tồi tàn. Sách thánh hiền dạy, chúng tôi học nằm lòng tự thuở tấm bé và khi lớn khôn chúng tôi đã tàn tệ xuôi tay trút bỏ nhân cách khi ruột réo kêu.

Em vẫn đứng yên, chẳng hoán đổi vị trí. Dường như em đang nghĩ ngợi một điều gì. Vòi nước vẫn chảy, đều đặn, không rỉ rả chẳng xối xả. Những ngón trơn ướt, nước chừng như xâm thực lên tay áo. Tôi ném ly cà phê và sấn cớ tôi xắn hộ đoạn vải hoen màu ấy lên cao tới lằn mức cuối. Tôi ngửi từ thân nhiệt em một hương mùi. Tôi ngó ngấn cổ trắng để chẳng cầm lòng tôi hôn vào gáy có đám tóc con mọc xoắn xít. Thời sinh viên, tôi lập thệ một nguyện ước, sẽ cố theo em cho đến kỳ cùng. Tất cả những lá thư tôi viết cho em có thể gom lại để thổi lửa mỏi tay nấu chín nồi bánh chưng đêm trừ tịch. Bồng bột, ngây dại, hoang tưởng. Rồi em lặng lẽ vượt biển. Rồi em êm thắm lấy chồng. Rồi một trong sáu câu vọng cổ là cái kết có hậu: Cuối cùng hai đứa gặp lại nhau giữa một tinh cầu cứ ngỡ nó lớn rộng, mênh mông.

Vòi nước vẫn chảy. Chẳng ai rảnh tay để khóa vòi. Vả, tiếng nước rơi khi ấy sẽ nhận chìm những hơi thở gấp. Em quay người lại ôm lấy tôi, hai mắt nhắm nghiền như sợ nhìn thấy hiện thực. Tôi cũng nhắm mắt, tựa kẻ yếu bóng viá đứng ở một nơi quá cao không dám ngó xuống mặt đất đang chòng chành say khướt hụt hẫng dưới đôi chân. Rất vội vã, chúng tôi yêu nhau ngay trong góc bếp chật. Những lọ đựng gia vị run rẩy dời đổi vị trí. Tự thân chúng, mỗi loại có riêng cho nó một hương liệu, góp chúng lại, tạo tác ra một danh xưng: Nhu yếu phẩm. Như nhụy hoa luôn cần thiết cho loài ong. Như da thịt em luôn là thứ ám ảnh tôi, mê muội, bủn rủn tứ chi và sau rốt... trên cả tuyệt vời!

Buông thân xuống thảm, tôi đưa tay cho em gối đầu nằm nghiêng, tay còn lại ve vuốt thân em theo đường lượn từ vai xuống mông. Trắng ngần. Có vẻ mộng mị. Đèo Ngoạn Mục, đèo Rù Rì hay đèo Cù Mông? Một đèo, một đèo, lại một đèo.

- Có điều này Hoa không thể chìu ý anh. Em nói, hơi co thân lại như bị chọc nhột.

- Về điều gì? Tôi mơ màng.

- Về chủ đích buổi hẹn gặp hôm nay. Hoa suy nghĩ rồi, chẳng nên đưa anh mượn Một ngàn đồng.

- Tại sao?

- Nhiều lý do, một trong những lý do đó là Hoa không thích anh về Việt Nam.

- Anh đang thất nghiệp. Đang rảnh. Đang có cơ hội.

- Tự dưng có người cắc cớ hỏi: Số tiền ấy thất thoát đi đâu? Dùng vào việc gì? Xin anh hãy bày cho Hoa một câu trả lời thật hợp lý. Được không?

Em xỏ tay vào áo, chuẩn bị gài kín những hạt nút. Nốt ruồi son đậu bên vú trái lẩn trốn thật nhanh.

- Hãy nói về người đó cho Hoa nghe.

- Ba mươi tuổi. Công nhân viên. Đang theo học ngoại ngữ lớp tối. Cao ráo. Da bằng quân. Ngoại hình cân đối... Anh biết chẳng nhiều, qua miệng bà Dì làm trung gian. Và có thể những tin tức ấy không hoàn toàn là sự thật. Anh muốn về chỉ để nhìn rõ, xác chứng.

- Có kỳ cục không nếu Hoa cho mượn tiền rồi anh bay về xem mặt mũi cô vợ tương lai?

- Hoa không thích anh lập gia đình sao?

- Anh đủ sức để làm điều đó à? Thất nghiệp, quanh năm đi buýt với métro. Thậm chí một cái cell phone cũng chẳng có mà lận lưng. Thỏng tay vào chợ kiểu như anh có ngày u đầu sức trán, đạp bể bánh tráng không có tiền bồi hoàn!

- Là sao? Anh không hiểu.

- Cứ giả thử là mọi chuyện suông sẻ đi. Bảo lãnh sang tới đây ngày một ngày hai cái cô nước da bằng quân đó sẽ cuốn gói chẳng một lời từ biệt.

- Sao Hoa ưa vẽ cảnh vật với toàn cả màu xám?

- Anh chưa đọc tác phẩm của Flaubert sao? Sắc màu của sự thật chính là màu xám.

Tôi muốn hút một điếu thuốc nhưng sợ em cự nự. Chẳng phải vấn đề sức khỏe. Quan trọng hơn, khi đi làm về chồng em sẽ đánh hơi: Uả,

vắng anh có thằng nào đến tham quan nhà mình hả honey? Và như thế, hồng thủy dâng tràn, thiên tai bão lụt ập đến, nó hung hãn cuốn trôi cái phao duy nhất mà tôi đang có, đang ôm.

- Tin Hoa đi. Ngay cả màu xanh, nó đã bị đời sống tước đoạt cái ý nghĩa hy vọng mà nó từng tượng trưng.

- Đừng nói thế. Anh hy vọng biết bao về tấm vé số Hoa vừa mua cho. Trái sung rơi ngay vào miệng, anh lồm cồm ngồi dậy để biến thành một thằng triệu phú.

- Nghèo mà ham!

- Nói hay chưa? Nghèo mới ham chứ đã giàu có thì hơi sức đâu nữa mà mơ mòng. Anh ham được cùng Hoa ngủ một giấc tới chiều. Hoặc tham lam, xin được tái hợp chuyện này một vài lần khác.

- Thôi về đi, nếu còn tơ tưởng tới lần sau. Người gì mà bộ phong tróc ảnh!

Em có vẻ thành thật trong việc xua đuổi. Tôi chẳng lạ tính em, cách tốt nhất là nghe lời, chớ cù nhầy kiếm cớ ở nán. Tôi nhét áo vào quần, đầu óc u mê như đi trong đường hầm mãi chưa nhìn ra ánh sáng. Em ơi! Không có tiền chừ anh biết tính làm răng? Em mở cửa đợi tôi. Em vuốt hộ tôi những sợi tóc có lẽ rối rắm, sai lệch đường ngôi, bù xù, ngó không đẹp trai.

- Thứ ba tuần sau Hoa có cái hẹn với bác sĩ để khám định kỳ. Anh đợi ở nhà nhé. Chớ có đi đâu. Một hai giờ gì đó, không chắc.

Vừa nói em vừa vuốt lưng tôi, khi chấm câu em dùng lực ở bàn tay để đẩy tôi ra khỏi cửa. Tôi bước xuống đường, phải nheo mắt lại vì nắng quái vây đầy lối đi. Nếu tôi là bác sĩ tôi sẽ căng mắt ra mà khám kỹ cho em, có nghĩa là Hoa sẽ nằm dang chân trên giường rõ lâu. Tôi từ tốn đeo găng cao su, đưa ngón trỏ thăm dò cửa mình. Cởi khẩu trang, tháo mục kỉnh, rửa đôi tay, kì cọ bằng xà phòng. Lau khô, ném giấy thấm vào thùng rác rồi từ tốn lên giọng: Chuyện hiếm muộn con cái? Tôi không nghĩ vậy. Cô sẽ đẻ con tùy thích nếu gặp đối tượng cùng tầng số. Cớ sự này do đâu thì cô đã hiểu. Xong, cô có thể mặc lại áo quần. Thứ ba tuần sau lui lại tôi cho thứ thuốc này uống thử. Ô kê?

Tới công viên tôi ngồi lại chỗ cũ, bải hoải. Tôi thắp một điếu thuốc, mơ màng cùng khói, cúi đầu ôn lại từng diễn tiến, từng động tác, từng màu sắc, từng âm thanh. Tôi đã khuấy quên đường nét có trên người em lụa là. Chưa đầy mười phút, mới đó mà tôi đã thấy nhớ em. Tôi ngủ trên xe buýt khi trở về chỗ ở đầy trống vắng.

*

Mở computer, tôi vào internet. Tay gõ chậm những mẫu tự, gửi e-mail:

"Giáng Hương thân mến,

Có vài trở ngại vào phút cuối. Hạn kỳ gặp Hương như đã dự định đành phải khất lại. Lỗi này do nhà nước Canada, do chỗ bán vé máy bay làm ăn theo kiểu Việt Nam chẳng tận tâm phục vụ khách hàng và có thể do tôi một phần. Ở xa, xin Hương rộng lòng thứ tha cho khúc ruột ngàn dặm này. Đừng nguyền rủa tôi là con ma nhà họ Hứa, chớ mắng mỏ cái đồ Việt kiều hồi hộp! Nói Hương đừng cười, ai đời mà bỗng dưng tôi tin vô chuyện tướng số. Tôi đi coi bói, xem tử vi. Bà ấy nổi tiếng mát tay, tên Hoàng Hoa. Bả nhỏ thua tôi một tuổi và phát ngôn chắc như bắp: Đương nhiên là anh sẽ lấy được vợ, chậm lắm là sang năm. Vợ anh nhỏ tuổi chừng nào càng quý chừng đó, 30 là hợp với anh nhất. Hai người sẽ sung sướng. Hạnh phúc không khó tìm, dễ như ăn ớt. Nghe phán, tôi thiệt sảng khoái và thiết tha mong sớm được gặp Hương. Xin Hương rằng đợi. Để giúp Hương khuây khỏa phần nào tôi xin cóp nhặt ra đây mẫu chuyện cười mà tôi nghĩ, đàn ông cũng có nhiều hạng rất mực dễ thương: "*Ba người bạn chơi thân với nhau và cùng nghi ngờ vợ ngoại tình. Họ rủ nhau ra quán rượu tâm sự. Một người nói:*

- Tôi nghĩ vợ tôi ngoại tình với một thằng thợ điện. Một hôm về nhà, tôi phát hiện có chiếc kềm cắt giây điện nằm dưới gầm giường mà nhà tôi thì tuyệt đối không có món đồ đó.

Người thứ hai buồn rầu:

- Còn tôi thì nghi vợ tôi ngoại tình với một thằng văn sĩ. Có bữa bất ngờ tôi tìm thấy dưới giường nguyên cả xấp bản thảo.

Người thứ ba thở dài:

- Không còn nghi ngờ gì nữa, vợ tôi ngoại tình với một con ngựa!

Hai người bạn lộ vẻ kinh ngạc.

- Tôi không đùa đâu - Anh ta gằn giọng. Hôm nọ về nhà tôi bắt gặp một gã nài ngựa trốn dưới gầm giường."

Xin Hương giữ gìn sức khoẻ. Đi đường cẩn thận đề phòng tai nạn giao thông. Đừng cho thằng đàn ông nào ẩn nấp dưới giường, tội nghiệp. Ngày gặp mặt hiện ở phía trước. Thân mến./.

TRUNG THU, NHI ĐỒNG, VÀ CA DAO

TRẦN THỊ LAIHỒNG
Tranh minh họa của **VÕ ĐÌNH**

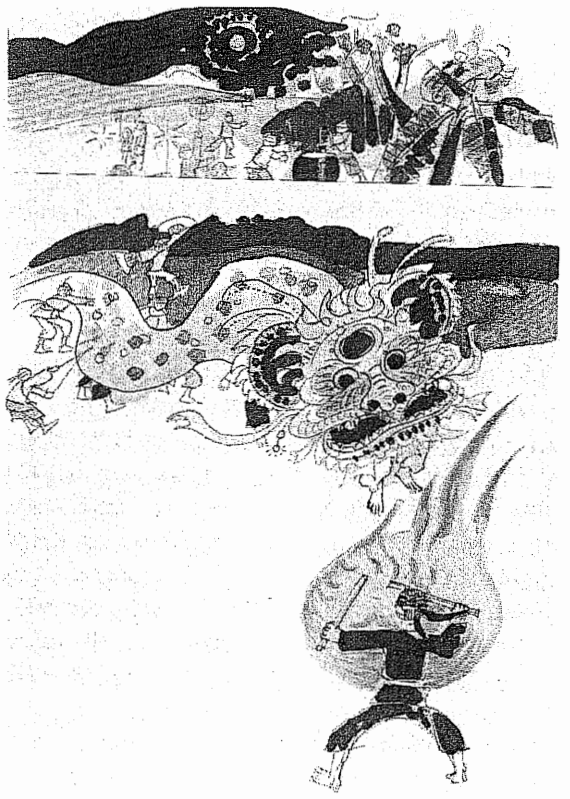

Nhi đồng trong ca dao

Cội nguồn tinh hoa văn hóa dân tộc nằm trong ca dao, kho tàng vô giá của văn học. Theo định nghĩa của Ban Văn học Hội Khai Trí Tiến Đức, qua tập Việt Nam Tự Điển do Mặc Lâm xuất bản tại Hà Nội năm 1931, *ca dao là những câu hát phổ thông trong dân gian: ca* là những bài hát thành khúc, *dao* là những câu hát ngắn độ một vài dòng.

Xưa Đức Khổng Tử suốt đời chu du thiên hạ mong gặp cơ hội thực hành chính giáo giúp người đời sống an bình hạnh phúc, nhưng đã gặp từ thất vọng này tiếp thất vọng khác, ngót bảy mươi lui về quê cũ dạy học, soạn kinh sách, san định Kinh Thi, là tập sách ghi lại những bài thơ dân gian, hầu hết tác giả khuyết danh, tức là những bài *ca dao*. Vị thầy của hàng vạn thế hệ - *Vạn Thế Sư Biểu* - cuối đời đã quyết dùng nghệ thuật thi ca trong dân giã để giúp người đời tu thân tạo đức, xây dựng căn bản gia đình, xã hội và nhân loại.

Rằm tháng Tám âm lịch, Trung Thu, Ngày Nhi Đồng Việt Nam, nghĩ đến những thế hệ trẻ mới ra đời, vừa vào đời, vừa có gia đình và sẽ tiếp nối dòng dõi giống nòi, lần giở kho tàng văn hóa dân tộc trong ca dao, sưu tầm đặc biệt những câu liên hệ đến trẻ thơ, tôi ước mong góp phần giúp giới trẻ có cơ hội tiếp nối truyền đạt và gìn vàng giữ ngọc. Bài này gồm hai phần: Ca dao qua những điệu ru, và những trò chơi trẻ con qua ca dao, đồng dao.

Điệu ru ca dao

Tôi yêu tiếng nước tôi
Từ khi mới ra đời người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời

ạ à ơi... tiếng ru muôn đời... (Phạm Duy, Tình Ca)

Điệu ru ca dao với âm hưởng tiếng mẹ là cánh tay yêu thương âu yếm ôm ấp, là tấm chăn ấm áp ấp ủ, là làn gió mát dịu dàng mơn man, mang ước vọng trang bị tâm thức trẻ thơ từ khi vừa mới chào đời, thấm nhuần cách ăn lối ở, hiểu biết cách xử thế, trau dồi ý chí và nghị lực, để khi trưởng thành có thể sống trong thanh thản an bình hạnh phúc.

Thế giới tràn đầy điệu ru, từ những bộ lạc bán khai khuất lấp sau những cánh rừng già hoang vu, cho đến những quốc gia xưa cổ có nền văn minh sáng chói quanh Địa Trung Hải, Đại Tây dương, Ấn Độ Dương hay Thái Bình Dương, và ngay cả đến những quốc gia văn minh hiện đại với vũ khí hạch nhân và hỏa tiễn liên hành tinh liên lục địa.

Tìm hiểu về những điệu ru, được biết mãi đến cuối năm 1930, nước Anh mới bắt đầu ghi nhận giá trị những điệu ru con và cố công thu thập, khuyến khích thực hiện. Từ bấy đến nay, có rất nhiều băng cũng như đĩa nhạc ru con. Bài ru gốc Đức nhạc Brahms tựa đề Brahm's Lullaby bắt đầu bằng Guten Abend, gute Nacht... có lời ru ca ngợi hương sắc hoa hồng hoa huệ và nói đến những thiên thần che chở trẻ thơ yên ngủ giấc lành. Đĩa nhạc Lullaby Magic của Joanie Bartels cũng hát những lời ca tụng thiên nhiên, ca tụng trăng sao theo nhạc cổ điển Morart, Brahms, và nhạc rock The Beatles... Đĩa Honest Lullaby của Joan Baer có nhắc nhở xưa được mẹ ru, hoặc nói về tình thương yêu của mẹ. *Nhưng phải xác nhận* ***không quốc gia nào có những điệu ru ca dao phong phú như tại Việt Nam.***

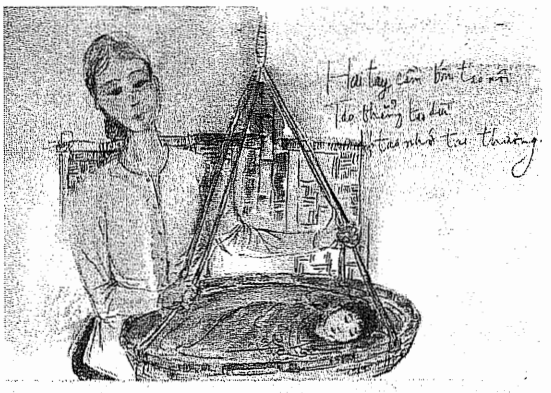

Chỉ có trẻ sơ sinh Việt Nam khi vừa mở mắt chào đời đã được chính người mẹ và những người thân trong gia đình dẫn dắt vào dòng văn học dân gian bằng những điệu ru đong đưa theo võng nôi kẽo kẹt. Nghệ thuật thi ca bắt nguồn từ văn hóa mẹ được truyền đạt, dìu dắt tâm hồn trẻ thơ vào nền giáo huấn căn bản của con người, thấm đậm vào tâm thức vào tim óc vào máu thịt vào hơi thở vào giọng cười hạnh phúc và cả tiếng khóc đau thương.

Qua lời mẹ ru, trẻ vỡ lòng tình yêu quê hương:

Ạ ơi ời... à ơi...
Con chim bay lưng trời còn có tông có tổ
Con cá lội giữa dòng nước vẫn có lỗ có hang
Người trên đời có tổ quốc giang san
Tinh thần ý chí phải nhịp nhàng với non sông
Uống nước ta phải nhớ nguồn
Thấy non sông rộng nhớ ơn cao dày

Và tri ân những anh hùng liệt nữ có công giữ gìn đất nước :

Ạ ơi ời... à ơi...
Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một lời nguyền
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân
Ngàn Tây nổi áng phong trần
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên
Hồng quần nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành
Đô kỳ đóng ở Mê Linh
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta
Ạ ơi ời... à ơi...

Ru con, con ngủ an lành
Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi
Ạ à ạ ơi...
Muốn coi lên núi mà coi
Noi gương bà Triệu cỡi voi đánh cồng...

Qua lời ru, mẹ dạy con tình đồng bào:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng
Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Và đạo nghĩa làm người con hiếu thảo:

Ru hời ru hỡi là ru... à ơi ...
Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Mẹ ngồi ru con, đong đưa võng buồn giọt lệ rưng rưng tự nhắc mình về ơn nghĩa sinh thành dưỡng dục:

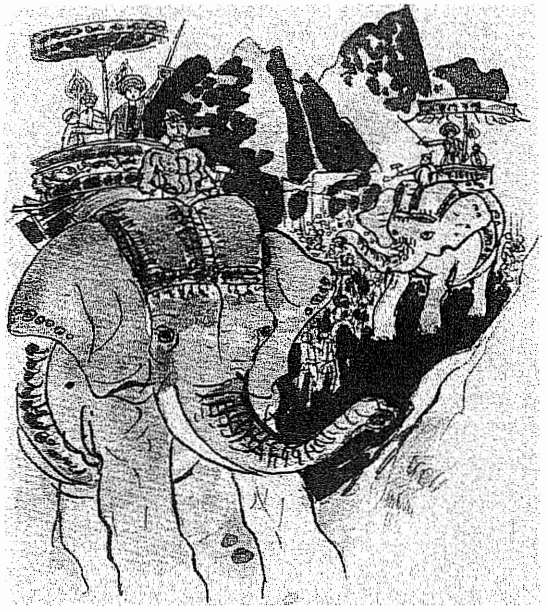

Có con, mẹ nghĩ thương thay
Chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau...
Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ...

Mẹ than thở với con thơ:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau
Chiều chiều xách giỏ hái rau
Ngó lên mả mẹ ruột đau chín chiều

Qua lời mẹ ru, trẻ biết cảnh gia đình có cha đi xa:

Đêm khuya trăng tà, mẹ ru con ngủ... ạ à ạ ơi...
Ngoan ngoan con nhoẻn miệng cười
Thương con, mẹ tưởng như đời nở hoa... ạ à ạ ơi...
Sương nắng miền xa, con ơi, cha con sương nắng miền xa
Mong sao con trẻ quê nhà được vui...

Mẹ thở than cùng con:

Ru con, con ngủ cho rồi
Mẹ ra chỗ vắng mẹ ngồi mẹ than
Miệng ru mắt nhỏ hai hàng
Nuôi con càng lớn mẹ càng lo thêm...

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao!
Ông ơi, ông vớt tôi nao
tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con...

Cái cò cái vạc cái nông
Sao mày dậm lúa nhà ông hỡi cò
Không không tôi đứng trên bờ
Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi
Chẳng tin thì ông đi dôi
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia...

Bài ru con được phổ biến rộng rãi trong Nam còn kèm điệu đàn bầu thiết tha áo não:

Gió mùa Thu, mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy, là năm canh chầy, thức đủ vừa năm
Nín, nín đi con ! Con nín, nín đi con !
Con hỡi, con là hời !
Con hỡi con hời !
Hỡi chàng là chàng à ơi !
Hỡi người là người à ơi !
Em nhớ tới chàng ! Em nhớ tới người !
Hãy nín, nín đi con ! Hãy ngủ, ngủ đi con !
Con hỡi con hời... Con hỡi con hời... hỡi con!

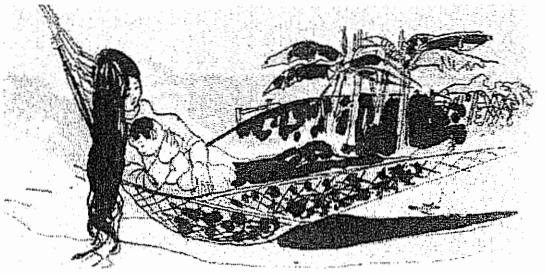

Ngoài mẹ hiền, trẻ thơ còn được bà nội bà ngoại truyền ru để biết nết ăn thói ở trong gia đình:

Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về
Bắt được mười tám mười chín con trê
Cắm cổ lôi về cho cái ngủ ăn
Cái ngủ mày ăn chẳng hết
Để dành đến Tết mồng ba... à ơi à... à ạ ơi...
À ơi... cái ngủ mày ngủ cho say
Mẹ mày vất vả chân tay tối ngày...

Bà nội bà ngoại cũng ru cháu bằng những lời nhắc nhở:

Ạ à ơi... ơi à ạ ơi...
Có cha có mẹ thì hơn
Không cha không mẹ như đờn đứt giây
Đờn đứt giây còn xây lại nối
Cha mẹ chết rồi con phải mồ côi
Mồ côi khổ lắm con ơi
Đói cơm không ai giúp, lỡ lời chẳng ai bênh!

Ạ ơi ời... ạ ời ơi...
Còn cha gót đỏ như son
Mất cha gót mẹ gót con lấm bùn

Ru hời ru hỡi là ru...
Mất cha con cũng u ơ
Mất mẹ con cũng bơ vơ một mình

Cũng có những trường hợp ông nội hay ông ngoại tiếp lời ru nhắc nhở:

Non kia ai đắp nên cao
Sông kia ai bới ai đào mà sâu

Ông ru cháu là dịp truyền đạt ý chí quật cường vững lòng yêu thương quê cha đất tổ, không ai có quyền chia cắt đất nước cho ngoại bang hoặc chia rẽ chủng tộc:

Nước non là nước non nhà
Ai chia được nước ai dời được non
Con người có tổ có tông
Như cây có cội như sông có nguồn

Và công lao sinh thành dưỡng dục:

Trứng rồng lại nở ra rồng
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà
Có cha mẹ mới ra ta
Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng
Khôn ngoan nhờ đức cha ông
Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ
Đạo làm con chớ hững hờ
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm

Ông khuyên bảo cháu trai:

Làm trai đứng ở trên đời
Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta
Ghé vai gánh vác sơn hà
Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu

Làm trai cố chí lập thân
Rồi ra gặp hội phong vân cũng vừa
Nên ra tay kiếm tay cờ
Chẳng nên thì cũng chẳng nhờ cậy ai

Và cháu gái cháu trai đều được dạy:

Đã sinh ra kiếp ở đời
Trai thời trung hiếu đôi vai cho tròn
Gái thời trinh tĩnh lòng son
Sớm hôm gìn giữ chẳng còn chút sai
ạ à ạ ời ơi...
Trai lành gái tốt ra người
Khuyên răn trong bấy nhiêu lời cho chuyên

Ông dạy cháu:

Ru hời ru hỡi là ru...
Thói thường gần mực thì đen
Anh em bạn hữu phải nên chọn người
Những người lêu lổng chơi bời
Cùng là lười biếng ta thời tránh xa

Và tinh thần trách nhiệm:

Ai ơi đã quyết thì hành
Đã đốn thì vác cả cành lẫn cây
Ai ơi đã quyết thì hành
Đã đan thì lận tròn vành mới thôi

Và tình đoàn kết :

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại lên hòn núi cao

Nhiều ông nội ông ngoại lại lẩy Kiều hoặc tập Kiều khi ru cháu, vừa dạy dỗ vừa tỏ bày tâm sự :

À ơi ới... à ạ ơi..
Còn non còn nước còn dài
Nắng mưa thui thủi quê người một thân
Đoái trông muôn dặm tử phần
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa...
À à ơi... ới à à ơi...
Xót thay chiếc lá bơ vơ
Kiếp trần biết rũ bao giờ cho xong!
Bốn bề bát ngát mênh mông
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau
Bốn phương mây trắng một màu
Trông vời cố quốc biết đâu là nhà
À à ơi...
Từ phen chiếc lá lìa rừng
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ
Ru hời ru hỡi là ru...

Lời lẩy Kiều ý nhị thú vị nhất tôi được nghe một ông ngoại ru cháu là:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài
Ơi à ơi... à là ơi...

Thường thường bà và mẹ bận công việc, con gái có nhiệm vụ giữ em và con chị còn nhỏ cũng biết ru những lời dỗ dành năn nỉ:

Ạ ơ ời... à ơ ơi...
Nam nhi đứng ở trên đời
Thông minh tài trí là người trần gian
Ngoan ngoan, ngoan thật là ngoan
Em thơ chị ẵm, em ngoan chị bồng
Bông bỗng bống bồng bồng bông
Lớn lên em phải ra công học hành
Tinh tĩnh tính tinh là tình tinh
Chớ nên học thói vô tình hỡi ai
Làm trai cho đáng nên trai
Xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan
Ngoan ngoan, ngoan thật là ngoan...

Em chưa ngủ vì thiếu sữa mẹ:

Ơ ầu ơ... em tôi khát sữa bú tay
Ai cho bú thép một ngày mang ơn

(ghi chú bú thép = bú nhờ)

Qua lời ru, chị mượn em để nói những ước mơ:

Em tôi buồn ngủ buồn nghê
Buồn ăn cơm nếp cháo kê thịt gà
Buồn ăn bánh đúc bánh đa
Buồn ăn khoai nướng cùng là bánh trôi
Ơ ầu ơ ớ ầu ạ ơ...
Ơ ầu ạ ơ...
Gió đưa gió đẩy
về rẫy ăn còng
về sông ăn cá
về giồng ăn dưa...
Ầu ơ... Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn

Chị trẻ con nên còn giọng con trẻ:

Con mèo mà trèo cây cau
À ơi ới à mèo... à ơi
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối để giỗ cha chú mèo
Ới mèo là mèo... à ơi...

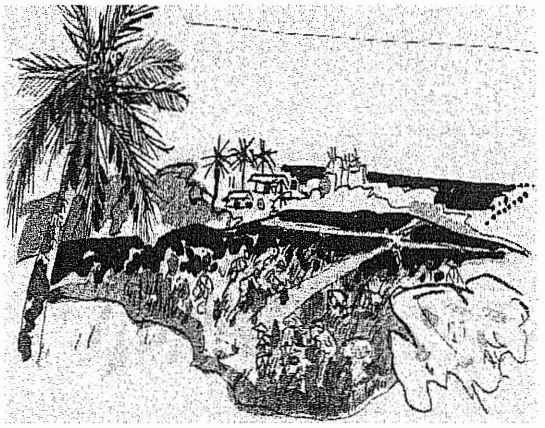

Ví von tương thân tương trợ:

Con cò chết rũ trên cây
Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma
Cà cuống uống rượu say đà
Bao nhiêu cóc nhái nhảy ra chia phần
Chào mào thì đánh trống quân
Chim chích mặc quần vác mõ đi rao...
Con quạ tha lá lợp nhà
Con cu chẻ lạt con gà dựng phên

Và thắm thiết đẫm tình:

Chị ngã thì em phải nâng
Đừng thấy chị ngã mà em bưng miệng cười
Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau
À ơi à ơi ời à ơi ...
Em ơi, anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân
Yêu nhau như thể tay chân
Anh em hòa thuận hai thân vui mừng
À ơi...
Đắng cay cũng thể ruột rà
Ngọt ngào cho lắm nhưng là người dưng

Con chị dại, có khi chẳng biết dỗ em, đành ngỏ lời năn nỉ vỗ về thương yêu:

Ru em, em hãy nín đi
Kẻo mà mẹ đánh em thì em đau
Em đau chị cũng buồn rầu
Bé mồm bé miệng kêu đâu bây giờ...

Chị mượn lời ru em để tỉ tê với mẹ:

Mẹ ơi chớ đánh con đau
Để con đi bắt ốc hái rau mẹ nhờ...

Đó là giọng Bắc. Còn trong Nam, cô chị cũng cùng tâm trạng:

Ầu ơ... ơ ầu ạ ơ...
Má ơi đừng oánh con goài
Để con đi câu cá nấu canh xài má ăn
Ầ ơ... Má ơi! Con dzịch chết chìm
Thò tay dzớt nó, con cá kìm nó cắn con!

Cô chị miền Trung cũng hò ru em. Đặc biệt miền Trung từ Thanh Hóa vào Thừa Thiên là võng nôi Việt cổ, nên nhiều câu hò mang nặng dấu ấn từ ngữ Việt xưa có khi khó hiểu đối với những vùng khác.

Cô chị lớn ru em:

Hai tay cầm bốn tao nôi
tao thẳng tao dùi, tao nhớ tao thương
Tao thì báo bổ hai thân
tao thì kết nghĩa Châu Trần với ai...

(Ghi chú: tao = giây treo nôi; dùi = không thẳng)

Bài ru em của người Mường Thanh Hóa:

Rú ru là rãy là ru
Tảy cho lâu lâu
cho chú đi bắn
bắn chim mi ăn trái đào
bắn chim tao ăn trái mận
bắn chim lấm tấm ăn ở lưng tâu
bắn chim kỳ chim cu ăn mạ
chó sủa chi nhao nhao
chó sủa con trai ngoài sông vô tìm mái
tìm mái thì tìm nơi xa
Một chum cà hai ba nụ bông kế
Bận áo lễ nhà ngài chẳng cho
Chơi trai nhởi mái thì đi cho xa
Nhởi trên nhà được ba dùi đục

Nhởi dưới cươi được chục cọc rào
Nhởi bến sào được ba cơn nứa
Nhởi dưới tỉnh được bốn cây gươm
Nhởi về đất Mường ăn thương ở lợi, út ơi !
Bọ mạ giục làm cửa làm nhà đàng phương xa có lợi...

(Ghi chú: tảy = ngủ; chim mi=loại chim két nhiều màu; chim tao = chim sẻ màu mốc xám hoặc đen; chim lấm tấm = chim cu cườm; tâu = trâu; chim kỳ = chim cu đất; mái = gái; kế = một loại cà dại; ngài = người; nhởi = chơi; cươi = sân; cơn = cây)

Vùng Thừa Thiên với những địa danh chợ búa trong vùng:

Ru em cho théc cho muồi
Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi Chợ Quán Chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ mua trầu Chợ Dinh
Chợ Dinh bán áo con trai
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim...
Kim găm hò áo mất rồi
Tiếc công mẹ đã đứng ngồi chọn kim

(Ghi chú: théc = ngủ; muồi = say)

Chị cũng bắt chước người lớn ru câu tình ca:

Ạ ơi ời à ạ ời ơi...
Chàng về thiếp một theo mây
Con thơ ở lại chốn nầy ai nuôi?

(Ghi chú: mây = với)

Nhưng bản tính trẻ con lại nghịch ngợm nổi dậy:

Ai nuôi con trống gà vàng
Nửa đêm dậy gáy cho chàng thức khuya?
À ơi ới... chàng ơi!
Thức khuya dậy sớm cho quen
Đổ than vô bệ để tập rèn với em!

Chị đổi giọng:

À ơ... Con chim nho nhỏ
Cái lưng nó đỏ
Cái mỏ nó vàng
Nó kêu người ở trong làng
Đừng tham lãnh lụa phụ phàng vải bô

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe

Chim quyên hút mật bông quỳ
Nam kỳ lục tỉnh thiếu gì gái khôn
Con gái khôn lấy nhầm chồng dại
Như bứt bông hoa lài cắm... bãi cứt trâu!

Chị cũng có khi lên tiếng ngỏ lời khuyên dạy:

Ạ ơi ời... ạ à ạ ơi...
Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi
Con người ta có khác gì
Học hành dốt nát ngu si hư đời
À ơi ới... à ạ ơi... Ru hời ru hỡi là ru...

Những điệu hò trong kho tàng ca dao tưởng không bao giờ kể hết. Một bài viết nhỏ chẳng đủ tầm vóc ghi nhận, phần bị lãng quên hoặc thất lạc trước đà văn minh vật chất, nhất là làn sóng phi dân tộc của cộng sản. Nhưng mấy trang trích dẫn cũng đủ thấy sức mạnh võng nôi điệu ru tiếng mẹ à ơi đã hà hơi truyền đạt căn bản giáo dục vào tâm hồn trẻ thơ ngay khi mới vào đời. Sứ mạng của mẹ là đưa con vào võng nôi văn hóa mẹ.

Quốc gia văn minh vật chất như Hoa Kỳ có phong trào khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ, ru con bằng lời mẹ, hay ít nhất cũng dùng những băng hoặc đĩa nhạc ru con. Ước mong sao các trung tâm băng đĩa Việt Nam, các ca sĩ trong cũng như ngoài nước, nghĩ đến việc thực hiện những tác phẩm Ru Con Bằng Tiếng Mẹ, để giúp trẻ có một căn bản giáo dục vững mạnh từ nguồn văn hóa dân tộc.

Hoa bang, tháng 8-2007

Kỳ sau : ĐỒNG DAO và TRÒ CHƠI

Tài liệu tham khảo:

- Doãn Quốc Sỹ, **Tuyển tập Văn chương Nhi đồng**, Sáng Tạo, Saigon 1969
- Joanie Bartels, **Lullaby Magic**, Discovery Music, 1980
- **Lullaby, a Collection**, Music for Little People, 1994
- Lư Nhất Vũ - Lê Giang, **Tìm hiểu Dân ca Nam bộ**, Nhà Xuất bản TPHCM, 1983
- Minh Hiệu, **Tục ngữ Dân ca Mường Thanh Hóa**, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1999
- Ôn Như Nguyễn văn Ngọc, **Tục ngữ Phong dao**, NXB Vĩnh Hưng Long, Hà Nội, 1928
- Ôn Như Nguyễn văn Ngọc, **Thi ca Bình dân Việt Nam**, NXB Sống Mới, Saigon, 1978
- Nguyễn Hữu Ba, **Dân ca Việt Nam**, Bộ Quốc gia Giáo dục, Saigon, 1961
- Nguyễn Ngọc Phách, **Việt sử Đương đại qua 200 câu Vè Bất hủ**, tác giả ở Melbourne, Australia và Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2007
- Nguyễn Tấn Long - Phan Canh, **Đất Lề Quê Thói**, NXB Sống Mới, Saigon, 1970
- Nguyễn Trúc Phượng, **Văn học Bình dân**, Nhà Sách Khai Trí, Saigon, 1964
- Nguyễn văn Vĩnh, **Trẻ Con Hát Trẻ Con Chơi**, NXB Alexandre de Rhodes, Hà Nội, 1943
- Nguyễn Xuân Kính - Phan Đăng Nhật, **Kho Tàng Ca Dao Người Việt**, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1995
- Trương Tửu, **Kinh Thi Việt Nam**, Tủ Sách Văn hóa Hàn Thuyên, Saigon, 1940, Xuân Thu tái bản,Houston, TX, Hoa Kỳ
- Vũ Ngọc Phan, **Tục ngữ và Dân ca Việt Nam**, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1956

HOA BÈO

CAO THANH PHƯƠNG NGHI

Trong một ngày giờ tan sở là lúc nàng cảm thấy tàn tạ và ngao ngán nhất.

Xốc cái túi lên vai, cầm lấy giỏ đựng cơm đã nhẹ hẫng nàng đi bộ đến bãi đậu xe của nhân viên, cách tòa nhà làm việc độ mười phút trong cảnh chiều bãng lãng của thành phố bắt đầu vào đêm. Có vài đồng nghiệp đi từng nhóm nhỏ hai ba người nói chuyện qua lại, có người lầm lũi đi một mình, dáng vội vã. Riêng nàng thì nàng không muốn đi với ai nhưng lại thong thả, không vội vàng. Đây là khoảng thời gian nàng muốn thư giãn và không muốn bị ai quấy rầy. Tâm trí nàng đã bị nhốt trong những lọ hóa chất, trong những ống nghiệm, trong căn phòng không cửa sổ dưới tầng hầm kia mười hai tiếng đồng hồ trước đó rồi, hơn nữa với cái cổ đã mỏi nhừ, cái bụng đói meo và hai bàn chân bị bó cứng trong đôi giày có những sợi dây đan qua lại chằng chịt nàng không còn muốn trò chuyện gì với ai nữa. Mọi thứ trong thân xác nàng đã cạn kiệt. Nàng bước đi và chỉ ngó xuống mũi giày của mình. Trí nàng lẩm bẩm: "Còn phải qua bức tường màu đỏ, qua thêm dãy hàng rào có trồng hoa dâm bụt, rồi tới lối đi bằng xi măng có một đường nứt chắn ngang." Ráng lên nhé, vài chục bước nữa là tới... Rồi nàng ngước lên, mỉm một nụ cười chịu đựng.

Bãi đậu xe là một khoảng sân rộng nằm sát bên một ngôi nhà thờ, ngăn cách nhau bởi hàng cây bách có những ngọn hình chóp mỗi lúc một thẫm lại trên nền trời đang tắt mở những ánh sao yếu ớt. Lúc nào đến bãi đậu xe nàng cũng nghe tiếng đọc kinh rì rầm xô qua xô lại trên những ngọn cây im lìm ấy, tiếng con chim nào đó kêu "éc" lên một tiếng cô độc rồi lần lượt tiếng nổ máy hết xe này đến xe khác cho tới lúc trên khoảng sân rộng mênh mông chỉ còn những vết cặn dầu còn đọng lại và những cái lá khô bay là là giữa những hàng vạch trắng đều tăm tắp. Tất cả như bảo nhau: "Ngày mai, ngày mai thôi, những người đó sẽ trở lại và mọi thứ sẽ lập lại y như ngày hôm nay." Nàng nghĩ tới ngày mai của mình, rồi ngày mốt, rồi ba chục năm nữa tất cả những cảnh vật cũng như tiếng động ấy cũng như vậy thôi. Ngày đầu tiên đến sở làm người chủ nói với nàng: "Làm mười năm thì cô được bao nhiêu đây ngày phép, làm mười lăm năm thì được thêm, làm hai mươi năm thì được thêm nữa." Nàng hỏi: "Vậy nếu tôi làm ba mươi năm?" Ông ấy cười: "Sau ba mươi năm thì ngày nào của cô cũng là ngày phép." Nàng ngẫm nghĩ: "Trên đời có nhiều việc làm bốn năm chục năm mà không bao giờ có một ngày phép nào cả."

Nàng đi lấy chồng năm ba mươi tuổi. Dạo mới đến thành phố này nàng không quen một ai, co ro và nhiều mặc cảm. Nàng sợ nhất là những câu hỏi: "Cuối tuần này con đi đâu? Có hẹn hò gì với ai không?" Nàng tránh né câu trả lời. Ờ, thì con đi chơi... Mấy người hỏi chẳng vừa gì đâu. Họ tinh như con cáo, con mèo. Họ biết ngay là nàng nói dối trong khi nàng nghĩ là mình tỉnh lắm. Họ liếc nàng thật nhanh rồi nói bâng quơ, làm như nói với khoảng không: "Bớt khó lại một chút đi, không thôi ai thèm lấy." Nàng khó à, không hẳn thế, nhưng những người mà nàng gặp không để lại trong lòng nàng một ấn tượng gì cả, như một quyển sách mà người ta chỉ cầm lên, lật lật vài trang rồi đặt xuống, chẳng nhớ nổi đến một dòng trong số những hàng chữ li ti chen chúc ấy. Người ta chế giễu nàng, hù dọa nàng: "Cứ như vầy thì ế con ơi, phải xăng xái lên." Nàng gặp anh qua một người bạn cũ, trong bộ quần áo cũ, và tâm hồn nàng cũng chưa kịp làm mới. Anh đưa nàng đi chơi dưới những tàng cây và dẫn nàng về thăm chỗ ở của mình. Anh có một cái nệm gấp, một cái nồi cơm điện, hai cái chảo và thùng mì

gói với những muỗng nĩa bằng nhựa. Nàng nhớ tới một câu trong quyển truyện nào đó đã đọc từ rất lâu: "Hai người cùng cô đơn như nhau..." Cha nàng bảo: "Không phải ai cũng phải có một mối tình như Hạng Võ-Ngu Cơ mới thành vợ thành chồng được con à." Và nàng lấy anh làm người đàn ông của đời mình.

Nàng nhớ tới một người bạn rất xưa, lúc nàng còn cột tóc đuôi gà, mặc áo cổ lá sen tay phồng và đeo bông toòng teng. Bạn nàng tên Tâm, ở gần nhà, hai đứa ríu rít như chim sáo cả ngày. Tâm ao ước trở thành ca sĩ và nàng nhớ mãi cái áo màu xanh có kim tuyến của bạn trong lần lên sân khấu duy nhất ấy. Tâm đi lấy chồng năm hai mươi tuổi - một văn sĩ ở đâu miệt Thủ Đức. Mẹ Tâm thở dài: "Biểu nó đừng lấy thằng này mà nó cứ khăng khăng." Nàng ngó theo nụ cười viên mãn của bạn bị che khuất một phần bởi tấm khăn voan qua cửa kính xe hoa có một hai xác pháo hồng hồng rất nhỏ bám vào. Hai đứa không còn liên lạc với nhau nữa cho đến một hôm rất lâu sau đó nàng có dịp đi Thủ Đức thì tình cờ gặp lại người bạn xưa ấy. Lúc đó nàng đang đứng trước một cửa tiệm bán đồ lạc xoong, lơ đãng nhìn những người qua lại thì chợt có một người đàn bà trẻ, một tay bồng con, tay kia xách giỏ đi chợ nặng trĩu các thứ, còn thò ra những cọng cải xanh có hoa vàng lấm tấm đang đi bỗng dừng lại, ngó sững rồi chợt bật lên gọi tên nàng. Hai đứa mừng rối rít và Tâm dẫn nàng về nhà chơi, một tòa nhà ba tầng có xưởng hàn tiện ở phía trước. Tâm đã già hơn sự tưởng tượng của nàng nhiều lắm, vừa bồng con vừa xào nấu mà trên tóc còn lấp lánh những mảnh vụn của kim loại bám vào. "Chồng mình hết viết văn rồi. Bây giờ lo làm ăn buôn bán. Mỗi ngày mình phải đi chợ nấu cơm cho cả nhà và mười hai người thợ"- Tâm nói. Nàng xót xa nhìn cái áo đứt nút chưa kịp đơm của bạn với những vệt mũi dãi trên vai mà đứa bé đã quệt vào. Lúc tiễn nàng ra về Tâm nói: "Con gái đi lấy chồng vui được ba năm thôi."

Con gái đi lấy chồng chỉ vui được ba năm thôi à, ngắn ngủi đến vậy sao? Vậy thì mẹ nàng, ngoại nàng, những người đã có một đời sống hôn nhân năm chục năm ấy không lẽ bốn mươi bảy năm chỉ là một cái bóng biết đi ra đi vô, biết đứng lên ngồi xuống, biết ăn biết ngủ thôi sao? Kỳ vậy. Nàng nhớ mới năm ngoái đây thôi, nàng về một vùng quê ở huyện Phú Tân tỉnh An Giang thăm người bà con. Cả gia đình là ba thế hệ, mười bốn người sống quây quần trong một căn nhà xây theo kiểu xưa, phía trước có cổng tam quan, bên trái là lẫm lúa, phía sau là chuồng bò, sau nữa là đất nhà, làm ruộng. Mọi người xúm xít làm bánh xèo, bánh ít đãi nàng. Diệu - đứa cháu dâu nhỏ nhất nhà mới cưới về năm trước bước ra chào. Cô mười tám tuổi, mới sẩy thai nên trông xanh mướt, đong đưa như tàu lá chuối. Bà Út - bà Nội chồng của Diệu nói: "Con xay hết thau bột này rồi ra ngoài sau hái lá dứa vô rửa sạch, xay nhuyễn, vắt nước cho bà Nội làm bánh ít. Ờ, nhớ hái dừa vô nạo nữa nghe con..." Nàng đi theo Diệu, hỏi chuyện vu vơ: "Hồi đó làm sao con quen Nguyên vậy?" Diệu đáp: "Con đâu có quen. Bà Nội anh Nguyên qua Bình Thủy chơi, gặp ba má con rồi xin cưới con về." Cô bé làm việc suốt, tráng hai mâm bánh xèo, vừa chay vừa mặn xong lại phụ bà Út gói bánh ít, chiều ra tưới rẫy, tối nấu sữa đậu nành cho mẹ Nguyên sáng đem ra chợ bán. Nàng tự hỏi Diệu đi lấy chồng mới được một năm, liệu còn khoảng trống nào cho cái vui cái buồn chen vào một ngày đầy dẫy công việc như thế. Rồi năm mươi năm sau, khi Diệu đã trở thành bà Nội như bà Út bây giờ thì cuộc đời nàng có cái gì khác hay cũng chỉ xoay quanh chừng đó công việc, xay bột, làm bánh, tưới rẫy, nấu sữa đậu nành... Con gái đi lấy chồng như Diệu thì rốt cuộc là vui được mấy năm?

Nàng lấy chồng đã được mười năm. Đời sống giữa hai người rốt lại chỉ còn cái thời khóa biểu, mấy giờ đi đón con, mấy giờ có hẹn với bác sĩ, những ngày giỗ quảy bên nội bên ngoại là ngày nào, những món tiền phải ký trả hàng tháng là bao nhiêu. Khi mọi thứ đã trở thành tập quán, thành thói quen thì ta không còn lưu tâm đến nó nữa cũng như nó không gợi lên ở ta một cảm xúc mới lạ nào, giống như khi cầm lên một đôi đũa có bao giờ ta chú ý xem các ngón phải sắp xếp như thế nào cho đũa đừng rớt mà vẫn gắp được thức ăn một cách dễ dàng. Chỉ có những người ngoại quốc, những đứa bé mới tập cầm đũa mới có sự chú ý đó thôi. Nàng nhớ lại có một hôm thức sớm nàng ngó ra vườn và thấy anh đang lui cui lượm những trái chanh rụng, xếp vào cái rổ nhựa bị lủng một chỗ do nàng sơ ý để gần lửa. Ủa, cây chanh của nàng ra hoa hồi nào, kết trái hồi nào mà nàng không hay biết? Nàng đi thật nhẹ đến sau lưng chồng, chăm chú nhìn những sợi tóc bạc của anh sáng mờ trong nắng sớm lung linh. Trong ngực nàng dội lên sự cảm động đến đau đớn. Nàng không dối được mình là có những lúc nàng hầu như

NGUYỆT THƯ

Biển và Em

Từng lượn sóng đong đưa xao xuyến
thấm vào bờ nồng mặn chứa chan
khẽ uốn lưng chạm bãi cát mềm
sóng nũng nịu hay bờ âu yếm.

Cũng có khi từ xa sóng đến
-p vào bÎ dữ dội cuồng điên,
như trút bao hờn giận ưu phiền
muốn xóa h¿t d¥u ngîÌi trên cát.

Rồi quay lưng sóng đi ào ạt
để lại bờ lặng lẽ nằm đau,
đêm dịu dàng con mắt ngàn sao
có thấy được nỗi đau của cát?

Có khi nào sóng trôi mải miết
bỏ mc bờ hiu quạnh nhớ thương?
Có khi nào anh mãi xa em
bờ và sóng chỉ là kỷ niệm?
Có khi nào lòng thôi tha thiết
khi nào bờ và sóng buông tay?

Chiều chìm sâu trong nỗi nhớ ngày
đại dương chết chia bờ và sóng,
và em chết, có vùi khoảng trống
trong lòng anh... biển mặn và em?

LÊ THỊ KIM

CHIỀU

Chiều hôm nao chiều Sérénade
Chiều hôm nao chiều áo tím thiết tha
Ôm trong lòng bao kỷ niệm chưa nhòa
Chiều hôm ấy mưa về em ngồi khóc.

Cuộc tình ấy vô tình em để mất
Ngón tay thơm mùi thuốc ấy đâu rồi
Để chiều này nước mắt mặn trên môi
Khi chợt nghĩ tay lùa trong tóc khác.

Quán nhỏ nào tràn ánh trăng mới mọc
Ly dừa thơm ngọt mãi tận bây giờ
Thảm cỏ nào thương quá dấu chân ta
Hương tóc ngậm trong sương chiều lãng đãng.

Con đường xưa... em cố tình quên lãng
Vẫn dạt dào mỗi lúc bước chân qua
Xin lòng đừng mưa... đừng mưa mãi
Ngày ấy xa rồi – ta muốn quên ta.

quên mất người đàn ông ấy, vì anh đã là cái tay, cái chân của nàng rồi thì sự quan tâm nhiều khi cũng phải là một sự cố gắng.

Ồ, có phải là nàng đã nắm bắt được điều ấy rồi chăng? Cái gì đã ràng buộc được cha mẹ nàng, ông bà ngoại nàng đến bốn năm chục năm? Ngay bây giờ mẹ nàng vẫn nói là lòng bà hãy còn rộn rã reo vui khi nghe tiếng bước chân quen thuộc của cha, tiếng chìa khóa lách cách không giống bất kỳ ai của ông khua lên trước cửa. Có lần nàng và anh đến dự một buổi ăn uống ở nhà bạn. Người ấy nhờ anh và nàng đốt lửa nướng thịt ngoài sân dưới bóng một cái cây gì rất cao có những cái lá to bằng bàn tay. Trong bóng chiều ảm đạm hai vợ chồng lúi húi nhen lửa, cời than và hít hà bảo nhau cái mùi thịt nướng sao mà thơm đến thế. Nàng nghe nỗi sung sướng rón rén vào lòng mình lúc đó. Rõ ràng là vẫn có những cái vui, những cái vui rất lặng lẽ, không ồn ào, ẩn náu, lẩn khuất đâu đó mà nếu thờ ơ thì ta không dễ gì bắt gặp được trong đời sống vốn dĩ rất tù đọng. Ý nghĩ đó khiến nàng liên tưởng đến cái ao thả cá trong vườn nhà Diệu mà nàng đã thấy ở Phú Tân. Trên mặt ao xanh nhớt tưởng như chỉ độc nhất một màu xanh của những lá bèo mọc ngang tàng, lấn lướt gần như muốn chồm cả ra ngoài là những cái hoa bèo nhỏ và trắng, trắng đến nao lòng đang nở rất êm đềm, xao xác. Còn gì tù đọng hơn những mặt ao, còn gì rẻ mạt hơn những cánh bèo, thế mà chúng vẫn nở hoa, nở hồn nhiên, xao xuyến. Nàng không muốn nghĩ đến đời sống như những buổi chiều tan sở nữa, nàng nghĩ đến một hình ảnh khác, tuyệt vời hơn và tha thiết hơn...

Tháng 7 năm 2007

Một trăm ngọn nến

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Tên chủ nhà ghi trên tấm bảng đồng gắn phía trước cửa khiến tiếng gõ của tôi thêm mạnh dạn. Bên trong có tiếng giầy dép khua động. Rồi cửa mở. Chủ nhà, một người nhỏ thấp, giơ bắt tay tôi rồi ra hiệu mời tôi theo anh ta lên gác. Tôi bước lên một chiếc cầu thang gỗ. Ở đầu cầu thang nhìn qua một gian phòng rộng trên gác tôi thấy khoảng vườn cây xanh của một công viên nhỏ trước nhà sau một cánh cửa sổ mở rộng, khoảng trống tươi mát rất hiếm quí của Hà Nội bây giờ.

Tôi bước vào một phòng lớn trông như một thư viện. Một tủ sách rất rộng và cao chiếm nguyên một vách tường dài. Tủ gỗ đánh véc-ni bóng, sau ngăn kính những cuốn sách dầy cộm xếp ngay ngắn, trang trọng. Nhìn qua gáy tôi thấy có rất nhiều sách chữ Hán.

Giữa phòng là hai cái bàn phủ khăn trắng đặt liền nhau, trên để những chai rượu bia và đĩa đựng trái cây. Chủ nhà xếp tôi ngồi nơi một chiếc ghế đặt ở đầu bàn. Tôi nhìn hai dẫy ghế trống dài ở hai bên bàn, nói với chủ nhà:

–Anh bắt đầu làm tôi lo đấy. Tưởng đến thăm anh nói chuyện một lát thôi, không ngờ anh làm to chuyện quá.

Anh ta khẽ mỉm cười, nheo cặp mắt sáng sau cặp kính cận, nói:

– Có gì đâu. Nghe tin anh về một số anh em ở đây cũng muốn gặp anh. Vả lại hôm nay là một ngày rất đặc biệt, ngày sinh thứ 100 của Cụ. Chúng tôi cũng muốn làm cái gì để tưởng nhớ Cụ. Anh cứ tự nhiên nhé. Các anh em cũng sắp tới cả bây giờ.

Nói xong anh xin lỗi đi xuống cầu thang. Tôi nhìn xung quanh. Bên cạnh tôi trên một chiếc bàn nhỏ có đặt một máy vi tính để mở. Màn ảnh của máy hiện lên bức chân dung màu của bố tôi, bức tranh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ.

Ngay trước mặt tôi, trên bàn, đặt một quyển sách rất dầy, bìa bọc giấy láng đề TỪ ĐIỂN VĂN HỌC bộ mới, Nhà xuất bản thế giới.

Tôi giở trang sách. Trên trang giấy đầu dưới hàng chữ in Từ Điển Văn Học là hàng chữ viết tay nắn nót và chữ ký của chủ nhà.

Bản tặng anh Nguyễn Tường Thiết và gia đình Nguyễn Tường nhân 100 năm ngày sinh cố văn hào Nhất Linh. Hà Nội 25-7-2006.

Nguyễn Huệ Chi.

*

Buổi sáng hôm ấy từ khách sạn Galaxy trước vườn hoa hàng Đậu tôi đáp xe ôm lên Yên Phụ. Chiếc xe hai bánh luồn lách trên đường Thanh Niên trong dòng xe cộ nườm nượp. Đường này xưa kia có tên Cổ Ngư nằm xuyên giữa hai cái hồ lớn của Hà Nội là hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Đến cuối đường, vòng qua khách sạn Sofitel, xe vào một con đường nhỏ ôm sát hồ Tây và ngừng lại trước một cái cổng gạch quét màu vôi vàng.

Tôi nhìn lên vòm cổng hình cánh cung đề hàng chữ LÀNG YÊN PHỤ rồi trả tiền bác lái xe thả bộ vào làng trên con ngõ rất hẹp thoải dốc. Mặt ngõ tráng xi măng sạch sẽ. Hai bên những căn nhà gạch nằm ép sát nhau, quét vôi trắng, ngói mái đỏ, hai ba từng cao. Nhiều nhà trước có cửa song sắt thò ra những chấm đỏ hoa giấy.

Đi vào ngõ khoảng nửa cây số đến một khúc quành một tấm bảng bằng đá đen đập mắt tôi. Trên bảng có hàng chữ màu vàng ĐÌNH YÊN PHỤ dưới đề "Di tích lịch sử văn hóa. Đã xếp hạng." Một mũi tên chỉ vào đình nằm phía bên kia ngõ. Ngay khúc quành một bờ xi măng cong vòng cao bằng đầu gối chắn ngõ với một cái đầm sen.

Khúc đường cong, đình Yên Phụ và cái đầm sen là ba điểm chuẩn giúp tôi định được vị trí ngôi nhà tôi đang tìm, ngôi nhà thời xửa xưa chúng tôi vẫn gọi bằng cái tên thân mật "nhà cây liễu."

Nhà ấy là nơi tôi đã từng ở những ngày rất

thơ ấu, cũng là nơi chú Sáu tôi, nhà văn Thạch Lam đã sống, viết và chết tại đó.

Đứng xoay lưng về phía đầm sen nhìn vào đình Yên Phụ nhà cây liễu nằm sát đình phía tay phải, ngay vị trí khúc đường cong. Trước nhà có bờ tường gạch chạy dài trên là lan can làm bằng những thanh sắt đầu có móc nhọn. Đằng sau hàng lan can ấy lại che đi bằng những tấm tôn sơn màu xanh khiến ở ngoài nhìn vào không thể nào thấy được ngôi nhà bên trong. Cuối bờ tường xây một cổng gạch có mái ngói, giữa cổng có hai cánh cửa sắt cũng sơn xanh đóng kín mít.

Theo trí nhớ tôi thì phía sau cổng mé trái là vị trí của một khóm tre. Khóm tre ấy không còn nữa. Nếu còn thì hôm nay tôi phải nhìn thấy nó ló lên cao khỏi bờ tường này. Khóm tre ấy cũng chính là khóm tre mà chú Thạch Lam tôi đã nhiều lần nhìn ngắm và tả những cảm nghĩ của mình trong Theo Giòng *"khi thấy các lá tre thổi vút một chiều tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn."* Khóm tre ấy chắc là đã bị ai chặt mất từ một thuở nào xa xôi lắm cùng với cây liễu ven hồ Tây yêu quí của chú.

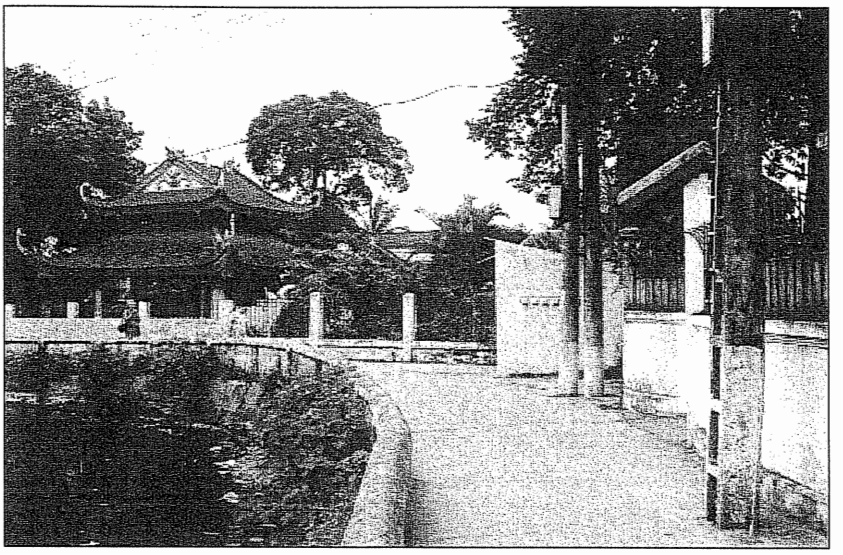
Đình Yên Phụ.

Không một khoảng hở để tôi có thể ghé mắt nhìn trộm vào trong. Tôi đứng ở ngoài tần ngần nhìn cánh cổng và bờ tường một lát rồi tôi quay trở lui, lững thững bước vào đình Yên Phụ ở sát cạnh, mang theo hình ảnh ngôi nhà mà mặc dù tôi đang ở rất gần nó, vẫn nguyên vẹn trong tôi là ngôi nhà cũ kỹ trong tâm tưởng sáu mươi năm trước.

Thủa ấy chúng tôi thường hay sang chơi bên đình Yên Phụ. Tôi còn nhỏ quá không thể nào nhớ hình dáng đình ra sao. Toàn thể khu này chỉ lưu lại trong trí tôi một màu xam xám nhàn nhạt trong đó hiện lên cái sân gạch bát tràng rộng thênh thang.

Tôi bước vào sân đình vắng lặng. Màu xám nhạt thì vẫn còn nguyên đấy, nhưng cái sân gạch bé nhỏ hơn rất nhiều so với ký ức. Trong sân có mấy vại sành lớn trồng những cây mẫu đơn trổ hoa đỏ thắm. Tôi đến gần nhìn những đóa hoa này và ngay tức khắc hiện lên trong mắt những chấm đỏ xoay tít. Thì ra tôi đã thấy hoa này rồi, ở đây, thời bé. Hoa mẫu đơn là tập họp của vô số những cánh hoa bé tí màu đỏ với những cọng hoa li ti hình ống. Chúng tôi thường ngắt những cọng đó rồi luồn một sợi tóc qua ống, thắt một đầu nút và vê tròn sợi tóc trên hai đầu ngón tay nhìn những cánh hoa đỏ xoay xoay như một cái chong chóng tí hon.

Không một bóng người. Từ lúc rời khỏi đường Thanh Niên để bước vào làng Yên Phụ những tiếng ồn ào của Hà Nội dường như đứng lại ở phía ngoài cổng làng. Trong tĩnh lặng hình như ngay cả tiếng chim kêu ở đây nghe cũng thanh sắc hơn. Tôi bước qua cái sân gạch. Nhưng thay vì đi thẳng vào đình phía chính diện tôi rẽ tay phải đi qua một cái vườn cây mà tôi đoán sau vườn là hồ Tây.

Bước ra khỏi bóng tối của vườn cây mắt tôi lóa đi trong giây lát. Phản chiếu ánh gắt nắng hè mặt hồ Tây như một tấm gương mênh mông bằng nước. Một bờ rộng xi-măng uốn vòng quanh đình Yên Phụ. Dưới bờ ấy sóng vỗ vào thềm mang theo những cánh bèo trôi rập rình. Tôi đi lần phía tay phải theo bờ nước cho tới lúc tôi không thể nào tiến xa nữa. Một hàng rào bằng lưới sắt ngăn đình Yên Phụ với căn nhà bên cạnh. Từ một bụi rậm nhìn qua lưới tôi lặng người thấy phía sau của căn nhà cây liễu cùng với mảnh vườn nhỏ ở ven hồ.

Ngôi nhà cũ của chúng tôi không còn nữa.

Trước mặt tôi là một căn nhà gạch hoàn toàn khác, chắc là được xây rất gần đây vì màu nước vôi tường còn mới nguyên. Như vậy là từ hồi chú Sáu tôi ở đấy, căn nhà tranh của chú đã được xây lại hai lần bằng gạch. Tôi không thấy được toàn thể phía sau nhà vì bị chắn bởi một bức tường rộng bằng gạch ở giữa vườn. Tường này có khoét ba cái cửa tò vò lớn lại có mái hiên lợp ngói được xây với mục đích trang trí hơn là thực dụng.

Trước là cái vườn nhỏ ngày xưa chúng tôi vẫn chơi đùa. Vườn thoải xuống hồ. Xưa kia chỗ tiếp giáp với nước có cắm một hàng cọc tre lúc nào cũng vương bám những cánh bèo trôi bềnh bồng theo sóng vỗ. Những cánh bèo bây giờ vẫn còn đó, lại còn có vẻ dầy đặc hơn. Nhưng cây liễu trong tâm tưởng tôi thì biến mất. Chỗ đó bây giờ người ta trồng hai cây cau, giữa hai cây căng sợi dây kẽm phơi quần áo. Những chiếc cánh áo bay phần phật thay chỗ cho những nhánh liễu xưa kia lúc nào cũng chao nghiêng trong gió.

Một con chuồn chuồn xanh bay vụt trong trí nhớ tôi. Nó sà xuống đậu trên một chiếc lá liễu. Chà, con chuồn chuồn này thật to! Đầu bóng như hòn bi ve. Thằng bé đưa cánh tay thò phía sau đuôi con vật. Chiếc đầu bóng khẽ nhích một cái rất nhẹ như thể muốn ngoái nhìn phía sau. Thằng bé vội ngừng tay. Lát sau nó nín thở phóng tay thật nhanh nắm lấy chiếc cánh mỏng. Tôi còn nhớ lại như in cái cảm giác nháp nháp của những đường gân nhỏ trên cánh con chuồn chuồn áp vào làn da giữa hai đầu ngón tay. Thằng bé vạch bụng mình đưa đầu con vật gần lỗ rốn. Các anh nó nói để chuồn chuồn xanh cắn rốn sẽ biết bơi. Nó thèm biết bơi lắm. Nhưng cái miệng to ngoác của con chuồn chuồn làm nó sợ. Thằng bé tính thả con vật đi nhưng nó bỗng nghĩ ra được một trò chơi. Nó gập hai chiếc cánh chuồn chuồn làm một rồi lấy tay bứt đôi trước khi thả. Con vật với đôi cánh cụt ngủn không bay lên cao được. Nó đâm chúi xuống đám bèo. Thằng bé quên phắt con chuồn chuồn xanh. Mắt nó theo dõi những chấm đỏ bay loăng quăng trên đám bèo: vô số những con chuồn chuồn ớt đỏ chót là xuống nhón đậu trên những cánh hoa bèo tím, những hoa bèo nhấp nhô trên sóng nước mang những chấm đỏ rung rinh. "Nếu mình biết bơi mình sẽ bắt những con chuồn đỏ ấy." Thằng bé nghĩ thế và nó tiếc đã không để con chuồn chuồn xanh cắn rốn.

Không biết bơi như các anh tôi, tôi cùng chị Thoa làm thuyền. Chị Thoa khéo tay lắm. Chị làm thuyền bằng những thân bèo ghép sát nhau giữ bởi những cây tăm cắm xuyên. Một cái đũa tre cắm giữa thuyền, một hai chiếc lá bèo to xuyên qua đũa làm cánh buồm. Chúng tôi làm nhiều thuyền như thế lắm. Nhưng những chiếc thuyền được thả xuống hồ không đi xa được vì thường bị vướng mắc giữa những đám bèo luôn luôn dầy đặc ở ven bờ hồ. Chúng tôi phải nhờ các anh lớn bơi ra ngoài thả thuyền ra khơi.

Những con chuồn chuồn bay lả trên đám bèo, những cánh bướm bay loáng trên bờ cỏ... Như thế đấy. Vỏn vẹn những hình ảnh vặt vãnh như thế lưu giữ mãi trong trong ký ức tôi về căn nhà của người chú... toàn những cái không đáng nhớ.

Nhưng chú Đinh Hùng thì khác. Trí nhớ của nhà thơ này mới thật đáng nhớ. Trong cuốn hồi ký viết về những kỷ niệm "chia ngọt sẻ bùi cùng Thạch Lam" chú đã tả quang cảnh nơi tôi đang đối diện này bẩy mươi năm trước như sau:

"Tuy là nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thềm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rũ cành lá xuống nước và khóm tre xào xạc ngoài cổng."

"Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi thấm thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lâu đài dinh thự nào..."

"Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam dạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ nhỏ là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn Đỗ Cung..."

"Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân tác giả *Hà Nội băm sáu phố phường* thực đã xứng đáng với cái danh "Hào sĩ" mà chúng tôi tặng anh."

"Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội

kiến đầu tiên có mặt Nhất Linh, Thế Lữ, Huyền Kiêu, Thạch Lam..."

Từ trong nhà một người đàn bà đi ra bước qua cửa tò vò đến giữa hai cây cau. Người đàn bà túm lấy mấy chiếc áo khô bỏ trong một cái giỏ, lật mặt trái phơi tiếp mấy cái quần tây rồi bỏ đi vào trong nhà.

Trong căn nhà ấy... tôi nhìn thấy – qua con mắt của chú Đinh Hùng – hình bóng những người thân yêu đã khuất của tôi, bố tôi và các chú.... đang ngả nghiêng đánh chén.

Khuya lắm, tiệc tàn. Bố tôi nằm trên chiếc võng giữa nhà, ê a ngâm thơ. Chú Sáu, chú Đinh Hùng và chú Huyền Kiêu thì loay hoay xuống bếp nướng mực và mò gậm giường lấy dưa chua trong vại ra nhậu... Cho đến rạng sáng, chú Sáu kêu người nhà đi mua thêm đồ nhắm. Bố tôi đã tỉnh ngủ từ hồi nào, ung dung ngồi vào dự tiệc. Trong khi tất cả đều say mèm bố tôi vẫn sung sức dẻo dai như khi bắt đầu uống. Bố tôi có tửu lượng rất cao. Hồi ở Đà Lạt tôi vẫn ngồi ngắm ông uống rượu. Càng uống ông càng ít nói, mặt chỉ tái đi chút đỉnh. Hồi ở bên Tàu – anh tôi kể – "cậu đã từng uống thi whiskey với ba tay lính thủy Mỹ lực lưỡng, ba tay này gục trên bàn rượu trong khi cậu vẫn còn tỉnh như sáo." Cứ như thế tiệc rượu của bốn người kéo liền một mạch cho đến tận trưa. Tất cả đều say khướt, có lẽ chỉ trừ bố tôi. Chú Sáu và chú Huyền Kiêu rót rượu đầy tràn cả ra ngoài miệng chén. Bố tôi giằng lấy chai rượu đem giấu vào góc tủ, nói:

–Thôi đấy nhé! Hết rượu rồi. Không ai được uống nữa.

Rồi bố tôi kêu nóng. Ông cởi phăng áo ngoài. Mình trần, quần cộc, bố tôi chạy ra sân, nhẩy tùm xuống Hồ Tây bơi ào ào. Khi cách bờ khoảng dăm chục thước ông lớn tiếng nói vọng lên:

–Các tửu đồ! Có hứng thử nhẩy xuống hồ này vùng vẫy chơi cho mát!

Chú Đinh Hùng cũng thoát y mặc xì-líp nhẩy

HỒNG KHẮC KIM MAI

Mộng Mị

Mắt người xưa vẫn rất đa tình
Như thanh kiếm bén nằm bên bờ đá
Chờ gọt những tháng năm
Mỏi mòn

Âm điệu thương yêu vàng thơm trên vùng trời băng giá
Cỏ mốc cũng biết nở hoa
Tím những bầu trời năm châu

Hôm qua hay hôm kia hay hôm nao
Khe nước và sao sương cùng nhau rửa những vết thương
Của tình yêu nghìn năm chôn dấu
Dễ gì phai giấc chiêm bao
Huyền hoặc tiếng đàn guitare rung rung lời tương tư
Dậy từ tâm thức
Dậy từ hai vũng xóay đắm say

Ai đã mở vòng tay đan võng
Buộc làn dây tình sử
Trói người?
Ai đã lấy mặt gương trong veo mầu hồ thủy
Rưới lên sắc hương trúc đào
Để lòng nghe
Giọt nước lao xao
Ướt những đồi sim
Và vỡ
Những bóng trăng
Nghìn năm vẫn thế thôi./.

09/05/2007

xuống hồ bơi lóp ngóp dưới nước. Bố tôi vung tay vẫy và nhoài người bơi thật nhanh về phía chú. Còn cách nhau chừng dăm thước, bố tôi bảo chú Đinh Hùng:

–Tôi với anh bơi thi từ đây vào bờ, xem ai thắng.

Hai người ra sức thi đua liền. Biết là chú Đinh Hùng không bơi giỏi, lại sợ chú còn say, bố tôi bơi kèm sát chú để đề phòng bất trắc. Cả hai về gần tới bờ cùng một lúc. Nhưng bố tôi cố ý bơi thụt lại, nhường chú nửa sải tay.

Hai người khoác tay nhau bước lên bờ. Rồi bố tôi cúi xuống. Nước hồ chẩy trên chiếc lưng rộng của ông...

Chiếc lưng ướt nước...

Trí tôi thoáng hiện một kỷ niệm với bố tôi ở Đà Lạt.

Trời nóng. Mấy bố con tôi vừa vào rừng tìm lan và đang đứng phía dưới của ngọn thác Pongour, nơi có một chỗ nước suối khét sâu làm thành một cái vũng lặng. Bố tôi ngồi xuống cát, tháo đôi giầy rồi đứng lên cởi áo sơ mi lột áo lót. Ông cúi xuống vén hai ống quần tây lên tận bẹn, quay sang tôi nói:

– Trời nóng quá! Chỗ này nước lặng con có thể tắm được.

Tôi ngần ngại. Trên người tôi mặc độc chiếc quần cộc và áo ngắn tay. Không có cả xì-líp. Năm đó tôi 16 tuổi. Tôi đã qua từ lâu cái tuổi tắm truồng. Bố tôi biết ý nói:

–Con cứ mặc quần mà tắm. Trời này thì quần ướt sẽ khô ngay ấy mà!

Tôi cởi áo đi theo bố tôi lội xuống nước. Bố tôi không bơi mà chỉ dầm chân xuống suối ngang đầu gối. Ông cúi xuống hai tay vốc nước suối dấp lên mặt, lên vai, lên lưng. Trước khi nhẩy tùm xuống bơi tôi thoáng thấy trên cái chiếc lưng ướt của bố tôi một cục bướu tròn to bằng cái trứng chim cút nằm ngay giữa xương sống.

Chỉ một thoáng thôi nhưng hình ảnh cái cục bướu ấy cứ lấn cấn mãi trong trí tôi cho tới tận ngày nay. Bố có cục u từ hồi nào? Liệu chú Đinh Hùng có nhìn thấy nó khi ông bơi với bố ở hồ Tây? Bố trăn trở ra sao mỗi khi nằm ngửa. Bố có khó chịu không? Vào khoảng đầu thập niên 60 ở Sài Gòn có phong trào các cô gái mặc áo cánh mà khuy cài lại ở phía sau lưng. Bố tôi thấy chị Thoa tôi mặc áo đó thì bình phẩm: "Mặc áo đó thì khó chịu chết, mấy cái khuy cứ cấn sau lưng sao mà ngủ được?" Thế còn cái bướu của bố nó to và cộm hơn mấy cái khuy áo nhiều, thì sao?

Một tiếng động sột soạt ở phía sau lưng khiến tôi ngoảnh ra sau nhìn. Từ trong một bụi chuối bước ra một cụ già quần áo nâu, râu tóc bạc phơ nhưng người trông cứng cáp khỏe mạnh. Thấy tôi cụ trố mắt nhìn. Cái nhìn nghi hoặc làm tôi lúng túng. Rõ ràng là tôi vừa bị bắt quả tang đang toan tính chuyện gì mờ ám. Một người lạ đến khu này mà không vào đình, lại lén lút chui vô cái xó kẹt này nhìn chăm chăm vào căn nhà bên cạnh thì quả là rất khả nghi.

Tôi mỉm một nụ cười gượng tiến lại phía cụ già lễ phép hỏi:

– Thưa cụ, cụ có phải cụ Từ trông nom đình Yên Phụ không ạ?

Ông cụ nhướng đôi mắt.

– Phải. Chính tôi. Ông muốn gì?

Tôi phân trần:

– Thưa cụ cháu định vào tham quan đình nhưng cháu nhìn mãi chẳng thấy một ai cả, cháu bèn ra hồ để ngắm cảnh.

Thấy cụ già hết nhìn tôi lại nhìn căn nhà bên kia lưới sắt, vẻ nghi ngờ, tôi nói thêm:

– Chẳng nói dấu gì cụ... cháu từ ở nước ngoài về. Trước đây hồi cháu còn bé, dễ cũng đã sáu mươi năm rồi, chúng cháu có ở căn nhà này. Vâng đúng là nhà này vì cháu nhớ nhà cháu sát cạnh đình Yên Phụ. Cháu bèn mạn phép tự tiện mò vào đây chỉ cốt là để nhìn lại căn nhà cũ của cháu, chứ thực tình không có ý gì khác. Nhưng cháu chẳng nhận ra được nhà cháu ngày xưa. Họ phá ra xây lại hết rồi. Cháu nhớ là ở chỗ cây cau kia kìa trước kia có một cây liễu...

Nói đến đây tôi thấy đôi mắt cụ Từ dịu xuống. Cụ nói:

– Cậu nhớ thế là đúng rồi. Cây liễu đó ai chặt mất từ lâu lắm. Ở đây không còn một ai nhớ ra là chỗ đó ngày xưa có cây liễu, ngoài tôi.

– Thưa cụ, như vậy cụ trông nom đình này đã lâu lắm. Chắc cụ biết trước kia nhà này là nhà tranh và nhà văn Thạch Lam đã từng sống trong nhà tranh đó.

– Ừ tôi biết chứ. Ông Thạch Lam tôi không được quen nhưng tôi biết ông Hoàn. Ông gì Hoàn nhỉ...? Tôi quên rồi. Hình như ông ta cũng có liên hệ với ông Thạch Lam.

– Thưa, chú Nguyễn Kim Hoàn là anh rể của chú Thạch Lam cháu...

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi chậm về phía đình. Đi qua bụi chuối gần đến bên hông đình thì cụ Từ lại rẽ ngang dẫn tôi ngược lại

phía hồ. Cụ nói:

– Chẳng mấy khi mà đình làng này được đón khách từ ở nước ngoài về. Cậu ra đây một lát uống với chúng tôi chén nước.

Chúng tôi vào một lối mòn xuyên giữa bụi chuối. Qua mấy chậu cây cảnh thì đến lại cái bờ xi-măng cong vòng lúc nẫy. Nhưng khúc bờ xi-măng này nhìn ra phía khác của hồ. Từ chỗ này không thấy nhà cây liễu, nhưng thấy được mái chùa Trấn Quốc lố ở tít xa.

Một hàng dừa cao phủ bóng mát trồng dọc theo bờ xi-măng. Dưới bóng cây mấy người đàn ông ngồi ngắm cảnh hồ trên những chiếc ghế nhựa thấp, trước một cái bàn con có để một ống điếu cầy, một bình nước trà và mấy cái chén.

Cụ Từ chỉ tôi ngồi trên ghế rồi giới thiệu tôi với mọi người. Tất cả những người này đều đứng tuổi. Khi được biết tôi là cháu ruột của nhà văn Thạch Lam, một người lên tiếng bình phẩm:

– Thạch Lam à? Đệ nhất văn sĩ đấy! Văn thế mới đích thật là văn! Trước sau không một ai có thể viết được như Thạch Lam. Tôi dám cam đoan thế...

Với một vẻ trân trọng đặc biệt ông ta tiếp tục nói về Thạch Lam và những nhà văn khác thời đó. Giọng nói có xen lẫn chút u hoài như thể các nhà văn ông vừa nhắc tới khiến ông nhớ lại một thời tuổi trẻ của mình.

Câu chuyện xoay quanh vấn đề văn chương và đặc biệt là văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi hơi ngạc nhiên nghe những vị này bàn về văn đoàn cũng như thành viên của văn đoàn này với một sự hiểu biết khá chính xác, mặc dù Tự Lực Văn Đoàn là một đề tài cấm kỵ không được nhắc đến từ hơn một nửa thế kỷ. Trước đây tôi đã có dịp nói chuyện với vài người trong giới trẻ Hà Nội như mấy cô chú hướng dẫn viên các hãng du lịch hoặc các cô cậu sinh viên làm việc ở quầy tiếp tân các khách sạn, những người trẻ này có khả năng về ngoại ngữ rất cao, thể nói được nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Anh, Pháp. Nhưng khi được hỏi về Tự Lực Văn Đoàn thì đa số trả lời là họ chỉ biết đến nhà văn Thạch Lam với truyện ngắn *Hai Chị Em* được dậy trong giáo trình giảng văn bậc trung học.

Rít một hơi thuốc lào một người khác ngửa cổ lên trời nhả khói rồi nói:

– Bây giờ người ta không biết viết văn... Cả một thế hệ không biết viết văn... Sách truyện bây giờ người ta in khối ra đấy mà chả có một cuốn nào viết ra hồn... Văn chả ra văn.

Tôi lên tiếng bênh vực:

– Bác nói thế có hơi quá không? Nhìn chung thì đúng như thế đấy, nhưng cũng có ngoại lệ chứ. Tôi đã đọc vài truyện tôi rất thích của một hai tác giả ở Hà Nội. Theo tôi họ viết cũng hay lắm.

– Ông nói thế là thế nào? Ông thử nêu tên vài cuốn tôi nghe thử? Làm sao họ có thể viết văn hay như những tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn được?

Tôi im lặng. Hơn bốn mươi năm trước hồi ở Sài Gòn đã có lần tôi nói tôi thích đọc văn của nhóm Sáng Tạo hơn đọc văn Tự Lực Văn Đoàn và khen nhóm này có nhiều tay viết rất cừ, mới chỉ nói thế thôi mà đã gây tranh luận trong đám bạn bè. Bây giờ nếu tôi mở miệng khen ngợi một hai nhà văn đương thời của Hà Nội với các vị mê say Tự Lực Văn Đoàn, xem văn của nhóm này như chuẩn đích cho cái hay của văn chương mọi thời thì chắc cũng lại chỉ gây tranh cãi vô ích.

Cụ Từ cúi xuống rót thêm nước chè vào chén của tôi. Từ lúc nẫy cụ yên lặng không tham dự vào câu chuyện văn chương. Cụ chắc đã trên tuổi bát tuần. Cái tuổi mà nếu các nhà văn bậc tiền bối còn sống hẳn là đã gọi cụ bằng hai tiếng thân mật "chú em."

Tôi nhìn ra hồ Tây phía xa. Trong rặng cây xanh bên kia bờ nổi bật mái đỏ của hai gian nhà lớn hai từng. Thấy tôi nhìn phía bên kia hồ cụ Từ chỉ tay về phía ấy nói:

– Bên ấy là làng Thụy Khuê. Rặng cây xanh là vườn Bách Thảo. Hai cái nhà lớn mái đỏ kia là trường Bưởi.

– Thế hả cụ? Cháu cứ nghe mãi tên trường Bưởi bây giờ mới biết nó ở đấy đấy.

Trường Bưởi, cái tên rất thân quen. *Chu Văn An ngàn đời treo gương sáng...* anh tôi vẫn cất tiếng hát, bài hát của ngôi trường một thuở nào xa xôi anh đã từng in dấu.

Trường Bưởi, cùng với sóng nước hồ Tây, đã đi vào văn chương. Tôi mê đoạn văn sau đây, nhớ mãi. Có thật chăng một cuộc tình não nùng đã từng nẩy nở bên kia bờ nước, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường kia?

"Hai mươi năm đã qua... Quanh hồ đủ thứ đã đổi thay, song thần thái của hồ vẫn là muôn thuở. Vẫn mênh mang thế, vẫn bình yên, thong dong, lãng đãng thế và say đắm thế. Với sương mờ ban mai. Với vừng ráng chiều tà. Với rặng núi xa. Kiên chưa lần nào vào lại sân trường

xưa để vòng sau nhà bát giác tới lùm cây ấy, bãi cỏ ấy. Anh chỉ từ rất xa, mé đường Thanh Niên mà nhìn về góc trường đó, mặt hồ dường như ngước nhìn anh bằng đôi mắt lấp lánh màu nâu của Phương, với vẻ kỳ diệu và nỗi ngậm ngùi của tuổi thơ ấu, của tình yêu đã đi qua, đã xa vời vợi. Và những chiều ngồi bên hồ bao giờ anh cũng ngồi nán lại cho đến khi vừng ráng chỉ còn đọng lại một ngấn đỏ chạy ngang trời. Ấy là ánh hồi quang của cái đêm hai mươi năm trước, bên bờ hồ, sau lùm cây, trên bãi cỏ, phía góc trường...

Sóng hồ dập dềnh, ì oạp vỗ vào bờ cỏ. Xa xa, từ chỗ pháo đội cao xạ chốt nổi trên đám bèo neo sâu trong hồ một hồi kẻng khuya chậm rãi dóng lên. Vị thần bảo hộ cứu tinh cho sự trong trắng và trong sạch của đôi bạn, chẳng phải ai khác ngoài chính họ.

Gió thở dài. Im lặng lan xa. Hai người như thể vừa từ đáy nước nổi bồng lên để rồi bị cuốn dạt ra mỗi ngả..." (Bảo Ninh – Thân phận của tình yêu).

Gió... không thở dài ở đây, bây giờ, mà lồng lộng thổi từ mặt hồ Tây mênh mang phía trước.

Ngày hôm qua tôi nói với Bảo Ninh ngồi đối diện tôi nơi một bàn tiệc:

–Tôi có đọc truyện *Nỗi buồn chiến tranh* của anh. Không khí truyện này rất lôi cuốn khiến tôi đọc mà muốn ngộp hơi. Đọc xong tôi hiểu vì sao anh bị giằng co trong sự lựa chọn giữa hai nhan truyện "Nỗi buồn chiến tranh" và "Thân phận của tình yêu." Tôi thích nhan đề sau hơn, có lẽ bởi vì tôi bị mê hoặc bởi những đoạn anh viết về những cuộc tình hơn là những đoạn anh viết về cuộc chiến, tôi thích style văn rất mới của anh, cái lãng mạn trong văn phong anh, không phải cái lãng mạn trữ tình êm đềm kiểu Tự Lực Văn Đoàn mà là thứ lãng mạn chua xót và đớn đau. Tôi cho rằng mình đã đọc một truyện rất hay về cuộc chiến tranh mà anh với tôi đã cùng trải qua và trực tiếp dự phần, từ hai phía đối nghịch.

Bên kia bàn Bảo Ninh, trẻ hơn tôi đúng một giáp, mái tóc đã điểm sương bồng lên bù xù, hàng râu quặp trên mép, nhận lời khen của tôi một cách trịnh trọng, hơi kiểu cách: anh nắm chặt hai bàn tay vào nhau để phía trước ngực khẽ cúi đầu nói nhỏ "đa tạ!"

Trong lúc ăn Bảo Ninh luôn tay với chai rượu whiskey rót thêm vào cốc đưa lên miệng uống. Chả mấy chốc chai thứ hai đã được khui. Bàn tiệc có sáu bảy người. Một mình anh ta có lẽ đã tiêu thụ nguyên gần một chai rượu mạnh.

Ngồi bên trái tôi, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp yên lặng gắp đồ ăn, anh ăn nhỏ nhẹ không đụng tới một giọt rượu.

Bảo Ninh uống. Hết ly này đến ly khác. Mắt anh có một lúc rời tôi nhìn người ngồi cạnh tôi bên phải. Cặp mắt đã mờ say của anh ánh lên một tia nhìn dịu và đằm thắm, hẳn cũng là cái nhìn của nhân vật Kiên với những người nữ trong *Nỗi buồn chiến tranh* của anh.

Bên cạnh tôi là Đỗ Hoàng Diệu một nhà văn nữ rất trẻ, tác giả một quyển truyện nổi tiếng " Bóng Đè".

Tiệc tàn. Tôi hơi say. Cả bàn có lẽ chỉ có hai người không đụng tới rượu là Nguyễn Huy Thiệp và Đỗ Hoàng Diệu.

Nguyễn Huy Thiệp quay qua tôi hỏi:

–Để tôi chở anh về. Anh có bận gì không?

–Không.

Anh ghé nói nhỏ vào tai tôi:

–Nhà anh Tô Hoài rất gần đây. Mình ghé thăm anh một lát rồi tôi chở anh về nhà tôi chơi...

Nơi mé hồ gần bờ hướng chùa Trấn Quốc có một người đang bơi, cái đầu chồi ngụp trên mặt sóng. Hình ảnh bố tôi bơi với chú Đinh Hùng lại thoáng trong trí.

Bố tôi đã ra đi bốn mươi ba năm trước... như con bướm trắng bay đi không trở lại. Nếu còn sống thì hôm nay là sinh nhật thứ 100 chúng tôi đã thắp một trăm ngọn nến trên chiếc bánh sinh nhật của ông.

Tôi đứng dậy nhìn đồng hồ tay. Nhớ tới cái hẹn tại nhà anh Nguyễn Huệ Chi tôi nói với cụ Từ xin kiếu về.

Bước ra khỏi đình Yên Phụ tôi ngoái nhìn phía trước căn nhà cây liễu một lần cuối rồi đi rẽ về phía cổng làng.

Mặc dù không dặn nhưng khi bước qua khỏi cổng làng tôi đã thấy bác lái xe ôm ban sáng ngồi chờ tôi dưới một gốc cây. Thấy tôi bác lật đật đứng lên vứt điếu thuốc xuống lề đường. Lúc nẫy tôi đã định bụng không về ngay khách sạn mà tản bộ một lát trên đường Cổ Ngư, nhưng thấy bác ta chờ từ sáng tội nghiệp, tôi đổi ý và để bác ta chở về.

Ngồi sau lưng bác tài trên chiếc xe hai bánh chạy ngược trên đường Thanh Niên tôi nhớ ngày hôm qua tôi ôm eo Nguyễn Huy Thiệp trên chiếc xe gắn máy của anh ta và hình như cũng chạy qua con đường này. Không có ý niệm về đường phố ở Hà Nội tôi không biết anh Thiệp

đã chở tôi đi những đâu, qua những con phố nào, chỉ biết là anh chở tôi đi xa lắm tôi ngồi lâu trên xe ê cả mông đít.

Từ nhà hàng ăn chúng tôi đến thăm nhà văn lão thành Tô Hoài, tác giả của tập truyện *Con dế mèn phiêu lưu ký* tôi đã mê say đọc từ hồi còn nhỏ. Anh Thiệp sau đó chở tôi đến phố Hàng Trống thăm một xưởng tranh hình như là của người con anh. Chiều đến anh chở tôi về nhà anh ở vùng ngoại thành Hà Nội rất xa khu trung tâm thành phố. Khi chiếc xe rời con đường chính vào một con ngõ tôi đinh ninh sắp đến nhà anh. Nhưng không. Xe còn đi lâu lắm rẽ qua không biết bao nhiêu con ngõ rắc rối rồi cuối cùng mới dừng lại trước căn nhà có bờ tường rêu bao quanh và có cổng gỗ kiến trúc giống như cổng một mái chùa hay một ngôi đình làng.

Nguyễn Huy Thiệp tắt máy xuống xe tra chìa vào ổ khóa đẩy hai cái cánh cửa gỗ nặng nề dắt xe qua cổng. Bên trong mở ra một thế giới khác hẳn bên ngoài. Một khu tuy nằm trong lòng Hà Nội nhưng biệt lập yên tịnh và đặc biệt là rất đồng quê. Qua bóng rợp của một khu vườn cây rộng, toàn cây ăn trái, nào nhãn, nào ổi, nào khế... cây nào cây nấy nặng trĩu những quả, một con đường lát gạch dẫn tôi tới căn nhà hai từng nằm ẩn sau vườn, nơi mà *Không có vua, Tướng về hưu*... cùng những tác phẩm khác của anh được thai nghén và sáng tác.

Tối đó anh Thiệp mời tôi dùng cơm tại nhà anh. Tôi nhớ mãi bữa cơm rau ấy vì đã từ lâu lắm rồi tôi không được ăn một bữa cơm rất thanh đạm nhưng đầy mùi vị quê hương. Về khuya anh đưa tôi ra đầu ngõ đón xe về khách sạn. Anh nói trước khi chia tay:

–Văn chương nó bạc lắm anh ạ. Phần thưởng quí nhất có lẽ là qua nó chúng ta có được những người bạn mới ở khắp bốn phương.

*

Tôi cúi xuống mở cái ba-lô tôi để dưới chân ghế lấy ra quyển hồi ký "Nhất Linh, cha tôi" tôi mới xuất bản ở Mỹ. Tôi mở trang đầu cuốn sách viết lời đề tặng chủ nhà.

Có tiếng động và tiếng người nói ở nhà dưới. Lát sau mọi người lần lượt lên cầu thang ngồi trên hai dãy ghế hai bên bàn. Có hai vị khách được chủ nhà hướng dẫn ngồi ghế phía trước cạnh tôi. Tất cả khoảng hơn mười người.

Chủ nhà, giáo sư Nguyễn Huệ Chi, trưởng ban văn học Việt Nam Cổ cận đại viện văn học Hà Nội, cũng là chủ biên của tập Từ Điển Văn Học, giới thiệu những người hiện diện. Trừ vài người tôi đã nghe danh tánh như giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, giáo sư Phan Đình Diệu, hai vị ngồi cạnh tôi, và một người ngồi phía dưới là đạo diễn Trần Văn Thủy, những người khác tôi mới nghe tên lần đầu.

Nghe anh Huệ Chi giới thiệu những người đó với toàn chức vị "tiến sĩ" tôi nói đùa với anh:

– Mặc dù Hà Nội đang giữa mùa Hạ anh cũng làm tôi rét đấy! Tôi chưa từng bao giờ được diện kiến với nhiều vị tiến sĩ như vậy trong đời...

Vài nụ cười nhẹ thoáng trên môi của mấy vị khách phái nữ.

Câu nói đùa của tôi không phá được bầu không khí khá trịnh trọng lúc ấy. Trong một lát tôi ngỡ ngàng. Tôi hoàn toàn không chuẩn bị để đối diện với cái không khí này.

Vị trí ngồi của tôi ở đầu bàn cho thấy hậu ý của chủ nhà muốn tôi là người nói chuyện và có lẽ là người duy nhất phát biểu trong buổi kỷ niệm này với đề tài được mọi người trông chờ là nói về ông cụ.

Tôi biết nói gì đây, ở một nơi mà chỉ nội nhắc đến cái tên ông cụ không thôi đã là một điều rất cấm kỵ?

Tôi mở đầu nói về tiểu sử và các hoạt động văn hóa của ông cụ. Tôi nói vắn tắt vì biết rằng hầu hết những người trong phòng này là những học giả uyên bác, họ đã nghiên cứu tác giả Nhất Linh rất kỹ và chắc hẳn là tường tận hơn tôi.

Còn về con người thứ hai của ông cụ, con người chính trị và cách mạng Nguyễn Tường Tam, thì đây mới thực sự là "điểm nóng." Nhưng nơi này lại không phải là một chỗ thích hợp để nói tới và luận bàn.

Tôi với tay lấy cuốn hồi ký của tôi trên bàn và đọc nguyên một đoạn dài trong bài "Nói chuyện với Huy Cận." Bài viết đó tôi tường thuật buổi gặp gỡ giữa anh em chúng tôi với thi sĩ Huy Cận vào mùa Hạ năm 2001, bốn năm trước khi thi sĩ qua đời. Trong buổi nói chuyện ấy chúng tôi đã có một lúc tranh luận khá gay gắt khi Huy Cận bắt đầu nói về chính trị, đặc biệt khi ông tự dành quyền "phán xét" hành động chính trị của bố tôi, điều mà bố tôi không muốn: bố tôi tự chết chỉ quyết là không để ai được quyền phán xét ông, ngoài "lịch sử".

Buổi nói chuyện trong đó tôi là người duy nhất lên tiếng chấm dứt trong im lặng. Không một tiếng nói thứ hai, không một lời bình luận. Sự yên lặng bao trùm khiến tôi liên tưởng đến thái độ của những người trí thức trong nước mà tôi đã có dịp tiếp xúc: họ nhã nhặn, lịch sự nhưng dè dặt.

Sau đó chủ nhà đứng lên chuyển lại lời mời của tôi với tất cả mọi người hiện diện đến dự buổi cơm trưa tại một nhà hàng do anh ấy lựa chọn. Rồi anh chuyển quanh bàn cuốn Từ Điển Văn Học để tất cả cùng ký tên trên trang sách anh đã viết sẵn lời đề tặng chúng tôi.

Sau khi chụp hình lưu niệm mọi người lần lượt bước xuống cầu thang. Anh Huệ Chi bảo tôi:

–Anh cứ ở trên này một lát để tôi xuống trước thu xếp xe.

Tôi hỏi anh:

–Anh đã chọn được quán ăn nào chưa?

–Rồi. Quán ngon.

Tôi hỏi lại:

–Quán gì?

–Quán Ngon.

–Chà, cái tên lạ nhỉ...

Anh mỉm cười bước xuống cầu thang.

Tôi ngồi xuống ghế lật trang đầu cuốn Từ Điển.

Bên dưới chữ ký của anh Nguyễn Huệ Chi có thêm chữ ký của các vị sau đây: Phan Đình Diệu, Trần Văn Thủy, Phạm Ngọc Lan, Đặng Thị Hảo, Nguyễn Bá Dũng, Phạm Thu Hương, Trương Hồng Quang, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Văn Bình.

Phía dưới nữa là một hàng chữ lớn viết tay và chữ ký của người viết:

Với cả tấm lòng quý trọng đại văn hào Nhất Linh.

Hoàng Ngọc Hiến

Seattle, mùa Thu năm 07

chukythu

Những Khía Cạnh Cuộc Đời

Anh gắng viết những giòng thơ lý tưởng
Nhưng hôm nay, lý tưởng đã không còn
Thơ anh viết chỉ bằng điều tưởng tượng
Cho cuộc đời sống sượng chút chua cay... !

Em có thấy lòng người đầy giả, thật
Mỗi con người mỗi vẻ mặt đa dung
Những trái tim dẫu có nhịp đập chung
Nhưng giai điệu chẳng thể cùng giai điệu

Sự sống, chết... chứa muôn điều kỳ diệu
Từng cảnh đời đều khó hiểu riêng nhau
Mỗi dòng sông luôn có một bóng cầu
Và nước mắt vẫn mặn chung vị muối

Trọn kiếp sống rồi thâu vào một buổi
Trên chuyến xe rong ruổi tiễn xác người
Mỗi hợp tan đều có một luân hồi
Giờ sinh, tử... vô vàn lời cầu nguyện

Đời nghiệt ngã giữa lằn ranh ác, thiện
Phơi tình người trên bình diện mưu sinh
Bã lợi danh - mầm mống của nhục vinh
Luôn góp mặt với nhân tình thế thái

Có những cuộc chia tay là mãi mãi
Sự bội thề - băng hoại một đời nhau
Mỗi lọc lừa là vết chém in sâu
Cho tình nghĩa thuở đầu thành vô nghĩa

Phút nhắm mắt vụt hiểu điều thấm thía
Buổi khốn cùng, từng tâm địa bày phơi
Thực hay hư, mọi khía cạnh cuộc đời
Đều trả giá sự được, còn hay mất

Em thấy chứ lòng người - chân sự thật
Rót vui buồn chồng chất cuộc trăm năm...

Ngày về

MINH THÙY

Ông Hớn ngồi ở nhà hàng gần bờ biển Huntington Beach, một mình với mấy chai bia trên bàn. Sóng biển vỗ dào dạt vô bờ đá, thủy triều đang lên. Ông nhớ con sông Tiền ở quê, cuồn cuộn nước chảy, khi nước lên, tràn đến bậc tam cấp sân sau nhà.

Nhà ông sau này dọn ra gần chợ để tiện việc đi lại, vậy mà qua Mỹ năm năm rồi, khi nào nằm mơ, ông chỉ mơ thấy căn nhà cũ, mặt tiền ngó ra đường lộ, bờ sông phía sau, hừng đông có nhiều tàu ghe qua lại, tiếng người nói lao xao, tiếng máy đuôi tôm xình xịch, ánh đèn dầu lấp lánh mặt nước. Khi không sao chiều nay nhớ nhà da diết.

Ông vớ chai bia trước mặt, cụng vô chai trên bàn, nói với nó như bạn nhậu đang ngồi đối mặt:

- Dzô nữa ! Mới có mấy chai, nhằm nhò gì.

Ông ngó vô trong quán, gọi:

- Thêm chai nữa, bà chủ.

Bà chủ lững thững đi ra, đem ra bàn chai bia lạnh, tự động thêm dĩa tôm khô củ kiệu.

- Bữa nay sầu đời sao mà nhậu một mình vậy anh Tư?

Tư Hớn làm thinh. Bà mặc cái váy dài màu đen, áo cánh ngắn cũng đen. "Màu đen làm cho người ốm đi." Bà nói như vậy, cân nặng của bà sơ sơ 80 kg, đã trừ bì ! Màu đen dường như chẳng làm bà xuống bớt kí lô nào, vòng số 2 với vòng số 3 bằng nhau. Đàn ông đến đây gọi bà là "bông hồng nhỏ," ghẹo chơi để nhìn bà cười, rung rinh bộ ngực đồ sộ. Hồi trẻ, bà từng là hoa khôi ở một trường trung học tỉnh lẻ, giờ về già chỉ còn duyên ở nụ cười. Buồn tình đời, có lần "bông hồng nhỏ" tâm sự với ông Hớn:

- Hồi mới qua Mỹ em còn thon thả lắm, chỉ có 48 kí, (ông Hớn tính nhẩm, chắc phải cộng thêm ít nhất 10 kí cho sự thật) hổng biết sao mà mỗi ngày lên cân vù vù. Có lần đi xin việc, phải ngồi chờ hơi lâu. Cái ghế nhỏ có hai tay dựa, chật chội. Đến lượt mình vào Interview, em lật đật đứng dậy, thì hỡi ơi, cái ghế ôm chặt luôn vô mông! Em phải vừa lắc, vừa dậm chân, ông Sếp ra tay, kéo cái ghế ra, em thì muốn khóc mà ông ta tủm tỉm cười. Lần đó không cần chờ kết quả, cũng biết số phận mình ra sao. Thôi đành về nhà mở quán làm ăn.

- Vậy mà hay, em làm ăn mình ên, phất lên ngon lành, có chi mà ân hận?

- Nhờ Trời cũng đủ sống.

Ông bạn nghệ sĩ lang thang hay cùng ông đến đây, có lần say xỉn, nắm tay bà chủ quán, nói:

- Này bông hồng nhỏ của đời anh, nếu em chịu khó ốm bớt 10 kí lô thôi anh thề yêu em trọn đời.

Đâu dễ chịu thua, bông hồng nhỏ đốp lại:

- Này ông anh ca sĩ hạng ruồi của em, nếu anh chịu khó nhuộm tóc, trẻ lại chừng 10 tuổi thôi, em thề bỏ người yêu theo anh suốt đời.

Hắn ngậm câm. Tư Hớn khoái trá cười thầm" đáng đời già dịch," cho hắn bỏ cái thói cợt nhã, coi thường phụ nữ. Thử một ngày trái đất này không có đàn bà xem sao, chắc hoang tàn hết. Cái gì mất rồi mới biết là quí. *No woman no love.* Không có đàn bà thì ta yêu ai, sống với ai!?

Như ông "*năm năm rồi đi biệt, đường xưa chưa lối về* " chưa một lần về thăm quê, thăm đám con, thăm vợ. Gia đình còn nguyên đó, chỉ cách có nửa vòng trái đất, hằng tuần gọi điện thoại về nhà, sao vẫn thấy mình bơ vơ quá.

Nhớ tới vợ con, ông Hớn thấy cay cay con mắt. Phải làm thêm ngụm bia nữa. Trời nhá nhem tối rồi, sao không nghe tiếng bà Tư nói đám con câu quen thuộc:

- Đứa nào ra mời cha bây vô ăn cơm.

Hồi ông sắp ra đi, bà Tư Huệ, vợ ông, nửa chơi nửa thật nói:

- Coi chừng qua bển rồi, vợ giả dám thành vợ thiệt, lửa gần rơm mà.

Ông Hớn hỏi dò:

- Rủi ro xảy ra thiệt thì bà tính sao?

- Còn biết tính sao, ông làm sao coi cho được thì thôi. Xin ông làm ơn nhớ sấp nhỏ, chứ tôi đành an phận.

Bà nói rồi quay đi.

Ngày ông lên xe hoa lần thứ hai với bà Kiều Mộng Ngọc, bà Việt kiều từ Mỹ về, chính tay vợ

ông sắm sửa đồ trang sức, áo cưới, đến tận Hotel bà Mộng Ngọc đang ở, trang điểm cho bà dâu mới. "Sao kỳ vậy ta?" Hàng xóm thắc mắc. Bà Huệ cười:

- Ổng muốn du lịch thế giới cho biết đời, nên phen này bỏ tôi để theo tiếng gọi con tim!

Bà con bên nội, ngoại cũng thắc mắc, ông Hớn với vợ giữ im lặng cho êm xuôi mọi việc. Giấy tờ ly hôn được chứng nhận, Tư Hớn tách hộ khẩu ra căn nhà thuê tạm ở chợ, nhưng vẫn cơm ăn ba bữa, tối ngủ ở nhà. Cho đến khi bà Mộng Ngọc về quê, ký giấy hôn thú với ông. Chuyện khó êm xuôi lại ở bà Việt kiều.

Tư Hớn than thở với Hai Sự, cháu ông, người có công lớn trong chuyện mai mối, từ xứ Cali bên Mỹ về thăm quê hương cùng với bà Mộng Ngọc:

- Tao đau đầu với bà Mỹ da vàng này quá, đám cưới giả mà bả làm như thiệt, đòi đốt pháo dài 10 thước, đòi có năm, bẩy cái xe hơi rước dâu chạy lòng vòng thành phố, bấm còi tin tin, trong khi tao chỉ muốn làm cái lễ ra mắt nhỏ, chụp mấy tấm hình làm bằng chứng. Tao mà còn làm chủ tịch xã như trước dám bả đòi bắn pháo bông chào mừng đám cưới !

Quân sư Sự an ủi cậu mình, giảng giải :

- Sá gì mấy cái lặt vặt đó, cậu ráng chiều bả đi, miễn sao chuyện lớn thành công là được. Đời người có mấy lần lên xe hoa. Đời bả, tính sơ sơ, mới có ba ông Mỹ đi qua đời tôi, chưa có ông Việt Nam nào, nên nay bả muốn làm đám cưới rình rang ở quê, cho nở mày nở mặt đó mà.

- Nói thiệt với mày, tao rán nín thở qua sông, chứ thấy bả cứ õng ẹo đòi thêm điều này, điều nọ, tao phát ớn lạnh.

- Cậu Tư lo làm chi, bả chỉ muốn hình thức rắc rối vậy thôi, chứ tiền bạc đâu có đòi thêm, vậy là đẹp rồi. Cậu cứ nhớ mục đích tối thượng của mình mà bỏ qua đi.

Với Tư Hớn, 20.000 dollar cho cái giấy hôn thú không phải là mắc, ông đã đưa trước phân nửa, phần còn lại sẽ đưa hết cho bà Mộng Ngọc khi ông đặt chân lên nước Mỹ, có được thẻ xanh. Ông phải đi qua ba nước mới biến kế hoạch lớn của mình thành hiện thực, thôi đành nhắm mắt trao thân gửi phận cho bà Mỹ da vàng này. Bả có lẽ cần tiền, mình cần giấy tờ, làm khó chi đời nhau. Qua được xứ Mỹ rồi thì đường ai nấy đi.

*

Trước khi xin Visa, đặt vé máy bay, Tư Hớn coi lịch chọn ngày cẩn thận. Ngày ông đặt chân xuống phi trường Frankfurt, đúng hôm nước Đức gặp cơn bão tuyết. Vợ chồng Sang đi đón, chu đáo đem theo áo mantel dầy cho chú Tư. Ở trong phi trường còn ấm, ra ngoài mới thấy rét run, tuyết bay lả tả đầy trời như bông gòn. Tuy lạnh cóng nhưng Tư Hớn thấy xứ này vẫn đẹp, người nào cũng áo len dầy, găng tay, khăn quàng cổ đủ màu, gương mặt ai nấy sáng, tươi vui. Xa lộ êm ru, chạy hoài không rơi vô ổ gà lớn nhỏ nào gài bẫy trên đường, không thấy núi rác nào lù lù án ngữ bên đường. Xe cộ chạy trật tự, bình tĩnh, không bị điếc tai vì tiếng còi xe inh ỏi như bên nhà. Dù mùa đông, vợ chồng Sang cũng đưa ông đi chơi phố, gặp bạn bè, thăm vài thắng cảnh: khu phố cổ, những lâu đài trên núi dọc theo sông Rhein.

Tuần sau ông thôi không so sánh bên này với bên nhà, chuẩn bị tư thế ra mắt bà chủ nhà hàng Kim Tiền. Sang đưa ông tới nhà hàng tối thứ hai, lúc nghỉ bán. Dù ít chú ý bề ngoài, Tư Hớn phải kề tai Sang hỏi nhỏ:

- Bà này làm sao mà cứ lấy khăn chậm nước mắt hoài ?

- Chú Tư không biết sao, bả mới về VN đi mỹ viện sửa mắt, cắt cao mí mắt, để mắt to hơn, ra vẻ nai vàng ngơ ngác, ai ngờ đụng hạch nước mắt, nên chưa khóc mà lệ cứ dâng tràn.

- Hèn chi. Tao tưởng đâu bả cảm động vì có người bảnh như tao đến xin cưới... giả.

Dáng ông Tư cao lớn, mặt chữ điền, chân mày tướng. Thời trẻ theo ghe chài sống đời sông nước, đến nay tuy hơn sáu mươi, tóc muối tiêu, trông ông vẫn còn phong độ. Bà Kim Tiền ưng thầm ông ngay từ bữa gặp đầu tiên, nhưng vẫn làm cao.

- Tôi thông cảm hoàn cảnh nên muốn giúp anh thôi, tiền bạc là chuyện phụ, tình cảm mới là chính. Anh đưa 30.000 Mark để lo giấy tờ là được rồi.

Sang nói với chú Tư Hớn khi ra xe:

- Giá đó chẳng phải tình cảm gì ráo, đúng giá thị trường. Được cái bảo đảm, chứ nhiều người ký phải giấy hôn thú với mấy tay Đức nghiện rượu, xì ke ma túy, phiền phức lắm. Có khi giao tiền rồi, có giấy tạm trú rồi mà đâu yên, nó bắt trả tiền nhà, mua xe cho nó, tới lui hăm dọa đòi đưa tiền thêm, không đưa nó tố cáo mình ra Tòa là dụ dỗ, lường gạt nó.

- Bộ rồi không biết tố ngược lại sao, tiền mất tật mang, chịu thua sao?

- Đâu có dễ chú Tư. Nó là dân Đức có thể bị phạt vạ chút ít, còn mình dám bị trục xuất về

nước, nên phải cắn răng chi thêm, chờ đủ thời hạn được thường trú thì mới Tschuss (chia tay) nó được. Có khi muốn ly dị phải chi thêm tiền nữa.

Với bà chủ đồng hương này coi bộ cũng không bảo đảm. Mấy hôm sau bà kêu điện thoại ngã giá, chịu bớt chút ít, 5.000 Mark, với điều kiện, ông Tư phải làm việc tại nhà hàng giúp bà một thời gian vì tình cảnh bà đơn chiếc. Tư Hớn nổi dóa:

- Bà này cứ leo lẻo cái miệng tình cảm là chính, nhưng tiền bạc tới mười, y chang tên bả. Một thời gian là bao lâu, tiền trao cháo múc, đâu phải cho không mà bắt tao ở rể không công? Phần nào thôi, bộ bả tính chơi trên cơ tao sao chớ?

Vợ Sang nghiên cứu tình hình kỹ hơn, bàn thêm:

- Giả dụ bà Tiền chịu ký giấy, chú Tư có giấy tạm trú, nhưng phải ít nhất năm năm sau mới vô được quốc tịch, phải có việc làm, mới đón được con sang, luật ở đây khó khăn lắm.

Tư Hớn đành tay không giã từ nước Đức, buồn lòng vì mộng lớn chưa thành, nhưng quyết chí không chào thua số phận. Hôm tiễn ông ở phi trường, Sang bất ngờ tiết lộ nguồn tin mới:

- Chú Tư yên chí đi, con mới bắt liên lạc được với Hai Sự, con dì Ba Sử, đang sống bên Cali, để nó tìm mối khác cho chú.

Hai Sự - cái phao của đời ông. Ông nhớ như in: nó mặc cái quần xanh rách gấu, cái áo có miếng vá lớn sau lưng. Nhà nghèo, cha chết sớm, lẽ ra nếu theo ghe chài với ông sinh sống, nó nói:

- Con muốn học lên nữa, cậu Tư giúp con, con đội ơn. Đời trai mà cứ lẩn quẩn ở cái hóc bò tó bên con sông này, không ngóc đầu lên được.

Ông hỏi:

- Mày lấy gì ăn mà đòi học tiếp?

- Con lên Sài Gòn vừa đi học, vừa làm nghề đóng giày ở nhà đứa bạn. Người ta sống được thì mình sống được, lo gì.

"Thằng này có chí lớn," ông thương như con, lâu lâu lại gửi tiền cho nó. Má nó ở đây thiếu thốn có bà Tư Huệ giúp đỡ. Hôm 30 tháng 4 tự dưng nó biến mất, bặt tin. Má nó khóc đỏ con mắt. Giờ tự dưng nó lại hiện ra cứu nguy cho ông. Cuộc đời dâu biển khó ai ngờ.

*

Hai Sự hẹn gặp ông Tư ở Vancouver vào mùa thu! Nó gửi e-mail cho ông, nhắn tin:

"Con chưa tìm được mối nào bên Mỹ, nhưng có người bạn giới thiệu một mối được lắm bên Canada, rẻ thôi, 10.000 dollar. Bên đó nghe nói đời sống dễ chịu hơn bên Mỹ. Cậu Tư ưng chịu thì xin Visa qua Vancouver. Từ Cali con sẽ bay sang đó trước đón cậu, bàn chuyện với cậu."

Tư Hớn lại đóng bộ, kéo va-li lên đường, y như một businessman đi tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm. "Cũng đúng thôi, đây là một business, một thương vụ thiệt chứ đâu phải chuyện giỡn." Tư Hớn chép miệng, khấn thầm, cầu Trời phù hộ cho mình rửa được mối hận lòng bao năm nay. Qua điện thoại đường dài, ông hé mở cái "nỗi sầu nào chưa nói ra" cho Hai Sự biết.

Đó là quãng thời gian nhà nước rục rịch mở cửa thông thương, thôi không ngăn sông cấm chợ. Nhanh chân thức thời, Tư Hớn rời bỏ chức chủ tịch xã, có tiếng mà không có miếng, qua làm giám đốc công ty hợp tác xã mua bán. Tính ông sòng phẳng, chịu chơi, nên dễ kiếm ra "cô-ta (quota), cô mình" móc ngoặc làm ăn, phất lên mau chóng. Làm giàu cho công ty chừng ba năm, Tư Hớn ngẫm nghĩ, khả năng như mình tội gì làm cho thiên hạ hưởng, lời lãi bao nhiêu phải cúng cấp trên, cấp dưới, chia năm xẻ bảy gần hết, rủi khi chuyện đổ bể, mình thành con dê tế thần. Bao cái gương trước mắt đó thôi.

Phủi tay từ chức, Tư Hớn giã biệt nhà nước, bỏ vốn dành dụm bấy lâu hình thành công ty hợp doanh, phất lên như diều gặp gió. Khôn ngoan, ông vẫn dựa dẫm vào cơ chế nhà nước, các móc nối từ trước. Những lần trúng mánh lớn, phải đưa đám đầu nậu với bên đối tác đi ăn chơi, nhậu nhẹt ở mấy nhà hàng trứ danh trên Sài Gòn, ông hãi hùng. Thế giới ăn chơi trác táng của Sài Gòn bây giờ bỏ xa mấy món ăn chơi của đất Sài Gòn "bị ảnh hưởng nọc độc văn hoá đồi trụy của Mỹ ngụy" năm xưa.

Tư Hớn tuyên bố, ông chỉ ăn mà không chơi. Mặc ai chơi bời vung vít, ông có mặt ở bàn nhậu không lâu, kiếm cớ bỏ cuộc nửa chừng, bằng một cú điện thoại của tên đệ tử báo tin có việc quan trọng, phải đi ngay. Ông cố ý tránh những cuộc mây mưa, không đi massage, lên Ban-Mê-Thuột "cỡi voi", đi chơi em út ở mấy động thiên thai có tắm ôm, lẩu ôm. Mấy tay chơi cười cợt Tư Hớn "đạo đức giả, chơi nổi". Có kẻ đề nghị đổi tên ông thành Lục Vân Tiên! Có tay nói thẳng:

- Cha này hết xí quách rồi, để tao biếu không Viagra.

Mấy cái đầu đông đặc mánh mung, những

đôi mắt mờ tối sắc dục làm sao hiểu nổi ông. Lương tâm ông chắc có răng, hay cắn rứt làm ông khổ tâm khi thấy những cô gái trẻ đáng tuổi con cháu ông, vì đồng tiền, vì miếng cơm cho mình và cả gia đình, phải ôm ấp hôn hít những ông nội, ông cố nội, đầu hói, bụng xệ căng dầy thịt mỡ như có bầu năm, sáu tháng. Có lẽ ông hơi đa cảm, hơi cải lương (điều này ông giấu kín). Với ông, phụ nữ ở đâu, bất cứ tuổi nào, thảy đều đáng thương, nhất là thân phận đàn bà ở cái xứ khốn khổ trần ai này. Ông thấy bớt bị dằn vặt đôi chút nhờ vợ ông. Từ khi gia cảnh phất lên khá giả, bà không thay đổi tâm tính. Bà con, người dưng gặp cảnh hoạn nạn túng thiếu, đến than thở, bà móc túi cho mượn, có khi cho luôn. Đi làm ăn tận đâu đâu, rốt cuộc rồi ông cũng quay về bên bà Tư Huệ.

Một tay chơi mới nổi, bí danh Ba Lươn (thiên hạ gọi sau lưng là Bất Lương) nhỏ tuổi hơn ông, khôn lanh hơn ông, nhưng tài kinh bang tế thế thì còn lâu mới theo kịp ông, dù hắn có bằng tiến sĩ kinh tế, hậu quả mấy năm Đại học tại chức. Trước kia tuy là công an cấc ké, nhưng nhờ theo đuôi đàn anh trong phi vụ cho thuê bãi đáp để vượt biên, hắn giàu lên mau chóng. Khi đánh hơi phi vụ bắt đầu rò rỉ, lại nhiều phe phái nhảy vô tranh ăn, hắn bỏ chạy trước qua kinh doanh. Thành tích mua xe Honda nghĩa địa nước ngoài, phù phép thành Honda mới, bán giá cắt cổ trong nước khiến hắn nổi danh "phù thủy" trong giới kinh doanh móc ngoặc. Cậy thần thế, Ba Lươn hớt tay trên nhiều phi vụ làm ăn của công ty Tư Hớn. Mấy phen thua thiệt vì mất "cô-ta" mua hàng, bên Tư Hớn tìm kế mai phục chơi lại, khiến hắn mất ăn mất ngủ. Điên lên vì ganh ghét, Ba Lươn tung tin nói xấu, vu khống Tư Hớn. Ông giả điếc, không chấp, nhưng nghe đàn em báo lại, giữa buổi tiệc lớn đông đủ "đại gia" ở Sài Gòn, hắn ngang nhiên lên tiếng :

- Tư Hớn chẳng qua là tên trọc phú, thằng ghe chài thất học, gặp thời đi lên chứ tài cán gì. Con cái hắn tám đứa mà có đứa nào vô Đại học. Ba thằng con trai tôi, sơ sơ đã có hai đứa qua Mỹ du học. Mấy đứa con gái hắn có theo xách dép rửa chân con tôi, còn lâu mới được.

Tư Hớn giận sôi gan tím mật, danh dự bị xúc phạm. Đàn em ông Tư nóng ruột xin phép:

- Để tụi em dần nó một trận, anh Tư không cần ra tay, chỉ cần lấy nó hai cái tai ngâm dấm, cho nó câm miệng nhớ đời.

Ông Tư dằn lòng, đó chỉ là hạ kế, ráng nặn óc suy nghĩ tìm mưu chước. Ông hơi đau lòng khi thấy lời hắn nói có phần đúng, hai đứa con lớn theo ghe chài với ông từ nhỏ, chỉ được đến trường hết cấp tiểu học. Đến nay bốn đứa lớn yên bề gia thất, biết làm ăn, sống cũng khấm

HOÀNG HUY KHÁNH

DUYÊN HOA

Xuân xưa đi đến trường
Hoa vàng nở bên chân
Ngắt hoa đem vào lớp
Tặng nàng, lòng bâng khuâng.

Lòng tôi hoa thầm ngỏ
Tình tôi hoa thầm trao
Nàng là hoa mắc cỡ
Tình tôi đến kiếp nào!

Xuân sau đi đến trường
Hoa vàng gió lắc lay
Ngắt hoa đem vào lớp
Không nàng biết tặng ai!

Ép hoa vào trang vở
Hương thừa gió cuốn đi
Hoa trao nàng xuân trước
Còn giữ dấu tình si?

Xuân theo nàng về đâu!
Hoa tàn bay theo gió
Bao giờ lại gặp nhau
Hoa vàng duyên thuở nọ.

khá, nhưng chuyện học vấn thì không sánh bằng ai. Bốn đứa nhỏ vẫn còn cắp sách đến trường. Phải tìm thầy giỏi kèm cặp tụi nó, khép tụi nó vô kỷ luật học tập, sau này thành danh với đời, tụi nó sẽ hiểu ông.

Đêm đêm thao thức, Tư Hớn thề với ngọn đèn "ngày nào đó, con mày sẽ làm đầy tớ cho con tao." Ông thầm nể phục Hai Sự, biết nhìn xa hơn ông. Thời buổi này còn quanh quẩn ở cái xó này thật không sao ngước mắt lên được. Đời còn dài, chưa muộn mà. Ông âm thầm lên phương án rửa mối hận lòng "quân tử trả thù, mười năm không muộn."

Nuốt nước mắt mà kể nỗi lòng cho Hai Sự nghe, ông mừng như trúng số khi tìm được thằng cháu tri kỷ. Chỉ cần nghe nửa câu chuyện, Sự hiểu thấu tim gan ông cậu mình, nói chắc như bắp:

- Con sẽ giúp cậu Tư tiến hành kế hoạch cho đến khi nào thành công, sau đó có chết con cũng yên lòng.

*

Bữa tiệc nhỏ diễn ra ở nhà hàng Hongkong bên Vancouver. Tư Hớn với Hai Sự ngồi một bên, bên kia là ba con trai bà giáo Nghinh. Ba đứa đều phương phi, mặt sáng, nói năng lễ phép, rõ ra con nhà nề nếp. Bà giáo có năm con trai, đứa bác sĩ, đứa kỹ sư, đã lập gia đình, trừ đứa út. Vợ tụi nó đều là dân Tây, mắt xanh tóc vàng. Vừa nhập tiệc, thằng lớn trịnh trọng nói:

-/Con xin thay mặt mẹ con tiếp chuyện cậu Tư, anh Hai Sự, mời dự bữa cơm tối nay. Mẹ con muốn tới lắm, nhưng bị mệt, xin phép vắng mặt. Cậu Tư có điều gì hỏi thêm, con xin thưa chuyện.

Cũng phải thôi -Tư Hớn nghĩ thầm- nhà giáo mà, làm gì cũng từ tốn, cân nhắc cẩn thận. Chắc bà giáo muốn đám con coi mặt, nhận xét về mình trước. Được thôi, ông chỉ cần bản hợp đồng, tờ giấy hôn thú với giá cả đã định đoạt, chứ có chính thức đâu. Vả chăng ông tuy hơi già, ít học, nhưng còn bảnh, từng vang bóng một thời bên sông Tiền chứ đâu phải cỏ rác chi. Hơi buồn vì bữa ăn ngon mà không có bà giáo tham gia.

Thằng thứ hai chỉ cái hồ nhỏ, tôm cua cá đang bơi lặng lờ trong đó, nói:

- Cậu Tư thích món gì, con đặt nhà hàng làm đúng thứ đó để cậu biết tài nghệ của đầu bếp Hongkong nơi đây.

Tư Hớn cười cười, tưởng gì, chứ ăn nhậu kiểu này, Sài Gòn đâu chịu thua. Mấy nhà hàng lớn ở Sài Gòn bày đủ trò ăn chơi, ăn tươi, ăn thịt sống còn phừng phừng trên lửa, ly kỳ rùng rợn hơn bên Hongkong, Bangkok. Hai Sự thay ông Tư vô đề:

- Chuyện giá cả cậu Tư tôi đồng ý, nhưng muốn biết bà giáo có đặt thêm điều kiện gì khác không? Đây là việc trao đổi, nên minh bạch từ đầu để sau này không mất tình cảm đôi bên.

- Mẹ tôi không làm khó, đòi hỏi gì đâu, chỉ muốn là sau khi xong việc giấy tờ thì cậu Tư ở chung nhà. Mẹ tôi có dành cho cậu Tư riêng một phòng trên lầu. Như vậy cậu không phải lo tiền thuê nhà, khỏi lo chuyện ăn. Tụi con giúp được hết. Căn nhà rộng, mình mẹ con ở hơi buồn. Nhà có thêm người, nhất là đàn ông, đỡ trống trải lo sợ.

Thằng thứ ba ít nói, trầm ngâm, lúc này mới lên tiếng, giọng thương cảm:

- Mẹ con một đời khổ lắm. Cha con bị đi cải tạo, chết trong tù, mẹ con phải bỏ nghề giáo, tần tảo buôn hàng chuyến, bán chợ trời nuôi tụi con. Sống cam khổ nhẫn nhục mẹ con quen rồi, con nói để cậu Tư hiểu hoàn cảnh mẹ con hơn.

Dường như có ai xát muối trái tim Tư Hớn. Nghe nó nói, phải nuốt nước mắt vào lòng. Ông Tư thề với lòng sẽ coi bà giáo như người chị, hết lòng chăm sóc giúp đỡ.

Sự đời trớ trêu, chính Tư Hớn lại là người phá bỏ lời thề. Ông đập bàn, đi tới đi lui trong căn phòng ở Hotel, la lối:

- Sự, mày nghĩ coi như vậy có được không ? Một mẹ nuôi đủ năm con, mà giờ tụi nó cả năm đứa đều bỏ rơi mẹ mình. Đưa tao vô thế mạng, làm người chăm sóc cho mẹ tụi nó, vậy là yên chí lớn, phủi tay trách nhiệm. Vậy tụi nó ăn học làm chi. Cái thứ con như tụi nó tao đem câu sấu hết.

- Con cũng thấy đúng là không được. Nhưng bên này người ta không sống kiểu đại gia đình như bên mình. Con cái tới 18 tuổi là thích ra riêng. Có gia đình thì càng muốn tách riêng, không thể nào sống chung với cha mẹ được. Chỉ tội nghiệp bà giáo, sống đơn độc, thân lại tật nguyền. Đáng trách là mấy đứa con không cho mình biết trước, đưa mình vô thế khó xử quá.

Tư Hớn không sao quên được, khi tiếng bánh xe chầm chậm lăn ra phòng khách, ông chưa hiểu chuyện gì, nhưng lịch sự, đứng lên chờ. Bà giáo xuất hiện, ngồi trên xe lăn, cái chăn đỏ đắp trên chân, cái đầu lệch nghiêng qua một bên. Cô cháu gái đẩy xe phía sau. Bà mỉm cười, miệng hơi méo, đưa tay cho ông bắt. Tư Hớn chết đứng, Hai Sự sững người. Bà giáo cất tiếng nói, hơi

khó khăn:

- Ông mạnh giỏi ? Đừng lo, ở đây sống được lắm.

Ánh nắng ban mai từ cửa sổ rọi lên mái tóc trắng phau của bà, đôi mắt bà hiền dịu, vẻ chịu đựng. Bà gầy gò, xanh xao, lọt thỏm trong cái xe. Ba đứa con trai ngồi lặng im, hết nhìn mẹ mình rồi nhìn Tư Hớn. Không khí nặng nề, ngột ngạt. Cô gái nói:

- Bà giáo bị tai biến mạch máu não, nên nửa người bị tê liệt, tuy nhiên trí óc còn tỉnh táo. Ông không phải lo. Bà cố gắng tập luyện nên nay đi lại được chút xíu , tự lo vệ sinh cho mình được. Cháu chỉ đến đây giúp bà hai bữa cơm, dọn dẹp nhà. Nhưng về đêm, bà thấy đơn độc, sợ hãi trong căn nhà tiện nghi, hoang vắng. Bà cần một người bạn già chân thực, để an ủi, giúp đỡ nhau lúc đơn chiếc. Các con bà ra riêng hết rồi, mấy người vợ ngoại quốc không chịu có bà mẹ chồng sống chung trong nhà.

Sự thực được phơi bày, một màn bi-hài-kịch ngắn. Tư Hớn thương cho số phận nghiệt ngã của bà, buồn cho tình cảnh mình.

Chuyện làm bạn, giúp đỡ bà giáo, ông Tư không e ngại, nhưng sống cảnh cá chậu chim lồng, ông ngán tới cổ. Bà muốn ông có mặt luôn trong nhà, đưa bà ra vườn đón ánh mặt trời lúc có nắng ấm, lái xe đưa bà đi chơi đây đó khi cần. Một đời vẫy vùng sông nước, giờ đây gần như biến thành kẻ hầu cận cho một người đàn bà tàn tật, trong căn nhà lạnh lẽo, cầm bằng như chôn sống ông. Hai Sự cảm khái, triết lý:

- Đời người nói quả không sai, không ai cho không ta điều gì cả, kể cả Thượng đế. Người ta thò tay cho mình cái này, thì lại móc túi mình lấy cái khác. Giờ ý cậu tính sao.

- Tính chi nữa. Tao đành good bye mối này thôi. Đâu phải tao tàn nhẫn, nhưng tao muốn đám con bà giáo phải hiểu ra là không ai có thể chăm sóc cho mẹ mình, ngoại trừ chính mình. Mà bà ở ngay gần đó, chứ có xa xôi gì. Tụi nó có bổn phận phải chia nhau lo lắng cho mẹ, không phải chỉ vật chất mà cả tinh thần. Cái đầu tụi nó đầy chữ nghĩa, bộ tụi nó không nghĩ xa hơn là mai sau về già, có thể rơi vô tình cảnh giống mẹ nó bây giờ sao chớ ?

- Nói chi chuyện xa xôi đó. Nhiều người có học, khoa bảng đầy mình mà đối xử với cha mẹ có khi còn tồi tệ hơn người ít học đó cậu Tư.

Tư Hớn nghe Hai Sự giảng giải, không sao hiểu nổi thế thái nhân tình ở xứ người.

*

Ăn xong cái Tết năm đó, ông Hớn từ biệt gia đình, từ biệt con sông Tiền cuồn cuộn nước chảy, lên đường qua xứ Mỹ, đoàn tụ với vợ... giả.

Đêm trước ngày ra đi, ông qua nằm chung giường với bà Tư Huệ. Mấy năm gần đây, ông Tư với vợ vẫn ở chung phòng nhưng hai giường riêng. Lớn tuổi, ông sinh tật hay ngáy, nên không muốn làm phiền giấc ngủ của vợ. Những lần đi nhậu về khuya, người nồng nặc mùi rượu, ông lần về giường mình, tránh làm vợ khó chịu. Nằm bên vợ, ông muốn nghe lại cái mùi bạch đàn với bồ kết phả nhẹ từ mái tóc bà. Bà Tư ưa gội đầu có lá bạch đàn cho khỏi nhức đầu. Rất lạ là tóc bà đến nay vẫn đen nhánh, chỉ có dăm sợi bạc, dù bà phải vất vả, cực khổ nhiều từ thuở hai người còn hàn vi, ông theo ghe chài, bà chiều chiều quảy gánh chè ra chợ.

- Mai mấy giờ ông lên máy bay?

Bà Tư Huệ hỏi, không biết bao nhiêu lần cái câu đó. Lần nào ông Tư cũng nhẫn nại trả lời. Ông hiểu, bà hỏi chỉ là cái cớ để dịu nỗi lo âu cho ông.

- Lúc trưa, 13 giờ 40. Bà cứ ở nhà, khi nào sắp lên máy bay tôi điện thoại về liền. Đừng có lo nghĩ đâu đâu. Khi nào xong chuyện là tôi trở về đây, với bà.

Bà nói, không khóc mà giọng nghe đầy nước mắt:

- Già rồi mà ông còn phải bôn ba. Làm chi cho cực một đời. Ông không sống đời lính mà tôi với ông cứ sống xa nhau hoài, chừng nào mới được yên đây? Tôi chẳng cần nhà cao cửa rộng, tiền bạc đầy rương. Ngày ngày ra vô ngó thấy ông, bữa cơm có mặt ông, là đời tôi mãn nguyện.

Tư Hớn thở ra:

- Tôi đã có lời thề rồi. Mà cũng vì tương lai tụi nhỏ, bà hiểu cho tôi.

Bà nuốt nước mắt lặng im. Ông nắm tay bà để lên ngực mình. Lâu lắm rồi hôm nay ông mới có cớ nắm lại bàn tay bà, bàn tay nổi gân, chai sần. Bàn tay đó từng chăm lo cho ông, cho đàn con tám đứa. Tình già sao khác quá xa thời trẻ, thầm lặng mà tha thiết, như nước mắt chảy ngược vào lòng.

*

Qua tới xứ Mỹ, Tư Hớn thấy mọi việc chẳng êm xuôi như mình tính. Ông tính một, trời xui đất khiến ra đến chín, mười sự rối rắm làm ông điên đầu.

Bà Kiều Mộng Ngọc dành cho ông căn phòng nhỏ ở lầu phía sau. Nhưng ông phải để quần áo trong cái tủ lớn ở phòng bà. Đồ đạc của ông theo chiến lược phải phân tán mỏng, mỗi thứ một ít rải rác trong nhà, từ phòng khách cho đến phòng tắm, để trọn vẹn vở tuồng chồng vợ.

- Em làm như vậy là vì anh Tư thôi, để Sở di trú có đến đây điều tra thì không nghi ngờ gì.

Bà tự cho phép mình đổi cách xưng hô "anh anh, em em" làm Tư Hớn muốn nổi gai ốc, dần dần cũng quen. Thôi, nếu bà thích vậy thì cứ mackeno, chẳng mất đồng vốn chi. Nhưng ông phát ớn lạnh cái giọng nhão nhẹt như mít tố nữ, kịch cỡm của bà. Chịu hết nỗi, Tư Hớn nói bóng gió:

- Tiếc là xưa kia bà không theo đoàn kịch nói, chứ cái giọng cảm-động-đậy của bà mà vô tuồng "Cây sầu riêng trổ bông" chắc làm thiên hạ khóc sướt mướt, nhiều hơn kỳ nữ Kim Cương.

Tưởng Tư Hớn nói thiệt, bà hí hửng khoe:

- Anh Tư hổng biết chứ hồi em còn son trẻ mới qua đây, có đạo diễn Mỹ mời em đóng phim rồi đó. Buồn một nỗi tên chồng Mỹ ghen quá hổng cho em đi, nên tài nghệ em lần hồi bị thui chột.

Từ phòng khách, bà cất giọng oanh vàng nheo nhéo:

- Anh Tư ơi, chiều nay mình đi dạo bờ biển hóng gió đi anh.

- Anh Tư à, đám bạn em rủ, cuối tuần mình đến nhà họ chơi, đánh bài phạt rượu, rồi xem phim bộ, đi với em nghe anh Tư.

Đóng kịch ở nhà chưa đủ, bà đem ông ra đóng kịch với đời. Có mặt trên từng cây số, nơi nào có đông người Việt hội tụ, đám cưới đám ma, đám sống đám chết, văn nghệ, chợ Tết... bà buộc ông phải đóng bộ, đeo cravate hay thắt nơ ở cổ áo, đi bên cạnh bà. Bà lên áo dài, áo đầm dạ hội, vòng vàng hột xoàn lóng lánh từ cổ đến hai bàn tay, cặp tay ông đi vào buổi hội y như một phu nhân lỡ thời, còn tiếc nuối thời vàng son xa xưa. Bà huấn luyện ông Tư phải biết mở cửa xe khi bà vừa đến xe hơi, biết kéo ghế cho bà ngồi khi vừa đến bàn ăn ở bữa tiệc, nhà hàng. Bà nói:

- Như vậy mới chính hiệu là gentleman đó anh Tư. Ba tên chồng Mỹ của em đều làm như vậy, em sống kiểu đó quen rồi. Đàn ông Việt Nam không biết gallant với phụ nữ, dởm ghê nơi.

Bà Mộng Ngọc không quên mấy lớp học tiếng Anh, bắt ép nài nỉ Tư Hớn đến trường. Như bị cực hình, ông khổ sở vì đầu đã hai thứ tóc, muối nhiều hơn tiêu, phải ngồi giữa đám trẻ choai choai. Học trước quên sau, mấy tháng gò mình đến trường, Tư Hớn chỉ còn nhớ lỏm bỏm: goodbye với good morning, sorry với thank you, money với love...Đếm số với đếm tiền thì Tư Hớn học rất nhanh! Tên mấy con đường ông tự chuyển ngữ qua tiếng Việt: Magnolia thành mắt ngó lia, Bolsa là bỏ cha, Brookhust thành rút hớt, Moran là mò rắn...

Bà Mỹ da vàng nổi dóa thấy công uốn nắn của mình thành công cốc, dằn cơn thịnh nộ lấy giọng ngọt ngào:

- Anh Hớn à, em nói mà anh hổng chịu nghe em, sống trên xứ Mỹ mà không biết tiếng Mỹ thì khó xin việc làm, khó vô quốc tịch lắm đa! Đi bên em mà anh nói tiếng Anh dở quá người ta cười em.

Gặp bữa trời mưa buồn tình, bà giở bài bản mới, ca cẩm:

- Mấy bữa nay nắng gió trở trời, sao em nhức mình, nặng đầu quá đi. Giá ai thương tình cạo gió hay đấm bóp dùm, chắc em hết bệnh liền.

Tư Hớn giả câm giả điếc, tự cấm cung trong phòng cả ngày không dám ló mặt. Ông cay cú thấy mình trở thành tên hề bất đắc dĩ cho vở kịch "vợ chồng giả" do chính mình tự biên tự diễn. Lúc đầu chưa có việc làm, muốn cho vở kịch mau đi tới happy-end, ông dằn lòng tháp tùng bà đi khắp nơi, đóng bộ mặt từ bi, nhẫn nhục như một ông chồng gương mẫu. Ông nuôi hy vọng, nếu Sở di trú có đòi nhân chứng thì đám bạn bà sẽ vui vẻ giúp cho. Dần dần ông phát hiện, màn hài kịch này có nguy cơ trở thành đời thật, dám có lúc biến thành bi kịch đời ông.

Bà Tư Huệ coi vậy mà nói như thần: "Vợ giả dám thành vợ thiệt!"

Tư Hớn phát điên, phát rầu vì tình huống mới.

Thật tình bà Mộng Ngọc không phải người có tâm xấu. Bà bỏ tiền ra cho ông học lái xe, mua xe cho ông. Chê bai mớ quần áo ông đem từ Việt Nam sang là quê mùa, không à-la-mode, bà lôi ông đi qua nhiều cửa tiệm mua sắm cho ông khá bộn, giày dép, cravate, quần áo lót, cả nước hoa, loại đắt tiền! Đời ông chúa ghét nước hoa. Theo ông, chỉ mấy tay playboy hay "pê-đê" mới dùng nó, ông ném thẳng tay vô thùng rác. Ném luôn mớ quần đùi, T-shirt có hình chim cò, hoa lá sặc sỡ đủ màu.

Giông gió, bão táp, động đất... tức thì theo nhau ầm ầm nổi lên! Bà Mỹ nổi trận lôi đình, sỉ vả ông Tư là thứ người ăn cháo đá bát, làm tan nát đời bà, ra lệnh đòi Hai Sự đến trình diện, ba

mặt một lời để "giao trả Tư Hớn về nguyên quán," sau cùng đi đến quyết định chết người "đưa Tư Hớn ra Toà ly dị !" Hai Sự phải đến tận nơi dàn xếp nội vụ. Mặt hắn rầu rĩ như sắp ra pháp trường cát, nói với ông Tư:

- Ở đời có bốn cái ngu, con lãnh đủ cái ngu thứ nhứt.

- Mày đừng than thân trách phận nữa. Tao sắp điên đây. Bà Mỹ này muốn biến tao thành tài xế riêng, vừa là Bodyguard, vừa tên hầu cận. Mày thương tao, kiếm ai chịu "se" (share) phòng, tao ra riêng. Chứ sống kiểu này tao chắc chết đến bị thương thôi.

Hai Sự phì cười:

- Con dám cá mười ăn một, bà Mộng Ngọc mê cậu Tư đứt đuôi rồi. Mà bả còn phây phây, béo tốt yêu đời, đâu có xấu xa gì. Có mất vốn mất lời chi đâu mà cậu không chịu?

- Mày nói vậy mà nghe được. Tao đâu phải gỗ đá mà không biết. Nhưng mày ngắm kỹ bả đi. Người gì toàn đồ giả, cái gì cũng cắt, vá, sửa, độn... độn mông độn vú, bơm hơi bàn tay bàn chân, múp míp như con nít. Bóp vô dám nó xì, nó xẹp như bong bóng xì hơi, biết lấy chi bồi thường. Tao chịu thua. Mấy bà bạn bả giống nhau như khuôn đúc, từ một mỹ viện mà ra. Khi chụp hình quay phim, mặt người nào cũng cứng như tượng hay người chết. Nằm cạnh bả chắc toàn thấy ác mộng, có ngày bị nhồi máu cơ tim, chết không kịp ngáp.

- Mode đời nay vậy đó cậu Tư ơi, phải đi mỹ viện mới là dân chơi sành điệu, để mình thành người mẫu hay movie stars.

- Tao dân quê sông Tiền chính cống, không phải tài tử xi-nê, không thể nào tiếp tục vở kịch này được nữa. Có Green card rồi, tiền bạc tao đưa đầy đủ. Thế thì đường ai nấy đi, đúng hiệp ước ban đầu. Kỷ vật bả mua cho tao, xin trả lại em yêu ráo. Thôi đành thôi, giã biệt em yêu, vĩnh biệt tình em luôn. Anh tẩu đây!

Hai Sự cười nắc nẻ :

- Bả yêu quí cậu Tư, mua cho thì cứ giữ, để kỷ niệm khi chúng mình xa nhau. Tình cho không biếu không mà, mắc chi phải trả lại.

Một ngày đẹp trời, Tư Hớn thoát cũi sổ lồng, dọn đến căn phòng nhỏ gần xưởng sửa chữa xe hơi do Hai Sự làm giám đốc, trở thành công nhân của Hai Sự. Ông cày hai job, ban ngày làm thợ sửa xe, tối làm ở quán rượu, có khi đi bán phụ ở chợ trời hôm chủ nhật, thấy tủi cho thân phận. Từ giám đốc bên nhà, qua đây hóa thành công nhân, lao động nhọc nhằn. Hai Sự nhìn thấu tim đen cậu mình, an ủi:

- Cậu ráng học nghề thời gian đầu, sau này con mở thêm xưởng mới, giao cậu điều hành, có biết rành nghề mới chỉ huy được. Rồi con ký giấy để cậu làm việc lâu dài, thêm có credit tốt thì cậu mượn được tiền của Bank để mua nhà.

Tư Hớn tin tưởng Hai Sự, chí thú làm việc. Nhưng tình riêng thì chưa yên, bà Mộng Ngọc tìm đến xưởng, năn nỉ khóc lóc:

- Anh Tư không hiểu cho lòng em. Tiền bạc em đâu có thiếu, em ký giấy hôn thú vì hiểu hoàn cảnh, vì... thương anh Tư thôi. Em chịu hy sinh tất cả. Dù đã ký giấy ly dị, nhưng lâu lâu anh Tư muốn về thăm nhà, thăm vợ cũ, em không cản. Nếu anh Tư trở về bên em, em sẽ dốc lòng lo cho bốn đứa nhỏ qua đây, càng sớm càng tốt.

Bị đánh trúng tim đen, Tư Hớn bối rối. Ông không phải loại người nhẫn tâm vô tình với phụ nữ, thấy bà Mộng Ngọc quá quị lụy vì mình, ông chạnh lòng. Trên tình trường ông không có mấy kinh nghiệm đối phó với đàn bà. Nhưng ở thương trường, kinh nghiệm chiến đấu bao nhiêu năm lăn lóc trong giới móc ngoặc dạy ông phải biết cứng rắn khi cần, nếu không có thể bỏ mạng oan uổng. Ông cầm tay bà Mộng Ngọc, nhẹ nhàng nói thẳng sự thật:

- Tôi rất biết ơn những gì... Ngọc giúp cho tôi. Tôi cần Green card không phải cho tôi mà để lo cho đám con qua đây ăn học. Con đông, lo cho từng đứa không kham nỗi, vì vậy tôi phải hy sinh đời tôi. Tôi hiểu tình cảm Ngọc dành cho tôi, nhưng tôi không thể sống dối trá... Không khi nào tôi phụ vợ tôi.

Bà Mỹ thôi khóc, đứng phắt dậy, bỏ đi. Cuối cùng thì bà cũng hiểu được bản chất con người Tư Hớn. Ông không sắt đá, nhưng ông chân thật và không dễ lay chuyển. Hình như cái đó trong tiểu thuyết gọi là tình yêu, từ lâu bà chỉ nghe mà không rờ thấy nó, ba lần có chồng mà bà chưa hề biết nó, giờ mới ngộ ra nó là cái gì đơn sơ mộc mạc, nhưng bền chặt như đất, như nước. Lần đầu tiên, bà ngộ ra rằng, giữa thời buổi đảo điên này, vẫn có một loại đàn ông không dễ sa ngã vì tiền hay sắc dục, và họ chung thủy với vợ mình.

Mấy hôm sau bà gọi điện thoại cho Hai Sự, nhắn tin sẽ xúc tiến hồ sơ đón đám con của ông Tư qua sớm. Tư Hớn hoàn thành phần một kế hoạch: hy sinh đời bố, củng cố đời con.

*

Tư Hớn bàn với Hai Sự tìm tung tích hai đứa

con của Ba Lươn đang du học Hoa Kỳ. Với Hai Sự chuyện này không khó. Tên họ tụi nó kỳ quái nên dễ tìm, Đường Văn Chính với Đường Văn Nhân. Tư Hớn đổi ra Đồ Bất Chính với Đồ Bất Nhơn, quí tử của Bất Lương.

Từ khi qua Mỹ, tiếng là du học, hai quí tử lại du hí, nổi danh trong đám loi choi giang hồ, có mặt ở Casino sòng bạc thường hơn ở trường. Thằng lớn đeo đẳng Đại học bảy, tám năm vẫn chưa ra trường, thêm thói tụ tập say sưa, chơi Hashish ở cư xá sinh viên, bị đuổi học. Visa hết thời hạn, sợ phải về nước, nó chạy qua Mexico làm lại giấy tờ, chui trở qua Mỹ. Cha nó phải tốn tiền khá bộn chạy Visa cho nó. Thằng em thừa kế "gene" di truyền háo sắc của cha, hết tình đầu lăng nhăng qua tình kế, tình kế tiếp, lại chuyên trò phóng xe bạt mạng trên Highway, nhiều lần bị đóng tiền phạt, gây tai nạn xe hơi, phải bồi thường từ 5.000 đến 10.000 dollar là chuyện thường. Hai quí tử thi nhau phá của, Tư Hớn quá đỗi hài lòng.

Đàn em ông Tư bên nhà gấp rút báo tin: Ba Lươn chuẩn bị bày tiệc lớn ở Sài Gòn ăn mừng thằng Bất Chính tốt nghiệp Đại học, sắp lấy được vợ Mỹ, phóng lớn tấm hình thằng con mặc áo thụng đen, đội mũ đen tốt nghiệp chính hiệu cho bà con, đồng nghiệp lác mắt.

Một màn kịch trơ trẽn, nhưng là cơ may hiếm có cho Tư Hớn hành động. Ông hạ quyết tâm ra chiêu, rửa mối hận lòng.

Tìm ra nơi hai đứa đang sống với đám bụi đời đủ màu da, biết tụi nó đang nợ ngập đầu túng thiếu, nguồn dollar tiếp tế từ bên nhà không phải lúc nào cũng dồi dào, Tư Hớn cho vài tay thợ đàn em đến gặp hai quí tử, dúi cho ít tiền, quảng cáo đưa tin xưởng sửa xe đang cần thợ phụ, công việc nhàn nhã, lương cao mà còn tăng lương thêm nữa.

Khi hai đứa lò dò đến xưởng sửa xe đưa đơn xin việc, Tư Hớn mừng rơn. Hai Sự kịch liệt phản đối:

- Cậu Tư nhận tụi nó vô làm, có gì cậu chịu trách nhiệm. Quen xài tiền như rác, lúc túng bấn, hai đứa chôm xe của khách hay đồ nghề trong xưởng đem bán, bỏ trốn, làm sao bắt tụi nó lại được.

Tư Hớn vỗ vai thằng cháu quân sư, chí lớn hơn nhưng kinh nghiệm đời thì thua cậu Tư nó:

- Tao đi tới phần hai của kế hoạch rồi, mày làm ơn đừng cản trở. Sẽ cho mấy tay thợ bám sát tụi nó, không dễ gì qua mắt tao. Hai đứa tay nghề không có lại làm biếng tận mạng, chỉ cần cho làm việc ít lâu rồi đuổi thôi. Để rồi mày coi tao rửa hận.

Tư Hớn nghỉ làm quán rượu tối hôm đó. Hai cậu cháu đưa nhau đến nhà hàng cá bảy món ở Little Saigon vừa nghe nhạc sống, vừa nhậu một trận, ăn mừng chiến thắng gần kề. Hai Sự thán phục cậu Tư sát đất:

- Thua cậu Tư keo này, Ba Lươn chắc phát điên lên vì tức, nhứt là khi biết sự thật phũ phàng về hai quý tử.

- Thực sự hắn biết con hắn hư hỏng từ lâu, mới tống khứ tụi nó qua Mỹ, che mắt thiên hạ, hắn đâu ngờ hai đứa hoang đàng đến mức độ như vậy. Nếu hắn biết điều thì phải cám ơn tao cho hắn thấy sự thật, để giáo dục lại con mình. Nhưng tao thấy, cha nào con nấy, khó mà sửa đổi được. Đó là cái nghiệp hắn phải trả.

- Sau bài học đau thương này, con nghĩ hắn phải ngửa mặt lên trời mà than: "Trời hỡi, sao Trời đã sanh ra Ba Lươn mà còn sanh ra Tư Hớn..."

Tư Hớn tuyên bố:

- Đây là cú tuyệt chiêu cuối cùng của đời tao, chờ đợi đã bao lâu. Quân tử trả thù 10 năm không muộn. Sau vụ này tao rửa tay gác kiếm, lo dạy dỗ đám con học hành cho nên người.

Tiệc nhậu linh đình của đại gia Ba Lươn gây ồn ào náo động khắp Sài Gòn, dù đứa con vẫn còn bên Mỹ chưa về. Hắn báo cáo, đây là tiệc mừng con trai trưởng của hắn thành danh đỗ đạt, sắp lấy vợ Mỹ. Vừa ăn nhậu, các đại gia, khách quí của Ba Lươn, vừa xem phim video về trường Đại học với bạn bè nó bên xứ Hoa Kỳ. Đoạn phim nào cũng thấy quí tử mặc đồ lớn, đeo cravate, kính trắng, giày đen từ trong trường ra đường phố, khi đi chơi bãi biển, cả khi đi supermark hay đi chợ trời ! Tiệc đang đến lúc cao điểm thì bất ngờ một ông Việt kiều vừa từ Mỹ về, cấp tốc ghé thăm, đem theo cuốn phim mới nhất của thằng trưởng quí tử nhờ chuyển đến gia đình. Ông khách lịch sự còn mang hoa tặng vợ Ba Lươn và quà bánh khác. Bia rượu có lý do tiếp tục chảy ra như suối, đám khách nhậu reo hò đòi chiếu ngay cuộn video mới. Chiếu được 15 phút, vợ Ba Lươn lên máu, té xỉu, phải gọi xe cấp cứu.

Cuốn phim dài hai tiếng, đưa lên toàn bộ chi tiết cảnh ăn chơi cờ bạc, hút xách, đập lộn giành gái, bị trường đuổi học, bị cảnh sát bắt giam... của hai quí tử. Gây kinh hoàng nhứt là đoạn cuối: hai quí tử đang gò lưng lau chùi sàn nhà, rửa xe ở xưởng sửa chữa xe hơi. Đứng kế bên tụi nó....

ai như Tư Hớn! Đúng, chính Tư Hớn, "tên ghe chài thất học" năm xưa!

Hắn chồm người ra khỏi ghế, mắt trợn trừng, chăm chăm nhìn lên màn hình.

Kìa, Tư Hớn, vừa xuống xe hơi đi vào văn phòng giám đốc ngồi chễm chệ. Tư Hớn, đang chỉ huy đám thợ, gọi hai quí tử của Ba Lươn đến sai bảo giao việc làm. Tư Hớn nói năng tử tế, ngọt ngào, vừa ra lệnh cho hai đứa, vừa khen ngợi tụi nó làm việc tài giỏi y như lúc vô Casino chơi cờ bạc. Kết thúc cuốn phim, Tư Hớn nhìn thẳng vô ống kính, đưa tay vẫy chào, cười rạng rỡ, như cười vào mặt "đại gia" Ba Lươn, như nhổ nước bọt vào mặt hắn.

Ba Lươn hóa thành tượng đá cứng đơ trên ghế, mặt xanh xám, đầu gục xuống vì nhục nhã, căm hận.

*

Bốn đứa con Tư Hớn qua Mỹ được ba tháng thì ông thu xếp hành lý về nước thăm gia đình. Hai Sự, cứu tinh của đời ông, ra sức giúp ông hết lòng. Tư Hớn mua được căn nhà nhỏ, đưa bốn đứa con vô học trường college. Chuyển được một số tiền qua Mỹ, ông góp vốn với Hai Sự mở thêm xưởng mới, rộng lớn hơn, thăng lên chức phó giám đốc. Trước khi về VN, ông chu đáo mua quà tặng bà Kiều Mộng Ngọc, đôi bông tai và chuỗi hột ngọc trai hồng thật đẹp, tự hứa không quên quà cho bà khi trở qua, giữ mối quan hệ bình thường tốt đẹp. Thấy bà vui vẻ chấp nhận, quên được chuyện cũ, Tư Hớn vui mừng thoát nạn! Vở kịch hết hồi sóng gió có được Happy-ending!

Máy bay sà xuống thấp, Tư Hớn nhìn thấy từng ô vuông như bàn cờ của Sài Gòn, tự dưng dân dấn nước mắt, "Sài Gòn ơi ta đã về đây. Ta về đâu phải bàn tay không." Năm năm ra đi, dù chẳng tạo được danh vọng, vinh hiển gì ở đất Mỹ, nhưng ông không phụ lòng vợ ông chờ đợi. Kế hoạch lớn thành hiện thực, ông đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của đời ông. Bà Tư Huệ phen này chắc sẽ ngó ông, vừa cười vừa nói:

- Ba tụi bây làm cái gì cũng đúng.

Một lời khen bâng quơ mà thấm thiết. Ông ngó vợ, thầm cảm ơn.

Tư Hớn dán mắt vào cửa kính như muốn tìm thấy người thân giữa dòng người xe cộ li ti như kiến trên đường phố. Tuy không phải dân Sài Gòn, ông vẫn yêu cái thành phố ồn ào này, qua bao thăng trầm lịch sử vẫn tràn đầy sức sống. Sau khi về thăm quê, phải trở lên đây sống mấy ngày, hít thở cái không khí đậm đặc hơi người, xăng dầu, bụi bặm của Sài Gòn, phải nói con ông đánh xe đưa đi một vòng thành phố, khắp hang cùng ngõ hẻm cho đã thương đã nhớ. Đời ông, không biết gì về thơ văn, chỉ mang máng nhớ được mấy câu thơ nghe từ bàn nhậu, nói về Sài Gòn của một nhà thơ nào đó, nghe sảng khoái hợp tính cách con người ông:

" Ta truyền:
Hỡi Sài Gòn, đêm nay mở cửa
Hãy mở rộng bốn cửa thành đông, tây, nam, bắc
để thơ ta ùa vào từ bốn phía chân trời
thân thể ta ùa vào theo lối mặt trời đi
Hỡi bóng tối hãy cất lên doanh trại
Hãy trấn đóng những nơi hiểm yếu,
những mạch máu kinh thành, những đại lộ công trường, ghế đá công viên
*Khi ta đi phải tắt hết đèn xanh đèn đỏ..."**

Phải hai giờ sau Tư Hớn mới thoát ra khỏi dòng người chờ đợi kiểm tra giấy tờ. Hai Dũng, Ba Mạnh, hai đứa con lớn, đứng đợi ngay cửa.

- Má bây đâu, bả có lên Sài Gòn đón tao không?

Ông hỏi, câu đầu tiên. Hai đứa lặng thinh, lui cui kéo ba cái va-li lớn của ông, còn ông đeo cái túi nhỏ lên vai. Hành lý của ông chật cứng đồ chơi, bánh kẹo, vải vóc, quần áo lớn nhỏ đủ cỡ. Tụi nó nói:

- Ra xe đi ba, trong đây chen chúc quá, sấp nhỏ chờ ba ở ngoài xe.

Từ xa ông thấy đám con, dâu, rể, cháu nội cháu ngoại, sắp hàng ngay ngắn như chuẩn bị lên truyền hình, mấy đứa nhỏ đứng trước, lớn đứng sau.

Nhưng mà... trời ơi, không biết mắt ông có bị nắng lóa không, sao đứa nào cũng đeo vành khăn tang trắng trên đầu, mắt mũi buồn so. Ông đứng chựng lại, từ từ quay nhìn thẳng mặt hai đứa con lớn. Hai Dũng chạy đến ôm vai ông, nấc lên:

- Má "đi" hơn tháng nay rồi ba ơi ! Bị nhồi máu cơ tim, tụi con không dám cho ba biết tin, sợ ba lo buồn, suy sụp tinh thần.

Mắt ông Tư mờ đi, ông thấy khó thở, chân run run, khụy luôn xuống đất. Miệng ông há hốc, phải hai phút sau mới bật ra thành tiếng, ông gào lên trong nước mắt:

- Tôi đâu có phụ em đâu mà... Huệ ơi, sao em không chờ tôi...

***Minh Thùy** - Germany*

** thơ Nguyên Sa*

THOMAS JEFFERSON VÀ HOÀNG TỬ CẢNH

TRẦN ĐÔNG PHONG

(Tiếp theo và hết)

Như vậy thì từ thế kỷ thứ 18, Nguyễn Ánh đã có những tư tưởng rất tiến bộ về tín ngưỡng và chủ trương đạo Thiên Chúa nên cho phép giáo dân người Việt Nam được quyền thờ cúng tổ tiên là một điều vô cùng hợp lý. Tuy nhiên phải đợi đến ngày 8 tháng 12 năm 1931, tức là hơn 150 năm sau, ý kiến này của Nguyễn Ánh mới được Tòa Thánh Vatican chấp thuận và Giáo Hoàng Pio XI mới ký *Instruction "Plane Copertum"* cho phép giáo dân người Á Đông được phép thờ cúng, kỵ giỗ ông bà tổ tiên.

Cuộc Tây Du của Hoàng Tử Cảnh

Theo sử Việt Nam thì Hoàng Tử Cảnh ra đời vào năm 1780, đã được Chúa Nguyễn Ánh gửi đi theo Giám mục Bá Đa Lộc cùng với hai ông Phạm Văn Nhâm và Nguyễn Văn Liêm sang Pháp cầu viện vào năm 1784, lúc đó mới có bốn tuổi. Phái đoàn Bá Đa Lộc rời khỏi Xứ Đàng Trong hay Nam Hà vào ngày 15 tháng 10 năm Giáp Thìn (25-11-1784) và đến hải cảng Pondichéry (Ấn Độ) vào tháng 2 năm 1785. Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh phải đợi ở đó trong vòng hơn một năm trời, đến giữa năm 1786 mới đáp tàu *Aréthuse* sang Pháp và đã đến hải cảng Lorient của Pháp vào tháng 2 năm 1787. Ba năm sau ngày rời khỏi Việt Nam, Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh được Pháp Hoàng Louis thứ 16 tiếp kiến tại điện Versailles vào ngày 5 tháng 5 năm 1787, lúc đó ông hoàng tử này mới được bảy tuổi.

Vua Louis XVI

Cựu Hoàng Bảo Đại, vị hoàng đế thứ 13 và cũng là cuối cùng của Nhà Nguyễn, có cho biết về chuyến đi của Hoàng Tử Cảnh như sau:

"Khi cha tôi bảo cho tôi biết là sẽ sang Pháp, Người đã lưu ý tôi rằng tôi là hoàng tử thứ hai của triều đại đã đi xa như vậy. Bởi vì vào năm 1787, Hoàng tử Cảnh mới lên bảy tuổi và là con của Hoàng Đế Gia Long là vị vua sáng lập ra triều đại, đã tới cung điện Versailles cùng với Đức Cha Bá Đa Lộc (Mgr. Pigneau de Béhaine.) Vua Gia Long khi ấy đang bị mất đất, muốn tìm một đồng minh cường mạnh ở phương tây, để liên kết chứ không phải để phụ thuộc làm chư hầu. Vì thế, Ngài cử Đức Cha này sang Pháp để ký với quốc vương nước ấy một hiệp ước hầu lấy viện trợ. Với sứ mạng đó, Ngài phong cho Đức Cha được toàn quyền, và để chứng minh sự tấn phong này, Ngài đã giao cả quốc tỷ cho ông để làm bằng. Hơn thế nữa, Ngài muốn cho sứ bộ này tính chất quan trọng tuyệt đối và sự tín nhiệm vô biên của Ngài, nên đã trao con Ngài là Hoàng Tử Cảnh cho Đức Cha mang đi.

"Sứ bộ đã đạt kết quả. Ở triều đình Versailles, ông Hoàng tử tý hon Nam Kỳ đã chinh phục được tất cả mọi cảm tình, kể cả Hoàng Thái Tử, con trai của Vua Louis XVI và Hoàng Hậu Marie Antoinette, vốn cùng tuổi với hoàng tử. Trong một xã hội chán ngán của hậu bán thế kỷ thứ 18, Hoàng Tử Cảnh đã mang lại điều bí mật của phương Đông. Quả là một kỳ quan cần phải cho nổ tung ra. Thế là chàng Léonard bất hủ, thợ làm tóc cho Hoàng Hậu Marie Antoinette liền tung ra mốt "khăn quấn đầu kiểu ông hoàng Nam Kỳ" 1 cho quý khách nam và 'búi tóc kiểu Trung Hoa' cho quý khách nữ.

Người ta say mê đi mua sắm những đồ sứ, đồ sơn của Viễn Đông. Đức Cha Bá Đa Lộc ký được hiệp ước tương trợ cả về công lẫn thủ và những lời hứa hẹn viện trợ. Sau bốn năm vắng mặt, Hoàng Tử Cảnh về nước năm 1789 và chết năm 1801, và chưa được lên ngôi ngày nào. Hoàng Tử Louis Joseph Xavier Franĉois, người bạn nhỏ xa xôi từng đùa giỡn với nhau trong vườn điện Versailles cũng chết vì bệnh tim mắc từ năm 1789."2

Chân dung Hoàng Tử Cảnh (do họa sĩ Maupérin vẽ năm 1787)

Trong một bài biên khảo tên là "*Đông Cung Nhựt Trình*" được đăng trên tạp chí *Chim Việt Cành Nam*, số tháng 8 năm 2006, tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh cho biết rằng bà mới tìm được bộ sách mang tên là "*Đại Nam Việt Quấc Triều Sử Ký*" do nhà in Tân Định xuất bản vào năm 1879 nhưng không có đề tên tác giả. Bà Chân Quỳnh cho biết cuốn sách này gồm có Phần Chính từ trang 1 đến trang 174 bằng văn xuôi nói về lịch sử nước ta từ năm 1737 cho đến năm Vua Gia Long phục quốc (1802), ngoài ra còn có Phần Phụ Thêm bằng văn vần trong đó có ba đoạn, từ trang 175 đến trang 256 bằng văn vần. Đoạn đầu trong Phần Phụ Thêm này, từ trang 175 đến trang 188, mang tên là "Đông Cung Nhựt Trình" có kể chuyện Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện.

Người viết có liên lạc hỏi thăm bà Trần Thị Chân Quỳnh và xin bà cho biết thêm một số chi tiết về cuộc Pháp du của Hoàng Tử Cảnh qua cuốn sách này nhưng bà trả lời rằng những điều kể lại trong 14 trang giấy về chuyến đi đó thì bà đã ghi lại hết trong bài viết, không có một chi tiết nào đặc biệt.

Người viết xin trích lại một đoạn trong bài viết của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh:

"***Nhựt Trình Đông Cung Ký Tây Bang, Vãng Hồi Bổn Quấc***":

Tuy gọi là "nhựt trình" nhưng chỉ thuật sơ lược chứ không ghi chép tuần tự theo ngày tháng những sự việc xẩy ra trong chuyến đi Tây của Hoàng tử Cảnh. Người đọc có cảm tưởng tác giả chưa hề bước chân sang Pháp nên mô tả phong cảnh nước "Lang-sa" theo kiểu mẫu Á đông :

"Đại thành rực rỡ nghiêm trang,
Cửa son chói lói, lầu vàng oai nghi."

Khi Bá-đa-lộc vào triều kiến vua Louis XVI, tác giả cũng cho Đức Cha theo nghi lễ của thần tử nước Nam đối với vua chúa nước Nam:

"Bước tới đơn trì, lạy tạ phân thưa"

Hoàng tử Cảnh lúc ra đi lên 4, lúc về lên 9, thế mà tác giả đặt vào miệng Hoàng tử Cảnh những lời lẽ quá già dặn :

"Đem tôi về đất nước Ta,
Lạ lùng phong thổ, cậy Thầy dưỡng nuôi.
Thở than kể hết mọi lời,
Mới nên bốn tuổi nỗi này gian nan." 3

Trong phần đầu của cuốn sách này tức là phần văn xuôi nói về lịch sử từ năm 1737 đến năm 1802 cũng có vài đoạn ngắn nói về chuyến đi Pháp cầu viện của Hoàng Tử Cảnh. Phần này đã do Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ và nhóm Nghiên Cứu Sử Địa tìm ra và in lại vào năm 1974 với tựa đề: "*Annales Annamites: Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều*" và đã được in lại ở Sài Gòn vào năm 1974 và ở Canada vào năm 1986 với lời chú giải: do nhà in Dòng Tân Định (Imprimerie de la Mission à Tân Dinh) in lần thứ 5 vào năm 1909.

Trong phần này, có đoạn như sau nói về Hoàng Tử Cảnh:

"*Khi ấy ông Đông Cung mới sáu, bảy tuổi. Vua cũng cho bốn người An-Nam khác theo giúp con mà trong bốn người ấy thì có em bà hoàng hậu tên là Sóc. Lại có hai quan lớn Vua sai làm thầy dạy con.*

Ông Đông Cung sáng dạ và tính tình hiền lành, mau thuộc kinh và có lòng mến sư đạo. Có một điều này lạ là khi ấy người còn ít tuổi, chưa biết mình có ý đi đâu mặc lòng, song le cũng sẵn lòng theo Đức Thầy tức thì, chẳng khóc lóc, chẳng ra dấu nhớ cha mẹ chút nào."4

Trong phần sau, lại có thêm mấy câu về Vua Louis XVI và Hoàng Tử Cảnh: "*Mà Vua Lang-sa là Vua Lu-y thứ 16 thì càng tỏ ra lòng thong hơn nữa, và thết đãi ông Đông Cung cách trọng thể cho xứng đáng bậc con vua.*" 5

Theo những tài liệu của Hội Truyền Giáo Hải Ngoại còn lưu lại thì trong thời gian Bá Đa Lộc vận động với Vua Louis XVI xin giúp cho Nguyễn

Ánh, đã có rất nhiều quan đại thần trong triều không ủng hộ vì họ cho rằng việc này quá tốn kém, nước Pháp lại vừa bị thất bại ở Hòa Lan, do đó tài chánh thiếu hụt không lo nổi. Về phương diện quân sự, nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì Pháp phải mang quân đi hành quân cách xa căn cứ quân sự từ đảo Ile de France (sau này là đảo Maurice thuộc Anh), nếu khi có chiến tranh mà người Anh phong tỏa eo biển Malacca, người Hòa Lan đóng cửa eo biển La Sonde thì Pháp sẽ bị hoàn toàn cô lập ở Cochin-chine. Tuy nhiên cũng có một số người khác có thế lực ở trong triều và thân với Hoàng Hậu Marie-Antoinette như là Đức Hồng Y Loménie de Brienne, nhân vật mà chẳng bao lâu sau đó được cử làm thủ tướng, Tổng Giám mục Narbonne và nhất là Linh mục Vermont, quan thị độc của Hoàng Hậu lại ủng hộ việc này và cho rằng nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì nước Pháp sẽ có lợi rất nhiều về chính trị và thương mại.

Tài liệu này cho biết sau cùng thì phe thân Hoàng Hậu thắng thế một phần cũng nhờ "*cậu bé Hoàng Tử Cảnh mới lên 8 tuổi mà tình cảnh đáng thương, diện mạo lại khả ái khiến cho Hoàng Hậu Marie-Antoinette rất cảm mến và do đó đã hết lòng giúp đỡ.*"

Ngày 28-11-1787, Bộ Trưởng Ngoại giao Pháp là de Monmorin, đại diện cho Vua Louis XVI và Giám mục Bá Đa Lộc, đại diện cho Vua nước Nam Hà (Chúa Nguyễn Phúc Ánh,) ký kết một hiệp ước gồm 10 điều khoản gọi là Hiệp ước Versailles tuy nhiên về sau thì vì gặp phải nhiều khó khăn về tài chánh, nước Pháp không thi hành hiệp ước này và chỉ hai năm sau, Vua Louis XVI bị cách mạng Pháp lật đổ vào năm 1789 và cả hai vợ chồng vị vua này đã bị đưa lên máy chém vào năm 1793. Bá Đa Lộc cùng Hoàng Tử Cảnh về đến Việt Nam vào ngày 24 tháng 6 năm 1789 với bản hiệp ước không bao giờ được thi hành cùng một số người Pháp tình nguyện do Bá Đa Lộc tuyển mộ và cũng có mang về được một vài món quà do Vua Louis XVI tặng cho Chúa Nguyễn Phúc Ánh. 6

Trong cuốn hồi ký "*Con Rồng Việt Nam*", Cựu Hoàng Bảo Đại có nói đến một trong những tặng phẩm của Vua Louis XVI gửi cho Nguyễn Phúc Ánh hồi thế kỷ thứ 18 khi kể lại buổi lễ ông được tấn phong làm Đông Cung Thái Tử vào ngày 22 tháng Giêng năm 1922 như sau:

"*Vào 8 giờ sáng, Hoàng Đế (Vua Khải Định) được xa giá ra ngự triều. Xa giá của Ngài là chiếc kiệu có lính khênh. Chiếc kiệu này có một lịch sử khá dài. Quốc Vương Louis XVI của nước Pháp đã gửi tặng tổ tiên tôi là Hoàng Đế Gia Long, khi ký hòa ước Versailles năm 1787, giao kết giữa hai nước, và do Đức Cha Bá Đa Lộc, lúc ấy là sứ thần của Chúa Nguyễn, khi đưa Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện. Từ đó, chiếc kiệu được dùng làm vật di chuyển cho các vị tiên đế để đi lại trong thành nội.*"7

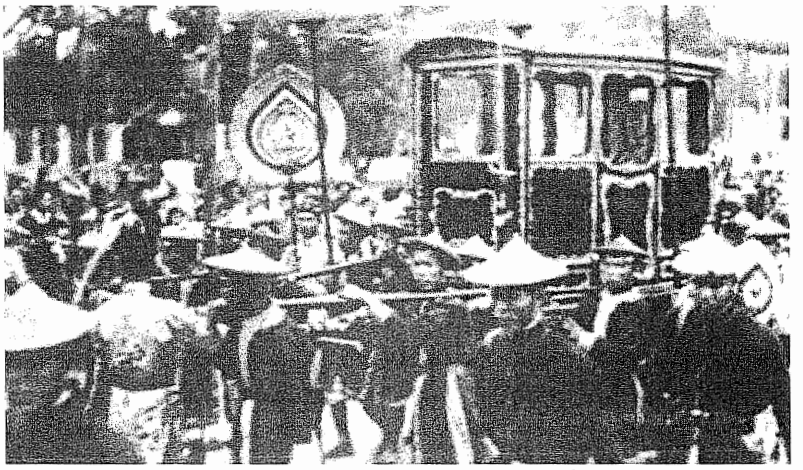

Vua Bảo Đại ngự kiệu do Vua Louis XVI tặng Nguyễn Phúc Ánh năm 1787

24 năm sau, dưới thời Vua Louis XVIII (1814-1824), có một chiến thuyền của Pháp tên là Cybèle đến Đà Nẵng và thuyền trưởng là Bá tước De Kergarison đã thông báo với triều đình Huế là Pháp Hoàng sai ông sang đòi Việt Nam phải thi hành bản Hiệp ước Versailles mà Giám mục Bá Đa Lộc đã ký kết với Pháp vào năm 1787 tại Paris. Vua Gia Long sai quan trả lời rằng những điều ký kết trong bản hiệp ước Versailles đã không hề được nước Pháp thi hành thì nay bỏ đi không nói đến làm gì nữa."8

Le Petit Prince

Vào năm 1787, hai năm trước ngày cách mạng Pháp lật đổ chế độ quân chủ phong kiến của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie-Antoinette, giới quý tộc, nhất là các bà mệnh phụ phu nhân đã nắm rất nhiều ảnh hưởng trong triều đình cũng như trong xã hội. Các bà mệnh phụ quý tộc đã tỏ ra vô cùng thương xót và dành rất nhiều cảm tình cho cậu bé hoàng tử Le Petit Prince và họ tranh

nhau tổ chức tiệc tùng để mời cho được cậu bé này đến tham dự. Hoàng Hậu Isabella của xứ Y Pha Nho (Spain) cũng mời cho được Le Petit Prince đến dự một buổi tiệc do bà đứng ra tổ chức và đã ôm cậu vào lòng như một người mẹ.

Riêng *Hoàng Hậu Marie Antoinette* thì tỏ ra vô cùng sủng ái cậu bé hoàng tử Đông phương này. Bà đã cho phép người thợ làm tóc của bà là Léonard sửa lại mái tóc cho hoàng tử, bỏ cái khăn lĩnh của người Việt Nam và thay vào đó bằng một cái khăn màu đỏ có thắt nơ do chính Léonard vẽ kiểu. Ngoài ra lại còn may cho hoàng tử một bộ y phục kiểu Pháp pha trộn Á Đông, thay vì mặc áo dài quần dài như người Việt Nam thì mặc áo bào, quần ống chẽn và mang giày ống (bottes).

Một họa sĩ nổi danh thời đó là ông Maupérin đã vẽ lại chân dung của Hoàng tử Cảnh trong bộ y phục này và sau đó vào năm 1791, bức tranh này đã được trưng bày tại Académie Royale de Peinture et Sculpture (Viện Hàn Lâm Hoàng Gia về Hội họa và Điêu khắc) và hiện nay vẫn còn được trưng bày tại Hội Truyền Giáo Hải Ngoại tại Pháp.

Từ giới quý tộc, Le Petit Prince cũng được giới thượng lưu và trí thức, giới văn nghệ sĩ ngưỡng mộ và họ đã tổ chức nhiều cuộc họp mặt tại những xa-lông chính trị để đón tiếp và vinh danh vị hoàng tử này. Vào thời cuối thế kỷ thứ 18, thành phố Paris được xem như là thủ đô của nền văn học nghệ thuật của thế giới và giới văn nghệ sĩ là những người có tinh thần lãng mạn cho nên họ đã viết những bài văn, bài báo và bài thơ nồng nhiệt ca ngợi vị hoàng tử bé con mới có bảy tuổi này.

Hoàng Hậu Marie-Antoinette và các con. (Tranh vẽ của Marie Louise Élisabeth Vigée-Lebrun)

Theo cụ Hoàng Cơ Thụy thì "*trong 10 tháng ở Pháp, cậu hoàng tử Cảnh mới lên 8 đã được chơi đùa với cậu Thái Tử Louis mới lên 2 (sinh năm 1785), con của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie-Antoinette, có họa sĩ Maupérin của hoàng gia Pháp vẽ tranh chân dung. Các ông hoàng bà chúa Pháp tranh nhau mời cậu đến chơi. Họ làm một bài thơ phổ nhạc, đoạn chót như sau:*

"Que son sort est intéressant!
Fait pour porter le diadème,
On le voit assis parmi nous!
Royal enfant, consolez-vous,
*Vous régnerez: Adran vous aime."*9

Bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh cũng cho biết thêm thêm một vài chi tiết:

5/5/1787 : vào triều kiến ở Versailles. Hoàng tử Cảnh khôi ngô, rất được chú ý. Giám mục thuê Léonard (người hầu chải đầu cho Hoàng Hậu Marie Antoinette) sửa tóc cho Hoàng tử, bỏ khăn nhiễu thay bằng khăn lĩnh (satin) đỏ thắt múi (noeud), do Léonard vẽ kiểu. Lại may cho Hoàng tử một bộ y phục kiểu Pháp pha Á đông, bỏ áo dài, quần lụa; và thuê họa sĩ Maupérin vẽ chân dung Hoàng tử Cảnh mặc áo đỏ, đi hia đỏ, tay phải đặt lên một cái mũ, đầu quấn khăn Léonard. Bức tranh này được trưng bầy ở *Académie Royale de Peinture et Sculpture* (Hàn lâm viện Hội họa và Điêu khắc) năm 1791, sau do Hội Truyền giáo nước ngoài ở Paris giữ. Dân Pháp nồng nhiệt đón chào, nhiều người làm thơ về Bá-đa-lộc và Hoàng tử Cảnh... Xin trích mấy câu trong bài thơ được đọc giữa bữa tiệc ở Versailles, đăng trên một tờ báo ở Paris :

"Ta hãy bắt đầu bằng hài đồng nổi tiếng
Mà số phận đáng cho ta lưu ý:
Sinh ra để đội mũ miện
Nay lại ngồi chung với chúng ta.
Hoàng tử bé bỏng ơi, hãy vui lên
Một ngày kia Hoàng tử sẽ lên ngôi,
*Bá Đa Lộc rất thương yêu hoàng tử."*10

Thomas Jefferson đến Pháp nhận chức Sứ Thần Toàn Quyền của Hoa Kỳ vào năm 1784 và ông đã được vị sứ thần tiền nhiệm là Benjamin Franklin đưa đi giới thiệu khắp mọi giới tại Paris. Benjamen Franklin cũng là một đại nhân tài của nước Mỹ, là một trong những người đã ký tên vào Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ vào năm 1776 và là một

nhân vật được hầu hết mọi thành phần từ quý tộc, thượng lưu, trí thức cho đến nghệ sĩ tại Âu Châu rất mến chuộng và họ coi ông như là bậc cha chú vì năm đó ông đã 79 tuổi.

Benjamin Franklin cũng còn là một hội viên cao cấp đứng vào hàng lãnh đạo của Hội *Free Masonry* (Franc-Măconerie, Tam Điểm) tại Philadelphia, cũng như vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ là George Washington cũng là một hội viên của hội này. Free Masonry là một hội kín (confidential society) được thành lập tại London vào năm 1717 và có hội viên gần như trên khắp thế giới, trong đó có cả Việt Nam và ông Hồ Chí Minh cũng là một hội viên của hội này khi còn ở Pháp. Hội Tam Điểm không phải là một tôn giáo nhưng khi nhập hội thì người hội viên đó phải tuyên thệ "*tôi tin tưởng vào một Đấng Thiêng Liêng Tối Cao (Supreme Being)*", tuy vậy Giáo Hội Vatican vẫn cấm không cho giáo dân gia nhập hội này. Các vị Giáo Hoàng như Clement XII đã ban lệnh cấm In Eminenti ngày 28 tháng 4 năm 1738 và Leo XIII ban lệnh Ab Apostolici ngày 15 tháng 10 năm 1890 và gần đây nhất, vào năm 1983 Đức Hồng Y Joseph Ratzinger, bây giờ là Giáo Hoàng Benedict XVI, đã ban giáo lệnh Quaesitum est. cấm người theo đạo Thiên Chúa không được gia nhập Hội Tam Điểm và những kẻ bất tuân thì sẽ bị dứt phép thông công.

Vào thế kỷ thứ 18, gần như đa số những người hàng đầu trong giới trí thức, văn hóa, nghệ thuật, tài chánh, chính trị và quân sự tại Âu Châu đều là hội viên của Hội Tam Điểm, do đó Benjamin Franklin có ảnh hưởng và được rất nhiều cảm tình trong các giới này tại Pháp. Ông ta đã đưa Thomas Jefferson đi giới thiệu khắp nơi và nhờ đó Jefferson đã được quen biết với những nhà trí thức hàng đầu cũng như những nghệ sĩ, những người trong giới chính trị của Pháp, điều đặc biệt là ông rất được Hoàng Hậu Marie-Antoinette có cảm tình. Ngoài ra, Jefferson cũng là bạn thân của Hầu Tước Lafayette, vị anh hùng người Pháp trong thời Chiến Tranh Cách Mạng ở Hoa Kỳ và cũng là một hội viên Tam Điểm, do đó Lafayette đã giới thiệu ông với giới quý tộc và một trong những người ái mộ Jefferson lại chính là Hoàng Hậu Marie-Antoinette.

Hoàng hậu đã tiếp đãi Jefferson lần đầu tiên với chiếc nón vẽ theo kiểu tượng Nữ Thần Tự Do:

"*Vào một ngày giữa tháng 8 năm 1784, Hoàng Hậu Marie-Antoinette ngắm mình trong chiếc gương dài rồi quay lại nhìn Léonard, người thợ chuyên làm đầu tóc (coiffeur) hàng ngày phải đi xe ngựa từ Paris về Điện Versailles để lo việc sửa soạn đầu tóc cho hoàng hậu trong buổi tiệc hàng đêm. Biết ý, Léonard hỏi hoàng hậu: "Thưa Lệnh Bà, hôm nay Lệnh Bà thích kiểu tóc nào: chim chóc, hoa lá hay thuyền bè? À mà hôm nay có hai người khách quý Hoa Kỳ tham dự, người bạn thân của Lệnh Bà, ông Benjamin Franklin và người khách mới từ nước Mỹ, Thomas Jefferson, Lệnh Bà có muốn làm một kiểu tóc đặc biệt nào để chào mừng họ hay không? Chúng ta có thể làm một kiểu tóc đặc biệt để làm tượng trưng cho cái điều gọi là " Bản Tuyên Ngôn Độc Lập" mà ông Thomas Jefferson đã viết!"*

*Hoàng Hậu Antoinette gật đầu tán thưởng ý kiến độc đáo này và bà hân hoan ngắm lá cờ nhỏ với 13 vạch và chữ "La Liberté" mà Léonard đã gắn nhiều hoa, dây ru-băng và ren (lace.) Ngắm bóng mình trong gương với kiểu đầu tóc mới, Hoàng Hậu Marie-Antoinette rất hài lòng và không dằn được lời khen ngợi dành cho người thợ làm tóc thân tín: "C'est magnifique!" (Thật là tuyệt diệu.)*11

Hoàng Tử Cảnh Hứa Hẹn Tặng Lúa Giống Cho Thomas Jefferson

Có lẽ ông sứ thần Hoa Kỳ Thomas Jefferson đã gặp gỡ Hoàng Tử Cảnh trong những dịp này và vì đã nghe đến loại lúa giống trồng trên cạn từ xứ Cochin-china cho nên ông đã không bỏ lỡ cơ hội làm quen với vị hoàng tử xứ Cochin-china để xin một ít hạt giống của loại lúa này. Có lẽ Hoàng Tử Cảnh cũng có "*hứa hẹn một cách chắc chắn*" về việc này vì đó là một chuyện không lấy gì làm khó khăn, do đó mà ông Thomas Jefferson tỏ ra lạc quan khi ông viết thư cho William Drayton vào tháng Giêng năm 1788, chỉ không đầy một tháng sau khi Hoàng Tử Cảnh xuống tàu về nước vào cuối tháng 12 năm 1787.

Dù rằng có sự hứa hẹn của Hoàng Tử Cảnh nhưng dường như về sau thì việc mua lúa giống này cũng bất thành vì Hoàng Tử Cảnh và Giám mục Bá Đa Lộc phải mất gần hai năm trời mới về đến Việt Nam vào tháng 6 năm 1789, tức là chỉ một tháng trước ngày cách mạng Pháp xảy ra vào ngày 14 tháng 7 năm 1789. Lúc đó vị hoàng tử bé con này mới được chín tuổi và chắc là vì còn là một đứa trẻ con cho nên cậu ta cũng quên mất lời hứa hẹn này dù rằng Hoàng Tử Cảnh mãi đến năm 1801 mới qua đời vì bệnh đậu mùa. Về phần Giám mục Bá Đa Lộc thì ông vốn là người Pháp cho nên dĩ nhiên là ông ta chỉ muốn dành ảnh hưởng tại Việt Nam cho người Pháp và do đó mà

chẳng có mặn mòi gì trong việc nhắc lại với Chúa Nguyễn Phúc Ánh lời yêu cầu của ông Thomas Jefferson, một điều chỉ có lợi cho nước Mỹ.

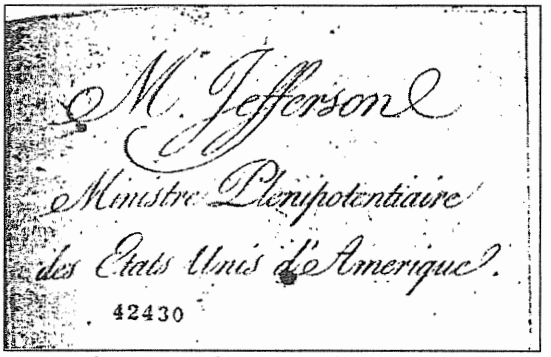
M. Jefferson
Ministre Plenipotentiaire
des Etats Unis d'Amerique.
42430

Danh thiếp của Sứ Thần Toàn Quyền Thomas Jefferson tại Pháp, 1784-1789

Sau gần hai năm chờ đợi mà vẫn không nhận được tin tức gì từ phía Le Petit Prince, vào ngày 11 tháng 3 năm 1789, Jefferson đã viết thư cho ông Malesherbes, một nhà sinh vật học người Pháp nhờ ông này giúp cho Jefferson mua lại một trong những loại lúa giống cạn từ xứ Cochin-china vì loại lúa này chỉ cần nước mưa chứ không cần phải dẫn thủy nhập điền. Jefferson viết cho Malesherbes như sau:

"*Ông là một người đã được nổi danh và có rất nhiều uy tín về những sự cố gắng nhằm cải thiện và mang lại những điều lợi ích cho đời sống con người, nhất là trong lãnh vực nông nghiệp, do đó tôi xin mạn phép viết thư này nhờ ông giúp đỡ trong việc tìm giúp cho chúng tôi có được một trong những loại lúa được trồng trên vùng cao nguyên của xứ Cochin-china, loại lúa này không cần phải có nhiều nước, chỉ cần có nước mưa thiên nhiên là sống được.*

Tôi nghĩ rằng việc trồng loại lúa này ở Carolina sẽ được thành công vì mặt trời và đất đai ở vùng này rất thích hợp với loại lúa cạn đó. Theo sự mô tả của ông Pierre Poivre thì những đặc tính của loại lúa cạn này có thể được dùng để thay thế cho những loại lúa mà nông dân vùng Carolina đang trồng, loại lúa rất cần đến nước mà do đó cả hai tiểu bang North và South Carolina đều dường như là phải chìm trong biển nước trong mùa lúa khiến cho dân chúng trong toàn vùng này nhiều khi bị nhiễm bệnh dịch sốt rét chết người. Tôi xin ông vui lòng giúp cho tôi kiếm được một ít hạt giống của loại lúa cạn từ xứ Cochin-china này và đó là một điều ân huệ cao quý nhất mà ông đã giúp cho nhân dân của nước Hoa Kỳ mà tôi đã nhân danh họ nhờ đến sự giúp đỡ quý báu này của ông."12

Pierre Poivre, người mà Thomas Jefferson đề cập đến và cho ông ta biết về loại giống lúc cạn của xứ Cochinchina là một người không xa lạ gì với Xứ Đàng Trong vào thời Chúa Võ Vương, tức là ông nội của Vua Gia Long sau này.

Sử gia Lê Văn Hảo cho biết rằng "*Chúa (Võ Vương) còn trọng dụng nhiều người nước ngoài, nhất là các giáo sĩ, ở các cương vị ngự y, cố vấn như Jean Koffler, Charles Slamenski và vui vẻ đón tiếp những doanh nhân nước ngoài năng động như Pierre Poivre v.v.*"13

Pierre Poivre là một nhà thảo vật học người Pháp từng du hành qua nhiều nước Á Châu và đến Xứ Đàng Trong vào năm 1749 và ở lại xứ này trong hai năm. Ông ta từng sống tại Faifoo và Huế, đã có liên lạc rất thân thiết với Trương Phúc Loan, cậu ruột của Chúa Võ Vương (trị vì từ 1738-1765) mà Poivre gọi là "*Ông Ngoại Tả*" tức là một vị thượng thư đứng đầu việc ngoại giao và thương mại với người ngoại quốc. Theo Pierre Poivre thì dưới thời Chúa Võ Vương, có bốn nhân vật đứng hàng đầu trong triều đình là Nội Tả, Ngoại Tả, Nội Hữu và Ngoại Hữu, tuy nhiên Trương Phúc Loan là người có quyền thế nhất vì ông ta là "*Cậu của Vua*" (oncle maternel du Roi). Trong cuốn sách "*Voyage de Pierre Poivre en Cochin-chine*," Poivre có kể rõ những sự làm ăn, liên lạc về tiền bạc với Trương Phúc Loan từ khi ông đến Huế vào ngày 26 tháng 9 năm 1749 cho đến khi ông không còn được Trương Phúc Loan trọng đãi nữa vào tháng 12 năm đó. 14

Poivre cho biết rằng ông ta có mang một ít lúa giống và cây cỏ của Xứ Đàng Trong về trồng thử tại đảo Île de France, sau này gọi là đảo Maurice. Ông đã thành công trong việc gây giống cây hồ tiêu, một hương liệu được xem là vô cùng quý giá ở Âu châu thời đó, vì vậy mà người Pháp đã dùng tên của ông, poivre, để đặt tên cho loại gia vị này. Tuy nhiên ông đã không thành công trong việc thí nghiệm trồng thử loại lúa giống của Cochinchina vì loại lúa này không mọc được trong vùng ở ngoài Á châu.

Vì đặc biệt quan tâm đến loại lúa giống này cho nên cũng cùng trong một ngày hôm đó, ngày 11 tháng 3 năm 1789, sau khi gửi thư cho Malesherbes, Thomas Jefferson đã gửi một bức thư khác cho ông Benjamin Vaughn ở London cũng đề cập đến vấn đề này.

"*Được biết ông là người suốt đời tận tụy trong việc mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại, tôi xin mạo muội gửi thư này kính nhờ ông giúp cho một việc vô cùng hữu ích cho một số đông dân chúng ở*

nước Hoa Kỳ. Ông đã biết rằng các loại lúa trồng tại Ai Cập, Piedmont và Carolina đều cần phải có nướctrong một khoảng thời gian nào đó cho nên đã sinh ra muỗi mòng khiến cho một số người bị chết vì bệnh sốt rét, còn những người may mắn được sống sót thì cũng phải chịu rất nhiều nỗi bất hạnh.

Trong cuốn sách nói về các phong tục và nghệ thuật của Á và Phi Châu, ông Pierre Poivre có cho biết rằng tại xứ Cochin-china, người dân ở đó có trồng ba loại lúa ở trong vùng đất trên miền núi mà ngoài nước mưa thiên nhiên thì không cần phải tưới gì cả và phẩm chất của những loại lúa này nói chung thì cũng chẳng kém gì các loại lúa trồng dưới nước.

Tôi nghĩ rằng Ông là người có thể quen biết nhiều với những giới có nhiều liên hệ với các nước Á Châu và có thể họ đã cung cấp cho ông một ít hạt giống lúa cạn thuộc loại tốt nhất từ xứ Cochin-china, và nếu mà ông có được loại lúa đó thì tôi nghĩ rằng ông sẽ không tiếc gì mà tặng cho chúng tôi một ít. Điều đó sẽ cứu giúp cho tính mạng của hàng ngàn người và sức khỏe của hàng chục ngàn người dân vùng Carolina hàng năm... Nếu nhờ sự giúp đỡ của ông mà chúng tôi có được một ít hạt giống này thì tôi sẽ gửi một ít về trồng thử tại Carolina và một ít thì chính tôi sẽ trồng thử tại quê tôi, tiểu bang Virginia và sau đó thì sẽ trồng sang các tiểu bang lân cận."15

Sau này người ta không thấy ông Benjamin Vaughn trả lời bức thư của Thomas Jefferson, tuy nhiên ông Malesherbes thì đã phúc đáp ngay sau đó. Trong lá thư bằng tiếng Pháp đề ngày 12 tháng 3 năm 1789, Malesherbes đã cho Thomas Jefferson biết rằng:

"*Sự trả lời cho các câu hỏi của ông ngày hôm qua thì chẳng lấy gì làm dễ dàng lắm đâu.*

1-Loại lúa cạn từ Cochin-china đã được trồng thử tại Paris và vùng phụ cận nhưng lúa này không bao giờ chín tại đây vì mặt trời ở vùng chúng ta không đủ sức nóng. Có lẽ nếu được trồng ở vùng Virginia, nơi mà sức nóng của mặt trời thuận lợi thì có lẽ sẽ có kết quả tốt đẹp hơn, tuy nhiên tôi e rằng cũng rất khó mà có thể kiếm được một ít hạt giống của loại lúa này tại Paris.

2- Tôi nghe nói rằng ở đảo Isle de France, sau khi ông Pierre Poivre ra đi, việc trồng trọt đã bị bỏ bê, người ta đã trồng lẫn lộn loại lúa này với loại lúa thông thường tại đây..

Ông de La Luzerne có thể nói rõ hơn cho ông biết về vấn đề này.

Tôi hy vọng rằng ông sẽ nhận lời đến viếng thăm tôi vào thứ Tư tuần tới và do đó tôi đã mời hai người từ nước này đến nhà tôi, họ có đủ điều kiện để làm sáng tỏ những điều mà ông muốn biết...

Trân trọng,

L. Malesherbe 16

Không rõ Thomas Jefferson có đến gặp ông Malesherbes hay không vì đó là bức thư cuối cùng trong tập Thư Tín của Thomas Jefferson có đề cập đến vấn đề lúa giống của xứ Cochin-china. Trong toàn bộ *Papers của Thomas Jefferson*, ông đã nhắc đến danh từ "*Xứ Cochin-china*" tất cả là chín lần, nhắc đến tên của Pierre Poivre tất cả là ba lần và chỉ có một lần có đề cập đến "*the young prince of that country*" tức là Hoàng Tử Cảnh.

Thomas Jefferson không nói rõ đã gặp Hoàng Tử Cảnh trong trường hợp nào, trong thời gian nào và gặp bao nhiêu lần, tuy nhiên chúng ta có thể đoán được rằng ông đã gặp cậu Le Petit Prince này vào những buổi tiệc tùng lễ lạc mà Hoàng Hậu Marie-Antoinette tổ chức hàng đêm hoặc là tại các salons về chính trị hay văn nghệ tại Paris mà ông Sứ Thần Thomas Jefferson vẫn thường xuyên tham dự. Hoàng Tử Cảnh không nói được tiếng Pháp hoặc là nói chưa giỏi lắm cho nên có lẽ khi ông Thomas Jefferson nhờ mua hay xin hạt lúa giống thì người thông dịch cũng như là giám hộ phải là Giám mục Bá Đa Lộc.

Đối với người Việt Nam như là Hoàng Tử Cảnh và một người Pháp đang sống ở Việt Nam như Giám mục Bá Đa Lộc thì chuyện tặng vài bao lúa giống cũng chẳng lấy gì làm quan trọng cho lắm, cho nên dĩ nhiên là cả Hoàng Tử Cảnh cũng như Giám mục Bá Đa Lộc đều hứa hẹn sẽ tặng lúa giống cho Thomas Jefferson. Tuy nhiên Hoàng Tử Cảnh lúc đó mới có tám tuổi và có lẽ hai năm sau khi về đến Việt Nam thì cậu bé này đã quên bẵng đi người bạn Mỹ cũng như là lời hứa hẹn về chuyện tặng vài bao lúa cho người bạn mới quen này.

Còn về phần Bá Đa Lộc thì ông ta là người Pháp, ông đã tìm mọi cách để ngăn không cho người Anh, người Hòa Lan, người Bồ Đào Nha v.v. vào hoạt động ở Xứ Đàng Trong, ông đã quyên góp trong gia đình được trên 15,000 quan để giúp cho Nguyễn Ánh vì chỉ muốn dành độc quyền ảnh hưởng tại Việt Nam cho nước Pháp của ông mà thôi thì không vì lý do gì ông lại thực hiện một lời hứa với một người Mỹ chẳng qua chỉ vì lịch sự và ngoại giao cần phải có trong khi vận động cho sứ mạng của ông tại Pháp. Có lẽ cũng vì lý do đó mà dường như Bá Đa Lộc không hề nhắc nhở gì đến chuyện Thomas Jefferson, không hề nhắc nhở

gì đến nước Mỹ với Nguyễn Ánh.

*

Như vậy, có thể nói rằng Hoàng Tử Cảnh là người Việt Nam đầu tiên đã gặp gỡ người Mỹ đầu tiên là ông Thomas Jefferson tại Paris vào năm 1787. Khoảng bảy năm sau, hoàng tử được phong làm Đông Cung Thái Tử vào năm 1794 rồi qua đời vào năm 1801 vì bệnh đậu mùa và ông Thomas Jefferson cũng đắc cử vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ vào năm 1801. Ông là vị tổng thống thứ ba của nước Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Vào năm 1787, vị hoàng tử của Xứ Đàng Trong mới lên bảy có hứa hẹn sẽ tặng một vài bao lúa giống cho một người Mỹ ở Paris, lời hứa hẹn đó không hề được thực hiện, tuy nhiên đến 170 năm sau thì nước Mỹ lại tặng cho người Việt Nam hàng triệu tấn gạo. Vào năm 1954, Tổng Thống Hoa Kỳ Dwight D. Eisenhower đã thiết lập *Food For Peace Program* (Chương Trình Thực Phẩm Phụng Sự Hòa Bình) nhằm mục đích viện trợ gạo giúp cho nhân dân những quốc gia kém phát triển (under-developed countries) và những quốc gia đang bị Cộng sản xâm lược trên thế giới, trong số đó có Việt Nam Cộng Hòa. Âu đó cũng là căn duyên vì tuy không hề nhận được một hạt lúa giống nào của Xứ Đàng Trong hồi thế kỷ thứ 18, nhưng từ năm 1955 cho đến năm 1975 thì nhân dân Hoa Kỳ đã viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa, tức là vùng lãnh thổ trước đó hai thế kỷ được gọi là Xứ Đàng Trong, một số lượng gạo hạt tròn và gạo hạt dài tổng số lên đến mấy triệu tấn.

Vào tháng 5 năm 1803, chiếc thương thuyền đầu tiên của Hoa Kỳ mang tên là *Fame* đã đến viếng thăm Việt Nam, bỏ neo tại Vịnh Turon (Đà Nẵng) và Thuyền Trưởng Jeremiah Briggs đã đi ra viếng thăm Huế trong ba ngày. Trong cuốn nhật ký hải hành của tàu Fame vẫn còn được lưu giữ, Thuyền trưởng Briggs ghi lại rằng Vua Gia Long có gửi một vị cố đạo người Pháp đến hỏi thăm ông về nước Hoa Kỳ, như vậy thì có lẽ lúc đó nhà vua không biết gì nhiều về quốc gia này.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc lúc đó Tổng Thống Hoa Kỳ Thomas Jefferson không được biết về chuyến đi này của thuyền trưởng Briggs vì nếu biết thì có lẽ ông đã nghĩ đến việc nối lại sự liên lạc với người bạn nhỏ Le Petit Prince mà ông đã gặp gỡ tại Paris khoảng 15 năm về trước mà nếu còn sống thì đã trở thành Đông Cung Thái Tử của nước Cochin-china...

Đó cũng là một điều thật đáng tiếc cho vua Gia Long vì nếu nhà vua biết rằng cái vị tổng thống của nước Hoa Kỳ vào thời gian đó lại có quen biết với con trai của ông hồi mới bảy tuổi tại Paris thì có lẽ ông đã nhân dịp này mà làm một vài cử chỉ thân thiện, chẳng hạn như đích thân mời thuyền trưởng Jeremiah Briggs vào cung thăm hỏi về nước Mỹ thay vì nhờ một ông linh mục người Pháp, chẳng hạn như viết thư bày tỏ tình hữu nghị với một người có quen biết với con trai của ông bây giờ đang là vị nguyên thủ của quốc gia Hoa Kỳ v.v.

Nếu lúc đó Vua Gia Long và vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ là Thomas Jefferson có liên lạc với nhau thì có lẽ mối bang giao giữa hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam có thể đã có nhiều thay đổi ngay từ đầu thế kỷ thứ 19 chứ không cần phải đợi đến một thế kỷ rưỡi về sau, vào năm 1950, khi chính phủ của vị tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ là Harry S. Truman lần đầu tiên chính thức thừa nhận *Quốc Gia Việt Nam* lúc bấy giờ do hậu duệ của Vua Gia Long là Cựu Hoàng Bảo Đại làm quốc trưởng.

California, mùa Xuân 2007

Chú Thích:

1. Ghi chú của người viết: Cựu Hoàng Bảo Đại viết cuốn hồi ký Le Dragon d'Annam *nguyên văn bằng tiếng Pháp, khi cuốn sách này được dịch sang Việt ngữ thì lấy tên là "*Con Rồng Việt Nam*" và những dịch giả đã dịch chữ Cochin-Chine thành Nam Kỳ. Điều này không được chính xác vì lúc đó, vào cuối thế kỷ thứ 18, chưa có Nam Kỳ, phải dịch là* Xứ Đàng Trong *mới đúng.*

*2. Bảo Đại: "***Con Rồng Việt Nam**,*" Nguyễn Phước Tộc xuất bản, California 1990, trang 30-31.*

*3. Nguyễn Thị Chân Quỳnh: "***Đông Cung Nhựt Trình,**" Tạp Chí* Chim Việt Cành Nam *(Pháp) số 24, ngày 15 tháng 8 năm 2006. Bức hình của Hoàng Tử Cảnh cũng được trích từ bài viết này.*

*4. Nhà Xuất bản Nghiên Cứu Sử Địa: "***Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều**,*" Montréal 1986, trang 31.*

5. Sử Ký Đại Nam Việt Quốc Triều, trang 45.

6. Archives des Missions Étrangères de Paris: Pierre Joseph Pigneau de Béhaine.

*7. Bảo Đại: "***Con Rồng Việt Nam**,*" Nguyễn Phước Tộc xuất bản, California 1990, trang 21.*

8. Võ Thu Tịnh: bài đã dẫn.

*9. Hoàng Cơ Thụy: "***Việt Sử Khảo Lược**" cuốn 2, trang 793: đoạn này trích trong "*Histoire Moderne du Pays d'An Nam,*" của Charles Maybon, trang 226.*

10. Nguyễn Thị Chân Quỳnh: bài đã dẫn.

*11. Marguerite Eyer Wilbur: "***Thomas Jefferson, Apostle of Liberty**,*" Liveright Publishing Corporation, NY, 1962, trang 163-164.*

12. **The Papers of Thomas Jefferson**, *Volume 14, trang 636-637.*

13. Lê Văn Hảo: "Việt Nam Văn Hiến Ngàn Năm: Thời Tiền Nguyễn (1558-1777) hay Hai Thế Kỷ Hình Thành và Bước Đầu Hưng Khởi của Nền Văn Hóa Phú Xuân," *Thông Luận On Line 12-12-2006.*

*14. Linh Mục L. Cadière: "***Quelques Figures de la Cour de Võ Vương**,*" *dựa vào cuốn hồi ký* "Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine," *trong Bulletin des Amis du Vieux Hue, số 4, tháng 10 năm 1918.*

15. **The Papers of T. Jefferson**, *Bộ 14, trang 640-641.*

16. **The Papers of Thomas Jefferson**, *Bộ 14, trang 647-648.*

Myoeffect orthodontic (MYOSMILE)

PHƯƠNG PHÁP SỬA HÀM Không cần giải phẫu MỚI NHẤT và DUY NHẤT tại MỸ CHÂU

Bác sĩ nha khoa Hà Dương Hân với hơn 20 năm kinh nghiệm hành nghề và nhiều năm học hỏi các môn học liên quan tới hàm răng, xương sọ, bắp thịt hàm v.v... đã phát kiến và lấy bản quyền (Patent) phương pháp sửa hàm Myoeffect Orthodontics (gọi tắt là MYOSMILE).

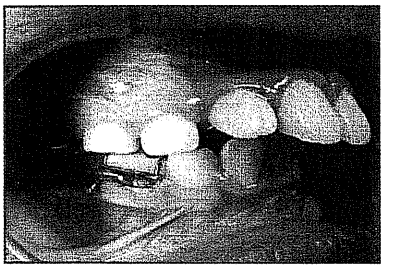

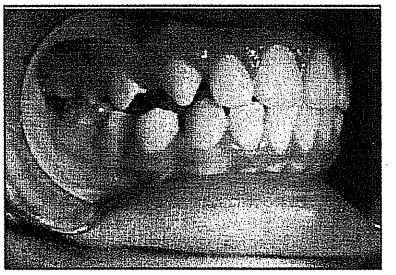

Hàm vẫn chữa hết không cần giải phẫu, không cần brace.

Đặc điểm của phương pháp MYOSMILE:

- Không cần giải phẫu trong mọi chữa trị.
- Không cần nhổ bỏ răng dư (thừa) trong đa số trường hợp.
- Chữa hết hở nướu (gummy smile)
- Chỉnh tận gốc các hàm răng thiếu cân xứng - hết bị móm, bị hô, răng khểnh, răng vẩu hoặc lệch lạc - tạo nụ cười tươi đẹp và tự nhiên.
- Trẻ em chỉnh hàm sớm, khi lớn nhiều phần không cần niềng răng (no brace)
- Sửa hàm bằng phương pháp MYOSMILE là chữa tận gốc các vấn đề về răng miệng và bệnh đau lưng, nhức đầu do hàm lệch gây ra
- Sửa hàm bằng phương pháp MYOSMILE: tạo nhân dáng mới, đứng thẳng thắn đàng hoàng hơn, đưa tới thành công trong học đường, sở làm, nhất là khi trình diễn thể thao, nghệ thuật!

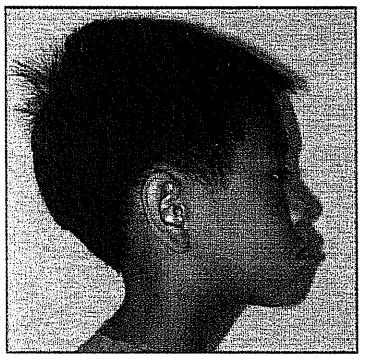

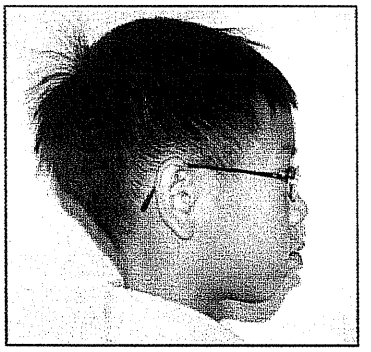

Mặt hết vêu

Nụ cười hết hở nướu

Hãy gọi điện thoại lấy hẹn với nha sĩ Hà Dương Hân:

(714) 362-6094

hoặc

(562) 904-2157

Hoặc vô www.myosmile.com để tìm hiểu thêm chi tiết.

Lần khám đầu tiên hoàn toàn miễn phí.

Giá Bán 7 Mỹ Kim